

NGUYỄN TÔN NHAN

biên dịch chú giải

KINH LỄ

禮
經



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

NGUYỄN TÔN NHAN
GIỚI THIỆU VÀ CHÚ GIẢI

KINH
LỄ
禮經

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

THAY LỜI TỰA

Kinh Lễ được coi là một trong năm kinh bốn sách (tứ thư ngũ kinh) của nhà Nho có vị trí hết sức quan trọng trong việc tu dưỡng tư tưởng triết học, ảnh hưởng sâu sắc đến các nho sĩ Hán học (bao gồm cả các nho sĩ Việt Nam xưa kia).

Ngũ kinh của Khổng phu tử được hậu nhân sắp xếp lại gồm các kinh “**Dịch**“, “**Thi**“, “**Thư**“, “**Lễ**“ và “**Xuân Thu**“. Tất cả năm Kinh kể trên đã có nhiều bản dịch ở Việt Nam, nhất là **Kinh Dịch** (theo thống kê sơ bộ của chúng tôi có ít nhất là sáu bản Việt dịch **Kinh Dịch** gồm của các dịch giả Ngô Tất Tố, Phan Bội Châu, Nguyễn Mạnh Bảo, Nguyễn Duy Tình, Nguyễn Hiến Lê, Mộng Bình Sơn. **Kinh Thi** cũng có hai bản dịch của Tản Đà (tuyển dịch) và Tạ Quang Phát. **Kinh Thư** có hai bản dịch của Nhưộng Tống và Nghiêm Thẩm. **Kinh Xuân Thu** có bản dịch của Trung Tâm Học Liệu Sài Gòn cũ (quên tên dịch giả). Chỉ có **Kinh Lễ** là hầu như chưa có bản dịch Việt ngữ. Ở đây xin mở một dấu ngoặc về **Kinh Lễ**, chúng tôi không kể đến bản *bàn về Kinh Lễ* mới đây của Nhữ Nguyên (với tựa là *Lễ Ký, kinh điển về việc Lễ*, nhà xuất bản Đồng Nai 1996) vì bản này không dịch toàn văn **Kinh Lễ**, không tuân thủ trật tự chính văn và cũng không in kèm nguyên tác (với phiên âm Hán Việt từng đoạn không thể gọi là nguyên tác).

Như vậy, bản dịch **Kinh Lễ** này của chúng tôi có thể được coi là bản dịch lần đầu ở Việt Nam.

Chúng tôi hoàn toàn tôn trọng trật tự sắp xếp của sách “**Lễ Ký**” do TIỂU ĐÁI ấn định (sẽ được thuyết minh rõ ở phần sau) và chép cả nguyên văn chữ Hán để tiện cho bạn đọc xác minh. Bản dịch giải của chúng tôi tham bác nhiều nguồn tư liệu, nhưng chủ yếu chúng tôi dựa vào hai bản cơ sở quan trọng dưới đây :

1). **Lễ Ký** của nhà xuất bản Bắc Kinh Yên Sơn Xuất Bản Xã ấn hành năm 1995 do Long Hán Thần chủ biên.

2). **Lễ Ký tập thuyết** trong bộ *Tân San tứ thư ngũ kinh* của nhà xuất bản Trung Quốc thư điểm ấn hành năm 1994 do Trần Hạo chú thích.

Chúng tôi vốn muốn in chữ Hán bằng chữ phồn thể truyền thống, nhưng vì lý do kỹ thuật, buộc phải in bằng chữ giản thể hiện đại, mong được bạn đọc thông cảm.

Dù đã hết sức cố gắng nhưng vì sở học có hạn nên chắc rằng bản dịch này không tránh được nhiều khuyết điểm. Kính mong được các bậc cao minh chỉ giáo.

Viết tại Ngu Cốc, Gia Định, mùa thu năm

Bính Tý, tây lịch 1996.

Hậu học.

NGUYỄN TÔN NHAN

TRUY NGUYÊN NGUỒN GỐC KINH LỄ.

Kinh Lễ là một trong ngũ Kinh (Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu) “Lễ Ký” cùng với “Nghị Lễ”, “Chu Lễ” được gọi chung là “Tam Lễ”. Các nhà Nho sau này chia kinh điển Nho gia ra làm “Cửu Kinh” (chín kinh) hoặc “Thập Tam Kinh” (mười ba kinh), trong ấy đều phải có sách “Lễ Ký”, dù biết đây là một bộ kinh điển quan trọng của Nho gia.

Tuy sách “Lễ Ký” (hoặc Kinh Lễ) có tầm quan trọng lớn như vậy nhưng nó lại là bộ kinh điển xuất hiện muộn hơn cả trong các kinh điển Nho gia và tình huống xuất hiện của nó lại hết sức mờ mờ, nên muốn truy nguyên nguồn gốc không phải là điều dễ dàng. Dưới đây, chúng tôi chỉ giới thiệu được một phần sơ lược :

Tân Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò là một đòn rất nặng với nhà Nho, cơ hồ kinh điển đều bị tiêu hủy gần hết. Đến tận sau khi nhà Tây Hán thành lập, các kinh điển nhà Nho mới bắt đầu được sưu tập lại. Theo sách “Sử Ký. Nho lâm truyện” chép, có một người ở nước Lỗ tên Cao Đường Sinh còn giữ được bộ **Kinh Lễ**. Sách “Hán thư. Nghệ văn chí” chép : “Nhà Hán hưng khởi, Cao Đường Sinh ở nước Lỗ truyền bá mười bảy chương **Kinh Lễ**. Giữa đời Hiếu đế và Tuyên đế, có Hậu Thương là người thông hiểu (**Kinh Lễ**) nhất. Các người như Đái Đức, Đái Thánh, Khánh Phổ đều là đệ tử của ông, ba người này thành lập học quán”.

Phần “Nho lâm truyện” lại có chép một đoạn, dường như đã nói rõ nguồn gốc của **Kinh Lễ**: “Hậu Thương giảng Kinh Lễ vài vạn lời nên có biệt hiệu là ‘Hậu thị khúc dài ký’, còn có Đái Đức và Đái Thánh được đời gọi là Đại Đái và Tiểu Đái cũng chú giải Kinh Lễ, vì vậy Kinh Lễ có ba học phái ấy.”

Cách lý giải như trên được bậc đại nho thời Đông Hán là Trịnh Lập và đại nho đời Đường là Khổng Dĩnh Đạt đồng ý rằng đầu đời Hán, Cao Đường Sinh đã truyền thụ Kinh Lễ cho đến giữa đời Hiếu đế và Tuyên đế, Hậu Thương là người sở đắc sâu xa nhất, Hậu Thương từng giảng Kinh Lễ và viết thành sách “Hậu thị khúc đài ký”, sau đó có hai đệ tử nổi tiếng, một là Đái Đức, một là Đái Thánh là hai chú cháu họ nên phân biệt gọi là Đại Đái và Tiểu Đái. Đái Đức truyền lại sách “Lễ Ký” tám mươi lăm chương gọi là “Đại Đái Lễ Ký”. Đái Thánh truyền lại sách “Lễ Ký” bốn mươi chín chương gọi là “Tiểu Đái Lễ Ký”. Sách “Tiểu Đái Lễ Ký” này chính là bộ **Kinh Lễ** ngày nay chúng ta đang nghiên cứu học tập.

Nếu như sự việc đến đây thì nguồn gốc của Kinh Lễ coi như khá rõ ràng. Nhưng rồi lại có sự việc sau đó như “*Hán thư* . Nghệ văn chí” chép, dẫn sự việc đến chỗ hết sức phức tạp : “Cuối đời Võ đế, Lỗ Cung vương phá nhà cũ của Khổng Tử để mở rộng cung điện, tìm được sách cổ văn “Thượng Thư” và các sách “Lễ Ký”, “Luận Ngữ”, “Kinh Hiếu” tất cả đều chép bằng cổ văn”. Chép như vậy nghĩa là người em của Hán Võ đế tức Lỗ Cung vương vì muốn mở rộng cung điện mà phá nhà cũ của Khổng Tử, vì vậy mới phát hiện khá nhiều kinh điển Nho gia, trong đó có cả “Kinh Lễ”. Cũng sách “*Hán thư* . Nghệ văn chí” ấy chép, khi phát hiện ra những kinh điển ấy liền xảy ra những hiện tượng thần bí như “nghe có tiếng chuông khánh đàn cầm”. Cứ theo thuyết này thì Kinh Lễ là do Lỗ Cung vương phát hiện (khi phá nhà cũ của Khổng Tử) chứ không phải được truyền lại từ những người như Cao Đường Sinh, Hậu Thương, Tiểu Đại Đái gì cả. Thuyết này được các đại nho Đông Hán là Vương Sung, Hứa Thận cho là đúng.

Thế nhưng, sự việc chưa dừng lại ở đây. Vẫn lại sách “*Hán thư* . Hà gian Hiến vương truyện” chép : “(Hà gian Hiến vương) là người tu học thích cổ văn và thực sự muốn tìm chân lý. Nhân dân ai có sách hay tất đem đến dâng cho vương, vương ban thưởng rất hậu.

Do vậy các bậc nho sĩ khắp nơi không ngại ngàn dặm đem sách của tổ tiên, về dâng lên Hiến vương....Sách Hiến vương thu thập được, phần nhiều là cổ văn hoặc các sách cũ trước đời Tần như các sách “Chu quan”, “Thượng thư”, “Lễ”, “Lễ ký”, “Mạnh tử”, “Lão tử”. “Lỗ Cung vương lại biến thành Hà gian Hiến vương khiến tình hình càng thêm phức tạp. Theo thuyết này thì “Kinh Lễ” không phải do Cao Đường Sinh, Hậu Thương, Đại Tiểu Đái truyền lại, mà cũng chẳng phải do Lỗ Cung vương phát hiện, mà là do Hà gian Hiến vương bỏ ra khá nhiều tiền mua lại những sách cũ trong dân gian.

“**Kinh Lễ**” chính thức xuất hiện tuy có muộn nhưng lại có nhiều nguyên bản hơn cả, như các chỗ các nhà nho đời Tần Hán giả mượn lời Khổng Tử thuật lại việc ở đời tam đại, nhưng dù sao các phần như vậy vẫn không làm giảm sút ý nghĩa quan trọng của bộ Kinh này vì rất nhiều nội dung trong Kinh Lễ đã tồn tại trước đời Tần. Trong Kinh lại còn rất nhiều tư tưởng, cổ sự đã được các thầy trò nhà Nho truyền thụ cho nhau trong một thời gian rất dài. Nội dung của Kinh Lễ vốn đã có từ lâu, chỉ có sự ghi chép lại là có phần muộn màng. Thời gian để Kinh Lễ ghi chép lại thành sách rất dài, có thể kể từ thời Chiến quốc đến giữa thời Tây Hán.

Nội dung sách “**Kinh Lễ**” có hai đặc điểm lớn : một là nó bao quát rất rộng, cơ hồ đề cập tới mọi lãnh vực văn hóa từ đời thượng cổ đến đời Tần Hán, có thể gọi nó là một bộ bách khoa toàn thư về văn hóa cổ đại, hai là tư tưởng của nó hết sức sâu sắc, đối với các vấn đề thuộc văn hóa của con người, sách Kinh Lễ ghi chép trần thuật rất kỹ lưỡng vì nó vốn là trữ tác của một bộ phận triết gia ưu tú thời cổ đại. Kết hợp hai đặc điểm ấy, có thể dùng bốn chữ “Bách đại tinh thâm” để gọi bộ Kinh Lễ này.

Kinh Lễ chủ yếu chép về lễ, chẳng những bao quát hết các loại lễ tiết, mà nói rộng ra, nó còn bao quát hầu hết các hiện tượng văn hóa và các loại quy tắc cơ bản về các loại hiện tượng văn hóa. Từ

sách Kinh Lễ (hay Lễ Ký) chúng ta có thể hiểu về quy định ban trước phẩm của quốc gia và các quy định về ban lộc, tông pháp, tế tự, tuần thú, hình luật, học đường và cả các sinh hoạt thường ngày như ngôn ngữ, ăn uống, ứng đối v.v... Tất cả đều là phạm vi bao quát của “Lễ”.

Trong Kinh Lễ còn có nhiều chương đề cập tới nhiều sắc thái triết học. “Lễ Ký” cho rằng, cơ sở sản sinh ra “Lễ” có hai điểm: trước tiên, Lễ là thể hiện của trật tự tự nhiên, do tự nhiên và xã hội cấu tạo nên, chuẩn tắc của văn hóa nhân loại và quy luật tự nhiên là một nên có câu nói: “Thánh nhân tạo thành nguyên tắc ấy phải lấy thiên địa làm gốc” hoặc “Lễ là do các tiên vương thuận theo đạo trời, lấy làm tình cảm để trị dân (“Lễ vận”) “Đại Nhạc cùng hòa với trời đất, Đại Lễ cùng tiết độ với trời đất”, “Nhạc là hòa cùng trời đất, Lễ là trật tự của trời đất” (“Nhạc ký”); sau nữa, Lễ sản sinh là do sự cần thiết của nhân tính. Chương “Lễ vận” quy nạp nhân tính thành “bảy tình” (bảy tình cảm) và “mười nghĩa” (mười nghĩa), chỉ có “Lễ” mới tiết chế được tính ác trong bảy tình ấy.

“Bảy tình là gì ? Đó là Hỷ (vui), Nộ (giận), Ai (buồn), Cự (sợ), Ố (ghét), Dục (muốn), Ái (yêu), không cần học cũng có bảy tình ấy. Mười nghĩa là gì ? Đó là cha phải tử, con phải hiếu, anh phải lương thiện, em phải kính cẩn, chồng phải có nghĩa, vợ phải thuận tòng, lớn phải có ân, nhỏ phải thuận, vua phải nhân, tôi phải trung, mười điều ấy gọi là nhân nghĩa, đối với nhau tín tưởng hòa mục gọi là đại lợi, còn tranh đoạt giết lẫn nhau gọi là lo lắng. Cho nên chỗ thánh nhân (hơn người) là sửa trị được bảy tình, tu cái được mười nghĩa, tín tưởng hòa mục, tôn trọng sự khiêm nhường, bỏ sự tranh đoạt, nếu không giữ Lễ thì lấy gì để sửa trị?”.

Theo đó thì “bảy tình” thuộc về một phương diện của thuộc tính con người, còn “mười nghĩa” thuộc về tính xã hội. Mục đích là để tiết chế cái tính tự nhiên của con người và phát huy cái tính xã hội khi con người sống trong cộng đồng với nhau.

Kinh Lễ luận thuật hết sức cặn kẽ về bản chất và ý nghĩa của Lễ; trước tiên, Lễ là tiêu chí căn bản nhất để phân biệt con người và các loài động vật khác như câu “Lễ Nghĩa là đầu mối lớn của loài người” (“Lễ vận”), “Phàm người mà sở dĩ là người là do có Lễ Nghĩa vậy” (“Quan nghĩa”), “Không có phân biệt Lễ Nghĩa là đạo của cầm thú vậy” (“Giao đặc tính”). Như vậy có nghĩa là, sở dĩ người ta khác động vật là do chuẩn tắc văn hóa của loài người mà vạn vật không có. Sau nữa, Lễ quy định trật tự của loài người, chương “Ai công vấn thượng” viết: “Dân sinh ra Lễ là lớn nhất, không có Lễ thì không có gì để làm lễ tiết thờ phụng trời đất, không có Lễ thì chẳng có gì để phân biệt vị trí vua tôi, trên dưới, lớn nhỏ. Không Lễ không có gì phân biệt trai gái, cha con, anh em...”. Thêm nữa, **Kinh Lễ** còn cường điệu chỉ có Lễ mới có tác dụng trị lý nhân dân quốc gia. Cuối cùng, nhiều đoạn của **Kinh Lễ** luận về ý nghĩa quan trọng của Lễ để tu dưỡng phẩm đức nhân loại. Hầu hết những nội dung ấy đều có trong **Kinh Lễ**. Trong **Kinh Lễ** còn có nhiều tư tưởng tinh thâm, như chương “Lễ vận” đề nghị một xã hội lý tưởng “Thiên hạ vi công” (cả thiên hạ đều của chung). Những tư tưởng đại loại như vậy có rất nhiều trong **Kinh Lễ**, chỉ cần đọc giả đọc kỹ là phát hiện được. Đặc biệt giá trị là chương “Lễ vận” còn tán dương tính ưu việt cao cấp của nhân loại: “Cho nên con người là đức của trời đất, là nơi giao thoa của âm dương, là nơi hội hợp của quỷ thần, là khí đẹp của ngũ hành..Cho nên con người là trung tâm của trời đất, là đầu mối của ngũ hành...”

Đương nhiên, trong **Kinh Lễ** cũng có nhiều tư tưởng không còn thích hợp với quan niệm hiện nay như: các quan niệm về tôi trung, con hiếu, vợ thuận v.v... Với những nội dung ấy, chúng ta vẫn có thể kế thừa một cách có phê phán, như đem lòng “trung vua” chuyển hóa thành lòng yêu nước, đem chữ “hiếu” chuyển hóa thành lòng kính trọng người già v.v....

THUYẾT MINH VỀ BẢN DỊCH

1)- Bản dịch này căn cứ vào nguyên tác in ở hai bản **Lễ Ký** của nhà xuất bản Bắc Kinh Yên Sơn xuất bản xã và **Lễ Ký tập thuyết** của nhà xuất bản Trung Quốc thư điểm. Cả hai bản này đều in bằng giản thể, chúng tôi muốn phục hồi lại bằng chữ Hán truyền thống nhưng vì lý do kỹ thuật, xin để nguyên.

2)- Để bản dịch bớt nặng nề và quá đầy, chúng tôi sẽ lược bớt phần nguyên tác chữ Hán ở những chương đoạn không quan trọng và chỉ dịch nghĩa.

3)- Vì là Kinh nói về Lễ của Trung Quốc thời cổ đại, nên ngày nay có nhiều chương đoạn rất xa lạ với chúng ta, những chương đoạn ấy dịch ra là điều không cần thiết, chúng tôi chỉ xin tóm tắt đại ý và lược bỏ.

4)- Có những chương hết sức quan trọng như Nhạc Ký, Trung Dung, Đại Học... tuy đời Tống có xếp loại riêng nhưng cấu trúc ban đầu vẫn thuộc về **Kinh Lễ** nên chúng tôi vẫn chép đầy đủ nguyên văn và dịch.

5)- Phần chú giải và dịch nghĩa là do chúng tôi tham khảo nhiều nguồn tư liệu khác nhau nhưng vì kiến giải thiển cận nên chưa chắc hoàn toàn chính xác. Mong được các bậc cao minh chỉ chính.

6)- Ngoài hai bản **Lễ Ký** chủ yếu làm bản căn cứ đã kể trên, chúng tôi còn tham khảo tư liệu ở một số sách triết học sử, văn học sử của các học giả như Hồ Thích, Phùng Hữu Lan, Vũ Đồng, Lương Khải Siêu, Quách Mạt Nhược v.v... để viết chú thích. Xin các tác giả nhận lòng biết ơn của chúng tôi.

7)- Những tựa nhỏ là do người dịch thêm cho rõ nghĩa.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

KHÚC LỄ (THƯỢNG)

Nguyên văn:

曲礼上

曲礼曰：

毋不敬，俨若思，安定辞。安民哉！

敖不可长，欲不可从，志不可满，乐不可极。

贤者狎而敬之，畏而爱之。爱而知其恶，憎而知其善。积而能散。安安而能迁。临财毋苟得，临难毋苟免。很，毋求胜；分，毋求多。疑事毋质，直而勿有。

若夫，坐如尸，立如斋，礼从宜，使从俗。

夫礼者，所以定亲疏，决嫌疑，别同异，明是非也。礼不妄说人，不辞费。礼不逾节，不侵侮，不好狎。修身践言，谓之善行。行修言道，礼之质也。礼闻取于人，不闻取人。礼闻来学，不闻往教。

道德仁义，非礼不成。教训正俗，非礼不备。分争辨讼，非礼不决。君臣、上下、父子、兄弟，非礼不定。宦学事师，非礼不亲。班朝治军，莅官行法，非礼威严不行。祷祠、祭祀、供给鬼神，非礼不诚不庄。是以君子恭敬撙节，退让以明礼。鸛鵒能言，不离飞鸟。猩猩能言，不离禽兽。今人而无礼，虽能言，不亦禽兽之心乎？夫唯禽兽无礼，故父子聚讐。是故圣人作，为礼以教人，使人以有礼，知自别于禽兽。

太上贵德，其次务施报。礼尚往来，往而不来，非礼也；来而不往，亦非礼也。人

有礼则安，无礼则危，故曰礼者不可不学也。夫礼者，自卑而尊人。虽负贩者，必有尊也，而况富贵乎？富贵而知好礼，则不骄不淫。贫贱而知好礼，则志不慑。

人生十年曰幼，学；二十曰弱，冠；三十曰壮，有室；四十曰强，而仕；五十曰艾，服官政；六十曰耆，指使；七十曰老，而传；八十、九十曰耄；七年曰悼。悼与耄虽有罪，不加刑焉。百年曰期，颐。

大夫七十而致事，若不得谢，则必赐之几杖；行役以妇人；适四方，乘安车。自称曰“老夫”，于其国则称名。越国而问焉，必告之以其制。

谋于长者，必操几杖以从之。长者问，不辞让而对，非礼也。

凡为人子之礼，冬温而夏清，昏定而晨省。在丑夷不争。

夫为人子者，三赐不及车马，故州闾乡

党称其孝也，兄弟亲戚称其慈也，僚友称其弟也，执友称其仁也，交游称其信也。见父之执，不谓之进，不敢进；不谓之退，不敢退；不问，不敢对。此孝子之行也。

夫为人子者，出必告，反必面；所游必有常，所习必有业；恒言不称老。年长以倍，则父事之。十年以长，则兄事之。五年以长，则肩随之。群居五人，则长者必异席。

为天子者，居不主奥，坐不中席，行不中道，立不中门；食飧不为概，祭祀不为尸；听于无声，视于无形；不登高，不临深；不苟訾，不苟笑。

孝子不服暗，不登危，惧辱亲也。父母存，不许友以死；不有私财。

为人子者，父母存，冠衣不纯素。孤子当室，冠衣不纯采。

幼子常视毋诳，童子不衣裘裳，立必正方，不倾听。长者与之提携，则两手奉长者之手。负剑辟邪诏之，则掩口而对。

从于先生，不越路而与人言。遭先生于

道，趋而进，正立拱手。先生与之言，则对；不与之言，则趋而退。

从长者而上丘陵，则必向长者所视。

登城不指。城上不呼。

将适舍，求毋固。将上堂，声必扬。

户外有二屨，言闻则入，言不闻则不入。将入户，视必下。入户奉扃，视瞻毋回。户开亦开，户阖亦阖。有后入者，阖而勿遂。毋践屨，毋踏席，抠衣趋隅。必慎唯诺。

大夫、士出入君门，由闾右，不践闕。

凡与客入者，每门让于客。客至于寝门，则主人请入为席，然后出迎客；客固辞，主人肃客而入；主人入门而右，客入门而左；主人就东阶，客就西阶，客若降等，则就主人之阶；主人固辞，然后客复就西阶。主人与客让登，主人先登；客从之。拾级聚足，连步以上。上于东阶，则先右足；上于西阶，则先左足。

帷薄之外不趋，堂上不趋，执玉不趋。堂

上接武，堂下布武。室中不翔。并坐不横肱。授立不跪，授坐不立。

凡为长者粪之礼，必加帚于箕上，以袂拘而退。其尘不及长者，以箕自乡而扱之。

奉席如桥衡，请席何向，请衽何趾。席南向北向，以西方为上；东向西向，以南方为上。

若非饮食之客，则布席，席间函丈。主人跪正席。客跪，抚席而辞。客彻重席，主人固辞。客践席，乃坐。主人不问，客不先举。将即席，容毋怍。两手抠衣，去齐尺。衣毋拨，足毋蹶。

先生书策、琴瑟在前，坐而迁之，戒勿越。虚坐尽后，食坐尽前。坐必安，执尔颜。长者不及，毋僂言。正尔容，听必恭。毋剿说，毋雷同。必则古昔，称先王。侍坐于先生、先生问焉，终则对。请业则起，请益则起。父召，无“诺”。先生召，无“诺”。“唯”而起。侍坐于所尊，敬毋余席，见同等

不起。烛至，起。食至，起。上客，起。烛不见跋。尊客之前不叱狗。让食不唾。

侍坐于君子，君子欠伸、撰杖屨、视日蚤莫，侍坐者请出矣。侍坐于君子，君子问更端，则起而对。侍坐于君子，若有告者曰“少间，愿有复也”，则左右屏而待。毋侧听，毋哂应，毋淫视，毋怠荒。游毋倨，立毋跛，坐毋箕，寝毋伏。敛发毋髡，冠毋免。劳毋袒，暑毋褰裳。

侍坐于长者，屨不上于堂，解屨不敢当阶。就屨，跪而举之，屏于侧。乡长者而屨，跪而迁屨，俯而纳屨。

离坐离立，毋往参焉。离立者不出中间。

男女不杂坐，不同椀枷，不同巾栉，不亲授。嫂叔不通问，诸母不漱裳。外言不入于梱，内言不出于梱。

女子许嫁，纓。非有大故，不入其门。姑、姊、妹、女子子已嫁而反，兄弟弗与同席而坐，弗与同器而食。父子不同席。

男女非有行媒，不相知名。非受币 不

交不亲。故日月以告君，斋戒以告鬼神，为酒食以召乡党僚友，以厚其别也。取妻不取同姓，故买妾不知其姓，则卜之。寡妇之子，非有见焉，弗与为友。

贺取妻者曰：“某子使某，闻子有客，使某羞。”

贫者不以货财为礼，老者不以筋力为礼。

名子者不以国，不以日月，不以隐疾，不以山川。

男女异长。男子二十，冠而字。父前子名，君前臣名。女子许嫁，笄而字。

凡进食之礼：左肴右馔；食居人之左，羹居人之右；脰炙处外，醯酱处内，葱涑处末，酒浆处右；以脯脩置者，左胸右末。客若降等，执食兴辞；主人兴辞于客，然后客坐。主人延客祭。祭食，祭所先进。肴之序，遍祭之。三饭，主人延客食馔，然后辩肴。主人未辩，客不虚口。

侍食于长者，主人亲馈，则拜而食；主人不亲馈，则不拜而食。

共食不饱，共饭不泽手。

毋抐饭。毋放饭。毋流歠。毋咤食。毋啮骨。毋反鱼肉。毋投与狗骨。毋固获。毋扬饭。饭黍毋以箸。毋啜羹。毋絮羹。毋刺齿。毋歠醢。客絮羹，主人辞不能亨。客歠醢，主人辞以簋。濡肉齿决，乾肉不齿决。毋嘍炙。

卒食，客自前跪，彻饭齐，以授相者。主人兴辞于客，然后客坐。

侍饮于长者，酒进则起，拜受于尊所，长者辞，少者反席而饮。长者举未酬，少者不敢饮。

长者赐，少者贱者不敢辞。赐果于君前，其有核者，怀其核。御食于君，君赐余，器之溉者不写，其余皆写。

余不祭，父不祭子，夫不祭妻。

御同于长者，虽贰不辞。偶坐不辞。

羹之有菜者用桮，其无菜者不用桮。

为天子削瓜者副之，巾以绡。为国君者华之，巾以纶。为大夫累之，士疋之，庶人

訖之。

父母有疾，冠者不栉，行不翔，言不惰，琴瑟不御，食肉不至变味，饮酒不至变貌，笑不至矧，怒不至詈。疾止复故。

有忧者侧席而坐，有丧者专席而坐。

水潦降，不献鱼鳖。献鸟者佛其首，畜鸟者则勿佛也。献车马者执策绥，献甲者执冑，献杖者执末，献民虏者操右袂，献粟者执右契，献米者操量鼓，献熟食者操酱齐，献田宅者操书致。

凡遗人弓者：张弓尚筋，弛弓尚角；右手执箫，左手承弣；尊卑垂帔。若主人拜，则客还辟，辟拜。主人自受，由客之左，接下承弣，乡与客并，然后受，进剑者左首。进戈者前其鐃，后其刃。进矛戟者前其鏃。

进几杖者拂之。效马效羊者右牵之，效犬者左牵之。执禽者左首。饰羔雁者以缡。受珠玉者以掬。受弓剑者以袂。饮玉爵者弗挥。凡以弓剑、苞苴、箠笥问人者，操以受命，如使之容。

凡为君使者，已受命，君言不宿于家。君言至，则主人出拜君言之辱；使者归，则必拜送于门外。若使人于君所，则必朝服而命之；使者反，则必下堂而受命。

博闻强识而让，敦善行而不怠，谓之君子。君子不尽人之欢，不竭人之忠，以全交也。

礼曰：君子抱孙不抱子。此言孙可以为王父尸，子不可以为父尸。为君尸者，大夫、士见之，则下之。君知所以为尸者，则自下之；尸必式。乘必以几。

斋者不乐不吊。

居丧之礼：毁瘠不形，视听不衰，升降不由阼阶，出入不当门隧。居丧之礼：头有创则沐，身有疡则浴；有疾则饮酒食肉，疾止复初。不胜丧，乃比于不慈不孝。五十不致毁，六十不毁，七十唯衰麻在身，饮酒食肉处于内。

生与来日，死与往日。

知生者吊。知死者伤。知生而不知死，吊

而不伤。知死而不知生，伤而不吊。

吊丧弗能赙，不问其所费。问疾弗能遗，不问其所欲。见人弗能馆，不问其所舍。赐人者不曰“来取”，与人者不问其所欲。

适墓不登垄，助葬必执紼。临丧不笑。揖人必违其位。望柩不歌。入临不翔。当食不叹。邻有丧，舂不相；里有殯，不巷歌。适墓不歌，哭日不歌。送丧不由径，送葬不辟途潦。临丧则必有哀色，执紼不笑，临乐不叹，介冑则有不可犯之色。故君子戒慎，不失色于人。

国君抚式，大夫下之。大夫抚式，士下之。

礼不下庶人，刑不上大夫。刑人不在君侧。

兵车不式，武车纓旌，德车结旌。

史载笔，士载言。前有水，则载青旌。前

有尘埃，则载鸣鳶。前有车骑，则载飞鸿。前有士师，则载虎皮。前有摯兽，则载貔貅。行，前朱鸟而后玄武，左青龙而右白虎；招摇在上，急缮其怒；进退有度，左右有局，各司其局。

父之仇，弗与共戴天。兄弟之仇，不反兵。交游之仇，不同国。

四郊多垒，此卿、大夫之辱也。地广大，荒而不治，此亦士之辱也。

临祭不惰。祭服敝则焚之，祭器敝则埋之，龟策敝则埋之，牲死则埋之。凡祭于公者，必自彻其俎。

卒哭乃讳。礼不讳嫌名，二名不遍讳。逮事父母，则讳王父母。不逮事父母，则不讳王父母。君所无私讳，大夫之所有公讳。《诗》《书》不讳。临文不讳。庙中不讳。夫人之讳，虽质君之前，臣不讳也。妇讳不出门。大功、小功不讳。入竟而问禁，入国而

问俗，入门而问讳。

外事以刚日，内事以柔日。

凡卜筮日，旬之外曰“远某日”，旬之内曰“近某日”。丧事先远日，吉事先近日，曰：“为日，假尔泰龟有常，假尔泰筮有常。”

卜筮不过三。卜筮不相袭。

龟为卜，策为筮。卜筮者，先圣王之所以使民信时日，敬鬼神，畏法令也；所以使民决嫌疑，定犹与也。故曰：疑而筮之，则弗非也。日而行事，则必践之。

君车将驾，则仆执策立于马前。已驾，仆展铃。效驾，奋衣由右上，取贰绥；跪乘，执策分轡，驱之五步而立。君出就车，则仆并轡授绥，左右攘辟。

车驱而骆，至于大门，君抚仆之手，而顾命车右就车。门闾、沟渠必步。

凡仆人之礼，必授人绥。若仆者降等，则

受，不然则否。若仆者降等，则抚仆之手；不然，则自下拘之。

客车不入大门。妇人不立乘。犬马不上于堂。

故君子式黄发，下卿位，入国不驰，入里必式。

君命召，虽贱人，大夫、士必自御之。

介者不拜，为其拜而菱拜。

祥车旷左。乘君之乘车，不敢旷左；左必式。

仆御妇人，则进左手，后右手。御国君，则进右手，后左手而俯。国君不乘奇车。

车上不广欬，不妄指。立视五雋，式视马尾，顾不过毂。国中以策彗恤勿驱，尘不出轨。

国君下斋牛，式宗庙，大夫、士下公门，式路马。乘路马，必朝服，载鞭策，不敢授绥，左必式。步路马，必中道。以足蹙路马刍，有诛。齿路马，有诛。

Phiên âm:

Khúc Lễ viết: Vô bất kính, nghiêm nhược tư, an định từ. An dân tai ! Ngạo bất khả trường, dục bất khả tòng, chí bất khả mẫn, lạc bất khả cực.

Hiền giả hạp nhi kính chi, úy nhi ái chi. Ai nhi tri kỳ ố, tắng nhi tri kỳ thiện. Tích nhi năng tán. An an nhi năng thiên. Lâm tài vô cầu đắc, lâm nan vô cầu miễn. Ngân, vô cầu thắng; phân, vô cầu đa. Nghi sự vô chất, trực nhi vật hữu.

Nhược phú, tọa như thi, lập như trai, lễ tòng nghi, sử tòng tục. Phù Lễ giả, sở dĩ định thân sơ, quyết hiểm nghi, biệt đồng dị, minh thị phi dã. Lễ bất vọng thuyết nhân, bất từ phí. Lễ bất du tiết, bất xâm hối, bất hiếu hạp. Tu thân tiến ngôn, vị chi thiện hành. Hành tu ngôn đạo, lễ chi chất dã. Lễ văn thủ ư nhân, bất văn thủ nhân. Lễ văn lai học, bất văn vãng giáo.

Đạo đức nhân nghĩa, phi Lễ bất thành. Giáo huấn chính tục, phi Lễ bất bị. Phân tranh biện tụng, phi Lễ bất quyết. Quân thần, thượng hạ, phụ tử, huynh đệ, phi Lễ bất định. Hoạn học sự sư, phi Lễ bất thân. Ban triều trị quân, ly quan hành pháp, phi Lễ uy nghiêm bất hành. Đảo tử, yế tự, cung cấp quý thân, phi Lễ bất thành bất trang. Thị dĩ quân tử cung kính tôn tiết, thôi nhượng dĩ minh Lễ. Anh võ năng ngôn, bất ly phi điều. Tinh tình năng ngôn, bất ly cầm thú. Kim nhân nhi vô Lễ, tuy năng ngôn, bất diệc cầm thú chi tâm hồ ? Phù duy cầm thú vô Lễ, cố phụ tử tự ư. Thị cố thánh nhân tác, vi Lễ dĩ giáo nhân, sử nhân dĩ hữu Lễ, tri tự biệt ư cầm thú.

Thái thượng quý đức, kỳ thứ vụ thi báo. Lễ thượng vãng lai, vãng nhi bất lai, phi Lễ dã; lai nhi bất vãng, diệc phi Lễ dã. Nhân hữu Lễ tắc an, vô lễ tắc nguy, cố viết Lễ giả bất khả bất học dã. Phù Lễ giả, ư tì nhi tôn nhân. Tuy phụ hiến giả, tất hữu tôn dã, nhi hướng phú quý hồ ? Phú quý nhi tri hiếu Lễ, tắc chí bất nhiếp.

Nhân sinh thập niên viết ấu, học; nhị thập viết nhược, quán;

tam thập viết tráng, hữu thất; tứ thập viết cường, nhi sĩ; ngũ thập viết ngãi, phục quan chính; lục thập viết kỳ, chỉ sử; thất thập viết lão, nhi truyền; bát thập, cửu thập viết mạo; thất niên viết điện. Điện dữ mạo truy hồi tội, bát gia hình yên. Bách niên viết kỳ, di.

Dại phi thất thập nhi trí sự, nhược bất đắc tạ, tắc tất tứ chi cơ trượng; hành dịch dĩ phụ nhân; thích tứ phương, thừa an xa. Tự xưng viết "Lão phu", ư kỳ quốc tắc xưng danh. Việt quốc nhi vấn yên, tất cáo chi dĩ kỳ chế.

Mưu ư trường giả, tất tháo cơ trượng dĩ tòng chi. Trường giả vấn, bất từ nhượng nhi đối, phi Lễ dã. Phạm vi nhân tử chi Lễ, đông ôn nhi hạ thanh, hôn định nhi thần tĩnh. Tại xử di bất tranh. Phù vi nhân tử giả, tam tứ bất cập xa mã, cố châu lư hương đẳng xưng hiếu dã, huynh đệ thân thích xưng kỳ từ dã. Liêu hữu xưng kỳ đệ dã, chấp hữu xưng kỳ nhân dã. Giao du xưng kỳ tín dã. Kiến phụ chi chấp, bất vị chi tiến, bất cảm tiến; bất vị chi thoái, bất cảm thoái; bất vấn, bất cảm đối. Thử hiếu tử chi hành dã.

Phù vi nhân tử giả, xuất tất cáo, phản tất điện; sở du tất hữu thường, sở tập tất hữu nghiệp, hằng ngôn bất xưng lão. Niên trưởng dĩ bội, tắc phụ sự chi. Thập niên dĩ trưởng, tắc huynh sự chi. Ngũ niên dĩ trưởng, tắc kiên tùy chi. Quân cư ngũ nhân, tắc trưởng giả tất dị tịch. Vi nhân tử giả, cư bất chủ áo, tọa bất trung tịch, hành bất trung đạo, lập bất trung môn, thực hưởng bất vi khái, tế tự bất vi thi; thính ư vô thanh, thị ư vô hình; bất đẳng cao, bất lâm thâm; bất cầu tử, bất cầu tiểu.

Hiếu tử bất phục ám, bất đẳng nguy, cụ nhục thân dã. Phụ mẫu tôn, bất hứa cụ dĩ tử, bất hữu tư tài. Vi nhân tử giả, phụ mẫu tôn, quan y bất thuần tố. Cô tử dương thất, quan y bất thuần thái.

Ấu tử thường thị vô cưỡng, đồng tử bất y cầu thường, lập tất chính phương, bất khuynh thính. Trưởng giả dữ chi đề huê, tắc lưỡng thủ phụng trưởng giả chi thủ. Phụ kiểm tịch nhĩ chiếu chi, tắc yểm khẩu nhi đối.

Tòng ư tiên sinh, bất viết lộ nhi dữ nhân ngôn. Tao tiên sinh ư đạo, xu nhi tiến, chính lập cung thủ. Tiên sinh dữ chi ngôn, tắc đối; bất dữ chi ngôn, tắc xu nhi thối. Tòng trưởng giả nhi thượng khâu lãng, tắc tất hương trưởng giả sở thị. Đẳng thành bất chỉ, thành thượng bất hô.

Tương thích xã, cầu vô cố. Tương thượng đường, thanh tất dương. Hộ ngoại hữu nhị lữ, ngôn văn tắc nhập, ngôn bất văn tắc bất nhập. Tương nhập hộ, thị tất hạ. Nhập hộ cử quynh, thị chiêm vô hồi. hộ khai diệc khai, hộ hạp diệc hạp. Hữu hậu nhập giả, hạp nhi vật toại. Vô tiền lữ, vô tá tịch, ẩu y xu ngẫu. Tất thận duy nặc.

Đại phu, sĩ xuất nhập quân môn, do kiều hữu, bất tiền vực. Phàm dữ khách nhập giả, mỗi môn nhượng ư khách. Khách chí ư tẩm môn, tắc chủ nhân thỉnh nhập vi tịch, nhiên hậu xuất nghinh khách; khách cố từ, chủ nhân tỵ đông giai, khách tỵ tây giai, khách nhược giảng đẳng, tắc tỵ chủ nhân chi giai; chủ nhân cố từ, nhiên hậu khách phục tỵ tây giai. Chủ nhân dữ khách nhượng đẳng, chủ nhân tiên đẳng, khách tòng chi. Thập cấp tỵ túc, liên bộ dĩ thượng. Thượng ư đông giai, tắc tiên hữu túc; thượng ư tây giai, tắc tiên tả túc.

Duy bạc chi ngoại bất xu, đường thượng bất xu, chấp ngọc bất xu. Đường thượng tiếp võ, đường hạ bố võ. Thất trung bất tường. Tính tọa bất hoành hoành. Thụ lập bất quy, thụ tọa bất lập.

Phàm vi trưởng giả phẩn chi lễ, tất gia trữu ư ky thượng, dĩ quyết câu nhi thối. Kỳ trần bất cập trưởng giả, dĩ ky tự hương nhi cửc chi. Phụng tịch như kiêu hành, thỉnh tịch hà hướng, thỉnh nhắm hà chỉ. Tịch nam hướng bắc hướng, dĩ tây phương vi thượng; đông hướng tây hướng, dĩ nam phương vi thượng.

Nhược phi ẩm thực chi khách, tắc bố tịch, tịch gian hàm tượng. Chủ nhân quy chính tịch. Khách quy, phủ tịch nhi từ. Khách triệt trùng tịch, chủ nhân cố từ. Khách tiền tịch, nãi tọa. Chủ nhân bất vấn, khách bất tiên cử. tương tức tịch, khách vô tác. Lương thủ ẩu y, y, y tễ xích. Y vô bại, túc vô quyết.

Tiên sinh thư sách, cầm sắt tại tiền, tọa nhi thiên chi, giới vật. Việt.

Hư tọa tận hậu, thực tọa tận tiền. Tọa tất an, chấp nhĩ nhan. Trường giả bất cập, vô sàm ngôn. Chính nhĩ dung, thỉnh tất cung. Vô tiểu thuyết, vô lời đồng. Tất tắc cổ tích, xưng tiền vương. Thị tọa ư tiên sinh, tiên sinh vấn yên, chung tắc đối. thỉnh nghiệp tắc khởi, thỉnh ích tắc khởi. Phụ chiêu, vô "nặc". Tiên sinh chiêu, vô "nặc". "Dụ" nhi khởi. Thị tọa ư sở tôn, kính vô dư tịch. Kiến đồng đẳng bất khởi, chúc chí, khởi. Thực chí, khởi. Thượng khách, khởi. Chúc bất kiến bại. Tôn khách chi tiền bất sát cầu. Nhượng thực bất thóa. Thị tọa ư quân tử, quân tử khiếm thân, tuyển trượng lữ, thị nhật tao mạc, thị tọa giả thỉnh xuất hĩ. Thị tọa ư quân tử, quân tử vấn cánh đoan, tắc khởi nhi đối. Thị tọa ư quân tử, Nhược hữu cáo giả viết: "Thiếu gian, nguyên hữu phục dã", tắc tả hữu bình nhi dĩ. Vô trắc thỉnh, vô yêu ứng, vô dâm thị, vô dĩi hoang. Du vô cú, lập vô pha, tọa vô ky, tẩm vô phục. Liễm phát vô thế, quan vô niên. Lao vô dân, thủ vô tái thường.

Thị tọa ư trường giả, lữ bất thượng ư đường, giải lữ bất cảm đương giai. Tựu lữ, quy nhi ái chi, bình ư trác. Hương trường giả nhĩ lữ, quy nhi thiên lữ, phủ nhi nạp lữ. Ly tọa ly lập, vô vãng tham yên. ly lập giả bất xuất trung gian. nam nữ bất tạp tọa, bất đồng thi già, bất đồng cân tiết, bất thân thụ. Tấu thức bất thông vấn, chư mẫu bất thức thường. Ngoại ngôn bất nhập ư khốn, nội ngôn bất xuất ư khốn. Nữ tử hứa giá, anh. Phi hữu đại cố, bất nhập kỳ môn. Cô, tử, muội, nữ tử tử dĩ giá nhi phân, huynh đệ đệ dĩ đồng tịch nhi tọa, phát dĩ đồng khí nhi thực. Phụ tử bất đồng tịch.

Nam nữ phi hữu hành môi, bất tương tri danh. Phi thụ tề, bất giao bất thân. Cố nhật nguyệt dĩ cáo quân, trai giới dĩ cáo quỹ thần, vi tửu thực dĩ chiêu hương đẳng liêu hữu, dĩ hậu kỳ biệt dã. Thủ thể bất thủ đồng tính, cố mại thiệp bất tri kỳ tính, tắc bốc chi. Quả phụ chi tử, phi hữu kiến yên, phát dĩ vi hữu.

Giá thủ thể giả viết: "Môi tử sử môi, vấn tử hữu khách, sử môi tu" Bần giả bất dĩ hóa tài vi lễ, lão giả bất dĩ cân lực vi lễ. Danh tử giả bất dĩ quốc, bất dĩ nhật nguyệt, bất dĩ ẩn tị, bất dĩ sơn xuyên. Nam nữ dĩ

trường. Nam nữ nhị thập, quan nhi tự. Phụ tiền tử danh, quân tiền thân danh. Nữ tử hứa giá, kê nhi tự.

Phàm tiến thực chi lễ: tả hào hữu trí; thực cư nhân chi tả, tiến cư nhân chi hữu; khodai chá xử ngoại, lưu tương xử nội, thông sơ xử mặt, tửu tương xử hữu; dĩ phủ tu trí giả, tả câu hữu mặt. Khách nhược giáng đẳng, chấp thực cử từ; chủ nhân hưng từ ư khách, nhiên hậu khách tọa. Chủ nhân diên khách tế. Tế thực, tế sở tiên tiến. Hào chi tự, thiên tế chi. Tam phạn, chủ nhân diên khách thực tri, nhiên hậu biện hào. Chủ nhân vị biện, khách bất hư khẩu. Thị thực ư trường giả, chủ nhân thân quý, tắc bái nhi thực; chủ nhân bất thân quý, tắc bất bái nhi thực. Cộng thực bất bão, cộng phạn bất trạch thủ. Vô chuyên phạn. Vô phóng phạn. Vô lưu xuyết. Vô trất thực. Vô xỉ cốt. Vô phản ngư nhục. Vô dẫu dữ cầu cốt. Vô cố hoạch. Vô dương phạn. Phạn tất vô dĩ trứ. Vô la tiến. Vô như tiến. Vô thích xỉ. Vô xuyết hàm. Khách như tiến, chủ nhân từ bất năng hanh. Khách xuyết hàm, chủ nhân từ dĩ lữ. Nhu nhục xỉ quyết, can nhục bất xỉ quyết. Vô toát chá. Tối thực, khách tự tiền quy, triệt phạn tế, dĩ thụ tương giả. Chủ nhân hưng từ ư khách, nhiên hậu khách tọa.

Thị ẩm ư trường giả, tửu tiến tắc khởi, bái thụ ư tôn sở, trường giả từ, thiếu giả phản tịch nhi ẩm. Trường giả cử vị tước, thiếu giả bất cảm ẩm. Trường giả tử, thiếu giả tiện giả bất cảm tử. tử quã ư quân tiến, kỳ hữu hạch giả, hoài kỳ hạch. Ngự thực ư quân, quân từ dư, khí chi ký giả bất tả, kỳ dư giai tả. Dư bất tế, phụ bất tế tử, phu bất tế thê.

Ngự đồng ư trường giả, tuy nhị bất từ. Ngẫu tọa bất từ. Tiểu chi hữu thái giả dụng hiệp, kỳ vô thái giả bất dụng hiệp. Vi thiên tử tước qua giả phó chi, cân dĩ hi. Vi quốc quân giả goa chi, cân dĩ khích. Vi đại phu lục chi, sĩ đình chi, thứ nhân xất chi.

Phụ mẫu hữu tật, quan giả bất tiết, hành giả bất tường, ngôn bất tụy, cầm sắt bất ngự, thực nhục bất chí biến vị, ẩm tầu, bất chí biến mao, tiểu bất chí thần, nộ bất chí lễ. Tật chỉ phục cố. Hữu ưu giả trắc tịch nhi tọa, hữu táng giả chuyên tịch nhi tọa.

Thầy liệu giảng, bất hiển ngư tộ. Hiến điều giả phật kỳ thủ, súc điều giả tắc vật phật dã. Hiến xa mã giả chấp sách tuy, hiến giáp giả chấp trụ, hiến trượng giả chấp mật, hiến dân nỗ giả tháo hữu quyết, hiến lật giả chấp hữu khế, hiến mẽ giả tháo lượng cổ, hiến thực thực giả tháo tương tề, hiến điều trạch giả tháo thư trí.

Phàm di nhân cung giả: trường cung thượng cân, di cung thượng giác; hữu thủ chấp tiêu, tả thủ thừa phụ; tôn ti thù thuế. Nhược chủ nhân báí, tắc khách hoàn tịch, tịch báí. Chủ nhân tự thụ, do khách chi tả, tiếp hạ thừa phụ, hương dữ khách tính, nhiên hậu thụ, tiến kiếm giả tả thủ. Tiến qua giả tiền kỳ tôn, hậu kỳ nhận. Tiến mâu kích giả tiền kỳ đôn. Tiến kỳ trượng giả phật chi. Hiệu mã hiệu dương giả hữu khiên chi, hiệu khuyến giả tả khiên chi. Chấp cầm giả tả thủ. Sức cao nhận giả dĩ quĩ. Thụ chu ngọc giả dĩ cúc. Thụ cung kiếm giả dĩ quyết. Âm ngọc tước giả phật huy. Phàm dĩ cung kiếm, bào thư, đơn ty văn nhân giả, tháo dĩ thụ mệnh, như sử chi dung.

Phàm vi quân sử giả, dĩ thụ mệnh, quân ngôn bất tức ư gia. Quân ngôn chí, tắc chủ nhân xuất báí quân ngôn chi nhục; sử giả quy, tắc bất báí tống ư môn ngoại. Nhược sử nhân ư quân sở, tắc tất triều phục nhi mệnh chi; sử giả phân, tắc tất hạ đường nhi thụ mệnh.

Bác văn cường hức nhi nhượng, đôn thiện hành nhi bất dĩ, vị chi quân tử. Quân tử bất tận nhân chi hoan, bất kiệt nhân chi trung, dĩ toàn giao dã.

Lễ viết: Quân tử bảo ôn bất bảo tử. Thủ ngôn tôn khả dĩ vi vương phụ thi, tử bất khả dĩ vi phụ thi. Vi quân thi giả, đại phu, sĩ kiến chí, tắc hạ chi. Quân tri sở dĩ vi thi giả, tắc tự hạ chi; thi tất thức. Thừa tất dĩ cơ. Trai giả bất lạc bất điều.

Cư tang chi lễ: hỷ tích bất hình, thị thính bất suy, thưng giảng bất do tộ giai, xuất nhập bất đương môn toại. Cư tang chi Lễ: đầu hữu sang tắc mộc, thân hữu thương tắc dục; hữu tật tắc ẩm tửu thực nhục, tật chỉ phục sơ. Bất thưng tang, nãi tử ư bất tử bất hiếu. Ngũ thập bất trí hỷ, lục thập bất hỷ, thất thập duy ai ma tại thân, ẩm tửu thực nhục xử ư

nội. Sinh dữ lai nhật, tử dữ vãng nhật.

Tri sinh giả điều. Tri tử giả thương. Tri sinh nhi bất tri tử, điều nhi bất thương. Tri tử nhi bất tri sinh, thương nhi bất điều.

Điều tang phát năng phu, bất vấn kỳ sở phí. Vấn tật phát năng di, bất vấn kỳ sở dục. Kiến nhân phát năng quán, bất vấn kỳ sở xá. Tử nhân giả bất viết "lai thủ", dữ nhân giả bất vấn kỳ sở dục.

Thích mộ bất dăng lũng, trợ táng tất chấp phát, lâm tang bất tiểu. Táp nhân tất vi kỳ vị. Vọng quỹ bất ca. Nhập lâm bất tường. Đương thực bất thán. Lâm hữu tang, xuân bất tương; lý bất tẫn, bất hạp ca. Thích mộ bất ca, khốc nhật bất ca. Tống tang bất do kính, tống táng bất tịch đồ liệu. Lâm tang tắc tất hữu ai sắc, chấp phát bất tiểu, lâm nhạc bất thán, giới trụ tắc hữu bất khả phạm chi sắc. Cố quân tử giới thận, bất thất sắc ư nhân. Quốc quân phủ thức, đại phu hạ chi. Đại phu phủ thức, sĩ hạ chi. Lễ bất hạ thứ nhân, hình bất thượng đại phu. Hình nhân bất tại quân trác.

Bình xa bất thức, võ xa tuy tình, đức xa kết tình. Sử tải bút, sĩ tải ngôn. Tiền hữu thủy, tắc tải thanh tình. Tiền hữu trần ai, tắc tải minh diên. Tiền hữu xa kỵ, tắc tải phi hồng. Tiền hữu sĩ sư, tắc tải hổ bì. Tiền hữu chí thú, tắc tải từ hươu. hành, tiền chu điều nhi hậu huyền võ, tả thanh long nhi hữu bạch hổ; chiêu điều tại thượng, cấp thiện kỳ nô; tiến thối hữu độ, tả hữu hữu cục, các ty kỳ cục.

Phụ chi cữu, phát dữ cộng dới thiên. Huynh đệ chi cữu, bất phân binh. Giao du chi cữu, bất đồng quốc. Tử giao đa lũy, thủ khanh, đại phu chi nhục dã. Lâm tuế bất tụy. Tế phục tề tắc phân chi, tế khí tề tắc mai chi, quy sách tề tắc mai chi, sinh tử tắc mai chi. Phàm tế ư công giả, tất tự triệt kỳ trở.

Tốt khốc nữ hủ. Lễ bất hủ hiềm danh, nhị danh bất thiên hủ. Đãi sự phụ mẫu, tắc hủ vương phụ mẫu. Bất đãi sự phụ mẫu, tắc bất hủ vua ư phụ mẫu. Quân sở vô tư hủ, đại phu chi sở hữu công hủ. "Thi" "Thư" bất hủ. Lâm vấn bất hủ. Miếu trung bất hủ. Phu nhân chi hủ, tỵ chất quân chi tiền, thần bất hủ dã. Phụ hủ bất xuất môn. Đại

công, tiểu công bất hủ. Nhập cánh nhi vấn cấm, nhập quốc nhi vấn tục, nhập môn nhi vấn hủ.

Ngoại sự dĩ cương nhật, nội sự dĩ nhu nhật. Phàm bốc vu nhật, tuần chi ngoại viết "viễn mỗ nhật", tuần chi nội viết "cận mỗ nhật". Tang sự tiên viễn nhật, cát sự tiên cận nhật, viết: "Vi nhật, giả nhĩ thái quy hữu thường, giả nhĩ thái vu hữu thường".

Bốc phê bất quá tam. Bốc phê bất tương tập.

Quy vi bốc, sách vi phê. Bốc phê giả, tiên thánh vương chi sở dĩ sử dân tín thời nhật, kính quý thân, ủy pháp lệnh dã; sở dĩ sử dân quyết hiểm nghị, định do dữ dã. Cố viết: nghị nhi phê chi, tắc phát phi dã. Nhật nhi hành sự, tắc tất tiến chi.

Quân xa tương giá, tắc bộc chấp sách lập ư mã tiền. Dĩ giá, bộc triển linh. Hiệu giá, y do hữu thượng, thủ nhị tuy; quy thừa, chấp sách phân bí, khu chi ngũ bộ nhi lập. Quân xuất tự xa, tắc bộc tính bí thụ tuy, tả hữu như tượng tịch.

Xa khu nhi xu, chi ư đại môn, quân phủ bộc chi thủ, nhi cố mệnh xa hữu tự xa. Môn lục, câu cử tất bộ. Phàm bộc nhân chi lễ, tất thụ nhân tuy. Nhược bộc giả giáng đẳng, tắc thụ, bất nhiên tắc phủ. Nhược bộc giả giáng đẳng, tắc phủ bộc chi thủ; bất nhiên, tắc tự hạ câu chi. Khách xa bất nhập đại môn. Phụ nhân bất lập thừa. khuyến mã bất thượng ư đường. Cố quân tử thức hoàng phát, hạ khanh vị, nhập quốc bất trì, nhập lý bất thức. Quân mệnh chiêu, tuy tiện nhân, đại phu, sĩ tất tự ngự chi. Giới giả bất bá, vì kỳ bá nhi lạng bá. Tường xa khoáng tả. Thừa quân chi thừa xa, bất cảm khoáng tả; tả bất thức.

Bộc ngự phụ nhân, tắc tiến tả thủ, hậu hữu thủ. Ngự quốc quân, tắc tiến hữu thủ, hậu tả thủ nhi phủ. Quốc quân bất thừa kỵ xa. Xa thượng bất quảng hách, bất vọng chỉ. lập thị ngũ huệ, thức thị mã vĩ, cố bất quá cốc. Quốc trung dĩ sách trưu tuất vật khu, trần bất xuất quỹ.

Quốc quân hạ trai ngưu, thức tông miếu. Đại phu, sĩ hạ công môn, thức lộ mã. thừa lộ mã, tất triều phục, tài tiên sách, bất cảm thụ tuy, tả tất thức. Bộ lộ mã, tất trung đạo. Dĩ túc thích lộ mã sở, hữu tru. Xỉ lộ mã, hữu tru.

Dịch nghĩa:

Khúc Lễ nói: Đừng bắt kính thì dung mạo sẽ nghiêm cẩn, lời nói sẽ an định, như vậy là đủ để trị an dân. Ba điều này (đừng bắt kính, dung mạo nghiêm cẩn, lời nói an định) là ba điều mà Kinh Lễ cho là trọng yếu nhất nên đưa ngay lên đầu kính. Chữ “Vô” nghĩa là không, nhấn mạnh tới ý nghiêm cấm.

Kính cẩn mà vẫn còn ý kiêu ngạo tất sẽ hiện ra dung mạo, nên không được buông thả dục vọng, tự thỏa mãn ý muốn của mình cũng như khi không vui đến cực điểm (vì theo quan niệm cổ cái gì cực ắt sẽ quay ngược lại).

Bậc hiền giả thân cận mà vẫn kính, tuy sợ hãi mà vẫn yêu, tuy yêu nhưng vẫn nhận ra những điểm xấu, tuy ghét vẫn nhận những điểm tốt (của người khác). Bậc hiền giả tích tụ nhưng hay phân phát, ở an với vị trí của mình và cương quyết theo điều nghĩa (1). (Bậc hiền giả) thấy của cải không ham được, thấy khó khăn không tránh né. Không cầu thắng (về mình) khi chia (của cải) không cần nhiều mà chỉ sợ không chia được đều. (2) Khi ngồi cần phải nghiêm trang, khi đứng cần nên chỉnh tề. Người giữ lễ là người có thể xác định được thân hay sơ, giải quyết được hiềm nghi, phân biệt được đồng và dị, rõ ràng được đúng và sai. Lễ không cầu ở chỗ làm vui lòng người và cũng không ở chỗ rườm rà, bậc quân tử chỉ cần dùng lời để đạt ý mà thôi, còn người nói nhiều ắt người nghe sẽ chán. Lễ không vượt qua tiết độ, không xâm phạm đến người khác, không khinh thường người khác, vượt qua tiết độ ắt dẫn đến bị nhục, xâm phạm người khác ắt quên sự khiêm nhượng, khinh thường người khác là thiếu tôn kính, cả ba điều ấy đều trái với lễ. Người ta sở dĩ là người chỉ do ngôn ngữ và hành động xác định. Người trung tín là có thể học lễ. Vì có thể học lễ nên mới nói: “Lễ chính là chất”. Gọi là “ngôn đạo” nghĩa là ngôn ngữ hợp với đạo. Lễ dùng để giữ người vào quy củ chứ không trói buộc bởi vậy người có ý muốn học lễ phải tự tìm đến chứ lễ không tìm truyền dạy cho ai. Gọi là

đạo đức nhân nghĩa mà thiếu lễ ắt không thành. Giáo huấn để chính định phong tục mà thiếu lễ ắt không đầy đủ, ngay cả đến những việc phân tranh cãi cọ, không có lễ cũng không giải quyết được. Đó là chỗ dùng lễ để làm rõ phải trái, phân đúng sai. Vua tôi trên dưới, cha con anh em, không có lễ không thể xác định thân phận vị trí. Học để làm quan phải kính thờ thầy dạy nếu không có lễ lấy gì thân ái với nhau? Thứ tự trong triều đình, nắm quân đội, phân bổ chức vị phải cẩn thận giữ gìn phép tắc mới có uy khiến người ta không dám phạm pháp, cả bốn điều ấy đều cần phải có lễ. Cầu đảo tế tự dâng cúng quỷ thần, không có lễ là không thành tâm và trang nghiêm. Vì vậy bậc quân tử cung kính tuân theo tiết độ, khiêm nhượng để làm sáng lễ.

Chim anh vũ (3) có thể biết nói nhưng vẫn thuộc loài chim; con tinh tinh (4) có thể biết nói nhưng vẫn thuộc loài cầm thú. Làm người mà không có lễ thì tuy biết nói đầy nhưng có khác gì loài cầm thú? Chỉ có loài cầm thú là không có lễ, cho nên cha con ở lẫn lộn với nhau (5). Vì vậy việc làm của bậc thánh nhân là lấy lễ dạy người khiến người ta ai cũng biết lễ để tự phân biệt mình với cầm thú. Bậc đại nhân (6) quý ở đức, bậc dưới đó (7) mới xét ở chỗ báo đáp. Lễ trọng ở chỗ qua lại, qua mà không lại là thiếu lễ, lại mà không qua cũng là thiếu lễ.

Người có lễ, tự coi mình thấp mà được tôn trọng, thì tuy chỉ là người (làm nghề) buôn bán (8) cũng đáng tôn trọng, huống gì là người phú quý? Người phú quý mà biết lễ ắt không kiêu ngạo không dâm loạn. Người nghèo hèn mà biết lễ ắt chỉ không bị nhiếp sợ.

Đời người ta từ mười năm (trở về trước) gọi là thơ ấu. Hai mươi bắt đầu làm lễ quan (đội mũ, tức trưởng thành). Ba mươi là tráng kiện, có thể lập gia đình. Bốn mươi là tuổi mạnh nhất, ra làm quan. Năm mươi tóc đã bắt đầu bạc nên xin từ quan. Sáu mươi là già, có thể sai bảo người. Bảy mươi có thể dạy dỗ người. tám mươi chín mươi là già lắm rất đáng thương, ở tuổi ấy dù có tội cũng không nên gia hình. Trăm năm là kỳ hạn (của đời người) phải nương cậy vào người khác gọi là “Di”.

Bạc đại phu bảy mươi là nên vì trí sĩ, được (vua) ban cho trượng (để nương dựa). Tuổi ấy việc gì cũng phải nương cậy vào đàn bà. Đi bốn phương đều ngồi xe, tự xưng mình là “lão phu” nghĩa là bậc già trong nước. Nước khác (như nước Việt) có hỏi đến ắt sẽ lấy lễ ra kiểm chế. Mười việc với hàng trưởng lão phải giữ thái độ khiêm nhường có lễ. Đây là lễ của hạng làm con: mùa đông làm cho ấm, mùa hạ làm cho mát (giúp cha mẹ) tối thăm sớm viếng, không tranh dành làm việc xấu (để buồn tới cha mẹ). Hạng làm con khi cha mẹ còn sống không nên nhận ban thưởng. Vì vậy nên được tiếng con hiếu trong làng quê và được gọi là từ dễ với anh em thân thích, là bạn hiền của bằng hữu, được gọi là nhân với chung quanh, được gọi là tín thực với thân thuộc. Gặp bạn của cha, giữ thái độ khép nép, (bạn cha) chưa cho tới không dám tới, chưa cho lui không được lui; chưa hỏi không được nói, đó là thái độ của con hiếu. Là người con hiếu, đi ra phải báo, đi về phải thưa, đi đâu nên cho cha mẹ biết, làm gì cũng lo cho sự nghiệp, lời lẽ bình thường không được gọi cha mẹ đã già để tôn trọng cha mẹ. Trong nhà lúc nào cũng phải giữ trật tự trên dưới.

Làm con có hiếu, ở nhà phải nhường cho cha mẹ chỗ tốt nhất không chiếm chỗ ngồi giữa, đi không chiếm giữa đường (là chỗ nhường cho cha mẹ), đứng không đứng giữa cửa, ăn uống phải nhường trước cho cha mẹ.

Tế tự không cần đến thần thi (9). Nghe ở chỗ không tiếng, thấy ở chỗ không hình, (khi cha mẹ còn sống thì) không lên chỗ cao, không xuống chỗ sâu, không nói năng bừa bãi, không cười đùa nhảm nhí. Con hiếu không làm gì ám muội, không vào chỗ hiểm nguy vì sợ làm nhục đến cha mẹ. Khi cha mẹ còn sống, không báo thù cho bạn (để đến nỗi) chết, không để chú vào việc làm giàu mà quên phụng dưỡng cha mẹ.

Làm người con hiếu, khi cha mẹ còn sống, không mặc áo quần một màu trắng. Khi ở nhà không mặc quần áo sắc sỡ. Con còn nhỏ không thường đùa giỡn, không mặc áo cừu, đi đứng nghiêm trang, không nghe

lên. Hạng nhỏ tuổi như đi cùng bậc trưởng giả nên nắm lấy tay trưởng giả như đem kiếm nghiêng miệng mà nói, khi đối đáp (với trưởng giả) phải lấy tay che miệng. Nếu đi theo thầy dạy của mình thì không được vượt lên nói chuyện. Gặp thầy dạy giữa đường thì phải bước tới khoanh tay. Thầy có hỏi mới được thưa, thầy không hỏi phải lui lại. Theo bậc trưởng giả lên đồi gò tất phải nhìn theo hướng trưởng giả nhìn. Lên tường thành không chỉ chỗ, không hô hoán. Khi đến khách quán, không cố cầu nơi chủ nhân. Sắp vào nhà phải cất cao tiếng (báo trước), cởi giày ngoài cửa, nghe lời (cho phép) rồi mới vào, chưa nghe lời (cho phép) thì chưa vào. Vào nhà, mắt cúi xuống, vào cửa nâng tay lên trước ngực; cửa mở mới được mở, cửa đóng thì đóng lại rồi vào sau, đóng hay mở đều phải như cũ, đừng làm trái ý chủ nhân. Cởi giày không đặt lên giày người khác, không đạp vào chiếu, sửa áo ngồi xuống góc, cẩn thận vâng dạ.

Bậc sĩ đại phu vào ra cung vua phải nhường khách trước. Khách đến cửa phòng ngủ, chủ nhân mời vào trước rồi sau ra đón khách. Nếu khách cố từ thì chủ nhân phải chấp tay mời vào. Chủ nhân vào cửa bên phải, khách vào bên trái. Chủ lên bậc bên đông, khách lên bậc bên tây, nếu khách đứng dưới thắp chủ nhân cũng bước xuống theo. Chủ nhân từ nhượng, khách mới bước lên bậc bên tây. Chủ nhân nhường khách bước lên trước, nếu khách không chịu bước lên, chủ nhân bước lên trước để khách bước theo, hai chân bước liền nhau lên ở phía đông, chân phải trước chân trái sau, lên ở phía tây, chân trái bước lên trước. Ở ngoài màn che không đi mau, trong nhà không đi mau, cầm vật quý không đi mau. Đi trong nhà phải nổi gót (chủ nhân). Không được đi mau.

Khi quét dọn trước mặt bậc trưởng giả phải có lễ, nên quét bụi bắn vào sọt lấy tay áo che lại rồi lui ra không để bụi bám vào bậc trưởng giả, để miệng sọt quay lại phía mình rồi thu bụi bắn vào. Hầu hạ bậc trưởng giả phải nhanh nhẹn cẩn thận, mời khách vào tiệc phải hỏi khách ngồi xoay hướng nào. Mời khách ngủ phải hỏi chân xoay hướng

nào. Ngồi hướng nam hướng bắc lấy hướng tây là hơn cả, ngồi hướng đông hướng tây lấy hướng nam là hơn cả. Nếu như không phải là mời khách ăn uống tất là khách đàm luận (đạo nghĩa), nên sắp chỗ ngồi cách nhau một trượng. Chủ nhân quỳ ở chiếu chính để tỏ ý cung kính, khách quỳ võ xuống chiếu tỏ ý từ chối. Khách nài mời vào chiếu, chủ nhân phải cố từ, khách ngồi vào chủ mới ngồi theo. Chủ nhân chưa hỏi, khách không nói trước. Sắp vào bàn tiệc, nét mặt đừng lộ nét gian dối, hai tay chủ vén hai bên áo, ngồi xuống rồi sửa áo tề chỉnh trước mặt đừng để vạt áo vệt ra, hai chân xếp bằng đừng động dấy. Ngồi trước mặt thầy dạy nên ngồi nép vào một bên, cẩn thận đừng trộm vượt qua thầy. Nên ngồi sau cùng để tỏ ý khiêm cung. Bậc trưởng giả chưa hỏi, người nhỏ tuổi không nên tranh nói trước. Ngồi phải yên giữ nét mặt cung kính. Nghe phải cung kính, cố chặn lời nói trước, không phụ họa hùa theo. Chỉ có học theo người xưa kể chuyện các tiên vương ngày trước là dễ nghe. Ngồi hầu thầy dạy, đợi thầy hỏi xong hãy đáp. Hỏi về nghề nghiệp lợi ích phải hết sức cung kính. Cha gọi không ừ, thầy gọi không ừ, phải dạ cung kính. Ngồi hầu những bậc tôn kính (như cha hoặc thầy) không nên ngồi quá xa để tiện thưa hỏi. Còn với người bằng vai với mình không cần quá tôn kính. Khi hầu đèn hay hầu cơm phải hết sức kính cẩn như đối với thượng khách. Không để khách nhìn thấy gốc đuốc (10). Khi ăn không được ựa ra. Ngồi hầu bậc quân tử, quân tử mỗi một hãy mời quân tử về nghỉ. Quân tử hỏi tới gốc ngọn, phải cung kính trả lời. Ngồi hầu bậc quân tử, nếu có người báo: chờ chút xin lại đến hầu, ắt phải đứng hầu cận bên cạnh. đừng nghe lén, đừng thưa to tiếng, đừng nhìn bữa bãi, đừng nói lời lười biếng giả dối. Làm việc không tỏ ra ngạo mạn, đứng hai chân phải chỉnh tề, ngồi không được dạng chân, ngủ không được nằm sấp. Chải tóc không được buông thả (11). Việc tang phải chọn ngày tốt, không bênh vực trong việc làm để tránh tiếng thiên vị. Hầu hạ bậc trưởng giả không được đi giày lên nhà, cởi giày không được đặt ngay lên bậc thềm. Đi giày phải quỳ xuống tranh về một phía. Khi tiễn đưa bậc trưởng giả, người nhỏ tuổi phải đưa

giày lên, đi giày cho trường giả cúi đầu nâng lên. Khi đứng dậy từ giả không ra cửa giữa để tỏ ý cẩn thận tôn kính. nam nữ không được ngồi lẫn lộn với nhau, không treo quần áo cùng chỗ, không dùng chung khăn lược, không trao vật gì tận tay. Dì và chú không vắng lai, không giặt giũ áo lót cho mẹ kế (vợ nhỏ của cha).

Lời nói bên ngoài không để lọt vào phòng trong (của phụ nữ), lời nói trong phòng (phụ nữ) không để lọt ra ngoài. Con gái đã hứa hôn gọi là *anh* (đeo dải lụa thắm), không có việc gì hệ trọng không được vào phòng họ. Cô, chị, em gái đã lấy chồng mà về nhà, anh/em không được ngồi chung chiếu (với họ) và cũng không được ăn chung chén bát (với họ). Cha con không ngồi cùng chiếu (để tỏ tôn ti trật tự khác nhau). Nam nữ mà chưa có mai mối thì không được biết tên nhau, chưa nhận tiền (mai mối) thì không được giao du thân cận. Cho nên đến ngày hẹn ước (thành thân), người mai mối phải báo lên bậc trưởng thượng, làm lễ cáo quỷ thần, bày rượu tiệc mời bạn bè làng xóm, cẩn thận việc luân lý giữa nam và nữ. Lấy vợ không lấy người cùng họ mà mua thiếp (vợ nhỏ) nếu không biết họ (của người thiếp ấy) phải dùng bói toán xem cát hung thế nào. Giao kết bạn bè phải cẩn thận, người nghèo không cần dùng lễ vật (khi đi mừng cưới) người già không cần lấy gân cốt ra làm lễ (vì người già gân cốt đã suy). Đặt tên cho con phải húi tên nước, húi tên mặt trời mặt trăng, húi tên những tật bệnh, húi tên núi tên sông. nam nữ lớn nhỏ khác biệt nhau. nam hai mươi tuổi làm lễ quan (lễ đội mũ) rồi đặt tên "tự". Tên cha phải đặt trước tên con, tên vua phải đặt trước tên tôi. Con gái đến tuổi gả chồng làm lễ cài trâm trước rồi đặt tên "tự" chứng tỏ đã thành nhân.

Lễ dâng cơm ăn, xương đặt bên trái, thịt nạc đặt bên phải, cơm đặt ở bên trái, canh đặt ở bên phải. Những món nem thịt thái nhỏ, đặt ở bên ngoài, những món ăn chủ yếu đặt bên trong, những món phụ như hành tỏi rau đậu đặt cuối cùng, rượu đặt bên phải. Nếu khách là bậc thấp (hơn chủ) không dám lấy lễ làm khách với chủ phải đợi chủ nhân ngồi (vào bàn ăn) trước rồi mới ngồi theo. Chủ nhân mời khách tế

(tổ tiên trước khi ăn) chủ nhân tế trước rồi đến khách theo thứ tự.

Hầu ăn bậc trưởng giả, chủ nhân tự thân tiếp đãi, trước khi ăn phải bái; chủ nhân không tự tiếp đãi thì không phải bái. Cùng ăn không cầu no, cùng ăn không rửa tay. Đừng cầm cúi vào việc ăn, đừng ăn bữa bãi, đừng uống vô độ, đừng nhai thành tiếng, đừng nhai chạm răng, đừng tham ăn, đừng ăn vội vàng. Đừng húp canh sùm sụp, đừng cắn rau rào rào, đừng dùng vật gì xỉa răng. Thịt mềm thì dùng răng ăn, thịt khô không dùng răng xé mà dùng tay. Ăn xong, khách quỳ ở trước, chủ nhân tự dọn mời khách, sau đó khách ngồi. Hầu bậc trưởng giả uống rượu, rượu đưa tới phải đứng dậy, bái nhận lấy (chén rượu). Bậc trưởng giả chưa ban rượu, người nhỏ tuổi chưa dám uống. Khi bậc trưởng giả ban rượu cho, người nhỏ thấp hơn không dám chối từ. Khi vua ban cho trái cây, người được ban không được vắt hột (của trái cây) ấy đi. Khi cùng ăn cơm ngự với vua, vua ban cơm cho, dù bát chưa rửa cũng phải nhận. Thức ăn còn thừa không được dùng vào việc cúng tế, cha không tế con, chồng không tế vợ.

Hầu ăn với bậc trưởng giả, không nên từ chối nhiều lần, được ban ngồi không được từ chối. Gắp rau trong canh phải dùng đũa, còn như không có rau không cần dùng đũa. Đây là lễ khi cha mẹ nằm bệnh, con không được trang sức, không được lười biếng, không làm những việc khác, (ngoài việc săn sóc cha mẹ) không nghe đàn nhạc, dù có ăn thịt cũng không biết mùi vị, dù uống rượu cũng không được uống đến say, cười không được cười lớn, giận dữ cũng vừa phải. Người có việc buồn thì nên ngồi một bên, người có việc tang nên ở một mình. Nước lên cao, không dâng tặng cá (vì lúc ấy cá nhiều dễ bắt, dâng tặng không phải là điều quý). Khi dâng ngựa (cho bậc cao hơn mình) phải dâng cương trước. Khi dâng tặng áo giáp phải dâng tặng mũ sắt trước (vì mũ nhẹ dễ cầm hơn áo giáp), dâng tặng gậy phải cầm ở đầu cuối. Khi dâng tù binh lên phải nắm lấy áo phải của chúng (để đề phòng biến động do chúng gây nên). Dâng tặng gạo phải có văn bản, dâng tặng lúa nếp phải có vật đo lường. Dâng tặng ruộng đất phải có bằng khoán.

Chú thích:

(1) : theo chú thích của Trần Hạo, “an” là thuận theo điều nhân, quyết vì điều nghĩa.

(2) : ở đây có hai chữ *nhược phù* làm trợ từ liên quán

(3) : chìm kết.

(4) : loài đười ươi.

(5) : con vật cái.

(6) : theo chú thích cổ *dại nhân* là bậc đế hoàng.

(7) : bậc dưới là đời tam vương vì đến đời tam vương, lễ rất hoàn bị, coi trọng sự báo đáp.

(8) : thời cổ, thương nhân thường bị đánh giá thấp.

(9) *thần thi* : ngày xưa cúng tế dùng một đứa bé lên ngồi trên ngai để cho thần nhập vào.

(10) : ngày xưa chưa có bạch lập, người ta đốt đuốc đêm cho sáng, khi cháy sắp hết phải dấu gốc thừa đi vì sợ khách nhìn thấy sợ rằng đêm còn dài mà cáo từ.

(11) : người xưa rất quý đầu tóc nên không thể chải tóc cầu thả.

CHƯƠNG THỨ HAI

KHÚC LỄ (HẠ)

Dịch nghĩa:

Người bưng lễ vật, tay phải để ngay trước tim ngoài áo. Người bưng khí cụ của bậc thiên tử phải bưng cho ngang bằng, khí cụ của thiên tử bưng cao hơn chỗ trái tim (tức cao hơn ngực). Khí cụ của chư hầu thấp hơn của thiên tử, của đại phu lại thấp hơn (của chư hầu). Của bậc sĩ lại thấp hơn nữa.

Bưng khí cụ của đại phu phải tỏ ý nhẹ nhàng, khi bưng ngọc thì dơ tay tả lên, tay tả thuộc dương là tỏ ý tôn trọng, bước đi không dơ chân cao quá mà phải đi như bánh xe lăn trên đất.

Khi đứng lại tất phải cong lưng tỏ dáng cung kính. Vua tôi có lễ khác nhau phải giữ phân cao thấp ấy. Bậc vua một nước (quốc quân) không xưng tên tục (của mình) với các thượng khanh hay thế phụ, bậc đại phu không xưng tên tục (của mình) với các con cháu tôi thần, bậc sĩ không xưng tên tục với các gia tướng hay vợ lớn vợ nhỏ trong nhà.

Con của đại phu không dám tự xưng là tiểu tử vì húy tự xưng của thiên tử. Con của sĩ đại phu, không dám xưng mình là “Kẻ Kế thừa” (1) vì không dám tự coi mình ngang hàng với thế tử. Vua sai bậc sĩ bắn cung, nếu không thể bắn được hãy (viện cớ) có bệnh mà từ chối; nói rằng: đang lo việc gánh củi (2)

Hầu hạ bậc quân tử, không dám nhìn thẳng vào mặt đối đáp (vì như vậy) là không phải Lễ. Quân tử giữ Lễ khi đi sang nước khác không thay đổi phong tục (của nước mình) Lễ khi tế tự, tang phục lễ tang, cách khóc lóc đều phải giữ như phong tục cũ của nước

mình, lúc nào cũng cẩn thận theo phép tắc mà thực hành.

Tuy đã bỏ nước đến đời thứ ba rồi nhưng vì gia tộc mình vẫn còn làm quan trong triều nên vẫn phải giữ lễ của nước cũ mình, dù làm gì cũng phải báo cho vua nước cũ (của mình) biết. Giòng họ con cháu của mình còn nghĩa là vẫn còn người thờ phụng. Hễ có việc tang hôn đều phải báo, họ chết phải về, không được quên thân thuộc. Nếu như bỏ nước đến đời thứ ba mà trong triều (nước cũ) không còn giòng họ con cháu làm quan nữa thì có thể bỏ phong tục (nước cũ) mà theo (phong tục) nước mới. Hãy tôn trọng điển pháp mới thuận hậu giữ lễ đấy! Bậc quân tử không thay đổi tên, khi có tang, chưa chôn thì đọc tang lễ; chôn rồi, đọc tế lễ; tang lễ xong lâu mới được đọc nhạc chương. Khi còn cư tang không được nói tới âm nhạc, khi tế lễ không được nói lời hung ác, làm việc riêng không nói ở công đình, làm việc công không nói với phụ nữ. Dâng thư sách lên vua phải giữ cho tề chỉnh, nếu không sẽ mang tội. Làm chức quan bốc phệ (tức quan coi về việc bói) thì phải chu toàn những mai rùa, thẻ sách, nếu dâng lên vua mà có hình dạng bừa bãi lộn xộn đều là không giữ đúng phận sự nên gọi là có tội.

Bậc quân tử khi xây dựng cung thất thì phải xây nhà thờ tổ tông trước, sau đó tới kho lương, chuồng ngựa, cuối cùng mới lo tới phòng ở của mình.

Chú thích:

- (1)- nguyên văn *tự tử*: là người sẽ nối ngôi vua.
- (2)- nguyên văn *phụ tân*: là gánh củi, ý nói việc nhà bận rộn.

CHƯƠNG THỨ BA

ĐÀN CUNG (THƯỢNG)

Nguyên văn:

檀弓上

公仪仲子之丧，檀弓免焉。仲子舍其孙而立其子。檀弓曰：“何居？我未之前闻也。”趋而就子服伯子于门右，曰：“仲子舍其孙而立其子，何也？”伯子曰：“仲子亦犹行古之道也。昔者文王舍伯邑考而立武王，微子舍其孙圉而立衍也。夫仲子亦犹行古之道也。”子游问诸孔子。孔子曰：“否。立孙。”

Phiên âm:

1. Công Nghi Trọng tử táng, Đàn Cung văn yên. Trọng Tử xả kỳ tôn nhi lập kỳ tử, Đàn Cung viết: “Hà cư? Ngã vị chi tiền văn dã.” Xu nhi tậu Tử Phục Bá Tử ư môn hữu. Viết: “Trọng Tử xả kỳ tôn nhi

lập kỳ tử, hà dã?" Bá Tử viết: "Trọng Tử diệc do hành cổ chi đạo dã. Tích dã Văn vương xả Bá Ấp Khảo nhi lập Võ vương, Vi tử xả kỳ tôn Tuấn nhi lập Diên dã. Phù, Trọng Tử diệc do hành cổ chi đạo dã." Tử Du vấn chư Khổng Tử, Khổng Tử viết: "Phủ ! Lập tôn !"

Dịch nghĩa:

1. LẬP CON HAY LẬP CHÁU?

Công Nghi Trọng tử chết, Đàn Cung (1) đến viếng. Trọng tử bỏ cháu đích tôn mà lập con thứ. Đàn Cung hỏi:

- Sao lại làm vậy? Tôi chưa nghe có việc thế trước đây.

Hỏi xong ông bước theo cửa bên phải gặp Tử Phục Bá Tử, hỏi:

- Trọng tử bỏ cháu đích tôn mà lập con thứ là tại sao?

Bá tử đáp:

- Trọng tử bắt chước theo thời cổ đấy, xưa kia Văn vương bỏ Bá Ấp Khảo (2) mà lập Võ vương, Vi tử bỏ cháu tên Tuấn mà lập Diên (3). Ấy là Trọng tử thi hành đạo thời cổ vậy.

Tử Du đem việc ấy hỏi Khổng Tử, Khổng Tử bảo:

- Sai rồi, phải lập cháu!

Chú thích:

(1)- **Đàn Cung:** người nước Lỗ, rất giỏi về Lễ.

(2)- **Bá Ấp Khảo:** con trưởng của Văn vương.

(3)- Về chuyện Văn vương lập Võ vương hay Vi tử lập Diên có thể là theo lễ chế thời Ân, chứng tỏ lễ chế thời ấy trọng người có đức hơn trọng con trưởng.

Nguyên văn:

孔子既得合葬于防，曰：“吾闻之，古也墓而不坟。今丘也，东西南北之人也，不可以弗识也。”于是封之，崇四尺。

孔子先反，门人后。雨甚至。孔子问焉，曰：“尔来何迟也？”曰：“防墓崩。”孔子不应。三，孔子泫然流涕，曰：“吾闻之，古不修墓。”

Phiên âm:

2. Khổng Tử ký đắc hợp táng ư Phòng, viết: "Ngô văn chi, cổ dã mộ nhi bất phần. Kim Khâu dã đông tây nam bắc chi nhân dã, bất khả dĩ phát thức dã " Ư thị phong chi, sùng tử xích. Khổng Tử tiên phần, môn nhân hậu, vũ thậm, chí, Khổng Tử vấn: "Nhĩ lai hà trì dã?" Viết: "Phòng mộ băng "Khổng Tử bất ứng. Tam, Khổng Tử huyễn nhiên lưu thệ viết: "Ngô văn chi, cổ bất tu mộ ".

Dịch nghĩa:**2. KHỔNG TỬ SỬA MỘ.**

Khổng Tử hợp táng (cha mẹ) ở đất Phòng, bảo:

- Ta nghe rằng, thời cổ chỉ có mộ chứ không xây thành quách. Nay Khâu này là người đi khắp đông tây nam bắc không có gì để ghi nhớ (nên mới đành xây thành quách để nhớ).

Vì vậy mà phải xây thành mộ cao đến bốn thước. Khổng Tử ra về trước, các đệ tử về sau. Trời mưa lớn, khi các đệ tử về đến, Khổng Tử hỏi:

- Sao các con về trễ thế?

Đáp:

- Mộ ở đất Phòng bị sụt lở mất rồi.

Khổng Tử không nói gì. Đệ tử nói đến lần thứ ba, Khổng Tử mới ứa nước mắt than:

- Ta đã từng nghe, xưa kia không sửa sang xây đắp mộ cả.

Nguyên văn:

孔子哭子路于中庭。有人吊者，而夫子拜之，既哭，进使者而问故，使者曰：“醢之矣！”遂命覆醢。

曾子曰：“朋友之墓，有宿草而不哭焉。”

子思曰：“丧三日而殡，凡附于身者，必诚必信，勿之有悔焉耳矣。三月而葬，凡附于棺者，必诚必信，勿之有悔焉耳矣。丧三年，以为极亡，则弗之忘矣。故君子有终身之忧，而无一朝之患。故忌日不乐。”

Phiên âm:

3. Khổng Tử khóc Tử Lộ ở trung đình, hữu nhân điếu giả, nhi phu tử bái chi. Ký khóc, tiến sứ giả nhi vấn cố. Sứ giả viết: "Hải chi hĩ!"

Toại mệnh phúc hải. Tăng tử viết: "Bằng hữu chi mộ, hữu tác thảo nhi bất khóc yên". Tử Tư viết: "Tang tam nhật nhi tẩn, phàm phụ ư thân giả, tất thành tất tín, vật chi hữu hối yên nhĩ hĩ. Tam nguyệt nhi táng, phàm phụ ư quan giả, tất thành tất tín, vật chi hữu hối yên nhĩ hĩ. Tang tam niên dĩ vi cực, vong tác phát chi vong hĩ. Cổ quân tử hữu chung thân chi ưu, nhi vô nhất triều chi hoan. cổ kỵ nhật bất lạc"

Dịch nghĩa:

3. THÀNH TÍN TANG LỄ.

Tử Lộ chết, Khổng Tử đến điều, Tử Lộ chết rồi (xác) bị người nước Vệ băm nát như mắm. Khổng tử khóc ở giữa nhà theo lễ thầy trò. Vừa khóc vừa hỏi sứ giả về cái chết của (Tử Lộ). Sứ giả nói:

- Bị băm thầy nát như mắm rồi!

Khổng Tử sai đổ hết nước mắm (trong nhà)

Tăng tử nói:

- Mộ của bằng hữu bị cỏ mọc dày là vì không (có ai) đến đây khóc than nữa.

Tử Tư nói:

- Chết ba ngày thì tẩm liệm, các vật phụ táng phải nên thành và tín, đừng nghĩ rằng thương tiếc là đủ. Chôn ba tháng rồi nếu phụ táng thêm trong quách cũng phải thành và tín, chớ nghĩ rằng thương tiếc mà thôi. Không có tang nào quan trọng hơn ba năm. Đã chết rồi gọi là "quên", "quên" nhưng vẫn còn nhớ, vì vậy bậc quân tử suốt đời buồn rầu chứ không (coi đó) là nỗi buồn trong một ngày (tang ấy). Cho nên đến ngày giỗ kỵ (quân tử) không vui.

Nguyên văn:

孔子少孤，不知其墓，殡于五父之衢。人之见之者，皆以为葬也。其慎也，盖殡也。问于郕曼父之母，然后得合葬于防。

Phiên âm:

4. Khổng Tử thiếu cô, bất tri kỳ mộ, tẩm ư ngũ phụ chi cù. Nhân chi kiến chi giả, giai dĩ vi táng dã. Kỳ thận dã, cái tẩm dã. Vấn ư Trâu Man phụ chi mẫu. Nhiên hậu đắc hợp táng ư Phòng.

Dịch nghĩa:**4. KHỔNG TỬ TÌM MỘ CHA.**

Còn nhỏ Khổng Tử đã mất cha nên không biết mộ cha ở đâu. Sau đó mẹ mất (theo lễ thì phải hợp táng -chôn chung- với cha, nhưng vì không biết mộ cha ở đâu) nên đành đặt quan quách cạnh đường. Nhiều người nhìn thấy mới chỉ dẫn. (Khổng Tử) đi hỏi mẹ của Trâu Man phụ, biết được mộ cha rồi hợp táng mẹ với cha ở đất Phòng.

Nguyên văn:

晋献公将杀其世子申生。公子重耳谓之

曰：“子盖言子之志于公乎？”世子曰：“不可。君安骊姬，是我伤公之心也。”曰：“然则盖行乎？”世子曰：“不可。君谓我欲弑君也。天下岂有无父之国哉？吾何行如之？”

使人辞于狐突曰：“申生有罪，不念伯氏之言也，以至于死。申生不敢爱其死。虽然，吾君老矣，子少，国家多难，伯氏不出而图吾君；伯氏苟出而图吾君，申生受赐而死！”再拜稽首乃卒。是以为恭世子也。

Phiên âm:

5. Tấn Hiến công tương sát kỳ thế tử Thân Sinh, công tử Trùng Nhĩ vị chi viết: "Tử hạp, ngôn tử chi chí ư công hồ?" Thế tử viết: "Bất khả. Quân an Lệ Cơ, thị ngã thương công chi tâm dã" Viết: "Nhiên tắc hạp hành hồ?" Thế tử viết: "Bất khả. Quân vị ngã dục thí quân dã. Thiên hạ khởi hữu vô phụ chi quốc tại! Ngô hà hành như chi?" Sử nhân từ ư Hồ Đột viết: "Thân Sinh hữu tội, bất niệm Bá thị chi ngôn dã, dĩ chi ư tử. Thân Sinh bất cảm ái kỳ tử. Tuy nhiên, ngô quân lão hĩ, tử thiếu, quốc gia đa nạn, Bá thị bất xuất nhi đồ ngô quân. Bá thị cầu xuất nhi đồ ngô quân, Thân sinh thụ tử nhi

· tử” Tái bái kê thủ nãi tốt. Thị dĩ vi Cung thế tử dã.

Dịch nghĩa:

5. CHỊU CHẾT VÌ LỆNH CHA.

Tấn Hiếu công muốn giết thế tử Thân Sinh (1), công tử Trùng Nhĩ hỏi thế tử:

- Sao thế tử không nói rõ việc cho vua biết?

Thế tử đáp:

- Không được. Vua đang mê đắm Lệ Cơ, ta nói sẽ làm vua đau khổ.

Lại nói:

- Thế thì thế tử nên bỏ đi chăng?

Thế tử đáp:

- Không được. Vua tưởng là ta có ý muốn giết vua. Trong thiên hạ há lại có (vua) nước nào mà không cho cha mình đúng chăng! Như vậy ta bỏ đi sao được!

Thế tử sai người đi từ biệt thầy mình là Hồ Đột rằng:

- Thân Sinh có tội, không nghe lời của thầy họ Bá (2) để đến nỗi phải chết. Thân Sinh không dám cầu cái chết. Nhưng vua ta đã già rồi, mà lại ít con cái đó là điều khó cho nước nhà. Thầy ở lại mà trị nước thì chưa dám chắc nhưng thầy mà ra (ngoài nước khác) mà trị nước (ấy) thì Thân Sinh này có chết cũng cam.

Rồi đó cúi đầu lay mà chịu chết. Vì vậy mà (Thân Sinh) được ban thụy hiệu là Cung thế tử.

Chú thích:

(1)- *Thân Sinh*: con vua Tấn, đã được phong làm thế tử. Thiếp Lệ Cơ vì muốn cho mình thay ngôi thế tử nên hết lời dèm pha Thân Sinh, buộc tội thế tử. Vua nghe theo ban lệnh cho Thân Sinh phải chết.

(2)- **Họ Bá:** là họ của Hồ Đột, thầy dạy của Thân Sinh.

Nguyên văn:

曾子寢疾，病。乐正子春坐于床下，曾元、曾申坐于足。童子隅坐而执烛。

童子曰：“华而睨，大夫之箠与？”子春曰：“止！”曾子闻之，瞿然曰：“呼！”曰：“华而睨，大夫之箠与？”曾子曰：“然。斯季孙之赐也，我未之能易也。元起易箠！”曾元曰：“夫子之病革矣，不可以变。幸而至于旦，请敬易之。”曾子曰：“尔之爱我也不如彼。君子之爱人也以德，细人之爱人也以姑息。吾何求哉？吾得正而毙焉，斯已矣！”

举扶而易之。反席未安而没。

Phiên âm:

6. Tăng tử ốm tật, bệnh, Nhạc Chính Tử Xuân tọa ư sàng hạ, Tăng Nguyên, Tăng Thân ư túc, đồng tử ngưng tọa chấp chúc. Đồng tử viết: "Hoa nhi hoãn, đại phu chi trách dư?" Tăng tử viết: "Nhiên. Tu Quý Tôn chi tứ dã. Ngã vị chi năng dịch dã. Nguyên khởi dịch trách" Tăng Nguyên viết: "Phu tử chi bệnh cách hĩ, bất khả dĩ biến. Hạnh nhi chí ư đán, thỉnh kính dịch chi ". Tăng tử viết: "Nhĩ chi ái ngã dã bất tri bl. Quân tử chi ái nhân dã dĩ đức, tể nhân chi ái nhân dã dĩ cô tức. Ngô hà cầu tai ? Ngô đắc chính nhi tể yên, tư dĩ hĩ". Cử phủ nhi dịch chi, phản tịch vị an nhi một.

Dịch nghĩa:**6. TĂNG TỬ THAY CHIẾU.**

Tăng tử nằm bệnh, Nhạc Chính Tử Xuân (1) ngồi ở dưới giường, Tăng Nguyên, Tăng Thân (2) ngồi ở dưới chân, đồng tử ngồi ở góc cầm đuốc. Đồng tử thưa:

- Chiếu hoa mà thêu, có phải là chiếu của bậc đại phu chăng?

Tử Xuân quát:

- Im đi!

Tăng tử nghe tiếng cất tiếng rên. Đồng tử hỏi lại:

- Chiếu hoa mà thêu, có phải là chiếu của bậc đại phu chăng?

Tăng tử đáp:

- Đúng vậy. Đó là chiếu của Quý Tôn ban cho ta, ta chưa kịp thay. Nguyên, đứng lên thay (chiếu) cho ta.

Tăng Nguyên thưa:

- Bệnh phu tử đã nặng không nên thay đổi. Nếu may (còn sống) tới sáng mai, con xin thay.

Tăng tử đáp:

- Người không yêu ta bằng nó. Quân tử lấy đức mà yêu người,

người thường yêu người chỉ tạm bợ. Ta có cần gì đâu? Chỉ mong chết một cách ngay thẳng, vậy đó thôi.

(Các con) vội nâng Tăng tử dậy (để thay chiếu). Thay xong nằm chưa yên liền chết.

Chú thích:

(1)- *Nhạc Chính Tử Xuân*: học trò của Tăng tử.

(2)- *Tăng Nguyên, Tăng Thân*: hai con của Tăng tử.

Nguyên văn:

伯高之喪，孔氏之使者未至，冉子攝束帛乘馬而將之。孔子曰：“異哉！徒使我不誠于伯高。”

伯高死于卫，赴于孔子。孔子曰：“吾恶乎哭诸？兄弟，吾哭诸庙。父之友，吾哭诸庙门之外。师，吾哭诸寝。朋友，吾哭诸寝门之外。所知，吾哭诸野。于野则已疏，于寝则已重。夫由赐也见我，吾哭诸赐氏。”遂命子贡为之主，曰：“为尔哭也来者，拜之。知伯高而来者，勿拜也。”

Phiên âm :

7. Bá Cao chỉ tang, Khổng thị chỉ sứ giả vị chí, Nhiễm tử nhiếp thúc bạch, thừa mã nhi tương chi. Khổng Tử viết: "Dị tai ! Đồ sử ngã bất thành ư Bá Cao".

Bá Cao tử ư Vệ, phó ư Khổng Tử. Khổng Tử viết: "Ngô ố hồ khóc? Chư huynh đệ, ngô khóc chư miếu; phụ chi hữu, ngô khóc chư miếu môn chi ngoại; sư, ngô khóc chư tẩm; bằng hữu, ngô khóc chư tẩm môn chi ngoại; sở tri, ngô khóc chư dã. U dã tắc dĩ sơ, ư tẩm tắc dĩ trọng. Phù do tứ dã kiến ngã, ngô khóc chư tứ thị" Toại mệnh Tử Cống chi chủ, viết: "Vị nhĩ khóc dã lai giả, bá chi; tri Bá Cao nhi lai giả, vật bá dĩ dã".

Dịch nghĩa:**7. KHỔNG TỬ ĐI LỄ TANG.**

Tang lễ Bá Cao, Khổng Tử chưa kịp sai sứ giả tới, Nhiễm tử đã mang vải lụa cỡi ngựa đến (phúng điếu). Khổng Tử nói :

- Vậy là khác rồi! Chỉ khiến ta không giữ được lòng thành với Bá Cao!

Bá Cao chết ở nước Vệ, sai báo tin cho Khổng Tử (biết). Khổng Tử bảo:

- Ta biết khóc (Bá Cao) ra sao? Nếu là anh em, ta phải khóc ở trong miếu, nếu là bạn của cha, ta phải khóc ngoài cửa miếu; nếu là thầy dạy, ta phải khóc trong phòng; nếu chỉ là người quen biết, ta sẽ khóc ngoài đồng. Khóc ngoài đồng là sơ, khóc trong phòng là thân nặng. (Bá Cao) là do Tứ (tức Tử Cống) dẫn đến gặp ta, ta sẽ khóc ở nhà Tứ.

Liền sai Tử Cống làm chủ tang rằng:

- Người đến viếng khóc vì người, người hãy bái trả, còn người đến viếng chỉ quen biết Bá Cao, người khỏi cần bái.

Nguyên văn:

孔子之卫，遇旧馆人之丧，入而哭之哀。出，使子贡说驂而赙之。

子贡曰：“于门人之丧，未有所说驂。说驂于旧馆，无乃已重乎？”夫子曰：“予乡者入而哭之，遇于一哀而出涕；予恶夫涕之无从也，小子行之！”

孔子在卫。有送葬者，而夫子观之，曰：“善哉为丧乎！足以为法矣，小子识之。”子贡曰：“夫子何善尔也？”曰：“其往也如慕，其反也如疑。”子贡曰：“岂若速反而虞乎？”子曰：“小子识之。我未之能行也。”

Phiên âm:

8. Khổng Tử chi Vệ, ngộ cựu quán nhân chi tang, nhập nhi khốc chi ai, xuất, sử Tử Cống thuyết tham nhi phụ chi. Tử Cống viết: "Ư môn nhân chi tang, vị hữu sở thuyết tham, thuyết tham ư cựu quán, vô nãi dĩ trọng hồ?" Phụ tử viết: "Tử hươg giả nhân nhi khốc chi, ngộ như nhất ai nhi xuất thế. Dư ô phụ thế chi vô tòng dã, tiểu tử hành chi!"

Khổng Tử tại Vệ, hữu tống táng giả, nhi phu tử quan chi, viết: "Thiện tai vi tang hồ ! Túc dĩ vi pháp hĩ. Tiểu tử thức chi !" Tử Cống viết: "Phu tử hà thiện nhi dã ?" Viết: "Kỳ vãng dã như mộ, kỳ phản dã như nghi". Tử Cống viết: "Khởi nhược tốc phản nhi ngu hồ?" Tử viết: "Tiểu tử thức chi ! Ngã vị chi năng hành dã ".

Dịch nghĩa:

8. KHỔNG TỬ XEM ĐÁM TANG.

Khi Khổng Tử ở nước Vệ, gặp đám tang chủ nhân cũ của nhà trọ, Khổng Tử vào khóc rất bi ai. Khi ra ngoài, bên sai Tử Cống đem ngựa vào phúng điếu. Tử Cống hỏi:

- Đám tang của môn nhân đệ tử, thầy chưa hề dùng ngựa phúng điếu, nay phúng điếu ngựa cho chủ quán cũ, có trọng thể lắm không?

Phu tử đáp:

- Khi ta vào (viếng) người nhà thấy ta mà khóc, họ bi ai vì ta mà rơi lệ khiến ta cũng rơi lệ, con cứ làm (theo lời ta) đi!

Khổng Tử ở nước Vệ, có lần nhìn thấy một đám tang, phu tử đứng xem, bảo:

- Đám tang (tổ chức) hay quá! Đủ làm khuôn phép đấy! Các con hãy nhận rõ!

Tử Cống hỏi:

- Sao thầy khen họ lắm vậy?

Đáp:

- Họ đưa tiễn thân nhân đi với vẻ kính mộ, khi họ ra về thương nhớ như còn ngờ (người nhà chưa chết)

Tử Cống nói:

- Vậy sao bằng quay về mau mau để lo tế lễ có hơn không?

Đáp:

- Các con hãy biết đấy! Chưa chắc ta đã làm được như họ!

Nguyên văn:

子夏喪其子而喪其明。曾子吊之，曰：“吾聞之也，朋友喪明則哭之。”曾子哭。子夏亦哭，曰：“天乎！予之無罪也。”曾子怒，曰：“商！女何無罪也？吾與女事夫子于洙、泗之間，退而老于西河之上。使西河之民疑女于夫子，爾罪一也。喪爾親，使民未有聞焉，爾罪二也。喪爾子，喪爾明，爾罪三也。而曰女何無罪與！”子夏投其杖而拜，曰：“吾過矣，吾過矣！吾離群而索居，亦已久矣！”

Phiên âm:

9. Tử Hạ tang kỳ tử chi tang kỳ minh. Tăng tử điếu chi viết: "Ngô văn chi dã, bằng hữu tang minh tắc khốc chi." Tăng tử khốc, Tử Hạ điệp khốc, viết: "Thiện hồ ! Dư chi vô tội dã !" Tăng tử nội viết: "Thương ! Nhữ hà vô tội dã ? Ngô dĩ nhữ sự phu tử ư Thù, Tử chi gian, thối nhi lão ư tây hà chi thượng, sử tây hà chi dân nghi nhữ ư phu tử, nhữ tội nhất dã. táng nhữ thân, sử dân vị hữu văn yên, nhữ tội nhị dã. Nhi viết tử, tang nhữ minh, nhữ tội tam dã. Nhữ viết nhữ hà vô tội dư?" Tử Hạ đầu kỳ trượng nhi bái viết: "Ngô quá hĩ !Ngô quá hĩ

Ngô ly quần nhi sách cư diệc dĩ cữu hĩ “.

Dịch nghĩa:

9. TỬ HẠ CHẾT CON.

Vì con chết, Tử Hạ khóc đến mù mắt. Tăng tử đến điều nói:

- Tôi nghe rằng, có bằng hữu bị mù mắt tất ta phải khóc.

Rồi Tăng tử khóc, Tử Hạ cũng khóc theo than:

- Trời ơi! Tôi có tội gì đâu!

Tăng tử nổi giận:

- Thương! (1) Ông sao lại vô tội? Tôi và ông theo thờ thầy ở bên sông Thù sông Tử (2), rồi ông lui về ở ẩn bên sông Tây hà (3) khiến dân Tây hà ngỡ ông chưa hề học được đạo gì của thầy, đó là một tội. Khi cha mẹ ông mất, ông không cho ai hay, đó là hai tội. Con ông chết, ông khóc cho đến mù, đó là ba tội, sao lại nói ông không tội gì?

Tử Hạ buông cây trượng xuống bái rằng:

- Tôi có lỗi! Tôi có lỗi! Tôi rời bỏ cuộc đời ẩn cư lâu quá rồi (nên không hiểu gì về lễ).

Chú thích:

(1)- *Thương*: tên thật của Tử Hạ.

(2)- *sông Thù, sông Tử*: hai con sông ở nước Lỗ, quê hương của Khổng Tử.

(3)- *Tây hà*: địa danh nơi Tử Hạ ẩn cư.

Nguyên văn:

孔子之喪，門人疑所服。子貢曰：“昔者

夫子之丧颜渊，若丧子而无服；丧子路亦然。请丧夫子若丧父而无服。”

Phiên âm:

10. Khổng Tử chi tang, môn nhân nghi sở phục. Tử Cống viết: "Tích giả phu tử chi tang Nhan Uyên, nhược tang tử nhi vô phục. Tang Tử Lộ diệc nhiên. Thỉnh tang phu tử nhược tang phu nhi vô phục."

Dịch nghĩa:

10. ĐÁM TANG KHỔNG TỬ.

Đám tang Khổng Tử, các môn nhân đệ tử đều ngỡ rằng (mình) phải mặc tang phục. Tử Cống nói:

- Xưa kia, thầy để tang Nhan Uyên như để tang con ruột mà vẫn không mặc tang phục. Lúc để tang Tử Lộ cũng vậy. Xin chúng ta cứ để tang thầy như để tang cha mà không cần mặc tang phục (nghĩa là chỉ cần thực sự bi ai là đủ).

Nguyên văn:

有子问于曾子曰：“问丧于夫子乎？”曰：“闻之矣：丧欲速贫，死欲速朽。”有子曰：“是非君子之言也。”曾子曰：“参也闻诸夫子也。”有子又曰：“是非君子之言也。”曾子曰：“参也与子游闻之。”有子曰：“然。然则夫子有为言之也。”

曾子以斯言告于子游。子游曰：“甚哉，有子之言似夫子也！昔者夫子居于宋，见桓

司马自为石椁，三年而不成。夫子曰：‘若是其靡也，死不如速朽之愈也。’死之欲速朽，为桓司马言之也。南宫敬叔反，必载宝而朝。夫子曰：‘若是其货也，丧不如速贫之愈也。’丧之欲速贫，为敬叔言之也。”

曾子以子游之言告于有子。有子曰：“然。吾固曰：‘非夫子之言也’。”曾子曰：“子何以知之？”有子曰：“夫子制于中都，四寸之棺，五寸之椁，以斯知不欲速朽也。昔者夫子失鲁司寇，将之荆，盖先之以子夏，又申之以冉有，以斯知不欲速贫也。”

Phiên âm:

11. Hữu tử vấn ư Tăng tử viết: "Vấn tang ư phu tử hử?" Viết: "Vấn chi hĩ: tang dục tốc bản, tử ư tốc hủ". Hữu tử viết: "Thị phi quân tử chi ngôn dã". Tăng tử viết: "Sâm dã văn chư phu tử dã". Hữu tử hựu viết: "Thị phi quân tử chi ngôn dã." Tăng tử viết: "Sâm dã dữ Tử Du vấn chi". Hữu tử viết: "Nhiên. Nhiên tắc phu tử hữu vi ngôn chi dã?" Tăng tử dĩ tư ngôn cáo ư Tử Du. Tử Du viết: "Thậm tai! Hữu tử chi ngôn tợ phu tử dã. Tích giả phu tử cư ư Tống, kiến Hoàn tư mã tự vi thạch quách, tam niên nhi bất thành. Phu tử viết: 'Nhược thị kỳ mi dã'. Tử bất như tốc hủ chi dã dã. Tử chi dục tốc hủ, vi Hoàn tư mã ngôn chi dã. Nam Cung Kinh Thúc phản, tất đối bảo nhi triều. Phu tử viết: 'Nhược thị kỳ hóa dã! Tang bất như tốc bản chi dã dã'. Tang chi dục tốc bản, vi Kinh Thúc ngôn chi dã".

Tăng tử dĩ Tử Du chi ngôn cáo ư Hữu tử. Hữu tử viết: "Nhiên. ngô cố viết phi phụ tử chi ngôn dã". Tăng tử viết: "Tử hà dĩ tri chi?" Hữu tử viết: "Phụ tử chế ư trung đồ, tử thốn chi quan, ngũ thốn chi quách, dĩ tư tri bất dục tốc hủ dã. Tích giả phụ tử thất Lỗ tư khấu, tương chi kinh, cái tiên chi dư Tử Hạ, hựu thân chi dĩ Nhiễm Hữu, dĩ tư tri bất dục tốc bản dã."

Dịch nghĩa:

11. KHỔNG TỬ NÓI VỀ LỄ TANG VÀ MẤT QUAN.

Hữu tử hỏi Tăng tử:

- Ông có bao giờ hỏi thầy về việc mất chức quan thì phải xử sự ra sao không? (1)

Đáp:

- Tôi có nghe (thầy) nói thế này: mất chức quan thì nên mau nghèo, như chết đi xác nên mau nát.

Hữu tử nói:

- Đấy đâu phải lời nói của bậc quân tử.

Tăng tử đáp:

- Chính Sâm (2) này nghe lời ấy mà.

Hữu tử vẫn nói:

- Đấy không phải lời nói của bậc quân tử đâu.

Tăng tử đáp:

- Chính Sâm và Tử Du đã nghe lời như thế mà.

Hữu tử đáp:

- Vâng, nhưng chắc không phải là lời nói của thầy.

Tăng tử đem câu ấy nói với Tử Du. Tử Du nói:

- Đúng thay! Lời của Hữu tử giống như lời của thầy chúng ta lắm. xưa kia khi thầy ta ở nước Tống thấy Hoàn tư mã (3) tự làm cái áo quách bằng đá ba năm mà chưa xong, thầy mới bảo: 'Nếu tốn kém như thế thì chi bằng lúc chết (xác) mau nát thì hơn' Câu

‘chết đi xác nên mau nát’ là câu thầy nói với Hoàn tư mã đầy thôi. Còn Nam Cung Kính Thúc (4) khi mất chức quan về nước lần nào quay về cũng mang theo nhiều vật quý mong cầu được phục chức. Thầy ta mới bảo: ‘Nếu quan chức mà mua được như thế, chỉ bằng lúc mất chức mau nghèo thì hơn!’. Câu ‘mất chức quan thì nên mau nghèo’ là câu thầy nói với Kính Thúc đầy thôi.

Tăng tử đem lời Tử Du kể với Hữu tử. Hữu tử bảo:

- Đúng vậy, tôi đã cương quyết nói đó không phải là lời nói của thầy mà.

Tăng tử hỏi:

- Làm sao ông biết vậy?

Hữu tử đáp:

- Khi thầy làm quan Trung đô tể đã định ra phép tắc làm áo quan đầy bốn tấc, làm áo quách đầy năm tấc, đủ biết (thầy) không muốn xác sau khi chết mau nát. Xưa trước lúc thầy mất chức Tư khấu ở nước Lỗ, thầy sắp qua đất Kinh bèn sai Tử Hạ và Nhiễm Hữu qua đó sắp đặt quan sát trước, đủ biết (thầy) không muốn sau khi mất chức quan phải mau nghèo đâu.

Chú thích:

(1)- sách xưa chú giải chữ *tang* ở đây là mất chức quan gọi là *tang* (sĩ nhi thất vị viết tang)

(2)- *Sâm*: tên húy của Tăng tử.

(3)- *Hoàn tư mã*: tức là Hoàn Ly.

(4)- *Kính Thúc*: đại phu của nước Lỗ.

Nguyên văn:

公叔木有同母异父之昆弟死，问于子游。
子游曰：“其大功乎？”狄仪有同母异父之昆

弟死，问于子夏。子夏曰：“我未之前闻也。鲁人则问之齐衰。”狄仪行齐衰。今之齐衰，狄仪之问也。

子思之母死于卫。柳若谓子思曰：“子，圣人之后也，四方于子乎观礼，子盖慎诸！”子思曰：“吾何慎哉？吾闻之：有其礼，无其财，君子弗行也。有其礼，有其财，无其时，君子弗行也。吾何慎哉！”

Phiên âm:

12. Công Thúc Mộc hữu đồng mẫu di phụ chi côn đệ tử, vấn ư Tử Du. Tử Du viết: "Kỳ đại công hồ !" Dịch Nghi hữu đồng mẫu di phụ chi côn đệ tử, vấn ư Tử Hạ. Tử Hạ viết: "Ngã vị chi tiền văn dã. Lỗ nhân tắc vị chi Tề ai". Dịch Nghi hành Tề ai. Kim chi Tề ai, Dịch Nghi chi văn dã.

Tử Tư chi mẫu tử ư Vệ, Liễu Nhược vị Tử Tư viết: "Tử, thánh nhân chi hậu dã. Tứ phương ư tử hồ quan lễ, tử cái thận chư !" Tử Tư viết: "Ngô hà thận tai ! Ngô văn chi: Hữu kỳ lễ, vô kỳ tài, quân tử phát hành dã; hữu kỳ lễ, hữu kỳ tài, vô kỳ thời, quân tử phát hành dã. Ngô hà thận tai !"

Dịch nghĩa:

2. BÀN VỀ TANG NGHỊ

Công Thúc Mộc có người em cùng mẹ khác cha chết, bèn hỏi

Tử Dư xem phải cử hành tang lễ ra sao. Tử Dư đáp:

- Nên mặc tang phục đại công!

Địch Nghi cũng có người em cùng mẹ khác cha chết, bèn hỏi Tử Hạ. Tử Hạ đáp:

- Trước đây, ta chưa hề nghe phải mặc tang phục ra sao, nhưng nếu là người nước Lỗ ắt sẽ theo tục nước Tề để tang ba tháng.

Địch Nghi bèn làm theo tục nước Tề. Đến nay vẫn theo tục nước Tề vì có câu hỏi ấy của Địch Nghi vậy.

Mẹ Tử Tư chết ở đất Vệ, Liễu Nhược nói với Tử Tư:

- Ông là hậu duệ (học trò) của thánh nhân. Bốn phương (chung quanh) sẽ quan sát xem ông thực hành lễ ra sao đấy. Ông nên cẩn thận!

Tử Tư đáp:

- Việc gì tôi phải cẩn thận! Tôi nghe rằng: có lễ đấy nhưng không tiền, quân tử không thi hành được; có lễ đấy, nhưng không đúng lúc, quân tử cũng không thi hành. Việc gì tôi phải cẩn thận!

Nguyên văn:

孔子之喪，有自燕來觀者，舍于子夏氏。
子夏曰：“聖人之葬人与？人之葬聖人也，子何觀焉？昔者夫子言之曰：‘吾見封之若堂者矣，見若坊者矣，見若覆夏屋者矣，見若斧者矣，从若斧者焉。’马鬣封之谓也。今一日而三斩板，而已封，尚行夫子之志乎哉！”

Phiên âm:

13. Khổng Tử chi tang, hữu tự Yên lai quan giả, xá ư Tử Hạ thị. Tử Hạ viết: "Thánh nhân chi táng nhân dư? Nhân chi táng thánh nhân dã, tử hà quan yên? Tích giả phu tử ngôn chi viết: 'Ngô kiến phong chi nhược đường giả hĩ, kiến nhược phường giả hĩ, kiến nhược phúc hạ ốc giả hĩ, kiến nhược gia giả hĩ. Tòng nhược gia giả yên'. Mã hiệp phong chi vị dã. Kim nhất nhật nhi tam trăm bản, nhi dĩ phong, thượng hành phu tử chi chí hồ tại!"

Dịch nghĩa:**13. VIẾNG TANG KHỔNG TỬ.**

Tang lễ của Khổng Tử, có người nước Yên đến viếng, tạm ngụ ở nhà Tử Hạ. Tử Hạ hỏi:

- Dù là lễ tang của thánh nhân táng người hay là lễ tang của người (thường) táng thánh nhân cũng đâu có gì khác nhau, ông muốn đến xem điều gì? Xưa kia tã có nghe thầy dạy: 'Ta đã thấy những ngôi mộ xây móng vững chắc như tòa nhà, bốn bề cao lớn, ta lại thấy mộ xây chung quanh như bờ đê, thấy mộ như ngôi nhà lớn, thấy mộ xây như hình lưới búa, phần trên nhỏ hẹp như sống dao, theo ta là thích hợp hơn cả mà lại dễ xây nên lời tục gọi (kiểu mộ) này là "Mã hiệp phong". Kiểu mộ này ở bên trên như miếng thịt mỏng, thế đất kín đáo. Nay chúng tôi xây cho thầy kiểu mộ ấy để thực hiện cái chí của thầy vậy!"

Nguyên văn:

鲁庄公及宋人战于乘丘。县贲父御，卜
国为右。

马惊败绩，公队，佐车授绥。公曰：“未

之卜也。”县责父曰：“他日不败绩，而今败绩，是无勇也。”遂死之。

圉人浴马，有流矢在白肉。公曰：“非其罪也。”遂诛之。士之有诛，自此始也。

Phiên âm:

14. Lỗ Trang công cập Tống nhân chiến ư Thừa Khâu. huyện Phụ ngự, Bốc Quốc vi hữu. Mã Kinh bại tích, công đội, tá xa thụ tuy. Công viết: "Mạt chi bốc dã" Huyện Bôn Phụ viết: "Tha nhật bất bại tích, nhi kim bại tích, thì vô dũng dã." Toại tử chi. Ngự nhân dục mã, hữu lưu thỉ tại bạch nhục. Công viết: "Phi kỳ tội dã". Toại lỗi chi. Sĩ chi hữu tội, tự thử thủy dã.

Dịch nghĩa:

14. Lỗ Trang công đánh nhau với người nước Tống ở Thừa Khâu có Huyện Bôn Phụ cầm cương ngựa, bên hữu là Bốc Quốc hộ vệ. Đột nhiên ngựa kinh hoảng như có dấu hiệu thua trận. Vừa lúc Trang công sắp ngã thì xe sau chạy tới cứu Trang công lên xe. Công nói:

- Bốc Quốc làm hỏng việc ta rồi!

Huyện Bôn Phụ tâu:

- Xưa nay chưa hề thua, nay lại thua là do chúng ta thiếu dũng cảm.

Rồi sau đó chết trận. Sau đó kẻ tẩm ngựa mới biết sau vó ngựa (của Trang công) có vết trứng mũi tên (vì vậy nó mới kinh hoảng). Công mới nói:

- Thì ra không phải do tội của Bôn Phụ và Bốc Quốc.

Sau đó truy tặng cho cả hai. Từ đó có tục ấy.

CHƯƠNG THỨ BỐN

ĐÀN CUNG (HẠ)

檀弓下

Nguyên văn:

1. 晋献公之丧，秦穆人使人吊公子重耳，且曰：“寡人闻之，亡国恒于斯，得国恒于斯。虽吾子俨然在忧服之中，丧亦不可久也，时亦不可失也，孺子其图之！”

以告舅犯。舅犯曰：“孺子其辞焉。丧人无宝，仁亲以为宝。父死之谓何！又因以为利，而天下其孰能说之？孺子其辞焉！”

公子重耳对客曰：“君惠吊亡臣，重耳身丧父死，不得与于哭泣之哀，以为君忧。父死之谓何！或敢有他志，以辱君义？”稽顙而不拜，哭而起，起而不私。

子显以致命于穆公。穆公曰：“仁夫公子重耳！夫稽顙而不拜，则未为后也，故不成拜。哭而起，则爱父也。起而不私，则远利也。”

Phiên âm:

1. Tấn Hiếu công chhi tang, Tần Mục công sử nhân diếu công tử Trùng Nhĩ, thả viết: "Quả nhân vãn chi, vọng quốc hằng ư tư, ước quốc hằng ư tư. Tuy ngô tử nghiêm nhiên tại ư phục chi trung, tang diệc bất khả cứu dã, thời diệc bất khả thất dã. Nhu tử kỳ đồ chi !" Dĩ cáo Cửu Phạm, Cửu Phạm viết: "Nhu tử kỳ tử yên ! Tang nhân vô bảo, nhân thân dĩ vi bảo. Phụ tử chi vị hà? Hậu nhân dĩ vi lợi, nhi thiên hạ kỳ thực năng khuyết chi? Nhu tử kỳ tử yên !" Công tử Trùng Nhĩ đối khách viết: "Quân huệ diếu vong thần Trùng Nhĩ, thân tang phụ tử, bất đắc dĩ ư khóc khắp chi ai, dĩ vi quân ư. Phụ tử chi vị hà? Hoặc cảm hữu tha chí, dĩ nhục quân nghĩa ". Khế tằng nhi bất bá, khóc như khởi, khởi nhi bất tư. Tử Hiển dĩ trí mệnh ư Mục công. Mục công viết: "Nhân phù công tử Trùng Nhĩ ! Phù khế tằng nhi bất bá, tắc vị vi hậu dã, cố bất thành bá. Khóc nhi khởi, tắc ái phụ dã; khởi nhi bất tư, tắc viễn lợi dã ".

Dịch nghĩa:**1. TRÙNG NHĨ ĐÁP KHÁCH TÂN.**

Hiến công nước Tấn chết, Tần Mục công sai sứ đến an ủi công tử Trùng Nhĩ (1) rằng:

- Quả nhân nghe nói, mất nước ở dịp này mà được nước cũng ở dịp này. Tuy công tử đang có tang nhưng cũng đâu có tang lâu mãi được, mà thời thì không thể bỏ lỡ. Công tử hãy lo liệu đi!

Trùng Nhĩ đem lời ấy hỏi Cửu Phạm (2), Cửu Phạm nói:

- Công tử hãy từ chối! Đang có tang, điều gì là quý giá nhất? Là nhân ái với cha mẹ. Cha chết là sao? Nỡ vì lợi mình thì thiên hạ ai bình vực nữa? Công tử hãy từ chối đi!

Công tử Trùng Nhĩ nói với sứ giả:

- Nhà vua thương ban viếng vong thần Trùng Nhĩ này, thân

đang mang tang cha không được ở bên cạnh mà than khóc để buồn lo cho nhà vua. Cha chết là việc thế nào? Đâu dám có chí gì khác để nhúc đến nghĩa của nhà vua.

Rồi cúi đầu sát xuống nhưng không lạy (3), xong khóc đứng lên không nói gì nữa. Tử Hiển (4) về phục mạng lại với Mục công. Mục công nói:

- Công tử Trùng Nhĩ là người nhân vậy thay! Cúi sát đầu mà không lạy là vì chưa kế ngôi nên lễ chưa thành. Khóc đứng lên là lòng yêu cha, không nói gì thêm nữa là không nghĩ tới lợi riêng mình.

Chú thích:

(1)- *Công tử Trùng Nhĩ*: con vua nước Tấn, khi Hiển công chết, Trùng Nhĩ đang trốn ở đất Cù (một dân tộc ít người ở tây bắc Trung quốc

(2)- *Câu Phạm*: tức Hồ Yến tự là Tử Phạm, cậu của Trùng Nhĩ.

(3)-: nguyên tác là *khể tửng*, lễ nghi của chủ nhân đối với các khách đến viếng cha chết, đầu cúi chạm đất rồi cất lên.

(4)- *Tử Hiển*: tên sứ giả của Tấn Mục công.

Nguyên văn:

悼公之喪，季昭子問于孟敬子曰：“為君何食？”敬子曰：“食粥，天下之達禮也。吾三臣者之不能居公室也，四方莫不聞矣。勉

而为瘠，则吾能，毋乃使人疑夫不以情居瘠者乎哉？我则食食。”

卫司徒敬子死。子夏吊焉，主人未小敛，经而往，子游吊焉，主人既小敛，子游出，经反哭。

子夏曰：“闻之也与？”曰：“闻诸夫子：主人未改服，则不经。”

曾子曰：“晏子可谓知礼也已，恭敬之有焉。”有若曰：“晏子一狐裘三十年，遣车一乘，及墓而反。国君七个，遣车七乘；大夫五个，遣车五乘。晏子焉知礼？”

曾子曰：“国无道，君子耻盈礼焉。国奢，则示之以俭；国俭，则示之以礼。”

Phiên âm:

2. Điều công chi tang, Quý Chiêu tử vấn ư Mạnh Kính tử viết: "Vị quân hà thực?" Kính tử viết: "Thực chúc, thiên hạ ch đạt lễ dã. Ngô tam thần giả chi bất năng cư công thất dã, tứ phương mạc bất văn hĩ. Miễn nhi vị tích, tắc ngô năng, vô nãi sử nhân nghi phu bất dĩ cư tích giả hồ tại! Ngã tắc thực thực."

Vệ Tư Đồ Kính tử tử, Tử Hạ điều yên, chủ nhân vị tiểu liễm, diệt nhi vãng. Tử Du điều yên, chủ nhân ký tiểu liễm, Tử Du xuất diệt, phản khốc. Tử Hạ viết: "Văn chi dã dư?" Viết: "Văn chư phụ tử: chủ nhân vị cải phục, tắc bất diệt".

Tăng tử viết: "Án tử khả vị tri lễ dã dĩ, cung kính chi hữu yên." Hữu Nhược viết: "Án tử nhất hồ cừu tam thập niên, khiến xa nhất thừa, cập mộ nhi phản. Quốc quân thất cá, khiến xa thất thừa, đại phu ngũ cá, khiến xa ngũ thừa. Án tử yên tri lễ?" Tăng tử viết: "Quốc vô đạo, quân tử sĩ danh lễ yên. Quốc xa tắc thị chi dữ kiệm, quốc kiệm tắc thị chi dĩ lễ".

Dịch nghĩa:**2. CÁC KIỂU LỄ TANG.**

Tang lễ Điều công (1), Chiêu tử (2) hỏi Mạnh Kính tử (3) rằng:

- Tôi phải ăn uống ra sao mới đúng lễ thờ vua?

Kính tử đáp:

- Ăn cháo, là lễ của thiên hạ. Còn nhà "tam thần" (4) ta không được ở nhà lớn, bốn phương ai cũng biết được điều ấy rồi. Ta có cố gắng (ăn cháo) cho gầy ốm bớt cũng có thể được nhưng chỉ sợ làm vậy chỉ khiến cho người ta nghi ngờ ta cố ý làm cho gầy mòn mà thiếu tình cảm chân thật. Bởi vậy chỉ bằng ta cứ ăn uống bình thường.

Tư đồ là Kính tử (5) nước Vệ chết, Tử Hạ đến điếu, chủ nhân chưa làm lễ liệm mà Tử Hạ đã đội mũ “điệt” (mũ gai khi có tang). Tử Du cũng đến điếu, lúc ấy chủ nhân đã liệm xong, Tử Du đội mũ “điệt”, khóc lớn. Tử Hạ hỏi:

- Xin nói cho nghe lễ như thế nào mới đúng?

Đáp:

- Tôi nghe thầy dạy: chủ nhân chưa làm lễ liệm, chưa mặc tang phục thì ta chưa được đội mũ “điệt”.

Tăng tử nói:

- Án tử (6) có thể gọi là người biết lễ, ông ta rất cung kính.

Hữu Nhược nói:

- Án tử ba mươi năm mặc một áo hồ cừu, xe chỉ đi một cái, khi làm lễ tang vừa đưa đến mộ đã vội vàng quay về. Theo lễ, bậc vua một nước theo đúng lễ tang phải có bảy cỗ xe, còn đại phu năm cỗ xe mới phải, như vậy Án tử sao gọi là biết lễ được? (Vì Án tử là đại phu, theo đúng lễ phải có năm cỗ xe chứ không thể có một cỗ).

Tăng tử giải thích:

- Nước không có đạo, bậc quân tử tự thẹn vì phải theo những lễ nghi vô nghĩa. Khi nước xa xỉ quá, quân tử phải làm gương cho sự tiết kiệm, khi nước tiết kiệm quá, quân tử lại lấy lễ để làm gương.

Chú thích:

(1)- *Điếu công*: con của Lỗ Ai công.

(2)- *Chiêu tử*: cháu của Khang tử, tên là Cường.

(3)- *Kính tử*: con của Võ Bá, tên là Tiệp.

(4)- *tam thân*: tức ba nhà Trọng tôn, Thúc tôn và Quý tôn.

(5)- *Tư đồ Kính tử*: tên là Kính tử, chức quan là tư đồ nên lấy chức quan làm họ.

(6)- *Án tử*: tức Án Anh, đại phu nước Tề.

Nguyên văn:

知悼子卒，未葬。平公饮酒，师旷、李调侍，鼓钟。

杜蕢自外来，闻钟声，曰：“安在？”曰：“在寝。”杜蕢入寝，历阶而升，酌，曰：“旷饮斯！”又酌，曰：“调饮斯！”又酌，堂上北面坐饮之，降，趋而出。

平公呼而进之，曰“蕢！曩者尔心或开予，是以不与尔言。尔饮旷何也？”曰：“子卯不乐。知悼子在堂，斯其为子卯也大矣！旷也，大师也，不以诏，是以饮之也。”“尔饮调何也？”曰：“调也，君之褻臣也，为一饮一食，忘君之疾，是以饮之也。”“尔饮何也？”曰：“蕢也，宰夫也，非刀匕是共，又敢与知防，是以饮之也。”

平公曰：“寡人亦有过焉。酌而饮寡人！”杜蕢洗而扬觶。公谓侍者曰：“如我死，则必无废斯爵也！”至于今，既毕献，斯扬觶，谓之“杜举”。

Phiên âm:

3. Trí Diệu tử tốt, vị táng. Bình công ẩm tửu, Sư Khoáng, Lý Diệu thị, cổ chung. Đỗ Khoái tự ngoại lai, văn chung thanh, viết: "An tại?" Viết: "Tại tửm". Đỗ Khoái nhập tửm, lịch giai nhi thăng, chúc viết: "Khoáng ẩm tử !" Hựu chúc viết: "Diệu ẩm tử !" Hựu chúc, đường thượng bắc diện tọa ẩm chi, giáng, xu nhi xuất. Bình công hô nhi tiến chi, viết: "Khoái ! năng giả nhi tâm hoặc khai dư, thị dĩ bất dữ nhi ngôn. Nhi ẩm Khoáng, hà dã?" Viết: "Tý, mao bất lạc, Trí Diệu tử tại dương, tư kỳ vi tý, mao dã đại hĩ. Khoáng dã, thái sư dã, bất dĩ chiếu, thị dĩ ẩm chi dã" "Nhi ẩm Diệu, hà dã?" Viết: "Diệu dã, quân chi tiết thần dã, vi nhất ẩm nhất thực, vong quân chi tật, thị dĩ ẩm chi dã". "Nhi ẩm, hà dã?" Viết: "Khoái dã, tể phu dã, phi dao chủ thị cung, hựu cảm dữ tri phòng, thị dĩ ẩm chi dã". Bình công viết: "Quả nhân diệc hữu quá yên. Chúc nhi ẩm quả nhân !" Đỗ Khoái tấy nhi dương trí. Công vị thị giả viết: "Như ngã tử, tắc tất vô phế tư tước dã." Chí ư kim, ký tất hiển, tư dương trí, vị chi Đỗ cử.

Dịch nghĩa:**3. ĐỖ KHOÁI PHẠT RƯỢU.**

Trí Diệu tử chết (1), chưa chôn. Bình công (2) uống rượu, có Sư Khoáng, Lý Diệu (3) ngồi hầu. Họ đánh chuông khánh thành âm nhạc trợ vui. Đỗ Khoái từ ngoài đi vào nghe tiếng chuông khánh, hỏi:

- Họ ở đâu?

Đáp:

- Trong phòng ngủ.

Đỗ Khoái vào phòng ngủ, bước lên thềm, rót rượu nói:

- Khoái uống này!

Lại rót nữa nói tiếp:

- Điều uống này!

Lại rót rượu đứng xoay về hướng bắc mà uống. Rồi bước xuống thêm đi ra. Bình công gọi lại hỏi:

- Khoái! Lúc này ta tưởng ông muốn tâu gì nên chưa kịp hỏi. Tại sao ông bắt Khoái uống rượu phạt?

Đáp:

- Ngày tỵ, ngày mão không phải là ngày nên vui, Trí Diệu tử còn chưa chôn, như vậy càng nên không vui trong hai ngày tỵ, mão. Khoái là thái sư, đáng lẽ phải tâu mà không tâu, nên bị uống rượu phạt.

- Thế còn Điều, sao bị phạt?

Đáp:

- Điều là cận thần lại chỉ vì ăn uống mà quên cả tâu, cho nên bị phạt uống.

- Còn ông, sao cũng tự uống?

Đáp:

- Khoái là tể phu, công việc không ngoài mâm bát, thế mà lại dám xen vào luật lệ, nên cũng xin tự phạt.

Bình công nói:

- Quả nhân cũng có lỗi, hãy rót cho quả nhân một chén.

- Đồ Khoái rửa sạch chén, rót rượu dâng lên. Công nói với thị thân:

- Sau này ta chết, đừng bỏ hư cái chén này đấy!

Đến ngày nay sau lễ hiến có dâng một cái chén lên, gọi là lễ Đồ cử.

Chú thích:

(1)- *Trí Diệu tử*: đại phu nước Tấn.

(2)- *Bình công*: vua nước Tấn.

(3)- *Sư Khoáng*: nhạc sư nước Tấn. *Lý điều*: cận thần của Tấn Bình công.

Nguyên văn:

哀公使人吊蕢尚，遇诸道，辟于路，画宫而受吊焉。

曾子曰：“蕢尚不如杞梁之妻之知礼也！齐庄公袭莒于夺，杞梁死焉。其妻迎其柩于路而哭之哀，庄公使人吊之。对曰：‘君之臣不免于罪，则将肆诸市朝，而妻妾执。君之臣免于罪，则有先人之敝庐在。君无所辱命。’”

悼公之母死，哀公为之齐衰。有若曰：“为妾齐衰，礼与？”公曰：“吾得已乎哉！鲁人以妻我。”

季子皋葬其妻，犯人之禾。申祥以告，曰：“请庚之。”子皋曰：“孟氏不以是罪予，朋不以是弃予，以吾为邑长于斯也。买道而葬，后难继也。”

Phiên âm:

4. Ai công sử nhân diếu Khoái Thượng, ngộ chư đạo, tịch ư lộ, họa cung nhi thụ diếu yên. Tăng tử viết: "Quý Thượng bất như kỷ lương chi thể chi tri lễ dã. Tề Trang công tập lư ư đoạt, Kỷ Lương tử yên. kỳ thể nghinh kỳ quỹ ư lộ nhi khốc chi ai. Trang công sử nhân diếu chi, đối viết: "Quân chi thân bất miễn ư tội, tắc tương tứ chư thị triều, nhi thể thiếp chấp. Quân chi thân miễn ư tội, tắc hữu tiên nhân chi tề lư tại, quân vô sở nhục mệnh."

Điều công chi mẫu tử, Ai công vi chi Tề suy. Hữu Nhược viết: "Vi thể tề suy, lễ dư?" Công viết: "Ngô đắc dĩ hồ tai ! Lỗ nhân dĩ thể ngã."

Quy' tử Cao táng ư chi thể, phạm nhân chi hòa. Thân Tường dĩ cáo, viết: "Thính Canh chi." Tử Cao viết: "Mạnh thị bất dĩ thị tội dư, bằng hữu bất dĩ thị khí dư, dĩ ngô vi ấp trưởng ư tư dã. Mọi đạo nhi táng, hậu nan kế dã."

Dịch nghĩa:**4. LỖI CỦA QUÝ THƯỢNG.**

Ai công sai sứ giả đi diếu tang nhà Quý Thượng, nhưng sứ giả gặp đoàn tang (đem đi chôn) ở giữa đường. Quý Thượng tránh sang một bên rồi vẽ sơ đồ làm như tang vẫn quần tại nhà để nhận lễ vật đi diếu của sứ giả. Tăng tử biết việc ấy, phê phán:

- Quý Thượng không biết lễ bằng người vợ của Kỷ Lương trước đây nữa. Khi trước Tề Trang công đánh úp nước Lư, Kỷ Lương chết trận đưa xác về. Vợ Kỷ Lương đón linh cữu giữa đường khóc thảm thiết. Trang công sai người đến phúng diếu, người vợ ấy nói:

- Nếu vua xá tội cho thân thì xin cho về tề xá rồi đến diếu sau. Nhận lễ ở đây e rằng làm nhục đến mệnh vua.

Mẹ Điều công chết, Ai công lấy lễ nước Tề đi điệu. Hữu Nhược nói:

- Người ấy là vợ người khác (đây là nói mẹ kế của Điều công) có nên dùng lễ như vậy chăng?

Công đáp:

- Ta nghĩ rằng được! Vì tất cả dân nước Lỗ đều coi đó là vợ chính thức của ta.

Khi Quý tử Cao đưa đám tang vợ dẫm đạp hư hết lúa người khác. Thần Tờng báo lại, nói:

- Xin ông hãy đền cho người ta.

Tử Cao đáp:

- Họ Mạnh (là chủ nhân của Tử Cao) không buộc tội tôi, bạn bè tôi cũng không cho đó là lỗi, vì tôi chính là ấp trưởng ở đất ấy. Bây giờ tôi phải mua đường mới được đi mai táng qua ư? Thế thì sau này người khác cũng phải làm giống tôi ư?

Nguyên văn:

孔子过泰山侧。有妇人哭于墓者而哀，夫子式而听之。

使子路问之，曰：“子之哭也，壹似重有忧者。”而曰：“然。昔者吾舅死于虎，吾夫又死焉，今吾子又死焉。”夫子曰：“何为不去也？”曰：“无苛政。”

夫子曰：“小子识之：苛政猛于虎也！”

Phiên âm:

5. Khổng Tử quá sơn trắc, hữu phụ nhân khóc ư mộ giả nhi ai. Phu tử thức nhi thính chi, sử Tử Lộ vấn chi viết: "Tử chi khóc dã, nhất tợ trùng hữu ư giả". Nhi viết: "Nhiên. Tích giả ngô cữu tử ư ổ, ngô phu tậu tử yên, kim ngô tử hựu tử yên!" Phu tử viết: "Tiểu tử thức chi! Hà chính mãnh ư hồ dã.

Dịch nghĩa:**5. CHÍNH QUYỀN HÀ KHẮC HƠN HỔ.**

Khổng Tử đi qua bên sườn núi, nghe có tiếng phụ nữ khóc thảm thiết trước ngôi mộ. Phu tử nghiêng tai nghe rồi sai Tử Lộ đến hỏi:

- Nghe bà khóc như có điều gì lo buồn lắm?

Đáp:

Vâng, xưa bố chồng tôi chết vì bị hổ ăn thịt, rồi đến chồng tôi cũng vậy. Nay lại đến con tôi nữa.

Phu tử hỏi:

- Thế sao không dời nhà đi nơi khác?

Đáp:

- Ở đây chính quyền không hà khắc.

Phu tử nói:

- Các đệ tử hãy nhớ đấy. Chính quyền hà khắc còn đáng sợ hơn cả hổ nữa.

Ng. văn bản:

魯人有周丰也者，哀公执摯请见之。而曰：“不可。”公曰：“我其已夫！”

使人问焉，曰：“有虞氏未施信于民而民信之，夏后氏未施敬于民而民敬之，何施而得斯于民也？”对曰：“墟墓之间，未施哀于民而民哀；社稷宗庙之中，未施敬于民而民敬。殷人作誓而民始畔，周人作会而民始疑。苟无礼义、忠信、诚懇之心以莅之，虽固结之，民其不解乎？”

Phiên âm:

6. Lỗ nhân hữu Chu Phong dã giả, Ai công chấp chí thỉnh kiến chi, nhi viết “Bất khả”. Công viết: “Ngã kỳ dĩ phù!” Sở nhân vấn yên, viết: “Hữu Ngụ thị vị thi tín ư dân, nhi dân tín chi; hạ Hậu thị vị thi kính ư dân, nhi dân kính chi. hà thi nhi đắc tư ư dân dã?” đối viết: “Khư mộ chi gian, vị thi ai ư dân nhi dân ai; xã tắc tông miếu chi trung, vị thi kính ư dân nhi dân kính. An nhân tác thệ nhi dân thủy bạo, Chu nhân tác hội nhi dân thủy nghi.

Cầu vô lễ nghĩa, trung tín, thành xác chí tâm dĩ lý chi, tuy cố kết chi, dân kỳ bất giải hồ!”

Dịch nghĩa:

6. CHUYỆN CHU PHONG NƯỚC LỖ.

Nước Lỗ có Chu Phong là một hiền giả ở ẩn. Ai công muốn được gặp nhưng Chu Phong từ chối “không được”. Công than:

- Thế thì đành vậy.

Nhưng vẫn cố sai người đến hỏi Chu Phong:

- Thời vua Ngu Thuấn không hề dạy dân tín nghĩa mà dân vẫn tín; thời Hạ Hậu không dạy dân cung kính mà dân vẫn cung kính. Họ làm sao mà được dân như vậy?

Chu Phong trả lời:

- Đứng trước mộ tổ tiên, không cần phải dạy người ta phải bi ai mà dân vẫn bi ai. Trong đền xã tắc tông miếu, không cần dạy người ta cung kính mà dân vẫn cung kính. Người thời Ân trói buộc nhau vì lời thề, người thời Chu hẹn ước nên mới bắt đầu nảy sinh nghi ngờ (lẫn nhau).

Lấy những lễ nghĩa, trung tín, thành thật giả ra mà dạy người ta, tuy cố hết sức, dân họ cũng biết cả thôi.

Nguyên văn:

延陵季子适齐，于其反也，其长子死，葬于赢、博之间。

孔子曰：“延陵季子，吴之习于礼者也。”往而观其葬焉。

其坎深不至于泉。其敛以时服。既葬而封，广轮掩坎，其高可隐也。既封，左袒，右还其封，且号者三，曰：“骨肉归复于土，命也。若魂气则无不之也，无不之也！”而遂行。

孔子曰：“延陵季子之于礼也，其合矣乎！”

Phiên âm:

7. Diên Lăng Quý tử thích Tề, ư kỳ phân dã, kỳ trưởng tử tử, táng ư Doanh, Phó chi gian. Khổng Tử viết: "Diên Lăng Quý tử, Ngô chi tập ư Lễ giả dã". Vãng nhi quan kỳ táng yên. Kỳ khâm thâm bất chí ư tuyền, kỳ liêm dĩ thời phục, kỳ táng nhi phong, quảng luân yêm khâm, kỳ cao khả ẩn dã. Kỳ phong, tả dẫn, hữu hoàn kỳ phong thả hiệu giả tam, viết: "Cốt nhục quy phục ư thổ, mệnh dã ! Nhược hồn khí tắc vô bất chi dã" vô bất chi dã "Nhi toại hành. Khổng Tử viết: "Diên Lăng Quý tử chi ư lễ dã, kỳ hợp hĩ hồ !"

Dịch nghĩa:

7. QUÝ TỬ CHÔN CON.

Diên Lăng Quý tử sang nước Tề, khi quay về thì con trai trưởng chết, mai táng ở vùng đất hai ấp Doanh và Phó. Khổng Tử bảo:

- Diên Lăng Quý tử đã từng theo học lễ với ta!

Rồi đến nơi xem mai táng ra sao.

Thấy đất đào không sâu lắm, xác khâm liệm theo áo thời ấy, vừa chôn xong là xây mộ đúng theo nghi thức với tường thành ngang dọc cao có thể nấp người ở dưới được. Mộ, đúng với cách xây thuận hai khí âm dương, lại bảo:

- Xương thịt sẽ quay về với đất, nhưng hồn khí lúc nào cũng còn.

Cách làm ấy được Khổng Tử khen :

- Diên Lăng Quý tử biết lễ đấy, rất thích hợp vậy thay !

Nguyên văn :

邾婁考公之喪，徐君使容居來吊含，曰：“寡君使容居坐含，進侯玉。其使容居以含。”有司曰：“諸侯之來辱敝邑者，易則易，于則于。易于雜者，未之有也。”容居對曰：“容居聞之：事君不敢忘其君，亦不敢遺其祖。昔我先君駒王西討，濟于河，無所不用斯言也。容居魯人也，不敢忘其祖。”

Phiên âm:

8. Trâu Lô Khảo công chi tang. Từ quân sử Dung Cư lai điếu, hàm, viết: "Quả quân sử Dung Cư tọa hàm, tiến hầu ngọc, kỳ sử Dung cư dĩ hàm". Hữu Tư viết: "Chư hầu chi lai nhục tề ấp giả, dịch tắc dịch, ư tắc ư, dịch, ư, tạp giả, vị chi hữu dã " Dung Cư đối viết: "Dung Cư văn chi: Sự quân bất cảm vong kỳ quân, diệc bất cảm dĩ kỳ tổ. Tây thảo Tề ư hà, vô sở bất dụng tư ngôn dã. Dung Cư, Lỗ nhân dã, bất cảm vong kỳ tổ ".

Dịch nghĩa:**8. TANG LỄ TRÂU LÂU KHẢO CÔNG.**

Tang lễ Trâu Lâu Khảo công, vua nước Từ sai Dung Cư k' điếu và làm lễ "hàm" (1), ông ta nói:

- Quả nhân của tôi sai Dung Cư tôi đến làm lễ "hàm" bỏ ngọc chư hầu vào miệng xác. (Trâu Lâu Khảo công) Hãy cho cử hành lễ ấy đi!

Quan coi việc tang là Hữu Tư phản đối:

- Đây là lễ phải do chính thân vua chư hầu đến thì mới cử hành được chứ còn đại diện cho vua chư hầu là nhục tể ấp tôi. Điều này không thể thay đổi một cách bừa bãi được.

Dung Cư đáp:

- Dung Cư tôi nghe: thờ vua không dám quên vua, tôi là thần tử không dám quên tổ tiên của vua. Xưa vua nước tôi là Câu vương đã từng đánh dẹp phía tây đến sông Hoàng hà, không tới đâu là không nói ý ấy. Dung Cư tôi là người nước Lỗ, đâu dám quên tổ tiên.

Chú thích :

(1)- Lễ "hàm": tức lễ đặt viên ngọc vào miệng người chết để kỵ tà ma.

Nguyên văn:

子思之母死于卫，赴于子思。子思哭于庙。门人至，曰：“庶氏之母死，何为哭于孔氏之庙乎？”子思曰：“吾过矣！吾过矣！”遂哭于他室。

Phiên âm:

9. Tử tư chi mẫu tử ư vệ, phó ư Tử tư, Tử tư khốc ư miếu. Môn nhân chí, viết: "Thứ thị chi mẫu tử, hà vị khốc ư Khổng thị chi miếu hồ?" Tử tư viết: "Ngô quá hĩ! Ngô quá hĩ! Toại khốc ư tha thất."

Dịch nghĩa:**9. CÁI CHẾT CỦA MẸ TỬ TƯ.**

Mẹ (đã tái giá với người họ Thứ, sau khi cha Tử tư mất) của Tử tư chết ở nước Vệ. Tin đưa về đến Tử tư. Tử tư khóc mẹ trong miếu các học trò (của Tử tư) đến, nói:

- Đó là người đàn bà họ Thứ chết, tại sao lại khóc ở trong nhà tông miếu họ Khổng vậy?

Tử tư đáp:

- Ta sai mất rồi! Ta sai mất rồi!

Sau đó tìm chỗ khác mà khóc (mẹ mình).

Nguyên văn:

邾娄定公之时，有弑其父者，有司以告。公瞿然失席，曰：“是寡人之罪也！”曰：“寡人尝学断斯狱矣：臣弑君，凡在官者，杀无赦；子弑父，凡在宫者杀无赦；杀其人，坏其室，洿其宫而猪焉。盖君逾月而后举爵。”

Phiên âm:

10. Trâu Lâu Định công thời, hữu thí kỳ phụ giả, Hữu Tư dĩ cáo. Công cù nhiên thất tịch viết: "Thi quả nhân chi tội dã." Viết: "Quả nhân thường học đoán tư ngục lữ : thần thí quân, phạm tại cung giả, sát vô xá. Tử thí phụ, phạm tại cung giả, sát vô xá. Sát kỳ nhân, hoại kỳ thất, ô kỳ cung nhi trư yên". Cái quân du nguyệt nhi hậu cử tước.

Dịch nghĩa:**10. VỤ ÁN CON GIẾT CHA.**

Vào thời Trâu Lâu Định công, có vụ án con giết cha. Quan hữu ty tâu vụ án ấy lên cho công biết, Định công biến sắc hoảng sợ, đứng bật lên khỏi chiếu, kêu lên:

- Là do lỗi của ta vậy.

Rồi nói tiếp:

- Quả nhân đã từng học qua cách phán xét những loại án ngục này: tội giết vua, hễ là đang làm quan cũng đều bị giết sạch không thể tha. Con giết cha, hễ là đang ở nhà cũng phải giết sạch không tha. Ngoài giết ra còn phá sạch nhà (kẻ có tội) lấp hết chuồng trại (của tội phạm) lột bỏ hết tước hiệu (của tội phạm).

Nguyên văn:

阳门之介夫死，司城子罕入而哭之哀。晋人之觐宋者，反报于晋侯曰：“阳门之介夫死，而子罕哭之哀，而民说，殆不可伐也。”

孔子闻之曰：“善哉觐国乎！《诗》云：

‘凡民有丧，扶服救之。’ 虽微晋而已，天下其孰能当之！”

Phiên âm:

11. Dương Môn chi giới phu tử, Tư Thành tử Hãn nhập nhi khốc chi ai. Tấn nhân chi nghiễn Tống giả, phản báo ư Tấn hầu viết: "Dương Môn chi giới phu tử, nhi Tử Hãn khốc chi ai, nhi dân duyệt (1), dãi bất khả phạt dã ". Khổng Tử văn chi viết: "Thiện tai nghiễn quốc hồ ! Thĩ văn: ` Phàm dân hữu tang, phù phục cứu chi '. Tuy vi Tấn nhi dĩ, thiên hạ kỳ thực năng đương chi?"

Dịch nghĩa:

11. TỬ HÃN ĐƯỢC KHEN.

Người giáp sĩ giữ cửa Dương Môn chết, Tư thành là Tử Hãn (2) đi vào khóc rất bi ai. Người nước Tấn báo việc ấy cho Tấn hầu biết:

- Người giáp sĩ cửa Dương Môn nước ta (Tấn) chết mà Tử Hãn khóc rất bi ai, như vậy dân lấy làm vui vẻ làm sao còn đánh (nước Tống) được nữa.

Khổng Tử nghe chuyện ấy, bảo:

- Hay thay việc xem ấy. Kinh Thi có nói rằng: `Phàm dân có tang hãy cố giúp họ' (3) Tuy (Tử Hãn) không phải là dân Tấn, nhưng trong thiên hạ có ai làm được như ông ấy?

Chú thích:

(1)-: Nguyên văn ở đây là chữ *thuyết (nói)*, nhưng trong trường hợp

này phải đọc là *duyet* (*vui mừng*).

(2)- *Tư thành Tử Hãn* : Tử Hãn người nước Tống chức quan là Tư không nhưng vì kỵ húy nên Tấn Võ vương đổi là Tư thành.

(3)-: đây là chương “ Cốc phong “ trong *Kinh Thi*.

Nguyên văn:

赵文子与叔誉观乎九原。文子曰：“死者如可作也，吾谁与归？”叔誉曰：“其阳处父乎？”文子曰：“行并植于晋国，不没其身，其知不足称也。”“其舅犯乎？”文子曰：“见利不顾其君，其仁不足称也。我则随武子乎！利其君，不忘其身；谋其身，不遗其友。”晋人谓文子知人。

文子其中退然如不胜衣，其言呐呐然如不出其口。所举于晋国，管库之士七十有馀家，生不交利，死不属其子焉。

Phiên âm:

12. Triệu Văn tử dũ Thúc Dự quan hồ Cửu Nguyên. Văn tử viết: "Tử giả như khả tác dã, ngô thù dũ quy?" Thúc Dự viết: "Kỳ dương xư phụ hồ?" Văn tử viết: "Hành tính thực ư Tấn quốc, bất một kỳ thân, kỳ tri bất túc xưng dã." "Kỳ cửu phạm hồ?" Văn tử viết: "Kiến lợi bất cô kỳ quân, kỳ nhân bất túc xưng dã. Ngã tắc tuy Võ tử hồ! Lợi kỳ quân, bất vong kỳ thân; mưu kỳ thân, bất di kỳ hữu." Tấn nhân vị Văn tử tri nhân. Văn tử' kỳ trung thoai nhiên như bất thắng y, kỳ ngôn nạp nạp nhiên như bất xuất chư kỳ khẩu. Sở cử ư Tấn quốc quân khổ chi sĩ thất thập hữu dư gia, sinh bất giao lợi, tử bất thuộc kỳ tử yên.

Dịch nghĩa:**12. LUẬN VỀ CÁC NGƯỜI HIỆN ĐỜI TRƯỚC.**

Triệu Văn tử (1) cùng Thúc Dự (2) đi chơi đất Cửu Nguyên, nơi có nhiều mộ địa. Văn tử nói:

- Nếu như những người chết kia có thể sống lại thì chúng ta nên học theo ai đây?

Thúc Dự đáp:

- Học theo Dương Xứ Phụ (3) được chứ?

Văn tử bảo:

- Người ấy khi ở nước Tấn, cứng cỏi chuyên quyền, không chết yên lành, không đáng học theo.

- Thế Cửu Phạm (4) được chăng?

Văn tử đáp:

- Vì cái lợi mà không quan tâm gì đến vua (5). Kể về lòng nhân thì Cửu Phạm không đáng theo. Theo tôi, tôi muốn học theo Tuyền Võ tử (6). Người này làm lợi cho vua mà vẫn không quên thân

mình; lo cho mình mà không bỏ bằng hữu. Người nước Tấn cho rằng Võ tử là bậc hiền người. Văn tử là người yếu ớt như mặc áo không nổi. lời nói của ông ta ấp úng như không ra lời, nhưng ông đã từng tiến cử hơn bảy mươi kẻ sĩ đảm nhiệm trọng trách quốc gia, khi còn sống ông ta không nhắm vào lợi, khi chết rồi ông cũng chẳng lo cho riêng con cái của mình.

Chú thích:

(1)- *Triệu Văn tử*: đại phu nước Tấn, tên Võ.

(2)- *Thúc Dự*: hoặc cũng có tên là Thúc Hưởng.

(3)- *Dương Xử Phụ*: cận thần của Tấn Tương công.

(4)- *Cửu Phạm*: tức Tử Phạm.

(5)- *Tử Phạm*: theo Văn công chạy ra nước ngoài mười chín năm, đến khi quay về nước trong lúc hiểm nguy, đã lập xong người phò tá, nhưng lúc đến sông Hoàng hà, ông ta nhận ngọc bích xong lại đòi chia tay (vua) bỏ đi để mưu đòi tước lộc trọng hậu hơn nữa, vì vậy ở đây cho rằng ông ta là người vì lợi của mình mà ép vua không nghĩ gì đến an nguy của vua. Đó là không có lòng nhân.

(6)- *Tùy Võ tử*: kẻ sĩ ăn thực ấp ở nước Tùy. Theo sách *Tả truyện*, ông là người khéo trị nhà, giỏi việc nước nhưng vẫn quên lợi cho bản thân mình là bậc *Trí*, làm lợi cho vua mà vẫn không quên bạn bè là *Nhân*.

Nguyên văn:

岁旱，穆公召县子而问然，曰：“天久不雨，吾欲暴尪而奚若？”曰：“天久不雨，而暴人之疾子，虐，毋乃不可与！”“然则吾欲暴巫而奚若？”曰：“天则不雨，而望之愚妇人，于以求之，毋乃已疏乎！”“徒市则奚若？”曰：“天子崩，巷市七日。诸侯薨，巷市三日。为之徙市，不亦可乎！”

Phiên âm:

13. Tuế hạn, Mục công chiêu Huyện tử nhi vấn yên, viết: "Thiên cứu bất vũ, ngô dục bạo uông nhi hề nhược?" Viết: "Thiên tắc bất vũ, nhi bạo nhân chi tật tử. Ngược, vô nãi bất khả dư ! " "Nhiên tắc ngô dục bạo vu nhi hề nhược?" Viết: "Thiên tắc bất vũ, nhi vọng chi ngu phụ nhân, ư dĩ cầu chi, vô nãi dĩ sơ hồ?" "Tỉ thị tắc hề nhược?" Viết: "Thiên tử băng, hạng thị thất nhật, chư hầu hoăng, hạng thị tam nhật. Vi chi tỉ thị, bất diệc khả hồ?"

Dịch nghĩa:**13. CHUYỂN CHỢ CẦU MƯA.**

Gặp năm trời hạn hán, Mục công gọi Huyện tử đến hỏi:

- Lâu quá trời không mưa, ta muốn đem những kẻ bệnh nặng yếu ớt ra làm lễ tế được chăng?

Đáp:

- Vì lâu trời không mưa mà đem những kẻ yếu ớt bệnh nặng ra làm lễ tế là bạo ngược tàn nhẫn lắm, không nên!

- Thế bắt mấy kẻ làm nghề đồng bóng bói toán ra làm lễ tế được chăng?

Đáp:

- Trời đã không mưa mà còn hi vọng nơi mấy người đàn bà đồng bóng ngu muội kia để mong cầu chẳng là sơ lậu lắm sao?

- Thế thì ta giải tán chợ búa để cầu mưa được chăng?

Đáp:

- Theo lễ, vua bằng hà bãi chợ bảy ngày, chư hầu chết, bãi chợ ba ngày. nay đã lâu trời không mưa, nhân dân khổ sở, di chuyển chợ vào những ngõ nhỏ để tỏ tâm thành cầu đảo, là điều có thể làm được.

Nguyên văn :

卫有大史曰柳庄，寝疾。公曰：“若疾革，虽当祭必告。”

公再拜稽首，请于尸曰：“有臣柳庄也者，非寡人之臣，社稷之臣也。闻之死，请往。”不释服而往，遂以槥之，与之邑裘氏与县潘氏，书而纳诸棺曰：“世世万子孙无变也！”

滕成公之丧，使子叔敬叔吊，进书，子服惠伯为介。及郊，为懿伯之忌不入。

惠伯曰：“政也。不可以叔父之私，不将公卒。”遂入。

Phiên âm:

14. Vệ hữu thái sử viết Liễu Trang, tẩm tật. Công viết: "Nhược tật cách, tuy đương tế tất cáo." Công tái bái kê thủ thỉnh ư thì viết: "Hữu thần Liễu Trang dã giả, phi quả nhân chi thần, xã tắc chi thần dã. Văn chi tử thỉnh vãng." Bất thích phục nhi vãng, toại dĩ toát chi,

dư chi ấp Cầu thị dữ Huyện Phan thị, thư nhi nạp chư quan viết:
"Thế thế vạn tử tôn vô biến dã."

Dịch nghĩa:

14. HAI CÁCH ĐIỀU TANG.

Quan thái sử nước Vệ là Liễu Trang, bệnh nặng. Vệ Hiến công phải chủ trì một cuộc tế lớn, dẫn các cận thần:

- Nếu như Liễu Trang có mệnh hệ gì, dù ta đang tế cũng phải báo cho ta biết.

Khi Liễu Trang chết, Hiến công cho đặt người thay thế, ông bái lạy rạp đầu nói:

- Có tôi thân là Liễu Trang, không phải chỉ là tôi thân của quả nhân mà là tôi thân của xã tắc. nay vừa nghe tin người ấy chết, xin cho đi điều tang.

Vua không thay áo vội đến nhà (Liễu Trang) dùng áo tế đắp lên xác (Liễu Trang) và phong cho hai ấp là Cầu thị và ấp Huyện Phan thị, đặc biệt còn bỏ sách phong vào áo quan nói rằng:

- Vĩnh viễn các đời sau (của Liễu Trang) vẫn được hưởng không thay đổi.

Thành công nước Đằng chết, nước Lỗ sai Tử Thúc và Kính Thúc sang điều tang cầm cả thư chia buồn và có Tử Phục Huệ Bá theo giúp đỡ. Đến ngoài chân thành trúng vào ngày kỵ giỗ của Ý Bá nên họ không vào (thành). Huệ Bá nói:

- Đây là việc công chính đáng, xin đừng vì việc kỵ riêng của thúc phụ tôi (Ý Bá là chú của Huệ Bá) mà làm lỡ việc công.

Rồi đó, họ mới vào thành.

CHƯƠNG THỨ NĂM

VƯƠNG CHẾ

Đây là chương “*Vương chế*” nói về các quy định ban đất đai phẩm tước của bậc thiên tử và các chư hầu, sự khác nhau của từng nước lớn nhỏ, các cấp bậc quan tước v.v... Những thể chế này ở đời cổ đại, ngày nay không còn giá trị gì nhiều nên xin lược bỏ.

Để độc giả có khái niệm về chương này, chúng tôi xin dịch vài phần đầu.

王制

Nguyên văn :

王者之制禄爵：公、侯、伯、子、男，凡五等。诸侯之上大夫卿、下大夫、上士、中士、下士，凡五等。

天子之田方千里，公、侯田方百里，伯七十里，子、男五十里。不能五十里者，不合于天子，附于诸侯，曰附庸。天子之三公之田视公、侯，天子之卿视伯，天子之大夫视子、男，天子之元士视附庸。

Phiên âm:

1. Vương giả chi chế lộc tước: công, hầu, bá, tử, nam, phàm ngũ đẳng. Chư hầu chi thượng đại phu khanh, hạ đại phu, thượng sĩ,

trung sĩ, hạ sĩ, phạm ngũ đẳng. Thiên tử chi điền phương thiên lý, công hầu điền phương bách lý, bá thất thập lý, tử, nam ngũ thập lý. Bất năng ngũ thập lý giả, bất hợp ư thiên tử, phụ ư chư hầu, viết Phụ dung.

Dịch nghĩa:

1. Chế độ ban lộc tước của vương giả gồm có năm bậc là: công, hầu, bá, tử, nam. Chư hầu cũng có năm bậc là: thượng đại phu khanh, hạ đại phu, thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ. Thiên tử có đất vuông ngàn dặm, công hầu có đất vuông trăm dặm, bá có đất vuông bảy mươi dặm, tử, nam có đất vuông năm mươi dặm. Người không thể có năm mươi dặm thì không hợp với chế độ của thiên tử mà chỉ được coi phụ vào chư hầu nên gọi là đất Phụ dung.

Nguyên văn:

天子五年一巡守。岁二月东巡守，至于岱宗，柴而望祀山川。觐诸侯，问百年者就见之。命大师陈诗，以观民风。命市纳贾，以观民之所好恶、志淫好辟。命典礼，考时月，定日，同律、礼乐、制度、衣服，正之。

Phiên âm:

2. Thiên tử ngũ niên nhất tuần thú. Tuế nhị nguyệt, đông tuần thú chí ư Đại Tông (1) sài nhi vọng tư sơn xuyên. Cẩn chư hầu, vấn bách niên giả tỵ kiến chi. Mệnh thái sư (2) trần thị dĩ quan dân phong. Mệnh thị nạp cổ dĩ quan dân chi sở hảo ố, chí dâm hảo tịch. Mệnh điển lễ, khảo thời nguyệt, định nhật, đồng luật lễ nhạc chế độ, y phục chính chi.

Dịch nghĩa:

2. Cứ năm năm, thiên tử đi tuần thú một lần. Mỗi lần ấy vào tháng hai trong năm, tuần thú phía đông đến núi Đại Tông, tế lễ mà xem xét núi sông giang sơn. Viếng các chư hầu, hỏi thăm các bậc cao niên từ trăm tuổi trở lên. Sai thái sư đọc “Kinh Thi” để xét phong tục của nhân dân. Sai quan coi chợ để xem sự tốt xấu của dân. Sai điển chế lại lễ nhạc, xét ngày tháng, định lịch pháp thời vụ, đặt ra phép ăn mặc cho hợp với phong tục của nước.

Chú thích:

(1)- *Đại Tông* : tức núi Thái Sơn, núi cao nhất ở phía đông.

(2)- *Thái sư* : ở đây viết chữ *dại* nhưng phải đọc là *thái*, quan trưởng về lễ nhạc.

CHƯƠNG SÁU NGUYỆT LỆNH

Chương *Nguyệt Lệnh* nói về thiên văn độ số, bậc thiên tử cần phải biết quy luật tuần hoàn của vũ trụ để thi hành ban bố cho thích nghi với mùa màng thời tiết. Thiên văn cổ ngày nay không còn ảnh hưởng gì nhiều, chúng tôi xin dịch vài đoạn tượng trưng.

Nguyên văn:

月令

是月也，以立春。先立春三日，太史谒之天子曰：“某日立春。盛德在木。”天子乃斋。立春之日，天子亲帅三公、九卿、诸侯、大夫，以迎春于东郊。还反，赏公卿、诸侯、大夫于朝。命相布德和令，行庆施惠，下及兆民；庆赐遂行，毋有不当。乃命太史守典奉法，司天日月星辰之行，宿离不贷，毋失经纪，以初为常。

是月也，天子乃以元日祈谷于上帝。乃择元辰，天子亲载耒耜，措之于参保介之御间；帅三公、九卿、诸侯、大夫，躬耕帝藉。天子三推，三公五推，卿、诸侯九推；反，执爵于大寝，三公、九卿、诸侯、大夫皆御，命曰“劳酒”。

Phiên âm:

1. Thị nguyệt dã, dĩ lập xuân. Tiên lập xuân tam nhật, thái sử yết chi thiên tử viết: "Mỗ nhật lập xuân, thịnh đức tại mộc." Thiên tử nãi trai (1). Lập xuân chi nhật, thiên tử thân sủy tam công cửu khanh chư hầu đại phu dĩ nghinh xuân ư đông giao. Hoàn phản, thường công khanh đại phu ư triều. Mệnh tương bố đức hòa lệnh, hành khánh thi huệ, hạ cấp triệu dân. Đại khánh toại hành, vô hữu bất đương.

Thị nguyệt dã, thiên tử nãi dĩ nguyên nhật kỳ cốc ư thượng đế. Nãi trạch nguyên thân, thiên tử thân ái lỗi lư, tá chi ư tham bảo giới chi ngự gian. Sủy tam công cửu khanh chư hầu đại phu cung canh đế tịch. Thiên tử tam thôi, tam công ngũ thôi, khanh chư hầu cửu thôi. Phản, chấp tước ư thái tử; tam công cửu khanh chư hầu đại phu giai ngự, mệnh viết lao tửu.

Dịch nghĩa:

1. Tháng ấy, sắp đến tiết lập xuân. Trước tiết lập xuân ba ngày, quan thái sử tâu với thiên tử: "Ngày lập xuân hôm ấy, thịnh đức ở mộc (2)" Thiên tử bèn trai giới. Ngày lập xuân, tự thân thiên tử dẫn tam công cửu khanh chư hầu và các đại phu ra cửa thành phía đông làm lễ đón xuân. Khi quay về, thiên tử thưởng cho công khanh đại phu ở triều đình. Rồi sai ban bố lệnh ban ân đức đến cho muôn dân. Lễ lớn hoàn tất không có gì sai sót.

Tháng ấy, thiên tử bèn lấy ngày bắt đầu làm lễ dâng lúa gạo lên cho thượng đế. Thiên tử chọn buổi sáng ngày đầu, tự thân mang theo cây bữa, cho các quan phò tá cùng đi xe ngựa, dẫn tam công cửu khanh chư hầu và các đại phu kính cẩn cùng cây ruộng tịch điền. Thiên tử (dẩy cây tượng trưng) năm lần, khanh và chư hầu

(dấy cây tượng trưng) chín lần. Trở về, theo chức tước vào nhà thái tẩm, tam công cửu khanh chư hầu đại phu đều được ngự ban gọi là rượu “lao tửu”.

Chú thích:

(1)-: chữ *trai* ở đây vốn là chữ *tế*.

(2)- *thịnh đức ở mộc*: thời xưa tính toán theo ngũ hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, tùy theo tháng năm ngày giờ...

Nguyên văn:

中央土，其日戊己；其帝黄帝，其神后土；其虫倮；其音宫，律中黄钟之宫；其数五，其味甘，其臭香；其祀中畀，祭先心。

Phiên âm:

2. Trung ương Thổ. Kỳ đế Hoàng đế, kỳ thần Hậu Thổ. Kỳ trùng lỏa. Kỳ âm cung, luật trung Hoàng chung chi cung. Kỳ vị cam, kỳ xú hương. Kỳ tự Trung Lữ, tế tiên tâm.

Dịch nghĩa:

2. Thổ ở trung ương (1) có đế là Hoàng đế (2). Thần (của nó) là Hậu Thổ, chủ về hổ báo (3). Về âm nhạc (nó) thuộc âm “Cung” (4), về luật thuộc cung “Hoàng chung” (5). Số của nó là năm (6). vị của nó ngọt, mùi của nó hôi. lễ tế nó ở nhà Trung Lữ, kẻ tế tượng trưng cho vua.

Chú thích:

- (1)-: theo *Ngũ hành* thì Thổ đóng ở giữa nên gọi là trung ương.
 (2)-: Vua Hoàng đế họ Hiên Viên thuộc về Thổ.
 (3)-: nguyên văn *Trùng lổa*, Trịnh Huyền nói là loài hổ báo.
 (4)-: âm nhạc cổ chia ra năm cung là Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ, Thổ thuộc Cung.
 (5)- *Hoàng chung* : là âm luật đứng đầu trong nhạc luật cổ vì âm thanh lớn và vang.
 (6)-: mỗi *hành* (trong *ngũ hành*) đều có số tượng trưng. Số của hành Thổ là số 5 vì có câu “ *Thiên ngũ sinh Thổ, địa thập thành chi* “: số 5 là số trời tạo thành Thổ, số của đất là số 10 hoàn thành.

Nguyên văn:

是月也，以立秋。先立秋三日，太史谒之天子曰：“某日立秋，盛德在金。”天子乃斋。立秋之日，天子亲帅三公、九卿、诸侯、大夫以迎秋于西郊，还反，赏军帅武人于朝。天子乃命将帅选士厉兵，简练桀俊，专任有功，以征不义，诘诛暴慢以明好恶，顺彼远方。

Phiên âm:

3. Thị nguyệt đã, dĩ lập thu. Tiên lập thu tam nhật, thái sử yết chu thiên tử viết: "Mỗ nhật lập thu, thịnh đức tại Kim." Thiên tử nãi trai. Lập thu chi nhật, thiên tử thân súy tam công, cửu khanh, chư hầu, đại phu dĩ nghinh thu ư tây giao. Hoàn phần, thưởng nhân súy vô nhân ư triều. Thiên tử nãi mệnh tướng súy tuyển sĩ lệ binh, giản luyện kiệt tấu, chuyên nhiệm hữu công, dĩ chinh bất nghĩa, cật thù bạo mạn, dĩ minh hảo ác, thuận bỉ viễn phương.

Dịch nghĩa:

3. Tháng ấy, sắp đến tiết lập thu. Trước tiết lập thu ba ngày, quan thái sử tâu với thiên tử :

- Ngày lập thu hôm ấy, thịnh đức ở Kim (1).

Thiên tử bèn trai giới. Ngày lập thu, tự thân thiên tử dẫn tam công, cửu khanh, chư hầu và các đại phu ra cửa thành phía tây làm lễ đón thu (2). Khi quay về, thiên tử thưởng cho võ tướng quân đội ở triều đình. Thiên tử bèn sai tướng súy chọn binh sĩ khỏe mạnh, luyện tập kẻ anh tấu giỏi giang để lập công (với nước) chinh phạt những kẻ bất nghĩa, tru diệt hối tội kẻ bạo ngược để làm sáng tối xấu, làm cho nơi xa thuận phục.

Chú thích:

(1)- theo ngũ hành thì mùa thu thuộc hành **Kim** (xem lại đoạn 1, mùa xuân thuộc hành mộc).

(2)- hành **Kim** thuộc phương tây nên làm lễ đón thu ở cửa thành phía tây.

CHƯƠNG THỨ BẢY

TẶNG TỬ VẤN
(NHỮNG CÂU HỎI CỦA TẶNG TỬ)Nguyên văn:

曾子问

曾子问曰：“君薨而世子生，如之何？”孔子曰：“卿、大夫、士，从摄主，北面于西阶南。大祝裨冕，执束帛，升自西阶，尽等，不升堂，命毋哭。祝声三，告曰：‘某之子生，敢告。’升，奠币于殡东几上，哭降。众主人、卿、大夫、士、房中皆哭，不踊，尽一哀，反位。遂朝奠。小宰升，举币。

“三日，众主人、卿、大夫、士如初位，北面；大宰、大宗、大祝皆裨冕；少师奉子以衰，祝先，子从，宰、宗人从，入门，哭者止。子升自西阶，殡前北面。祝立于殡东

南隅。祝声三，曰：‘某之子某，从执事，敢见。’子拜稽顙哭。祝、宰、宗人、众主人、卿、大夫、士，哭踊，三者三；降东反位，皆袒。子踊，房中亦踊，三者三；袭衰杖；亦出。大宰命祝、史以名遍告于五祀山川。”

Phiên âm:

1. Tả từ văn viết: " Quân hoãng (1) nhi thế tử sinh, như chi hà?" Khổng Tử viết: "Khanh, đại phu, sĩ, tông nhiếp chủ (2) bắc diện ư tây giai nam. Đại chúc ti miện, chấp thúc bạch, thăng tự tây giai tận đẳng, bất thăng đường, mệnh vô khốc. Chúc thanh tam, cáo viết: ' Mỗ chi tử sinh, cảm cáo'. Thăng diện tề ư tấn đông kỷ thượng, khốc giáng. Chúng chủ nhân, khanh, đại phu, sĩ, phòng trung (3) giai khốc bất dũng. Tận nhất ai, phản vị. Toại triều diện. Tiểu tể thăng cử tề. Tam nhật, chúng chủ nhân, khanh, đại phu, sĩ, như sơ vị, bắc diện. Đại tể đại tông đại chúc giai ti miện. Thiếu sư phụng tử dĩ thôi, chúc tiên, tư tông, tể tông nhân tông. Nhập môn, khốc giả chỉ. Tử thăng tự tây giai, tấn tiền bắc diện. Chúc lập ư tấn đông nam ngung. Chúc thanh tam, viết: 'Mỗ chi tử mỗ, tông chấp sự, cảm kiến'. Tử bái khể tãng, khốc. Chúc, tể, tông nhân, chúng chủ nhân, khanh, đại phu, sĩ, khốc dũng, tam giả tam, giáng đông phản vị. Giai dân. Tử dũng, phòng trung diệc dũng, tam giả tam. Tập thôi, trượng, diện xuất. Đại tể mệnh chúc sử dĩ danh thiên cáo ngũ chúc sơn xuyên."

Dịch nghĩa:**1. Tàng tử hỏi:**

- Khi vua chết mà thái tử mới sinh ra thì tế lễ ra sao?

Khổng Tử đáp:

- Các khanh, đại phu, sĩ theo nhiếp chủ đứng quay về phía bắc ở thêm phía tây. Người xướng chúc mặc áo gai mũ thô, cầm lụa bạch bước lên thêm phía tây đứng chờ ở đó, chưa lên chính đường, chưa được khóc. Người xướng chúc hô (4) ba tiếng, báo rằng:

- Con mới sinh tên mỗ, xin dám báo.

Lên điện thờ đặt đồ cúng lên phía đông quan tài, khóc rồi xuống. Các chủ nhân, khanh, đại phu, sĩ, phụ nữ, bắt đầu khóc. Khóc một lúc rồi về lại chỗ đứng cũ. Quay mặt về phía điện thờ linh vị. Quan tiểu tế lên dâng vật tế. Làm lễ ba ngày, các chủ nhân, khanh, đại phu, sĩ đứng ở vị trí cũ quay mặt về hướng bắc. Các quan đại tế, đại tông, đại chúc đều mặc áo gai mũ thô. Quan thiếu sự mặc áo tang phụng sự đưa con (tức thế tử) chúc ai oán trước, thế tử theo sau, mọi người theo sau nữa. Vào cửa, ngừng khóc. Thế tử lên thêm phía tây quay mặt về hướng bắc trước linh cữu. Kẻ hô tang đứng ở góc đông nam (so với linh cữu), hô tang ba tiếng rằng:

- Con tên đó của bà đó, theo người chấp sự, xin ra mắt.

Thế tử bái chạm đầu xuống đất, khóc. Các người chúc sự, đại tế, đại tông và các chủ nhân, khanh, đại phu, sĩ bắt đầu khóc, đây dựa ba lần rồi cầm áo tang, gậy ra khỏi điện. Quan đại tế sai người chúc sự đem tên ra tế cáo với thần núi sông.

Chú thích:

(1)-: Thiên tử chết gọi là *băng*, vua nước chư hầu chết gọi là *hoảng*.

(2)- *Nhiếp chủ*: tức vị quan thượng khanh đại diện thay thế làm chủ tang lễ.

- (3)- *Phòg trung*: tức các phụ nữ trong nhà tang chủ.
 (4)- *Chúc hô*: là người giữ bốn phần hô lên những tiếng bi ai trong tang lễ.

Nguyên văn:

曾子问曰：“如已葬而世子生，则如之何？”孔子曰：“大宰、大宗从大祝而告于祔。三月，乃名于祔，以名遍告及社稷、宗庙、山川。”

曾子问曰：“并有丧，如之何？何先何后？”孔子曰：“葬，先轻而后重；其奠也，先重而后轻，礼也。自启及葬不奠。行葬不哀次。反葬奠，而后辞于殡，遂修葬事。其虞也，先重而后轻，礼也。”

Phiên âm:

2. *Tăng tử vấn*: "Như dĩ táng nhi thế tử sinh, tắc như chi hà?"
Khổng Tử viết: "Đại tể, đại tông tông đại chúc nhi cáo ư nễ. Tam nguyệt nãi danh ư nễ, dĩ danh biến cáo cập xã tắc, tông miếu, sơn xuyên."

Tăng tử viết: "Tích hữu tang, như chi hà? Hà tiên hà hậu?"
Khổng Tử viết: "Táng, tiên khinh nhi hậu trọng; kỳ diện dã, tiên trọng nhi hậu khinh; lễ dã. Tự khai cập táng bất diện. Hành táng bất

ai thứ. Phần táng, diện nhi hậu từ ư tảo, toại tu táng sự. Kỳ ngu dã, tiên trọng nhi hậu khinh, lễ dã.”

Dịch nghĩa:

2. Tăng tử hỏi:

- Nếu như chôn rồi thế tử mới sinh ra đời thì sẽ làm sao?

Khổng Tử đáp:

- Lúc ấy quan đại tể, đại tông sẽ theo các quan đại chúc vào báo trong nhà thờ (1). Ba tháng liền báo tên (thế tử) trong nhà thờ rồi mới báo tên trong đền thờ xã tắc, đền thờ nhà tông miếu và đền thờ thần núi sông.

Tăng tử lại hỏi:

- Nếu cha mẹ và ông bà chết cùng một lúc thì phải theo thứ tự ra sao?

Khổng Tử đáp:

- Trước tiên làm lễ tang cho bà nội rồi mới tới cha, còn nếu thờ trên bàn thờ thì thờ cha trước rồi đến mẹ là hợp với lễ. Lễ tang cũng phải có tuần tự, từ khi đem áo quan đi chôn đến khi trở về thiết lập bàn thờ, mỗi hành động đều phải tuân theo lễ.

Chú thích :

(1)- nguyên văn ở đây là chữ *Nễ* nghĩa là xác cha đang đặt thờ trong nhà thờ.

Nguyên văn:

曾子問曰：“宗子為士，庶子為大夫，其祭也如之何？”孔子曰：“以上牲祭于宗子之家，祝曰：‘孝子某，為介子某，荐其常事。’”

若宗子有罪居于他国，庶子为大夫，其祭也，祝曰：‘孝子某，使介子某，执其常事。’摄主不厌祭，不旅，不假，不绥祭，不配。布奠于宾，宾奠而不举。不归肉，其辞于宾曰：‘宗兄宗弟、宗子在他国，使某辞。’”

曾子问曰：“宗子去在他国，庶子无爵而居者可以祭乎？”孔子曰：“祭哉！”“请问其祭如之何？”孔子曰：“望墓而为坛，以时祭。若宗子死，告于墓，而后祭于家。宗子死，称名不言孝，身没而已。”子游之徒有庶子祭者，以此若义也。今之祭者，不首其义，故诬于祭也。

Phiên âm:

3. Tằng tử vấn viết: "Tông tử vi sĩ, thứ tử vi đại phu, kỳ tế dã như chi hà?" Khổng Tử viết: "Dĩ thượng sinh (1) tế ư tông tử chi gia, chú viết: 'Hiếu tử mẫu, vi giới tử mẫu (2), tiến kỳ thường sự.' Nhược tông tử hữu tội cư ư tha quốc, thứ tử vi đại phu, kỳ tế dã, chúc viết: 'Hiếu tử mẫu sử giới tử mẫu chấp kỳ thường sự.' Nhiếp chủ (3) bất yếm tế, bất thi, bất giả, bất tuy tế, bất phối."

Tằng tử vấn viết: "Tông tử khứ tại tha quốc, thứ tử vô tước nhi cư giả khả dĩ tế hồ?" Khổng Tử viết: "Tế tại !" "Thỉnh vấn kỳ tế như

chi hà ?” Khổng Tử viết: “Vọng mộ nhi vi đàn, dĩ thời tế. Nhược tông tử tử, cáo ư mộ, nhi hậu tế ư gia. Tông tử tử, xưng danh bất ngôn hiếu, thân một nhi dĩ “ Tử Du chi đồ hữu thứ tử tế giả dĩ thứ, nhược nghĩa dã. Kim chi tế giả bất thứ kỳ nghĩa, cố vu ư tế dã (4).

Dịch nghĩa:

3. Tăng tử hỏi:

- Con trưởng giữ chức sĩ, con thứ giữ chức đại phu, đến ngày tế nên làm sao?

Khổng Tử đáp:

- Lấy lễ “thượng sinh” mà tế ở nhà con trưởng, đọc lời chúc rằng: ‘Hiếu tử là mỗ là con thứ mỗ, xin dâng lễ thường’ Nếu như con trưởng vì có tội mà phải sang ở nước khác, con thứ là đại phu, đến ngày tế, đọc lời chúc rằng: Hiếu tử mỗ sai giới tử mỗ thực hành lễ thường’ Nhiếp chữ không dám lười biếng, không dám quá lạm, không dám giả dối, không dám tự nhận mình xứng đáng.

Tăng tử lại hỏi:

- Nếu như con trưởng đang ở nước khác mà con thứ lại không có tước vị gì thì có thể đứng ra tế được không?

Khổng Tử đáp:

- Tế được!

- Xin hỏi tế như thế nào?

Khổng Tử đáp:

- Lập đàn nhìn về hướng mộ, đến ngày giờ cử hành lễ tế. Nếu như con trưởng chết thì phải cáo ở trước mộ (con trưởng) rồi sau đó mới làm lễ tế ở nhà. Con trưởng chết, không được xưng danh là hiếu tử mỗ nữa mà chỉ xưng tên trống mà thôi.

Học trò Tử Du đã có người con thứ làm lễ tế như thế là thuận theo lễ cổ. Ngày nay các con thứ tế lễ không chịu tìm hiểu ý nghĩa

tế lễ của người xưa mà cứ theo ý riêng mình là sai lầm vậy.

Chú thích :

(1)- *Thượng sinh*: vật dùng để tế lễ như trâu bò...

(2)- *Mỗ*: là đại từ phiếm chỉ.

(3)- *Nhiếp chủ*: vì con thứ đứng ra tế lễ (đứng ra việc tế lễ phải do con trưởng đảm trách) nên gọi là *nhiếp chủ* (thay quyền chủ).

(4)- *Tông tử*: là con trưởng; *thứ tử* là con thứ, vì tự khiêm nên lại tự xưng là *giới tử*.

CHƯƠNG THỨ TÁM

VĂN VƯƠNG THẾ TỬ

Chương này bàn về tư cách hành vi khi Văn vương còn làm thái tử. Vì không quan trọng chúng tôi xin lược bỏ không dịch.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

LỄ VÂN

Nguyên văn:

礼运

昔者仲尼与于蜡宾，事毕，出游于观之上，喟然而叹。仲尼之叹，盖叹鲁也。

言偃在侧，曰：“君子何叹？”孔子曰：“大道之行也，与三代之英，丘未之逮也，而有志焉。大道之行也，天下为公，选贤与能，讲信修睦。故人不独亲其亲，不独子其子；使老有所终，壮有所用，幼有所长，矜寡、孤独、废疾者皆有所养；男有分，女有归。货，

恶其弃于地也，不必藏于己。力，恶其不出于身也，不必为己。是故谋闭而不兴，盗窃乱贼而不作。故外户而不闭，是谓大同。

“今大道既隐，天下为家，各亲其亲，各子其子，货、力为己；大人世及以为礼，城郭沟池以为固，礼义以为纪，以正君臣，以笃父子，以睦兄弟，以和夫妇，以设制度，以立田里，以贤勇知，以功为己。故谋用是作，而兵由此起。禹、汤、文、武、成王、周公，由此其选也。此六君子者，未有不谨于礼者也，以著其义，以考其信，著有过，刑仁讲让，示民有常。如有不由此者，在执者去，众以为殃。是谓小康。”

言偃复问曰：“如此乎礼之急也？”孔子曰：“夫礼，先王以承天之道，以治人之情，故失之者死，得之者生。《诗》曰：‘相鼠有体，人而无礼。人而无礼，胡不遄死！’是故夫礼，必本于天，淆于地，列于鬼神，达于丧、祭、射、御、冠、昏、朝、聘。故圣人以礼示之，故天下国家可得而正也。”

Phiên âm:

1. Tích giả Trọng Ni dữ ư lập tân, sự tất, xuất du ư quan chi thượng, vị nhiên nhi thán. Trọng Ni chi thán, cái thán Lỗ dã. Ngôn Yển (1) tại trác viết: "Quân tử hà thán?" Khổng Tử viết: "Đại đạo chi hành dã, dữ tam đại chi anh, Khâu vị chi đãi dã, nhi hữu chí yên. Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công. Tuyền hiền dữ năng, giảng tín tu mục, cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử. Sử lâu hữu sở chung, tráng hữu sở dụng, ấu hữu sở trường, khâm quả, cố độc, phế tật giả, giai hữu sở dưỡng. Nam hữu phận, nữ hữu quy Hóa, ốc kỳ khí ư địa dã, bất tất tàng ư kỹ. Lục, ốc kỳ bất xuất ư thân dã, bất tất vị kỳ. Thị cố mưu kế nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác. Cố ngoạ hộ nhi nhi bất bế, thị vị đại đồng.

"Kim đại đạo ký ẩn, thiên hạ vi gia, các thân kỳ thân, các tử kỳ tử, hóa lục vị kỹ. Đại nhân thế cập dĩ vi lễ, thành quách câu trì dĩ vi cố, lễ nghĩa dĩ vi kỹ, dĩ chính quân thần, dĩ đốc phụ tử, dĩ mục huynh đệ, dĩ hòa phu phụ, dĩ thiết chế độ, dĩ lập điển lý, dĩ hiền dũng tri, dĩ công vi kỹ. Cố mưu dụng thị tác, nhi binh do thử khởi. Vũ, Thang, Văn, Võ, Thành vương, Chu công, do thử kỳ tuyền dã. Thử lục quân tử giả, vị hữu bất cần ư lễ giả dã, dĩ trừ kỳ nghĩa, dĩ khảo kỳ tín, trừ hữu quá, hình nhân giảng nhượng, thị dân hữu thường. Như hữu bất do thử giả, tại thế giả khứ, chúng dĩ vi ương, thị vị Tiểu Khang."

Ngôn Yển phục vấn viết: "Như thử hồ lễ chi cấp dã?" Khổng Tử viết: "Phù lễ, tiên vương dĩ thừa thiên chi đạo, dĩ trị nhân chi tình, cố thất chi giả tử, đắc chi giả sinh. "Thi" viết: 'Tương thử hữu thể, nhân nhi vô lễ; nhân nhi vô lễ, hồ bất suyễn tử' thị cố phù lễ, tất bản ư thiên, hào ư địa, liệt ư quỹ thân, đạt ư tang, tế, xạ, ngư, quan, hôn, triều, sinh. Cố thánh nhân dĩ lễ thị chi, cố thiên hạ quốc gia khả đắc nhi chính dã."

Dịch nghĩa:

1. Xưa kia Trọng Ni có lần được mời làm khách dự lễ lập cuối năm, lễ xong, ông ra ngoài du ngoạn nhìn những cổng kết làm lễ, đột nhiên thở dài. Ngôn Yển đứng bên cạnh hỏi:

- Người quân tử có gì mà phải thở dài?

Khổng Tử đáp:

- Đạo lớn vào lúc ấy nên ba đời Hạ, Thương, Chu mới có nhiều anh tài. Khâu này chưa thấy được nhưng chí lúc nào cũng muốn vậy. Đạo lớn thi hành, cả thiên hạ đều là của công, tuyển chọn người hiền có tài năng, nói điều tín nghĩa hòa mục, cho nên người ta không chỉ lo cho người thân của mình, không chỉ lo cho con cái của mình. Xã hội như vậy đủ khiến cho người già được chết yên lành và người khỏe mạnh có chỗ dùng tới, xã hội như vậy khiến cho trẻ nhỏ được yên vui lớn lên. Xã hội như vậy kính trọng người cô quả, bơ vơ, bệnh tật và nuôi dưỡng họ. Đàn ông nào cũng có chức phận, đàn bà nào cũng có chồng. Của cải không bị phung phí mà cũng chẳng cần cất dấu. Sức mạnh không cần mang ra khoe mà cũng chẳng vì mình. Cho nên xã hội như thế không cần dùng trí mưu lược mà bọn đạo tặc trộm cắp cũng không nổi lên được, cho nên cửa ngoài không cần đóng. Đó gọi là xã hội Đại Đồng.

" Ngày nay đạo lớn đã bị che lấp, người ta coi thiên hạ là nhà của mình, mỗi người chỉ tự yêu lấy người thân cha mẹ mình, chỉ lo cho con cái riêng của mình, coi của cải sức mạnh là của riêng mình. Các bậc đại nhân, thiên tử chư hầu coi việc truyền đời cho giống họ mình là lễ, cố giữ cho thành quách sông hồ của mình được bền lâu vững vàng, dùng lễ nghĩa trói buộc để chính danh vua tôi, ước thúc vào đạo cha con, ràng buộc vào nghĩa hòa mục anh em, thuận hòa chồng vợ để thiết lập chế độ, phân chia ruộng đất, chỉ dùng người hiền kẻ trí, lo lập công vì mình. Lấy mưu mô mà làm việc, mà việc binh đao do đó mà xảy ra. Các vua Vũ, Thang, Văn,

Võ, Thành vương, Chu công đều tuyển chọn từ đó mà ra. Sáu người gọi là quân tử ấy, không ai là không biết lễ, họ còn đặt ra Nghĩa, chọn lựa bằng chữ Tín. Ai có tội, họ dùng hình phạt là việc thường. Nếu như có ai không tuân theo đấy họ đều loại bỏ và coi là tai họa của nhân dân. Xã hội như vậy gọi là Tiểu Khang.”

Ngôn Yến lại hỏi:

- Như vậy thì lễ là điều cần thiết chứ?

Khổng Tử đáp:

- Lễ, vốn là đạo do tiên vương thuận theo ý trời lấy tình mà trị dân, cho nên mất cái tình ấy thì chết mà được thì sống. Kinh Thi viết: “Chuột nhỏ kia còn biết lễ với nhau, lẽ nào người không có lễ. Người không có lễ, sao không chết đi?” Cho nên, lễ lấy gốc ở trời mà hiệu quả hiện ra ở đất, bày ra với quỷ thần, lễ diễn ra ở các nghi thức tang, tế, xạ (bắn), hôn (hôn lễ), triều (triều bái), sinh (quà biếu). Cho nên thánh nhân dùng lễ để biểu thị, nên thiên hạ quốc gia có thể dùng nó để làm ngay chính mọi điều.”

Chú thích:

(1)- *Ngôn Yến*: học trò Khổng Tử, còn tên là Tử Du.

Nguyên văn:

言偃复问曰：“夫子之极言礼也，可得而闻与？”孔子曰：“我欲观夏道，是故之杞，而不足征也，吾得《夏时》焉。我欲观殷道，是故之宋，而不足征也，吾得《坤乾》焉。《坤乾》之义，《夏时》之等，吾以是观之。夫礼之初，始诸饮食，其燔黍捭豚，污尊而抔饮，蕡桴而土鼓，犹若可以致其敬于鬼神。及其死也，升屋而号，告曰：皋——某复！’然后

饭腥苴孰。故天望而地藏也，体魄则降，知气在上。故死者北首，生者南向，皆从其初。昔者先王未有宫室，冬则居营窟，夏则居橧巢；未有火化，食草木之实、鸟兽之肉，饮其血，茹其毛；未有麻丝，衣其羽皮。

Phiên âm:

2. Ngôn Yến phục vấn viết: "Phu tử chi cực ngôn lễ dã, khả đắc nhi văn dư?" Khổng Tử viết: "Ngã dục quan Hạ đạo, thì cố chi Kỷ (1) nhi bất túc chứng dã, ngô đắc "Hạ Thời" yên. Ngã dục quan Ân đạo, thì cố chi Tống (2) nhi bất túc chứng dã, ngô đắc "Khôn Càn" yên. "Khôn Càn" chi nghĩa, "Hạ Thời" chi đẳng, ngô dĩ thị quan chi.

Tích giả tiên vương vị hữu cung thất, đông tắc cư doanh quật, hạ tắc cư tăng sào. Vị hữu hỏa hóa, thực thảo mộc chi thực điều thú chi nhục, ẩm kỳ huyết như kỳ mao. Vị hữu ma tì, ý kỳ vũ bì.

Dịch nghĩa:

2. Ngôn Yến lại hỏi:

- Con nghe thầy rất thích nói về lễ, con xin nghe được chăng?

Khổng Tử đáp:

- Ta muốn tìm hiểu về đạo đời Hạ nhưng các điển chương của nước Kỷ không đủ để chứng minh, may mà ta còn lấy được sách "Hạ Thời" (3), ta lại muốn tìm hiểu đạo đời Ân nhưng các điển chương của nước Tống không đủ để chứng minh, may mà ta còn lấy được sách "Khôn Càn" (4), Nghĩa lý của "Hạ Thời" và "Khôn Càn" đã giúp ta quan sát và tìm hiểu được.

Xưa kia các tiên vương chưa biết xây dựng cung thất, mùa đông phải đào hang động mà ở, mùa hạ phải kết ổ trên cây mà ở. Lúc ấy cung chưa biết nấu nướng qua lửa, phải ăn cây cỏ thịt thú rừng uống sương móc đọng trên lá cây. Cũng chưa biết dệt vải mặc phải lấy lông thú vỏ cây mà làm quần áo.

Chú thích :

- (1)- *Kỷ*: hậu duệ của nhà Hạ.
- (2)- *Tống*: hậu duệ của nhà Ân.
- (3)- *Hạ Thời*: còn gọi là sách *Hạ tiểu chính*.
- (4)- *Nhân Càn*: tức là sách dịch đời Thương còn gọi là *dịch Quy tàng* lấy quẻ Khôn làm đầu.

Nguyên văn:

后圣

有作，然后修火之利，范金，合土，以为以台榭宫室牖户；以炮，以燔，以亨，以炙，以为醴酪；治其麻丝，以为布帛；以养生送死，以事鬼神上帝，皆从其朔。

Phiên âm:

3. Hậu thánh hữu tác, nhiên hậu tu hỏa chi lợi, phạm kim hợp thổ, dĩ vi đài tạ cung thất dữ hộ. Dĩ bảo, dĩ phiên, dĩ hanh, dĩ chích, dĩ vi lễ lạc. Trị kỳ ma ty, dĩ vi bố bạch. Dĩ dưỡng sinh tống tử, dĩ sự quý thần thượng đế, giai tòng kỳ sóc (1).

Dịch nghĩa:

3. Các bậc thánh về sau tìm ra, sau đó mới biết cái lợi của lửa, luyện các chất kim, nung các vật sành sứ (2), xây dựng cung điện nhà cửa. Biết dùng chiên xào, nấu nướng chế thức ăn. Dệt vải nhuộm tơ làm vải vóc. Biết nuôi nấng người sống, đưa tiễn người chết, biết thờ quý thần thượng đế. Mọi việc đều bắt đầu từ đó.

Chú thích:

(1)- *Sóc*: thời kỳ bắt đầu.

(2)- sách *Vận chú* giải nghĩa *phạm kim* là luyện các chất bằng kim loại, *hợp thổ* là chế nặn các khí dụng bằng đất như chén bát v.v...

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

LỄ KHÍ

Nguyên văn:

礼器

礼器，是故大备。大备，盛德也。

礼，释回，增美质，措则正，施则行。其在人也，如竹箭之有筠也，如松柏之有心也，二者居天下之大端矣，故贯四时而不改柯易叶。故君子有礼，则外谐而内无怨。故物无不怀仁，鬼神飨德。

先王之立礼也，有本有文。忠信，礼之本也；义理，礼之文也。无本不立，无文不行。礼也者，合于天时，设于地财，顺于鬼神，合于人心，理万物者也。是故天时有生也，地理有宜也，人官有能也，物曲有利也。故天不生，地不养，君子不以为礼，鬼神弗

飧也。居山以鱼鼈为礼，居泽地以鹿豕为礼，君子谓之不知礼。

Phiên âm:

1. Lễ khí thị cố đại bị. Đại bị, thịnh đức dã. Lễ thích hồi, tăng mĩ chất, thác tắc chính, thi tắc hành. Kỳ tại nhân dã, như trúc tiên chi hữu quân dã, như tùng bách chi hữu tâm dã. Nhị giả cư thiên hạ chi đại đoan hĩ, cố quân tử thời nhi bất cải kha dịch diệp. Cố quân tử hữu lễ, tắc ngoại hài nhi nội vô oán. Cố vật vô bất hoài nhân, quý thân hưởng đức.

Tiên vương chi lập lễ dã, hữu bản hữu văn. Trung tín, lễ chi bản dã; nghĩa lý, lễ chi văn dã. Vô bản bất lập, vô văn bất hành.

Lễ dã giả, hợp ư thiên thời, thiết ư địa tài, thuận ư quý thân, hợp ư nhân dân, lý vạn vật giả dã. Thị cố thiên thời hữu sinh dã, địa lý hữu nghi dã, nhân quan hữu năng dã, vật khức hữu lợi dã. Cố thiên bất sinh, địa bất dưỡng, quân tử bất dĩ vi lễ, quý thân phát hương dã. Cư sơn dĩ ngư tộ vi lễ, cư trạch dĩ lộc thỉ vi lễ, quân tử vị chi bất tri lễ.

Dịch nghĩa:

2. Khí dụng của lễ vì đó cực hoàn bị. Hoàn bị là thịnh đức vậy. Dụng của lễ là có thể tiêu trừ được cái tâm tà vậy của người ta, làm tăng thêm bản chất tốt đẹp. Áp dụng vào thân không chỗ nào không chính đáng, thi hành ra ngoài không việc gì không đạt. Nếu nói về bản thân thì lễ như cái cốt của mũi tên; như cái lòng của cây tùng cây bách đủ làm cho kiên cố bên trong. Hai điều (cốt lõi) ấy là

đầu mối của thiên hạ, nhờ có hai cốt lõi ấy mà bốn mùa không thay cảnh đổi lá. Cho nên bậc quân tử có lễ thì bề ngoài hài hòa vui vẻ bên trong không oán hận. Vì vậy không điều gì là không có lòng nhân và nhờ đó quỷ thần cũng được hưởng đức.

Các tiên vương chế lập ra lễ vừa có gốc vừa có văn vẻ bên ngoài. Trung Tín là gốc của lễ; Nghĩa lý là văn vẻ của lễ. Không có gốc thì không thể đứng, không có văn vẻ (bề ngoài) thì không phổ biến được.

Người biết lễ (thì) hợp với thời của trời, bày ra tài lợi cho đất, thuận với quỷ thần, hợp với lòng người, hiểu được vạn vật. Cho nên thời của trời là sinh, lý của đất là nên, tài của người là làm được, chất của vật là lợi. Vì vậy trời (mà) không sinh, đất (mà) không nuôi (thì) quân tử không cho là lễ và quỷ thần không hưởng thụ. Ở núi rừng mà áp dụng lễ của loài tôm cá, ở đầm nước mà áp dụng lễ của loài nai hươu (thì) quân tử cho rằng là không biết lễ (1).

Chú thích:

Chữ **Khí** ở đây có hai nghĩa : một là khí dụng tốt đẹp để học lễ thành đức, hai là khí dụng do người thi hành lễ chế định ra.

(1)-: đoạn cuối cùng ý nói áp dụng ngược đời không đúng chỗ thì không phải là lễ.

Nguyên văn:

礼，时为大，顺次之，体次之，宜次之，称次之。尧授舜，舜授禹，汤放桀，武王伐

紂，时也。《诗》云：“匪革其犹，聿追来孝。”天地之祭，宗庙之事，父子之道，君臣之义，伦也。社稷山川之事，鬼神之祭，体也。丧祭之用，宾客之交，义也。羔豚而祭，百官皆足；大牢而祭，不必有余：此之谓称也。

Phiên âm:

2. Lễ thời vi đại, thuận thứ chi, thể thứ chi, nghi thứ chi, xung thứ chi. Nghiêu thụ Thuấn, Thuấn thụ Võ, Thang phóng Kiệt, Vũ vương phạt Trụ, thời dã. “Thi” vân: “Phỉ cách kỳ do, luật trung lai hiếu”. Thiên địa chi tế, tông miếu chi sự, phụ tử chi đạo, quân thần chi nghĩa, luân dã. Xã tắc sơn xuyên chi sự, quỷ thần chi tế, thể dã. Tang chế chi dụng, tân khách chi giao, nghĩa dã.

Cao đồn nhi tế, bách quan giai túc, đại lao nhi tế, bất tất hữu dư, thứ chi vị xưng dã. Chư hầu dĩ quy vi bảo, dĩ khuê vi thụ. Gia bất bảo quy, bất tàng khuê, bất dài môn, ngôn hữu xưng dã.

Dịch nghĩa:

2. Lễ, lớn nhất là tùy theo thời rồi mới đến bản thể, rồi mới đến

sự thích nghi (tùy lúc). Vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn, vua Thuấn truyền ngôi cho vua Võ, vua Thang đuổi vua Kiệt, vua Vũ vương thảo phạt vua Trụ là theo thời đó vậy. Kinh Thư viết rằng: "Không phải muốn cải cách sớm mà vì muốn theo cho vẹn toàn chữ Hiếu".

Thời khác nhau nên việc làm cũng khác, bậc thiên tử tế trời đất, chư hầu tế tông miếu. Cha con là đạo, vua tôi là nghĩa, đó là luân thường vậy. Thờ xã tắc thần núi sông, tế quý thần là thể. Việc dùng các nghi thức tang tế, việc giao du với khách khứa là nghĩa.

Tế dê và heo, trăm quan đều được chia thịt không cần phải để thừa, đó gọi là xứng đáng (với chức phận). Các chư hầu cho rằng mai rùa là quý, ngọc khuê là điểm lành. Còn người thường nhà không có mai rùa, không cất giữ ngọc Khuê, không có lầu gác cũng là xứng với chức phận của từng người khác nhau.

Nguyên văn:

子路为季氏宰。季氏祭，逮暗而祭；日不足，继之以烛。虽有强力之容、肃敬之心，皆倦怠矣。有司跛倚以临祭，其为不敬大矣！他日祭，子路与，室事交乎户，堂事交乎阶，质明而始行事，晏朝而退。孔子闻之，曰：“谁谓由也而不知礼乎！”

Phiên âm:

3. Tử Lộ vi Quý thị tế. Quý thị tế, đãi ẩm nhi tế, nhật bất túc, kế chi dĩ chúc. Tuy hữu cường lực chi dung, túc kính chi tâm, giai quyền đãi hĩ. Hữu ty bì ý dĩ lâm tế, kỳ vi bất kính đại hĩ. Tha nhật tế, Tử Lộ dự, thất sự giao hồ hộ, đường sự giao hồ giai, chất minh nhi thủy hành sự, yển triều nhi thối. Khổng Tử văn chi viết: "Thùy vị Do dã, nhi bất tri lễ hồ !"

Dịch nghĩa:

3. Tử Lộ coi sóc việc nhà cho họ Quý. Nhà họ Quý có tế, bắt đầu từ lúc còn tối đến suốt một ngày chưa xong, trời lại tối họ phải thắp đuốc. Tuy có sức khỏe và đồng lòng cung kính nhưng lúc ấy ai cũng phải mệt. Ai nấy miễn cưỡng gượng làm lễ tế. Như vậy, việc tế lễ giảm nhiều tôn kính.

Lần tế lễ khác, Tử Lộ tham dự. Ông sắp đặt mọi việc sai người chuẩn bị sẵn mọi đồ tế bên ngoài, đến khi vào chính lễ cứ tuần tự đem vào dọn bày rõ ràng rồi mới cử lễ. Lễ chỉ từ sáng sớm đến chiều là xong. Khổng Tử biết chuyện bảo:

- Ai bảo là Do (tên húy của Tử Lộ) không biết lễ đâu!

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

GIAO ĐẶC SINH

Chương này toàn bộ chép về lễ tế tự, từ các lễ ở triều đình đến lễ hôn, quan. Các chương tiết rất phức tạp rối rắm, nhiều học giả cho rằng chương này do nhiều người đời sau chép lạp nhập mà thành. Trong chương này lại ảnh hưởng lớn phái âm dương ngũ hành thời ấy, phần lớn dùng âm dương để giải thích các nghi lễ nên rất tối nghĩa và không có ích cho người thời nay. Chúng tôi bỏ không dịch.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

NỘI TẮC

Nội tắc là những nghi lễ của con cái trong nhà, theo nhiều học giả, chương này có nhiều điểm giống với chương *Khúc Lễ*.

Nguyên văn:

内则

子事父母：鸡初鸣，咸盥漱，栉、缡、笄、总，拂髦，冠、綏、纓、端、褱、绅，搢笏。左右佩用，左佩纷、帨、刀、砺、小觶、金燧。右佩玦、捍、管、蕡、大觶、木燧。逼、屨、著綦。妇事舅姑，如事父母：鸡初鸣，咸盥漱，栉、缡、笄、总、衣绅；左佩纷、帨、刀、砺、小觶、金燧，右佩箴、管、线、纆、施紫帙，大觶、木燧，衿纓，綦屨。以适父

母、舅姑之所。

及所，下气怡声，问衣燠寒；疾痛苛痒，而敬抑搔之。出入则或先或后，而敬扶持之。

进盥，少者奉槃，长者奉水，请沃盥；盥卒，授巾。问所欲而敬进之，柔色以温之。饴、醴、酒、醕、鬯、羹、菽、麦、蕡、稻、黍、粱、秬，唯所欲。枣、栗、饴、蜜以甘之，堇、苢、粉、榆、兔、、瀹、滷以滑之，脂、膏以膏之。父母、舅姑必尝之而后退。

男女未冠笄者，鸡初鸣，咸盥漱，栉、缡、拂髦、总角、衿纓，皆佩容臭，昧爽而朝，问“何食饮矣”；若已食则退，若未食则佐长者视具。

Phiên âm:

1. Từ sự phụ mẫu, kê sơ mình, hàm quán thẩu, tiết túng kê tổng, phí mao, quan tú anh, đoan tất thân, tấn hốt.

Tả hữu bội dung, tả bội phân, thuế, đạo lệ, tiểu huê, kim toại, hữu bội anh, hãn, quán, đối, đại huê, mộc toại. Phụ sự cứu cô, như sự phụ mẫu. Kê sơ minh, hàm quán thẩu, tiết tủng, kê tổng, y thân.

Tả bội phân, thuế, đạo lệ, tiểu huê, kim toại, hữu bội châm, quán, tuyến, quảng. Ban trật, đại huê, mộc toại, khâm anh, ky lý dĩ thích phụ mẫu cứu cô chi sở.

Cập sở, hạ khí di thanh, vấn y úc hàn, tậ thống hà dương, nhi kích ưc tao chi. Xuất nhập, tắc hoặc tiên hoặc hậu nhi kính phù trì chi. Tiến quán, thiếu giả phụng ban, trưởng giả phụng thủy, thỉnh ốc quán, quán tốt thụ cân, vấn sở dục nhi kính tiến chi, nhu sắc dĩ ôn chi, đàn di, từu lễ, mao canh, tiêu, mạch phân, thao, quý, lương, truật, duy sở dục, tảo lật di mật dĩ cam chi, cần huyền phân du, miễn khảo từu tử dĩ hoạt chi, chi cao dĩ cao chi. Phụ mẫu cứu cô tất thường chi nhi hậu thối.

Nam nữ vị quan kê giả, kê sơ minh, hàm quán thẩu, tiết tủng, phát mao, tổng giác, khâm anh, giai bội dung xú. Muội sảng nhi triều, vấn hà thực ẩm hĩ? Nhược dĩ thực tắc thối, nhược vị thực tắc tá trưởng giả thị cụ.

Dịch nghĩa:

1. Con thờ cha mẹ, gà vừa mới gáy sáng phải mang thau rửa đựng nước súc miệng rửa tay đến, cả lược, chải cài tóc. Tự tay chải đầu cho cha mẹ, sau đó đội mũ có dải vải. Tùy theo địa vị của cha mà dâng áo: áo bậc thượng sĩ màu đen huyền, áo bậc trung sĩ màu vàng, áo bậc hạ sĩ màu tạc. Các vật đeo trên mình (của cha) cũng tùy theo chức phận, bên trái đeo khăn phân (để lau khí dụng) và khăn thuế (để lau tay), đao như bằng xương và hòn đánh lửa (1), bên phải đeo miếng quyết (2) và bao cọng cung, bao đựng đao...(3).

Còn gái thờ cha mẹ chồng phải giống như thờ cha mẹ ruột. Gà vừa gáy bậc trời sáng phải mang chậu rửa mặt, khăn lược, chải cài

đầu, áo quần tơi. Bên trái đeo túi đựng khăn và những vật dụng khác sẵn sàng thích ứng với sự cần thiết của cha mẹ chồng (4).

Trước mặt cha mẹ chồng phải tỏ ra nhu thuận nhẹ nhàng, hỏi thăm sức khỏe cha mẹ chồng ấm lạnh ra sao, có đau ở chỗ nào không một cách hết sức kính cẩn. Cha mẹ đi ra hay đi vào, đều phải thận trọng nâng đỡ. Khi dâng chậu nước rửa mặt lên thì phải bưng mâm đựng ở dưới, trên đặt chậu nước, mời cha mẹ chồng rửa ráy xong liền đưa khăn, hỏi cha mẹ chồng muốn gì để đáp ứng, sắc mặt luôn luôn phải giữ ôn hòa. Sau đó dâng thức ăn sáng. Thức ăn điểm tâm trắng miệng như các loại trái táo phải ngọt, rau phải tươi sạch béo bở (5). Cha mẹ chồng ăn xong mới được lui ra.

Con trai con gái chưa tới tuổi đội mũ cài trâm (tức chưa thành nhân), gà vừa gáy sáng dâng nước rửa mặt lên (cho cha mẹ), tự mình phải gài tóc ăn mặc chỉnh tề đến chầu cha mẹ lúc trời chưa kịp sáng, hỏi thăm cha mẹ (hôm nay) muốn ăn uống thức ăn gì? Nếu (cha mẹ) đã ăn rồi thì lui ra, nếu chưa ăn phải gọi người mang đầy đủ (thức ăn) lên.

Chú thích:

(1)- Đá đánh lửa thời xưa có nhiều loại như chương này viết là *kim toại*, *mộc toại* v.v... đại khái áp dụng trong những thời tiết khác nhau.

(2)- *Quyết* : miếng đeo vào ngón tay đệm khi bắn cung.

(3)- Những vật dụng thời xưa rất chi tiết và xa lạ với chúng ta hiện nay, xin lược bớt.

(4)- Đây là những chi tiết về thủ tục dâng vật dụng buổi sáng lên cha mẹ chồng của con dâu, nhiều vật dụng và nghi thức đã xa lạ với chúng ta ngày nay nên xin lược bớt.

(5)- Những món ăn, lương thực ở đây khác hẳn với hiện nay và khác cả về phong tục từng miền, chúng ta không cần thiết phải hiểu tường tận, chỉ biết cổ nhân chọn lọc thức ăn rất tinh tế cẩn thận.

Nguyên văn:

2. 在父母、舅姑之所，有命之，应“唯”，敬对，进退周旋慎斋。升降出入揖游，不敢哆噫、嚏咳、欠伸、跛倚、睥视，不敢唾洩。寒不敢裘，痒不敢搔。不有敬事，不敢袒裼。不涉不褻。褻衣衾不见里。父母唾洩不见；冠带垢，和灰请漱；衣裳垢，和灰请浣；衣裳绽裂，纫针请补缀。五日则燂汤请浴，三日具沐。其间面垢，燂潘请醖；足垢，燂汤请洗。少事长，贱事贵，共帅时。

男不言内，女不言外。非祭非丧，不相授器。其相授，则女受以筐，其无筐，则皆坐，奠之，而后取之。外内不共井，不共湔浴，不通寝席，不通乞假。男女不通衣裳。内言不出，外言不入。

男子入内，不啸不指；夜行以烛，无烛则止。女子出门，必拥蔽其面；夜行以烛，无烛则止。道路，男妇由右，女子由左。

子妇孝者敬者，父母、舅姑之命勿逆勿怠。若饮食之，虽不嗜，必尝而待。加之衣

服，虽不欲，必服而待。加之事，人待之，己虽弗欲，姑与之，而姑使之，而后复之。子妇有勤劳之事，虽甚爱之，姑纵之，而宁数休之。

子妇未孝未敬，勿庸疾怨，姑教之。若不可教，而后怒之；不可怒，子放妇出，而不表礼焉。

父母有过，下气怡色，柔声以谏。谏若不入，起敬起孝，悦则复谏；不悦，与其得罪于乡党州闾，宁孰谏。父母怒，不悦，而挞之流血，不敢疾怨，起敬起孝。

Phiên âm:

2. Tại phụ mẫu cữu cô chi sở, hữu mệnh chi, ứng duy kính đối, tiến thoái chu toàn thân thể, thăng giáng xuất nhập tấp du, bất cảm uế hạc, khiếm thân, kỳ ý, đệ thị, bất cảm thóa thể.

Hân bất cảm tập, dương bất cảm tao, bất hữu kính sự, bất cảm dân tích, bất thiệp bất quyết, tiết y khâm, bất kiến lý.

Phụ mẫu thóa thể bất kiến, quan đối cấu, hòa khôi thỉnh thấu; y thường cấu, hòa khôi thỉnh hoán; y thường đình lệ, nhĩn châm thỉnh bổ tuyết.

Ngũ nhật tức đàm thang thỉnh dục, tam nhật cụ mộc. Kỳ quan

diện cấu, đàm phiên thỉnh hối; túc cấu, đàm thang thỉnh tẩy.

Nam bất ngôn nội, nữ bất ngôn ngoại, phi tế phi tang, bất tương thụ khí. Kỳ tương thụ, tắc nữ thụ dĩ phi; kỳ vô phi, tắc giai tọa, diện chi nhi hậu chi.

Ngoại nội bất cộng tỉnh, bất công bức dục, bất thông tẩm tịch, bất thông khát giả, nam nữ bất thông y thường. Nội ngôn bất xuất, ngoại ngôn bất nhập. Nam tử nội nhập, bất khiêu bất chỉ, dạ hành dĩ chúc, vô chúc tắc chỉ. Nữ tử xuất môn, tất ủng tế kỳ diện, dạ hành dĩ chúc, vô chúc tắc chỉ. Đạo lộ, nam nữ do hữu, nữ tử do tả.

Tử phụ hiếu giả kính giả, phụ mẫu cứu cô chi mệnh, vật nghịch vật dãi. Nhược ẩm thực chi, tuy bất thị, tất thường nhi dãi; gia chi y phục, tuy bất dục, tất phục nhi dãi.

Phụ mẫu hữu quá, hạ khi đi sắc nhu thanh dĩ gián. Gián nhược bất nhập, khởi kính khởi hiếu, duyệt tắc phục gián. Bất duyệt, dữ kỳ đắc tội ư hương đăng châu lư, ninh thực gián. Phụ mẫu nộ bất duyệt, nhi sát chi lưu huyết, bất cảm tạt oán, khởi kính khởi hiếu.

Dịch nghĩa:

2. Khi ở trước mặt cha mẹ ruột hoặc cha mẹ chồng, nếu có lệnh phải vâng dạ kính cẩn, tiến thoái phải chu toàn thận trọng, lên xuống ra vào phải cung kính, không dám ho ọe, đằng hắng hay ngáp dài, không được đứng dựa nghiêng ngả liếc ngang liếc dọc, không dám phun nước bọt chùi nước mũi.

Khi ở trước mặt cha mẹ ruột hoặc cha mẹ chồng không được tùy tiện mặc áo ấm dù trời lạnh, có ngứa cũng không dám gãi, không có việc cần thiết không dám thay quần áo, không được vén áo quần nếu dưới chân không có nước. Không được để lộ áo trong ra ngoài.

Năm ngày nấu nước nóng một lần mời cha mẹ tắm, ba ngày gội đầu (cho cha mẹ) một lần, lúc ấy nếu thấy mặt cha mẹ có vết bẩn

dơ phải nấu nước nóng cho cha mẹ rửa mặt; chân cha mẹ dơ bẩn cũng nên rửa ngay.

Là đàn ông không nên bàn việc trong phòng khuê (tức việc của đàn bà), là phụ nữ không được bàn việc bên ngoài (tức việc của đàn ông). Nếu không phải ngày tế lễ hoặc ngày tang chế, trai gái không được đưa cho nhau những vật dụng (vì tránh chạm vào tay nhau). Nếu có trao, người nữ phải cầm một cái thúng (để nhận vật ấy); không có thúng thì hai bên (trai gái) phải quỳ xuống đặt vật (định trao) xuống đất rồi người nữ nhận lấy.

Ngoài và trong không được chung đụng, (trai gái) không được tắm chung, không được ngồi chung chiếu ngủ chung phòng, không được ăn chung. Trai gái không được mặc chung áo quần. Những việc trong phòng khuê không được nói ra ngoài, những việc bên ngoài không được cho lọt vào (phòng khuê). Trai vào phòng khuê không được nói cười chỉ chỏ, đang đêm đi đâu phải cầm đuốc, nếu không có đuốc thì không đi. Đi trên đường cái, trai đi bên phải, gái đi bên trái.

Con trai giữ được chữ hiếu thì cha mẹ yêu quý, con gái giữ được lòng kính thì cha mẹ chồng yêu quý. Đối với mệnh lệnh của cha mẹ chồng không được trái nghịch, không được lười biếng.

Nếu như cha mẹ ban cho ăn uống, dù mình không thích cũng phải ăn; cha mẹ ban cho áo quần, tuy mình không thích cũng phải mặc.

Nếu như cha mẹ có lỗi lầm gì, mình vẫn phải vui vẻ hòa nhã dùng lời ôn hòa mà can gián. Nếu can mà (cha mẹ) không nghe lại càng phải giữ thái độ hòa nhã cung kính hơn, đợi cha mẹ nguôi ngoai rồi lại can gián. Nếu cha mẹ không nghe đến nỗi phạm lỗi lầm có tội với bạn bè hàng xóm, ta vẫn phải ôn hòa khuyên can. Nếu cha mẹ nóng giận đánh ta đến chảy máu, ta vẫn không dám giận oán mà vẫn phải kính trọng hiếu thuận với cha mẹ.

Nguyên văn:

父母有婢子，若庶子庶孙，甚爱之；虽父母没，没身敬之不衰。子有二妾，父母爱一人焉，子爱一人焉，由衣服饮食，由执事，毋敢视父母所爱，虽父母没不衰。子甚宜其妻，父母不悦，出。子不宜其妻，父母曰：“是善事我。”子行夫妇之礼焉，没身不衰。

子能食食，教以右手；能言，男“唯”女“俞”；男鞶革，女鞶丝。六年，教之数与方名。七年，男女不同席，不共食。八年，出入门户及即席饮食，必后长者；始教之让。九年，教之数日。十年，出就外傅，食宿于外，学书计；衣不帛襦袴；礼帅初，朝夕学幼仪，请肄简、谅。十有三年，学乐诵《诗》，舞

《勺》。成童，舞《象》，学射御。二十而冠，始学礼，可以衣裘帛，舞《大夏》，惇行孝悌，博学不教，内而不出。

Phiên âm:

3. Phụ mẫu hữu ti tử, nhược thứ tử thứ tôn, thậm di chi. Tuy phụ mẫu một, một thân kinh chi bất suy.

Tử hữu nhi thiếp, phụ mẫu ái nhất nhân yên, tử ái nhất nhân yên, do y phục ẩm hực, do chấp sự, vô cảm thị phụ mẫu sở ái, tuy phụ mẫu một bất suy.

Tử thậm nghi kỳ thê, phụ mẫu bất duyệt (1), xuất. Tử bất nghi kỳ thê, phụ mẫu viết: "Thị thiện thị ngã", tử hành phụ phụ chi lễ yên, một thân bất suy.

Tử năng thực thực, giáo dĩ hữu thủ; năng ngôn, nam duy nữ du. Nam bàn cách, nữ bàn ti. Lục ngôn, giáo chi số dũ phương danh. Thất niên, nam nữ bất đồng tịch, bất cộng thực. Bát niên, xuất nhập môn hộ, cập tức tịch ẩm thực, tất hậu trưởng giả, thủy giáo chi nhượng. Cửu niên, giáo chi số nhật. Thập niên, xuất tặc ngoại phó, cư túc ư ngoại, học thư kế. Y bất bạch nhu khoa. Lễ sủy sơ, triều tịch học ấu nghi, thỉnh di giản lượng.

Thập hữu tam niên, học nhạc, tưng thi, vũ "Thược". Thành đông, vũ "Tượng", học xạ ngự. Nhị thập nhi quan, thủy học lễ, khả dĩ y cầu bạch, vũ "Đại Hạ", đồn hành hiếu để, bác học bất giáo, nội nhi bất xuất.

Dịch nghĩa:

3. Nếu cha mẹ có con nuôi, dù ta là con thứ hay là con cả cũng phải yêu quý người ấy. Tuy cha mẹ đã qua đời, suốt đời ta không được thay đổi (lòng yêu ấy).

Con có hai người thiếp (vợ thứ) mà cha mẹ ta lại yêu một người này còn ta lại yêu người kia, ta không được theo ý riêng mà khinh thường người được cha mẹ ta yêu, tuy cha mẹ ta mất, ta vẫn không được thay đổi.

Ta có người vợ tốt lành mà cha mẹ ta lại không vui thích thì ta cũng phải bỏ. Còn người vợ không xứng đáng mà cha mẹ ta cho rằng “Người ấy tốt lành” thì phận làm con cũng phải lấy lễ vợ chồng mà đối xử (với người ấy), suốt đời không được thay đổi. (2)

Khi con cái đến tuổi biết ăn cơm, cần thiết phải dạy nó biết sử dụng tay phải, con trai phải biết thưa dạ, con gái phải biết nhu hòa. Con trai đeo túi da, con gái đeo túi lụa. Khi con lên sáu tuổi, hãy dạy chúng về số học và đếm số. Năm lên bảy, trai gái không được ngồi cùng chiếu, ăn cùng mâm. Tám tuổi, dạy chúng khi ra vào hay khi ngồi vào bàn ăn, nhất nhất phải theo sau bậc trưởng thượng, bắt đầu dạy cho chúng biết nhường nhịn.

Chín tuổi, dạy chúng cách tính toán ngày tháng. Mười tuổi, cho ra bên ngoài học thêm sách vở khác. Áo mặc không cần bằng vải lụa tơ mềm, bắt đầu hướng dẫn chúng về lễ, sớm tối tuân theo nghi thức của trẻ nhỏ.

Năm mười ba tuổi, bắt đầu cho học nhạc, học thi, và cho chúng biết điệu múa “Thước”. Đến lúc lên hơn khoảng mười lăm tuổi, dạy cho biết bài múa “Tượng”, rồi học bắn cung, cỡi ngựa.

Hai mươi là làm lễ đội mũ, bắt đầu học lễ, có thể cho mặc áo cừu và cho chúng biết múa khúc “Đại Hạ” (4) dạy chúng thuần hậu về hiếu lễ, đến đây chúng học đã rộng nhưng chưa nên làm việc dạy người khác và chưa nên để lộ (tài học) của mình.

Chú thích:

(1)- *Duyệt*: vui vẻ, ở đây chính là âm cổ của chữ *thuyết*.

(2)- Theo sách *Đại Đại Lễ* có bảy điều có quyền bỏ vợ là: - không thuận với cha mẹ - không đẻ con - dâm dăng - đổ kỵ ghen ghét - có ác tật - nhiều lời đa ngôn - trộm cắp. Nhưng cũng có ba điều không thể bỏ được là: - người vợ ấy không còn chỗ nương tựa - người vợ ấy đã để tang ba năm cho cha mẹ mình - người vợ ấy lấy từ lúc nghèo hèn mà nay giàu có.

(3)- Các điệu múa “Thục” và “Tượng” đều là những điệu phối hợp với nhạc thời cổ.

(4)- *Đại Hạ*: điệu múa của vua Vũ, nhạc đời Vũ nổi tiếng là văn vũ kiêm toàn.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

NGỌC TẢO

Chương này chủ yếu nói về các lễ pháp trang sức, áo quần, ăn uống, cư xử của các bậc thiên tử, chư hầu, đại phu, sĩ, vương hầu, phu nhân, mệnh phụ....Trong đó ghi chép hỗn tạp từ những lễ tiết, cử chỉ, dung mạo. Tuy ghi chép rất tường tận chế độ của người xưa nhưng lại vô ích với người thời nay khi chế độ phong kiến vua chúa, chư hầu không còn tồn tại nữa nên chúng tôi không cần thiết phải dịch, hai chữ “Ngọc tảo” có nghĩa là văn vẻ của Ngọc (tức một loại tượng trưng cho sự quý giá) tức là những lễ tiết của vua chúa vương hầu.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

MINH ĐƯỜNG VỊ

Chương này chép chuyện Chu công phò tá Thành vương, triều kiến các chư hầu ở nhà Minh đường đưa thiên hạ đến chỗ thái bình. Thành vương phong đất ở nước Lỗ cho Chu công và những việc về lễ nhạc trong thiên hạ. Phần sau lại chép về những lễ nhạc khí dụng lớn lao sử dụng ở nước Lỗ, chúng tôi xin dịch vài đoạn tiêu biểu.

Nguyên văn:

明堂位

昔者周公朝诸侯于明堂之位，天子负斧依南向而立。三公，中阶之前，北而东上。诸侯之位，阼阶之东，西面北上。诸伯之国，西阶之西，东面北上。诸子之国，门东，北面东上。诸男之国，门西，北面东上。九夷之

国，东门之外，西面北上。八蛮之国，南门之外，北面东上。六戎之国，西门之外，东面南上。五狄之国，北门之外，南面东上。九采之国，应门之外，北面东上。四塞，世告至。此周公明堂之位也。

明堂也者，明诸侯之尊卑也。

Phiên âm:

1. Tích giả Chu công triều chư hầu ư Minh đường chi vị, thiên tử phụ phủ ỹ nam hương nhi lập. Tam công, trung giai chi tiền, bắc diện đông thượng. Chư hầu chi vị, tả giai chi đông, tây diện bắc thượng. Chư bá chi quốc, tây giai chi tây, đông diện bắc thượng. Chư tử chi quốc, môn đông, bắc diện đông thượng. Chư nam chi quốc, môn tây, bắc diện đông thượng. Cửu Di chi quốc, đông môn chi ngoại, tây diện bắc thượng. Bái Man chi quốc, nam môn chi ngoại, bắc diện đông thượng. Lục Nhung chi quốc, tây môn chi ngoại, đông diện nam thượng. Ngũ Dị chi quốc, bắc diện chi ngoại, nam diện đông thượng.

Cửu Thái chi quốc, ứng môn chi ngoại, bắc diện đông thượng. Tứ trại thế cáo chí. Thử Chu công Minh đường chi vị dã. Minh đường dã giả, minh chư hầu chi tôn ti dã.

Dịch nghĩa:

1. Xưa kia, Chu công triều kiến các chư hầu ở nhà Minh đường, có thiên tử cảm phủ việt đứng ở phía nam. Bậc tam công đứng trước giữa bệ trung tâm ở hướng đông, mặt hướng về bắc. Các chư hầu đứng ở phía đông thềm ở hướng bắc, mặt hướng về tây. Các tước “bá” đứng ở phía tây bậc thềm tây ở hướng bắc, mặt hướng về bắc. Các tước “tử” đứng ở cửa phía đông ngoài mặt bắc, quay mặt về hướng nam.

Các nước “Cửu Di” (1) đứng ngoài cửa phía đông, mặt quay về hướng bắc. Các nước “Bát Man” (1) đứng ngoài cửa phía nam, mặt quay về hướng đông. Các nước “Lục Nhung” (1) đứng ngoài cửa phía tây, mặt quay về hướng nam. Các nước “Ngũ Dịch” (1) đứng ngoài cửa phía bắc, mặt quay về hướng đông.

Các nước “Cửu Thái” (2) tùy theo vị trí của mình mà đứng ngoài cửa quay về hướng đông. Các nước di dịch ngoài Trung nguyên (3) đến báo cáo ở nơi Minh đường là nơi Chu công đang ngự trị. Người cai trị nhà Minh đường với ý nghĩa là làm sáng rõ tôn ti trật tự của các chư hầu.

Chú thích:

(1)- *Cửu di, Bát man, Lục nhung, Ngũ dịch* đều là những nước nhỏ chung quanh Trung quốc. Thời cổ đại, Trung quốc tự cho mình là nước lớn ở trung tâm Hoa Hạ và cho các nước nhỏ chung quanh đều là man mọi cả.

(2)- *Cửu Thái*: tên Trung quốc gọi các sắc mục không phải tộc Hán, các sắc mục này hằng năm vẫn phải triều cống lễ vật lên thiên tử (người Hán).

(3)- tên các dân tộc quốc gia mọi rợ ở ngoài Trung nguyên theo quan điểm sai lạc của người Trung quốc cổ đại.

Nguyên văn:

昔殷紂乱天下，脯鬼侯以飧诸侯，是以周公相武王以伐紂。武王崩，成王幼弱，周公践天子之位，以治天下。六年，朝诸侯于明堂，制礼作乐，颁度量，而天下大服。七年，致政于成王。成王以周公为有勋劳于天下，是以封周公于曲阜，地方七百里，革车千乘；命鲁公世世祀周公以天子之礼乐。

Phiên âm:

2. Tích An Trụ loạn thiên hạ, phủ quỷ dĩ hưởng chư hầu, thị dĩ Chu công tương Võ vương dĩ phạt Trụ. Võ vương băng, Thành vương

đầu nhúc, Chu công tiến thiên tử chi vị dĩ trị thiên hạ. Lục niên triều chư hầu ư Minh đường, chế lễ tác nhạc ban độ lượng, nhi thiên hạ đại phục. Thất niên trí chính ư Thành vương.

Thành vương dĩ Chu công vi hữu vận lao ư thiên hạ, thị dĩ phong Chu công ư Khúc phụ, địa phương thất bách lý, cách xa thiên thặng, mệnh Lỗ công thế thế tự Chu công dĩ thiên hạ chi lễ nhạc. Thị dĩ Lỗ quân mạnh xuân thừa đại lộ, đối hồ độc, kỳ thập hữu nhị lưu, nhật nguyệt chi chương, tự dĩ ư giao, phối dĩ Hậu Tắc, thiên tử chi lễ dã.

Dịch nghĩa:

2. Xưa kia vua Trụ nhà Ân làm loạn thiên hạ, lấn hiếp xâm chiếm các chư hầu, vì vậy Chu công theo Võ vương đi đánh Trụ. Khi Võ vương qua đời, vua Thành vương còn nhỏ, Chu công đoạt lấy ngôi vị thiên tử mà cai trị thiên hạ. Cứ sáu năm triều kiến các chư hầu đến nhà Minh đường và biên định ra lễ nhạc, ban bố luật lệ mà quy phục thiên hạ. Bảy năm sau mới trả triều chính cho Thành vương.

Thành vương cho rằng Chu công có công lớn với thiên hạ nên phong đất Khúc phụ vuông bảy trăm dặm cho Chu công và ngàn cỗ xe rồi truyền cho đời đời nước Lỗ phải lấy lễ nhạc của bậc thiên tử mà thờ cúng Chu công. Vì vậy vào ngày đầu tháng mạnh xuân (hằng năm) vua Lỗ cỡi xe lớn, treo cung tên dăng cờ quạt cheu mặt trời mặt trăng làm lễ tế ở ngoài thành, phối thờ (Chu công) ngang với thần Hậu Tắc (1) coi như lễ của bậc thiên tử vậy.

Chú thích:

(1)- *Thần Hậu Tắc*: tức thần đất đai, tượng trưng cho tổ quốc.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM

TANG PHỤC TIỂU KÝ

Chương này chủ yếu ghi chép về chế độ mặc quần áo tang. Mỗi khi thân nhân có người qua đời, tùy theo sự liên hệ của ta và thân nhân mà phải mặc loại áo tang như thế nào cho hợp với lễ. Vì những kiểu áo tang ấy ngày nay không còn áp dụng nên chúng tôi chỉ dịch một đoạn tiêu biểu.

Nguyên văn:

喪服小記

男子冠而妇人笄，
男子免而妇人髻。其义为男子则免，为妇人
则髻。

妇人为夫与长子稽顙，其余则否。

为父后者，为出母无服。

Phân âm:

*Nam tử quan nhị phụ nhân kê, nam tử miễn nhi phụ nhân dũ. Kỳ
nghĩa vi nam tử tắc miễn, vi phụ nhân tắc dũ.*

Phụ nhân vi phu dữ trường tử kê tằng, kỳ dư tắc phủ.

Vi phụ hậu giả, vi xuất mẫu vô phục.

Dịch nghĩa:

Thời xưa đàn ông thì đội mũ, đàn bà thì cài trâm. Nếu như có tang thì đàn ông bỏ mũ, đàn bà bỏ trâm. Cha mẹ chết, đàn ông thì dùng vải thô làm mũ, đàn bà thì lấy gai làm trâm. Nếu là tang không quan trọng thì đàn ông được miễn (để tang) mà đàn bà thì phải bím tóc.

Khi chồng hay con trưởng chết, đàn bà phải lạy chạm đầu xuống đất, còn những người khác chết thì miễn.

Là con đích tôn khi vợ (nhỏ) đã bị (cha) bỏ rồi chết đi, không phải chịu tang.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

ĐẠI TRUYỀN

Nội dung chương này chép về những khuôn phép tế lễ, và chế độ tang phục, thờ cúng tổ tiên của các bậc đế vương. Tư tưởng chủ điểm là thiên tử trị thiên hạ phải bắt đầu từ đạo người, đó là chỗ nho gia gọi là hiếu đế. Ý nghĩa hai chữ *Đại truyền* này theo Trịnh Huyền là *đại nghĩa thờ cúng tổ tiên*.

Nguyên văn:

大傳

牧之野，武王之大事也。即事而退，柴于上帝，祈于社，设奠于牧室；遂率天下诸侯，执豆笾，逯奔走，追王太王亶父、王季历、文王昌，不以卑临尊也。

Phiên âm:

1. Mục chi dã, Võ vương chi đại sự dã. Ký sự nhi thối, sài ư thượng đế, kỳ ư xã, thiết tôn ư mục thất, toại xuất thiên hạ chư hầu

chấp đậu diên, tuần bốn tâu, truy vương đại vương Đàn phụ, vương Quý Lê, Vương văn Xương, bất dĩ ti lâm tôn dã.

Dịch nghĩa :

1. Sau khi diệt Trụ rồi, Võ vương lui về đốt lửa lên cáo với trời, bày tế ra cáo với thần xã, bày bàn thờ trong nhà mục thất rồi dẫn các chư hầu vào nhà tổ miếu làm lễ tế cáo, sau đó vội truy tặng thụy hiệu cho tổ tiên mình là Đàn phụ, Quý Lê, Văn Xương để định tôn ti trật tự.

Nguyên văn :

立

权度量，考文章，改正朔，易服色，殊徽号，
异器械，别衣服，此其所得与民变革者也。

Phiên âm:

2. Lập quyền độ lượng, khảo văn chương, cải chính sôc, dịch phục sắc, thù huy hiệu, dị khí giới, biệt y phục, thù kỳ sở đắc dĩ dân biến cách giả dã.

Dịch nghĩa:

2. (Vua) nắm lấy quyền chế ra chế độ đo lường, khảo xét về văn chương điển tịch, đổi lại lịch pháp ngày tháng, thay màu sắc áo quần khác nhau, huy hiệu tên gọi khác nhau, sửa khí giới, phân biệt y phục (từng chức vụ), thay đổi cả dân tình.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

THIẾU NGHI

Chương này có phần tương tự như hai chương *Khúc Lễ* và *Nội Tắc* bàn đến nhiều lễ nghi tang tế, thăm hỏi, ẩm thực, thờ vua, kính anh, cả những lễ tắc cỡi xe, tặng biếu, bói toán, quét dọn hết sức phức tạp, chúng tôi dịch vài đoạn tiêu biểu.

Nguyên văn:

少儀

不貳问。问卜筮，曰：“义与？志与？”义则可问，志则否。

尊长于己逾等，不敢问其年。燕见不将命。遇于道，见则面。不请所之。丧俟事，不植吊。侍坐弗使，不执琴瑟。不画地，手无容，不翬也。寝则坐而将命。

士依于德，游于艺。工依于法，游于说。

言语之美，穆穆皇皇。朝廷之美，济济翔翔。祭祀之美，齐齐皇皇。车马之美，匪匪翼翼。鸾和之美，肃肃雍雍。

Phiên âm:

1. Bất nhị vấn. Vấn bốc phê, viết: "Nghĩa dư chí dư?" Nghĩa tắc khả vấn, chí tắc phủ.

Tôn trưởng ư kỳ du đẳng, bất cảm vấn kỳ niên Yên kiến bất tương mệnh. Ngô ư đạo kiến tắc diện, bất thỉnh sở chi. Tang sĩ sư bất trị diếu.

Thị tọa phát sử bất chấp cầm sắt, bất họa địa, thủ vô dung, bất triếp dã. Tầm ac tọa nhì tương mệnh.

2. Sĩ y ư đức, du ư nghệ; công y ư pháp, du ư thuyết.

3. Ngôn ngữ chi mỹ, mục mục hoàng hoàng. Triều đình chi mỹ, tế tế tường tường. Tế tự chi mỹ, tế tế hoàng hoàng. Xa mã chi mỹ, phi phi dục dục. Loan hòa chi mỹ, túc túc ung ung.

Dịch nghĩa:

1. Khi có việc cần hỏi tới bói toán thì nên biết "hỏi về nghĩa hay hỏi về chí?" Nghĩa thì có thể hỏi được, nhưng chí thì không nên hỏi (1). Những việc làm của bậc tôn trưởng (ta) không nên hỏi về tuổi tác (của họ). Khi đến gặp bậc tôn trưởng người trẻ tuổi hơn không được ra lệnh. Nếu gặp bậc tôn trưởng ngoài đường, nếu bậc tôn trưởng nhìn thấy ta thì ta chào kính, nếu không nhìn thấy thì ta tránh đi không nên làm phiền bậc tôn trưởng và không nên hỏi bậc tôn trưởng đi đâu. Trong đám tang bậc tôn trưởng, hãy đợi lúc phát tang rồi ta hãy tới diếu.

Ngồi hầu bậc tôn trưởng, không nên tùy tiện đàn hát, không nên táy máy vẽ xuống đất hay lấy tay che mặt (vì như thế là thiếu cung kính). Trời tuy nóng nực cũng không được quạt. Nếu gặp lúc bậc tôn trưởng nằm trên giường ngủ mà ra lệnh (cho ta), ta phải quỳ mà nghe lệnh chứ không được đứng.

2. Kẻ sĩ căn cứ vào đạo đức mà hành xử, giải trí bằng “lục nghệ” (2). Phép tắc của người làm công nghệ là phải căn cứ vào luật pháp và giải trí bằng ngôn luận giảng thuyết.

3. Vẻ đẹp của ngôn ngữ là kính cần mà ôn hòa; vẻ đẹp của triều đình là chỉnh tề tốt lành; vẻ đẹp của tế tự là chỉnh tề nghiêm cần. Vẻ đẹp của ngựa xe là oai phong văn sức. Vẻ đẹp của tình vợ chồng là kính cần lẫn nhau mà vẫn hòa hợp.

Chú thích:

(1)- Đoạn này có nghĩa là khi gặp người đang coi bói hoặc chính ta coi bói, chỉ nên hỏi về nghĩa, không nên hỏi về chí nguyện.

(2)- *Lục nghệ*: sáu bộ môn nghệ thuật cổ: Xạ (bắn cung), Ngự (cỡi ngựa), Lễ (biết lễ nghi), Nhạc (học biết về âm nhạc), Thư (học viết chữ đẹp), Số (học về toán pháp).

Nguyên văn:

賓客主恭，祭祀主敬，喪事主哀，会同
主誨。

軍旅思險，隱情以虞。

Phiên âm:

4. Tân khách chủ cung, tế tự chủ kính, tang sự chủ ai, hội đồng chủ hứa. Quân lữ tư hiểm, ẩn tình dĩ ngu.

Dịch nghĩa:

4. (Tình) giữa chủ và khách quan trọng là ở chỗ cung kính mà vẫn thân cận. (Việc) tế tự quan trọng là ở chỗ kính cẩn nghiêm trang. Tang lễ quan trọng là ở sự buồn thương, ở chung với nhau quan trọng ở chỗ nhường nhịn vui vẻ. Việc quân sự phải biết đề phòng trước sự nguy hiểm và biết giữ bí mật và tiên đoán được dự tính của địch.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM

HỌC KÝ

Chương này luận thuật về công dụng của sự học tập. Lại bàn cả về mục đích và phương pháp của việc học, đồng thời đề cập tới hiệu quả và các trật tự thứ lớp của việc học thời cổ đại. Trong chương bàn tới phương pháp của bậc làm thầy và ý nghĩa tôn sư học đạo.

Chương này được các học giả đời Tống ca ngợi như câu của Trình Di: "Trong sách *Lễ Ký* trừ hai chương *Trung Dung* và *Đại Học* ra chỉ có chương *Học Ký* này là gần với *Đạo* hơn cả."

Nguyên văn:

学记

发虑宪，求善良，足以谕离，不足以动众。就贤体远，足以动众，未足以化民。君子如欲化民成俗，其必由学乎！

玉不琢，不成器。人不学，不知道。是故古之王者建国君民，教学为先。《兑命》曰：“念终始典于学。”其此之谓乎？

虽有嘉肴，弗食，不知其旨也；虽有至道，弗学，不知其善也。是故学然后知不足，教然后知困。知不足，然后能自反也；知困，然后能自强也。故曰“教学相长”也。《兑命》曰“学学半。”其此之谓乎？

古之教者，家有塾，党有庠，术有序，国
有学。比年入学，中年考校。一年，视离经辨志。三年，视敬业乐群。五年，视博习亲师。七年，视论学取友，谓之小成。九年，知类通达，强立而不反，谓之大成。夫然后足以化民易俗，近者说服而远者怀之。此大学之道也。《记》曰：“蛾子时术之。”其此之谓乎？

Phiên âm:

1. Phát lộ hiền, cầu thiện lương, túc dĩ du văn, bất túc dĩ động chúng.

Tục hiền thể viễn, túc dĩ động chúng, vị túc dĩ hóa dân.

Quân tử như dục hóa dân thành tục, kỳ tất do học hồ !

Ngọc bất trác, bất thành khí, nhân bất học, bất tri đạo. Thị cố cổ chi vương giả kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên. "Duyệt mệnh" viết: "Niệm chung thủy điển ư học". Kỳ thử chi vị hồ !

Tuy hữu gia hào, phát thực bất tri kỳ chỉ dã; tuy hữu chí đạo, phát học bất tri kỳ thiện dã. Thị cố học nhiên hậu tri bất túc, giáo nhiên hậu tri khôn. Tri bất túc, nhiên hậu năng tự phản dã; tri khôn, nhiên hậu năng tự cường dã. Cố viết giáo học tương trường dã. "Duyệt mệnh" viết: "Học học bán". Kỳ thử chi vị hồ !

Cổ chi giáo giả, gia hữu thực, đẳng hữu tương, thuật hữu tự, quốc hữu học. Tĩ niên nhập học, trung niên khảo hiệu. Nhất niên thị lý kinh biện chí, tam niên thị kính nghiệp lạc quần, ngũ niên thị bác tập thân sư, thất niên thị luận học thử hữu, vị chi tiểu thành. Cửu niên tri loại thông đạt, cường lập nhi bất phản, vị chi đại thành.

Phù nhiên hậu túc dĩ hóa dân dịch tục, cận giả duyệt phục nhi viễn giả hoài chi. Thử đại học chi đạo dã. Ký viết: "Nga tử thời thuật chi" Kỳ thử chi vị hồ !

Dịch nghĩa:

1. Người suy tư tìm cầu cho việc làm thích hợp với phép tắc và người tìm cầu thiện lương có thể cũng đạt được ít nhiều danh tiếng nhưng không thể làm cho nhiều người cảm động.

Người hiền năng biết tự xét mình là đã có thể làm động lòng người nhưng chưa đủ (lấy đó) giáo hóa nhân dân được.

Bậc quân tử muốn dạy cho dân thay đổi phong tục xấu thành tốt bắt buộc chỉ có con đường là tìm học mà thôi.

Ngọc không được mài dũa (thì) không thể trở thành khí dụng được; người ta mà không học (thì) không thể hiểu đạo được. Vì vậy cho nên bậc vương giả đời xưa khi lập quốc an dân, việc đầu tiên là phải dạy cho dân học. Sách “Duyệt mệnh” (1) có viết: “Nhờ chuyện trước chuyện sau thường phải nhờ vào việc học” là nghĩa ấy vậy.

Tuy có món ăn ngon đấy nhưng không ăn (thì) không thể biết vị ngon ra sao; tuy có đạo lớn đấy, nhưng không học (thì) không biết điều hay ra sao. Cho nên học đi rồi mới biết chưa đủ, dạy học đi rồi mới biết khó khăn. Biết chưa đủ mới quay lại tìm cầu khổ công nơi bản thân; biết khó khăn sau đó mới có thể tự cường được. Vì vậy mới cho rằng học và dạy học đều có lợi ích như nhau như sách “Duyệt mệnh” viết: “Học là học một nửa” (2) là nghĩa ấy vậy !

Quy định dạy học ngày xưa, cứ hai mươi lăm nhà gọi là một “Lư”, một lư có một nhà học gọi là “Thục”, cứ năm trăm nhà gọi là một “Đảng”, nhà học của đảng gọi là “Tường”. Cứ một vạn hai ngàn nhà gọi là một “Châu”, nhà học của châu gọi là “Tự”. Còn ở kinh đô của thiên tử hay ở kinh đô của một chư hầu gọi là nhà “Học” hoặc nhà “Quốc học” để dạy dỗ con của vua, con của khanh sĩ đại phu. Mỗi năm đều có học sinh mới vào học, đến giữa năm thì xét hỏi hiệu quả (việc học). Một năm là biết rõ cách chấm câu và xác định được xu hướng ý chí, ba năm (thì) chăm chỉ vào việc học và vui vẻ với các bạn (học chung), năm năm thì không bị hạn chế bởi trình độ nữa và thân cận hiểu ý thầy dạy (của mình), bảy năm thì học vấn đến chỗ uyên áo và biết chọn bạn có ích lợi, đó gọi là đã thành tựu nhỏ rồi. Đến như học đã chín năm (thì) hiểu rõ nghĩa lý, thông đạt sự việc, đủ sức tự lập một mình nên gọi là thành tựu lớn.

Cho nên thành tựu đầy đủ rồi mới có thể giáo hóa dân chúng

thay đổi phong tục xấu. Kẻ sĩ mà đã có thành tựu lớn ra làm quan thì công hiệu rất lớn, đó gọi là cái đạo đại học dạy người vậy. Sách "Lễ Ký" viết: "Tuy nhỏ bé nhưng lúc nào cũng thuật học" là nghĩa ấy vậy.

Chú thích:

(1)- *Duyệt mệnh* : là sách đời Thương.

(2)- Câu này có nghĩa : học đã có ích một nửa, dạy người học lại có ích thêm một nửa nữa.

Nguyên văn:

大学之教也，时教必有正业，退息必有居。学：不学操缦，不能安弦；不学博依，不能安诗；不学杂服，不能安礼；不与其艺，不能乐学。故君子之于学也，藏焉修焉，息焉游焉。

Phiên âm:

2. Đại học chi giáo dã, thời giáo tất hữu chính nghiệp, thối tức tất hữu cư học. Bất học thao mạn, bất năng an huyền; bất học bác y, bất năng an thi; bất học tạp phục, bất năng an lễ; bất hưng kỳ nghệ, bất năng lạc học. Cố quân tử chi ư học dã, tàng yên, tu yên, tức yên, du yên.

Dịch nghĩa :

2. Dạy bậc đại học, bốn mùa đều học theo chính nghiệp, lúc nghỉ ngơi vẫn cũng là học, như mùa xuân mùa thu thì dạy Lễ và Nhạc; mùa đông và mùa hạ thì dạy kinh Thư và kinh Thi. Phàm là người theo học quý nhất là tâm phải an. Không học đàn cầm không thể hiểu được Nhạc; không học rộng khắp không thể hiểu được kinh Thi; không học đủ các y phục chế độ, không thể hiểu được kinh Lễ. Hễ tâm an thì học dễ thuộc. Ngay cả khi nghỉ ngơi cũng phải chuyên tâm vui với việc học. Vì vậy bậc quân tử vui với việc học dù lúc ở riêng một mình cũng vẫn theo chính nghiệp chuyên chú không phân tán chí hướng; dù khi nghỉ ngơi hay khi rong chơi vẫn để tâm vào học.

Nguyên văn :

夫然，故安其学而亲其师，乐其友而信其道，是以虽离师辅而不反。《兑命》曰：“敬孙务时敏，厥修乃来。”其此之谓乎？

今之教者，呻其占毕，多其讯，言及于数进而不顾其安，使人不由其诚，教人不尽其材。其施之也悖，其求之也佛。夫然，故隐其学而疾其师，苦其难而不知其益也。虽终其业，其去之必速。教之不刑，其此之由乎？

Phiên âm:

3. Phù nhiên, cố an kỳ học nhi thân kỳ sư, lạc kỳ hữu nhi tín kỳ đạo, thị dĩ tuy ly sư phụ nhi bất phản dã. "Duyệt mệnh" viết: "Kính tón vụ thời mẫn, quyết tu nãi lai". Kỳ thử chi vị hồ !

Kim chi giáo giả, thân kỳ chiếm tất, đa kỳ tấn, ngôn cập ư số, tiến nhi bất cố kỳ an, sử nhân bất do kỳ thành, giáo nhân bất tận kỳ tài, kỳ thi chi dã bột, kỳ cầu chi dã phạt. Phù nhiên, cố ẩn kỳ học nhi tậ kỳ sư, khổ kỳ nan nhi bất tri kỳ ích dã. Tuy chung kỳ nghiệp, kỳ khứ chi tất tốc. Giao chi bất hình, kỳ thử chi do hồ !

Dịch nghĩa:

3. Thế nên, không lúc nào không học là vui, an tin tưởng vào thầy và bạn, được như vậy thì dù không có thầy cũng không làm trái với đạo. Sách "Duyệt mệnh" viết: "Lúc nào cũng thông mẫn, đạo càng ngày càng nhất định được thêm ích như nước chảy từ nguồn đến" là nghĩa như ấy vậy.

Kẻ dạy học ngày nay, chỉ vụ vào việc ngâm đọc mà dạy nội dung sơ lược, hỏi thì nhiều mà không đạt tới chỗ uyên áo, hỏi nhiều mà không có đầu mối, không lưu ý gì đến chỗ yên vui ổn cố, không quan tâm gì đến người học có vui vẻ (học) hay không khiến người ta không có tâm thành (về việc học) và không giúp (người học) tận dụng được hết tâm lực. Đạo học thi hành như vậy là ít hiệu quả và khiến (người học) tìm cầu nơi những kiến thức xa lạ khác. Cứ như thế, kẻ làm thầy sẽ tiến đến chỗ trái ngược, và như thế là không biểu hiện hết sở học của mình, việc dạy học sẽ khó khăn mà lại không có ích lợi. Nhưng học mà mong tiến bộ quá mau cũng dễ bị gián đoạn vì mau chán. Dạy mà không dùng theo hình phạt nghiêm khắc (thì) những điều ấy sẽ xảy ra vậy!

Nguyên văn:

大学之法，禁于未发之谓豫，当其可之谓时，不陵节而施之谓孙，相观而善之谓摩。此四者，教之所由兴也。

发然后禁，则扞格而不胜；时过然后学，则勤苦而难成；杂施而不孙，则坏乱而不修；独学而无友，则孤陋而寡闻。燕朋逆其师，燕辟废其学。此六者，教之所由废也。

Phiên âm:

4. Đại học chi pháp, cấm ư vị phát chi vị dự, đương kỳ khả chi vị thời, bất lãng tiết nhi chi vị tôn, tương quan nhi thiện chi vị ma. Thử tứ giả, giáo chi sở do hưng dã.

Phát nhiên hậu cấm, tắc hãn cách nhi bất thắng; thời quá nhiên hậu học, tắc cần khổ nhi nan thành; tạp thi nhi bất tôn, tắc hoại loạn nhi bất tu; độc học nhi vô hữu, tắc cô lậu nhi quả vãn; yển bằng nghịch kỳ sự; yển ti phế kỳ học. Thử lục giả, giáo chi sở do phế dã.

Dịch nghĩa:

4. Phép của bậc đại học là chưa để cái xấu phát lộ ra đã ngăn cấm, như vậy gọi là dự đoán trước; việc làm đúng lúc gọi là Thời. Không lãng phạm tới lễ tiết nhạc tiết gọi là Tôn (thuận theo thứ tự) Cùng giúp nhau làm điều thiện gọi là Ma (tưởng lệ để cùng tiến) (1). Bốn điều ấy làm được thì việc học sẽ hưng thịnh vậy.

(Điều xấu) đã phát lộ ra rồi mới cấm chỉ thì khó mà làm được như nước đã đóng thành băng cứng rồi; Thời đã qua rồi mới học thì chuyên cần khó nhọc mà khó thành công, học bữa bãi không theo thứ tự (thì) chỉ là tạp loạn mà không chuyên; học một mình mà không có bạn (cùng bàn luận học chung) thì trở thành cô lậu ít hiểu. Chơi với bạn vô bổ là trái với ý chỉ của thầy; chơi với bạn xấu chẳng khác nào phế bỏ cả những gì (đã học được). Những điều tai hại ấy đều do vì (điều xấu) đã phát lộ ra rồi sau mới tìm cách ngăn cấm. Đến sáu (điều xấu) như vậy chẳng khác nào phế bỏ việc học.

Chú thích:

(1). Những chữ *Tôn* nghĩa là thuận theo thứ tự, hoặc *Ma* nghĩa là khuyến khích cùng nhau tiến bộ, ở đây đều là những nghĩa cổ. Theo lễ ngày xưa đến bảy tuổi, trai gái không được ăn cùng mâm, không được chơi đùa chung lộn đều có thể coi là cách dạy dỗ dự liệu từ xa.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN

NHẠC KÝ

Đây là một chương luận văn sâu sắc về lý luận âm nhạc, trong ấy luận thuật về bản chất của âm nhạc và cơ sở vì sao lại sản sinh ra âm nhạc, công dụng của âm nhạc đối với xã hội, ý nghĩa tu dưỡng của âm nhạc đối với một cá nhân và cơ sở sản sinh phát triển của âm nhạc v.v... Nho gia quan trọng cả Lễ và Nhạc, mục đích của Lễ là kiến lập trật tự cho xã hội nhân loại (phân biệt trên dưới thân sơ), mục đích của Nhạc là giúp con người được ung đúc trong trật tự ấy, cũng là thống nhất lòng người, thay đổi sửa chữa những phong tục xấu. Nhạc là một trong “lục nghệ” của Nho gia (thi, thư, lễ, nhạc, xạ, ngữ). Bất luận là đại học hay tiểu học đều coi đạo lý này là quan trọng.

Chương này đề cao Nhạc đến độ coi nó là bản thể luận của triết học, khác hẳn với ngày nay người ta chỉ coi nó như một bộ môn nghệ thuật giải trí.

Nguyên văn:

乐记

凡音之起，由人心生也。人心之动，物使之然也。感于物而动，故形于声。声相应，

故生变。变成方，谓之音。比音而乐之，及干、戚、羽、旄，谓之乐。

乐者，音之所由生也，其本在人心之感于物也。是故其哀心感者，其声噍以杀；其乐心感者，其声啍以缓；其喜心感者，其声发以散；其怒心感者，其声粗以厉；其敬心感者，其声直以廉；其爱心感者，其声和以柔。六者非性也，感于物而后动。是故先王慎所以感之者，故礼以道其志，乐以和其声，政以一其行，刑以防其奸。礼乐刑政，其极一也，所以同民心而出治道也。

凡音者，生人心者也。情动于中，故形于声。声成文，谓之音。是故治世之音安以乐，其政和；乱世之音怨以怒，其政乖；亡国之音哀以思，其民困。声音之道，与政通矣。

宫为君，商为臣，角为民，徵为事，羽为物，五者不乱，则无怙慝之音矣。宫乱则

荒，其君骄；商乱则陂，其官坏；角乱则忧，其民怨；徵乱则哀，其事勤；羽乱则危，其材匱。五者皆乱，迭相陵，谓之慢。如此则国之灭亡无日矣。

Phiên âm:

1. Phàm âm chi khởi, do nhân tâm sinh dã. Nhân tâm chi động, vật sử nhiên chi nhiên dã. Cảm ư vật nhi động, cố hình ư thanh. Thanh tương ứng, cố sinh biến. Biến thành phương, vị chi âm. Tĩ âm nhi nhạc chi, cập can thích vũ mao, vị chi nhạc.

Nhạc giả, âm chi sở do sinh dã, kỳ bản tại nhân tâm chi cảm ư vật dã. Thị cố kỳ ai tâm cảm giả, kỳ thanh tiêu dĩ sát; kỳ lạc tâm cảm giả, kỳ thanh xiển dĩ hoãn; kỳ hĩ tâm cảm giả, kỳ thanh phát dĩ tán; kỳ nộ tâm cảm giả, kỳ thanh thô dĩ lệ; kỳ kinh tâm cảm giả, kỳ thanh trực dĩ khiêm; kỳ ái tâm cảm giả, kỳ thanh hòa dĩ nhu. Lục giả phi tính dã; cảm ư vật nhi hậu động.

Thị cố tiên vương thân sở dĩ cảm chi giả, cố lễ dĩ đạo kỳ chí, nhạc dĩ hóa kỳ thanh, chính dĩ nhất kỳ hành, hình dĩ phòng kỳ gian. Lễ nhạc hình chính, kỳ cực nhất dã, sở dĩ đồng dân tâm nhi xuất trị đạo dã.

Phàm âm giả, sinh nhân tâm giả dã. Tình động ư trung, cố hình ư thanh, thanh thành văn, vị chi âm. Thị cố trị thể chi âm an dĩ nhạc, kỳ chính hòa; loạn thể chi âm oán dĩ nộ, kỳ chính quai; vong quốc chi âm ai dĩ tư, kỳ dân khốn. Thanh ân chi đạo, dĩ chính thông hĩ.

Cung vị quân, Thương vị thần, Giốc vị dân, Chũy vị sự, Vũ vị vật. Ngũ giả bất loạn, tắc vô chiêm xí dư âm hĩ.

Cung loạn tắc hoang, kỳ quân kiêu; Thương loạn tắc tử, kỳ thần hoại; Giốc loạn tắc ưu, kỳ dân oán; Chủy loạn tắc ai; kỳ sự cân; Vũ loạn tắc nguy, kỳ tài quý. Ngũ giả giai loạn, dật tương lãng, vị chi mạn. Như thử tắc quốc chi diệt vong vô nhật hĩ.

Dịch nghĩa:

1. Tiếng mà nổi lên là do tâm người sinh ra. Tâm người động khiến mọi vật thành ra vậy. Cảm ở vật mà động nên thành hình nơi thanh. Nhiều thanh tương ứng với nhau nên sinh biến thành cao thấp hoặc biến thành thi ca nên gọi là Âm. Âm ấy phổ vào nhạc khí và các vũ điệu văn và võ (1), đó gọi là Nhạc.

Nhạc do âm sinh ra nhưng căn bản của nó là từ tâm người cảm ở vật. Cho nên khi lấy lòng bi ai mà cảm thì tiếng buồn mà khô xác; khi lòng vui mà cảm thì tiếng mau lẹ ôn hòa; khi lấy lòng hân hoan mà cảm thì tiếng phát ra ở chỗ tản mạn; khi lấy lòng giận mà cảm thì tiếng thô thiển dữ dội; khi lấy lòng kính cẩn mà cảm thì tiếng thẳng thắn khiêm hòa; khi lấy lòng yêu mà cảm thì tiếng hoãn hòa mềm mại. Sáu trường hợp ấy đều không phải là bản tính (của nhạc) mà là do tâm người cảm ở vật mà động ra như vậy.

Vì vậy cho nên các bậc tiên vương rất cẩn thận để tâm cảm ở vật, cho nên đạo lấy lễ tỏ chí mình, nhạc để hòa với tiếng. Chính trị lấy một để thi hành, hình phạt dùng để phòng người gian xảo. Lễ, Nhạc, Hình phạt, Chính trị là cái một cực nhất, vì vậy (nếu nó) hợp với lòng người thì sẽ có được đạo trị.

Phạm là âm (thì) sinh ra từ tâm người. Tình động ở bên trong nên hiện ra thành tiếng, tiếng mà có văn vẻ gọi là Âm. Cho nên Âm trị đời an bình thì yên vui và Chính trị bình hòa; Âm của đời loạn thì ai oán giận dữ và Chính trị lừa dối; Âm của nước mất thì có ý tứ bi ai vì dân chúng lâm vào cảnh cùng khổ. Đạo của âm thanh có liên quan tới Chính trị như vậy đó.

Cung là vua, Thương là tôi thần, Giốc là dân, Chủy là sự việc (trong nước), Vũ là vật chất (2). Năm điều này mà không hỗn loạn thì mới hòa hài không ngừng trệ.

Cung mà loạn thì (chính trị) tan hoang, bậc vua chúa sẽ sinh ra kẻ ngạo xa xỉ; Thương mà loạn thì (chính trị) đảo lộn, bầy tôi thần đối mặt; Giốc mà loạn thì đáng lo sợ, dân chúng oán hận; Chủy mà loạn thì đáng bi ai, sự việc sẽ mệt mỏi; Vũ mà loạn thì nguy đến nơi, vật chất tài vật cùng tận. Cả năm âm ấy (Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ) đều loạn thì trật tự đảo lộn, gọi là suy đồi. Tình trạng như vậy xảy ra nhất định quốc gia sẽ có ngày diệt vong.

Chú thích:

(1)- *Can thức*: điệu múa (có âm nhạc) của võ tướng.

Vũ mao: điệu múa (có âm nhạc) của quan văn.

(2)- *Ngũ âm*: (năm thứ âm luật), âm nhạc cổ của Trung quốc chia âm thanh ra làm năm loại: Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ. Đoạn này chứng minh mỗi âm thanh có tương thông quan hệ tượng trưng cho một sự việc của con người.

Nguyên văn:

郑卫之音，乱世之音也，比于慢矣。桑间濮上之音，亡国之音也。其政散，其民流，诬上行私而不可止也。

凡音者，生于人心者也。乐者，通伦理者也。是故知声而不知音者，禽兽是也。知音而不知乐者，众庶是也。唯君子为能知乐。是故审声以知音，审音以知乐，审乐以知政，而治道备矣。是故不知声者，不可与言音；不知音者，不可与言乐；知乐则几于礼矣。礼乐皆得，谓之有德，德者得也。

Phiên âm:

2. Trịnh Vệ chi âm, loạn thế chi âm dã, tử u mạn hĩ. Tang gian Bộc Thượng chi âm, vong quốc chi âm dã, kỳ chính tán, vu thượng hành tư nhi bất khả chỉ dã.

Phàm âm giả, sinh ư nhân tâm giả dã. Nhạc giả, thông luân lý giả dã. Thị cố tri thanh nhi bất tri âm giả, cầm thú thị dã. Tri âm nhi bất tri Nhạc giả, chúng thú thị dã. Duy quân tử vi năng tri Nhạc. Thị cố thẩm thanh dĩ tri âm, thẩm âm dĩ tri Nhạc, thẩm nhạc dĩ tri chính, nhi trị đạo bị hĩ. Thị cố bất tri thanh giả, bất khả dĩ ngôn âm; bất tri âm giả, bất khả dĩ ngôn nhạc. Tri nhạc tắc cơ ư lễ hĩ. Lễ nhạc giai đắc, vị chi hữu đức. Đức giả đắc dã.

Dịch nghĩa:

2. Âm của nước Trịnh nước Vệ gần sự suy đồi (1). Âm của vườn dâu trên sông Bộc (của nước Vệ) là âm mất nước (2) chính trị tán loạn, dân chúng ly tan phong tục dâm dăng không ngăn cản được nữa.

Phàm đã là Âm đều do tâm người sinh ra. Còn Nhạc thì thông quán với Luân lý. Vì vậy người biết Thanh mà không biết Âm là cầm thú. Người biết Âm mà không biết Nhạc là người tầm thường. Chỉ có bậc quân tử mới có thể biết Nhạc. Vì vậy người không biết Thanh không thể bàn về Âm được với họ được; người không biết Âm, không thể bàn về nhạc với họ được. Hiểu Nhạc tức là đã gần với Lễ rồi vậy. Lễ và Nhạc đều đạt được (thì) gọi là có Đức. Đức tức là đạt được vậy.

Chú thích:

(1)- *Tĩ*: ở đây được coi là có nghĩa gần với.

(2)- Sách *Sử Ký* chép: Khi Vệ Linh công đi sang nước Tấn tạm ngụ ở bên sông Bộc, đêm ấy nghe tiếng đàn bên gọi (quan nhạc là) Sư Quyên vào nghe rồi ghi lại. Đến nước Tấn sai Sư Quyên tấu lên cho Tấn Bình công nghe. Sư Khoáng tấu: "đây là âm nhạc của Sư Diên đó, khi Võ vương đánh Trụ, Sư Diên nhảy xuống sông Bộc mà chết, cho nên nghe âm nhạc này tôi biết ngay là âm nhạc trên sông Bộc".

Nguyên văn:

人生而靜，天之性也。感于物而动，性之欲也。物至知知，然后好恶形焉。好恶无节于内，知诱于外，不能反躬，天理灭矣。夫

物之感人无穷，而人之好恶无节，则是物至而人化物也。人化物也者，灭天理而穷人欲者也。于是有悖逆诈伪之心，有淫佚作乱之事，是故强者胁弱，众者暴寡，知者诈愚，勇者苦怯，疾病不养，老幼孤独不得其所，此大乱之道也。是故先王之制礼乐，人为之节：衰麻哭泣，所以节丧纪也；钟鼓干戚，所以和安乐也；昏姻冠笄，所以别男女也；射乡食飧，所以正交接也。礼节民心，乐和民声，政以行之，刑以防之。礼乐刑政，四达而不悖，则王道备矣。

× 乐者为同，礼者为异。同则相亲，异则相敬。乐胜则流，礼胜则离。合情饰貌者，礼乐之事也。礼义立，则贵贱等矣。乐文同，则上下和矣。好恶著，则贤不肖别矣。刑禁暴，爵举贤，则政均矣。仁以爱之，义以正之，如此则民治行矣。

Phiên âm:

3.Nhân sinh nhi tĩnh, thiên chi tính dã. Cảm ư vật ư động, tính chi dục dã. Vật chí tri tri, nhiên hậu hiểu ố hình yên. Hiểu ố vô tiết ư nội, tri dụ ư ngoại, bất năng phân cung, thiên lý diệt hĩ. Phù vật chi cảm nhân vô cùng, nhi nhân chi hiểu ố vô tiết, tắc thị vật chí nhi nhân hóa vật dã. Nhân hóa vật dã giả, diệt thiên lý nhi cùng nhân dục giả dã. Ứ thị hữu bột nghịch trá nguy chi tâm, hữu dâm dật tác loạn chi sự. Thị cố cường giả hiệp nhược, chúng giả bạo quả, tri giả trá ngu, dũng giả khổ khiếp tật bệnh bất dưỡng, lão ấu cô độc bất đắc kỳ sở, thử đại loạn chi đạo dã.

Thị cố tiên vương chi chế Lễ Nhạc, nhân vị chi tiết. Thôi ma khốc khắp, sở dĩ tiết tang kỷ dã. Chung cổ can thích, sở dĩ hòa an lạc dã. Hôn nhân quan kê, sở dĩ biệt nam nữ dã. Xạ hương thực hưởng, sở dĩ chính giao tiếp dã. Lễ tiết dân tâm, nhạc hòa dân thanh, chính dĩ hành chi, hình dĩ phòng chi. Lễ Nhạc hình chính, tứ đạt nhi bất bột, tắc vương đạo bị hĩ.

Nhạc giả vị đồng, Lễ giả vị dị. Đồng tắc tương thân, dị tắc tương kính. Nhạc thẳng tắc lưu, Lễ thẳng tắc ly. Hợp tình sức mạo giả, Lễ Nhạc chi sự dã. Lễ nghĩa lập. Tắc quý tiện đẳng hĩ. Nhạc văn đồng, tắc thượng hạ hòa hĩ. Hiểu ố trứ, tắc hiển bất tiêu biệt hĩ. Hình cấm bạo, tước cử hiển, tắc chính quân hĩ. Nhân dĩ ái chi, nghĩa dĩ chính chi, như thử tắc dân trị hành hĩ.

Dịch nghĩa:

3. Người ta sinh ra thích an tĩnh, đó là tính trời vậy. Nhưng rồi cảm ứng với vật mà động, đó là ham muốn của tính vậy. Vật đến chỗ biết “thể” và biết “dụng” thì sau đó yêu và ghét mới thành hình. Yêu và ghét không có tiết độ bên trong nhưng bên ngoài biết

nghe lời dạy bảo dẫn dụ nên không để cho sự mê muội làm chủ mình. Không để cho sự mê muội làm chủ mình nên còn biết phân biệt thị phi, nếu chỉ làm theo lòng mình tham muốn thì thiên lý bị tiêu diệt rồi vậy. Ôi, vật có thể cảm ứng với người thì nhiều vô cùng mà sự yêu ghét của người không có tiết độ thì người sẽ bị vật sai khiến Bị vật sai khiến rồi (thì) thiên lý bị tiêu diệt mà lòng tham muốn tới cùng. Rồi đó sinh ra lòng bột nghịch man trá, làm những điều dâm dục hỗn loạn. Vì vậy mà kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, người đông đối xử tàn bạo với kẻ ít, vì vậy mà kẻ trí dối trá như kẻ ngu, kẻ đứng mãnh cố làm ra như sợ hãi, kẻ bệnh tật không được nuôi dưỡng, người già cả đưa trẻ con không nơi ăn chốn ở, như vậy là xảy ra đại loạn vậy.

Cho nên bậc tiên vương xưa phải chế định ra Lễ, Nhạc để tiết chế người. Tang ma than khóc lấy lễ tiết tang mà quy định. Chuông trống múa hát lấy bình hòa an ổn làm vui. Hôn nhân, lễ đội mũ, lễ cài trâm để mà phân biệt nam nữ. Lấy quy định về ăn uống hưởng thụ để làm chính đính trong sự giao tiếp với nhau. Lễ tiết chế lại lòng người, Nhạc làm ôn hòa lại âm thanh của dân chúng. Chính trị như vậy được thi hành. Hình phạt như vậy mới thành nguyên tắc để phòng ngừa (những điều xấu). Lễ, Nhạc, Hình luật, Chính trị, bốn điều ấy đạt đến chỗ không sai trái thì là vương đạo hoàn bị vậy.

Nhạc là cùng hòa đồng, Lễ là để phân biệt trật tự khác nhau. Trật tự khác nhau nghĩa là phải tương kính lẫn nhau. Nhạc mà lẫn lộn quá thì sẽ xa rời, Lễ mà lẫn lộn quá thì sẽ lìa mất. Hợp với tình, Nhạc sẽ hòa bên trong nên cứu được những mất mát vì lìa xa; người trang sức đáng mạo bên ngoài thì lễ sẽ biểu hiện ra ngoài nên cứu được những mất mát vì xa rời. Lễ như vậy gọi là Nghĩa, Nhạc như vậy gọi là Văn, cho nên phải áp dụng cả hai. Nhân là lấy lòng yêu (người) mà thực hiện, nghĩa là dùng chính đáng mà thực hiện. Như vậy thì dân được trị vậy.

Nguyễn văn:

乐由中出，礼自外作。乐由中出，故静；礼自外作，故文。大乐必易，大礼必简。乐至则无怨，礼至则不争，揖让而治天下者，礼乐之谓也。暴民不作，诸侯宾服，兵革不试，五刑不用，百姓无患，天子不怒，如此则乐达矣。合父子之亲，明长幼之序，以敬四海之内，天子如此则礼行矣。

大乐与天地同和，大礼与天地同节。和，故百物不失；节，故祀天祭地。明则有礼乐，幽则有鬼神。如此，则四海之内合敬同爱矣。礼者，殊事、合敬者也；乐者，异文、合爱者也。礼乐之情同，故明王以相沿也。故事与时并，名与功偕。

Phiên âm:

4. Nhạc do trung xuất, lễ tự ngoại tác. Nhạc do trung xuất cố tĩnh, lễ tự ngoại tác cố văn. Đại nhạc tất dị, đại lễ tất giản. Nhạc chí tắc vô oán, lễ chí tắc bất tranh. Tấp nhượng nhi trị thiên hạ giả, lễ nhạc chí vị dã. Bạo dân bất tác, chư hầu tân phục, binh cách bất thí, ngũ hình bất dụng, bách tính vô hoạn, thiên tử bất nộ, như thử, tắc Nhạc đạt hĩ. Hợp phụ tử chi thân, minh trưởng ấu chi tự, dĩ kính tứ hải chi nội, thiên tử như thử, tắc lễ hành hĩ.

Đại nhạc dữ thiên địa đồng hòa, đại lễ dữ thiên địa đồng tiết. Hòa cố bách vật bất thất, tiết cố tự thiên tế địa. Minh tắc hữu lễ nhạc, u tắc hữu quỷ thần. Như thử, tắc tứ hải chi nội hợp kính đồng ái hĩ. Lễ giả thù sự hợp bích giả dã. Nhạc giả dị văn hợp ái giả dã. Lễ nhạc chí tình đồng, cố minh vương dĩ tương duyên dã. Cố sự dữ thời tính, danh dữ công hài.

Dịch nghĩa:

4. Nhạc phát ra ở bên trong, lễ chế tác ra ở bên ngoài. (Vì) nhạc phát ra ở bên trong nên tĩnh lặng, lễ chế tác ở bên ngoài nên có văn vẻ. Đại Nhạc tất là phải dễ (hiểu). Đại Lễ tất là phải giản dị. Nhạc (mà đúng) là Nhạc ắt không oán. Lễ (mà đúng) là Lễ ắt không tranh dành. Như các đế vương nhường ngôi mà trị thiên hạ là đã tới độ (thông hiểu) Lễ Nhạc rồi vậy. Như vậy (dù) dân có dữ dằn cũng không nổi dậy (phản đối) được, chư hầu sẽ dùng lễ tân khách (đối với mình), không cần dụng tới binh khí, không cần dùng tới năm hình phạt (1) mà trăm dân không có tai oán, thiên tử không oán hận. Như thế là Nhạc đã đạt vậy. (Nhạc) hợp tình thân của cha con, làm rõ thứ tự của lớn nhỏ, trong vòng bốn bể đều kính yêu. Bậc thiên như thế, ắt Lễ được thi hành.

Đại Nhạc hòa cùng trời đất, Đại Lễ giữ tiết độ như trời đất. Hòa nên trăm vật không mất (bản tính của nó), tiết độ nên thờ trời tế đất chỗ sáng rõ thì có Lễ Nhạc, chỗ u tối thì có quỷ thần. Như thế, trong vòng bốn biển là kính và yêu. Người có lễ (dù) việc khác nhau nhưng (đều vẫn) kính nhau. Người biết Nhạc (dù) văn hóa khác nhau nhưng vẫn quý nhau. Tình của Lễ và Nhạc là đồng với nhau nên bậc vua sáng lấy đó mà theo. Vì vậy sự việc hợp với thời thì danh và công đều điều hòa.

Chú thích:

(1)- *Năm hình phạt*: tức *Ngũ hình* gồm: *Mặc* (thích chữ vào mặt), *Tỉ* (cắt mũi), *Phỉ* (chặt chân), *Cung* (thiến dương vật) và *Đại tích* (chém chết).

Nguyên văn:

夫民有血气心知之性，而无哀乐喜怒之常；应感起物而动，然后心术形焉。是故志微噍杀之音作，而民思忧；啍谐、慢易、繁文、简节之音作，而民康乐；粗厉、猛起、奋末、广贲之音作，而民刚毅；廉直、劲正、庄诚之音作，而民肃敬；宽裕、肉好、顺成、和动之音作，而民慈爱；流辟、邪散、狄成、涤

滥之音作，而民淫乱。是故先王本之情性，稽之度数，制之礼义，合生气之和，道五常之行，使之阳而不散，阴而不密，刚气不怒，柔气不慑，四畅交于中，而发作于外，皆安其位而不相夺也；然后立之学等，广其节奏，省其文采，以绳德厚，律小大之称，比终始之序，以象事行，使亲疏、贵贱、长幼、男女之理皆形见于乐。故曰：乐观其深矣。

Phiên âm:

5. Phù dân hữu huyết khí tâm tri chi tính, nhi vô ai lạc hỉ nộ chi thường, ứng cảm khởi vật nhi động, nhiên hậu tâm thuật hình yên. Thị cố chí vi tiêu sát chi âm tác, nhi dân tư ưu. Xiển hài man dị phần văn giản tiết chi âm tác, nhi dân khang lạc, thô lệ mãnh khởi phần mặt quảng bồn chi âm tác, nhi dân cương nghị. Liêm trực kính chính trang thành âm chi tác, nhi dân túc kính; khoan dụ nhục hảo thuận thành hòa động chi âm tác, nhi dân từ ái; lưu tịch tà tán địch thành điều lạm chi âm tác, nhi dân dâm loạn.

Thị cố tiên vương bản chi tình tính, kê chi độ số, chế chi lễ nghiã, hợp sinh khí chi hòa, đạo ngũ thường chi hành, sử chi dương nhi bất tán, âm nhi bất mật, cương khí bất nộ, nhu khí bất nhiếp, tứ tượng giao ư trung, nhi phát tá cư ngoại, giai an kỳ vị nhi bất tương đoạt dã. Nhiên hậu lập nhi học đẳng, quăng kỳ tiết tấu, tỉnh kỳ văn thái,

dĩ thằng đức hậu, luật tiểu đại chi xưng, tỉ chung thủy chi tự, dĩ tượng sự hành, sử thân sơ quý tiện trưởng ấu nam nữ chi lý, giai hình kiến ư Nhạc. Cố viết “Nhạc quan kỳ thâm hĩ.”

Dịch nghĩa:

5. Dân có cái tính của huyết khí và tâm trí nên không lấy những chuyện bi thương, vui vẻ, sung sướng, giận dữ làm chuyện thường. Cảm ứng với vật mà động tâm, sau đó tâm thuật mới hình thành. Cho nên chỉ nhỏ bé thì âm thanh cục súc mới nổi lên làm dân lo lắng; nếu âm thanh giản dị đơn thuần thì dân an Khang vui vẻ; nếu âm thanh thô bạo mạnh mẽ nổi lên thì dân cương nghị; nếu âm thanh liêm khiết chính trực nổi lên thì dân nghiêm trang kính cẩn; nếu âm thanh khoan hòa rộng rãi bình hòa thì dân từ bi yêu quý; nếu âm thanh nghiêng lệch tản mạn kích động thì dân dâm loạn.

Cho nên các tiên vương xưa lấy tính tình người ta làm căn bản, kê cứu độ số mà chế tác ra Lễ Nghĩa, (họ) hợp sự điều hòa của sinh khí, đức hạnh của ngũ thường (1) để khiến cho (khí) Dương không tán, (khí) Âm trầm lắng, (khí) Cương không giận dữ, (khí) Nhu không bị thu nhiếp, bốn khí giao hòa với nhau ở trong mà phát tác ra ngoài, để vị trí nào yên vui ở vị trí ấy mà không tranh đoạt (lấn nhau). Sau đó mới thành lập các cấp học, thi hành rộng rãi các tiết tấu (của Nhạc), bớt văn vẻ vô ích, để đức đầy thêm, đặt tên âm luật lớn nhỏ và lập thứ tự trước sau, lấy “tượng” (hình tượng) mà việc tự làm ra. Khấn cho thân sơ, lớn nhỏ trở thành đạo lý, những cái đó đều hiện hình thấy ở Nhạc. Cho nên bảo: “Sự quan sát hiểu biết do Nhạc thật là sâu xa vậy”.

Chú thích:

(1)- *Ngũ thường*: năm đức tính là Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.

Nguyễn văn:

魏文侯问于子夏曰：“吾端冕而听古乐，则唯恐卧。听郑、卫之音，则不知倦。敢问古乐之如彼，何也？新乐之如此，何也？”

子夏对曰：“今夫古乐，进旅退旅，和正以广；弦匏笙簧，会守拊鼓；始奏以文，复乱以武；治乱以相，讯疾以雅；君子于是语，于是道古，修身及家，平均天下。此古乐之发也。今夫新乐，进俯退俯，奸声以滥，溺而不止；及优侏儒，寝杂子女，不知父子；乐终不可以语，不可以道古。此新乐之发也。今君之所问者乐也，所好者音也。夫乐者，与音相近而不同。”

Phiên âm:

6. *Nguy Văn hầu văn ư Tử Hạ viết: "Ngô đoan miện nhi thích cổ nhạc, tắc duy khùng ngộa; thính Trịnh Vệ tri âm, tắc bất tri quyen-*

Cảm vấn cổ nhạc chi như bĩ hà dã? Tân nhạc chi như thử hà dã?” Từ Hạ đối viết: “Kim phù cổ nhạc, tiến lữ thối lữ, hòa chính dĩ quảng, huyền bào sanh hoàng, hội thủ phủ cổ, thủy tấu dĩ văn, phục loạn dĩ vũ, trị loạn dĩ tướng, tấn tậ dĩ nhĩ. Quân tử ư thị ngữ, ư thị đạo cổ, tu thân cập gia, bình quân thiên hạ, thử cổ nhạc chi phát dã. Kim phù tân nhạc, tiến phủ thối phủ, gian thanh dĩ lạm, nịch nhi bất chỉ, cập ưu thù nho, nao tạp tử nữ, bất trị phụ tử. Nhạc chung bất khả dĩ ngữ, bất khả dĩ đạo cổ. Thử tân nhạc chi phát dã. Kim quân chi sở vấn giả nhạc dã, sở hiếu giả âm dã. Phù nhạc giả, dữ âm tương cận nhi bất đồng.”

Dịch nghĩa:

6. Ngụy Văn hầu hỏi Từ Hạ rằng:

-Ta đội mũ miện nghiêm chỉnh nghe nhạc cổ, sợ không dám nằm du buồn ngủ lắm; nhưng khi nghe nhạc của nước Trịnh nước Vệ lại chẳng biết mệt mỏi là gì. Dám hỏi nhạc cổ chán như thế sao? Nhạc mới (tức nhạc Trịnh và nhạc Vệ) dễ nghe như thế sao?

- Từ Hạ đáp:

- Hãy nói về nhạc cổ, nhạc cổ nhiều người chơi, lúc tiến lúc lui đều một lượt, tiếng ôn hòa rộng rãi, các loại nhạc khí như huyền bào sênh hoàng tuy nhiều nhưng rất thích hợp nên khi đánh lên không có tiếng gian tà, thoát đầu là tấu khúc “văn”, khi khôi phục tiếng loạn lại tấu khúc “vũ” (1). Sửa trị những âm loạn có trống tên “tướng” phụ họa, khi tiếng quá mau có điệu “nhĩ” giữ lại. Quân tử dùng ngôn ngữ để học theo thời cổ, tu thân ở nhà rồi bình thiên hạ. Đó là nguyên lý của nhạc cổ vậy.

Nay xin nói về nhạc mới, tiến cũng đánh mà lui cũng đánh, tiếng nhạc gian tà quá lạm, làm người nghe như bị chìm đắm. Lại còn bày ra thứ hí kịch, có người lùn nhỏ, trai gái đứng chung hỗn tạp, không phân biệt cha con. Khi nhạc hết rồi thì chẳng có gì đáng nói, không có gì

hướng dẫn nhớ về đời cổ, đó là nguyên lý của nhạc mới vậy.

Nay ngài hỏi về nhạc là cũng có ý thích âm nhạc đấy, nhưng mà Nhạc với Âm tuy gần nhau nhưng lại không giống nhau đâu.

Chú thích:

(1)• *Văn*: tiếng trống vỗ, *Vỗ*: tiếng nhạc của kim loại.

Nguyên văn:

君子曰：礼乐不可斯须去身。致乐以治心，则易直子谅之心油然而生矣。‘易直子谅之心生则乐，乐则安，安则久，久则天，天则神，天则不言而信，神则不怒而威。致乐以治心者也。致礼以治躬则庄敬，庄敬则严威。心中斯须不和不乐，而鄙诈之心入之矣。外貌斯须不庄不敬，而易慢之心入之矣。故乐

也者，动于内者也；礼也者，动于外者也。乐极和，礼极顺，内和而外顺，则民瞻其颜色而弗与争也，望其容貌而民不生易慢焉。故德辉动于内，而民莫不承听；理发诸外，而民莫不承顺。故曰：致礼乐之道，举而错之天下，无难矣。

乐也者，动于内者也。礼也者，动于外者也。故礼主其减，乐主其盈。礼减而进，以进为文；乐盈而反，以反为文。礼减而不进则销，乐盈而不反则放。故礼有报，而乐有反。礼得其报则乐，乐得其所则安。礼之报，乐之反，其义一也。

Phiên âm:

7. Quân tử viết: "Lễ Nhạc bất khả tư tu khứ thân. Chí nhạc dĩ trị tâm, tắc dĩ trực tử lượng chí tâm du nhiên sinh hĩ. Dĩ trực tử lượng chí tâm sinh tắc lạc, lạc tắc an, an tắc cửu, cửu tắc thiên, thiên tắc thân. Thiên tắc bất ngôn nhi tín, thân tắc bất nộ nhi uy, chí lạc dĩ trị tâm giả dã.

Chí lễ dĩ trị cung tắc trang kính, trang kính tắc nghiêm uy. Tâm trung tư tu bất hòa bất lạc, nhi bỉ trá chí tâm nhập chí hĩ. Ngoại mạo

tư tu bất trang bất kính, nhi dị mạn chi tâm nhập chi hĩ.

Cố Nhạc dã giả, động ư nội giả dã. Lễ dã giả, động ư ngoại giả dã. Nhạc cực hòa, Lễ cực thuận. Nội hòa nhi ngoại thuận, tắc dân chiêm kỳ nhan sắc nhi phát dữ tranh dã, vọng kỳ dụng mạo nhi dân bất sinh dị mạn yên. Cố đức huy động ư nội nhi dân mạc bất thừa thính, lý phát chư ngoại nhi dân mạc bất thừa thuận. Cố viết : "Chỉ Lễ Nhạc chi đạo, cử nhi thố chi thiên hạ vô nan hĩ."

Nhạc dã giả, động ư nội giả dã, Lễ dã giả, động ư ngoại giả dã. Cố Lễ chủ kỳ giảm, Nhạc chủ kỳ doanh. Lễ giảm nhi tiến, dĩ tiến dĩ văn; Nhạc doanh nhi phản, dĩ phản dĩ văn. Lễ giảm nhi bất tiến tắc tiêu, Nhạc giảm nhi bất phản tắc phóng, cố Lễ hữu báo nhi Nhạc hữu phản. Lễ đắc kỳ báo tắc lạc, Nhạc đắc kỳ phản tắc an. Lễ chi báo, Nhạc chi phản, kỳ nghĩa nhất dã.

Dịch nghĩa:

7. Bậc quân tử cho rằng: Lễ Nhạc không thể xa lìa một khoảnh khắc nào. Nghiên cứu Nhạc để sửa trị tâm, làm cho tâm ý hiền từ lương thiện sản sinh. Tâm ý hiền từ lương thiện sinh ra tất sẽ an lạc, an lạc tất yên ổn, yên ổn tất dài lâu, dài lâu tất đạt đến chỗ vi diệu của trời, đạt đến trời đất thông với thần. Trời không nói mà (ai cũng) tin, thần không giận dữ mà (vẫn có) uy. Đó là chỗ nghiên cứu Nhạc mà sửa trị tâm đó vậy (1).

Nghiên cứu Lễ là để sửa trị bản thân ta cho trang nghiêm thành kính. Trang nghiêm thành kính tất có uy. Nếu tâm ta mà có khoảnh khắc nào không bình hòa an vui thì cái lòng gian dối thấp kém sẽ xâm nhập liền. Về mặt bên ngoài của ta nếu có khoảnh khắc nào không trang nghiêm thành kính thì dễ để cho cái ý kiêu mạn xâm nhập liền.

Vì vậy nên Nhạc cảm động ở bên trong, Lễ cảm động ở bên ngoài. Nhạc là cực hòa, Lễ là cực thuận. Trong hòa mà ngoài thuận

ất dân (lấy đó) chiêm ngưỡng mà không xảy ra tranh dành, (dân) chỉ cần nhìn dung mạo bên ngoài mà đã không dám sinh ra kiêu mạn. Đó là vì ánh sáng rực rỡ của Đức làm động bên trong nên dân không ai dám không nghe theo, nguyên lý phát ra bên ngoài nên dân không ai không thuận theo. Cho nên bảo: "Đạo nghiên cứu Lễ Nhạc thì hành vi trị thiên hạ không có gì là khó cả."

Nhạc là cảm động ở bên trong, Lễ là cảm động ở bên ngoài. Cho nên chủ yếu của Lễ là bớt đi, chủ yếu của Nhạc là đầy hơn. Lễ bớt đi nên tiến tới, tiến đến chỗ là văn vẻ; Nhạc đầy hơn nên quay trở về, cũng quay về đến chỗ văn vẻ. Lễ bớt đi mà không tiến ắt sẽ bị tiêu mất, Nhạc tràn đầy mà không quay trở về ắt sẽ lan man phóng trí, cho nên Lễ phải có báo (tương tế, cùng giúp đỡ lẫn nhau) mà Nhạc phải có phản (biết dừng lại) Lễ mà được báo tất an lạc, Nhạc mà được phản tất cũng an lạc. Như vậy báo của Lễ và phản của Nhạc là cùng một nghĩa vậy (2).

Chú thích:

(1)- Theo chú thích của sách cổ thì câu: *dịch trực tử lương* ở đây rất vô lý, theo sách "*Hàn thi ngoại truyện*" thì hai chữ *tử lương* đúng ra là hai chữ *tử lương* mới là hợp lý (từ-lương là lòng nhân từ lương thiện).

(2)- Chú thích giảng nghĩa đoạn này theo sách cổ: Lễ động ở ngoài thì phải giữ phần khiêm tốn nhường nhịn cho nên chủ về giảm bớt; đức của nhạc động bên trong nên phải hòa thuận tích chứa nên chủ về đầy tràn. Nhưng Nhạc thuộc Dương nên đầy, Lễ thuộc Âm nên giảm. Nhưng Lễ tuy chủ về nhường nhịn mà dụng của nó lại quý ở chỗ hành vi ôn hòa cho nên lấy tiến làm văn sức. Thể của Nhạc tuy chủ về tràn đầy nhưng dụng lại quý ở chỗ ức chế về tiết độ nên lấy sự quay về làm văn sức. Nếu Lễ vì nhường nhịn quá mà không tiến thì uy nghi bị tiêu trừ, như vậy sẽ mất Lễ; còn Nhạc quá tràn đầy thịnh mãn mà không biết quay về sẽ thành ra phóng túng thì Nhạc sẽ trượt đến chỗ hủ bại. Cho nên Lễ phải có bình hòa và báo ở chỗ biết giảm. Chữ báo ở đây có nghĩa là *tương tế* (cùng giúp lẫn nhau).

Nhạc phải có tràn đầy có tiết độ để quay trở về (phản). Chữ *phản* ở đây có nghĩa là *dừng lại* (chỉ). Lễ và Nhạc lúc nào cũng phải kiềm dưng để thích hợp với sự lý nên gọi là giống nhau như một.

Nguyên văn:

夫乐者，乐也，人情之所不能免也。乐必发于声音，形于动静，人之道也。声音、动静，性术之变，尽于此矣。故人不耐无乐，乐不耐无形；形而不为道，不耐无乱。先王耻其乱，故制《雅》、《颂》之声以道之，使其声足乐而不流，使其文足论而不息，使其曲直、繁瘠、廉肉、节奏足以感动人之善心而已矣，不使放心邪气得接焉。是先王立乐之

方也。是故乐在宗庙之中，君臣上下同听之，则莫不和敬；在族长乡里之中，长幼同听之，则莫不和顺；在闺门之内，父子兄弟同听之，则莫不和亲。故乐者，审一以定和，比物以饰节，节奏合以成文，所以合和父子君臣、附亲万民也。是先王立乐之方也。

Phiên âm:

8. Phù Nhạc giả lạc dã, nhân tình chi sở bất năng miễn dã. Lạc tất phát ư thanh âm, hình ư động tĩnh, nhân chi đạo dã. Thanh âm động tĩnh, tính thuật chi biến tận ư thủ hĩ. Cổ nhân bất nại vô nhạc, nhạc bất nại vô hình. Hình nhi bất vi đạo, bất nại vô loạn. Tiêu vương sĩ kỳ loạn, cố chế “Nhã”, “Tụng” chi thanh dĩ đạo chi, sử kỳ thanh tức nhạc chi bất lưu, sử kỳ văn tức luận nhi bất tức, sử kỳ khúc trực phồn tích liêm nhục tiết tấu, tức dĩ cảm động nhân chi thiện tâm nhi dĩ hĩ, bất sử phóng tâm tà khí đắc tiếp yên. Thị tiên vương lập nhạc chi phương dã.

Dịch nghĩa:

8. Nhạc chính là vui vẻ vậy, tính tình của người ta không thể không có vui vẻ. Nhạc phải phát vào thanh âm và thể hiện thành động tĩnh, đó là đạo của người vậy. Thanh âm động tĩnh do tính tình mà biến đổi đến tận cùng. Cho nên người ta không thể không có Nhạc, Nhạc không thể không thể hiện ra hình. Hình mà không vì đạo không thể không loạn. Các bậc tiên vương xưa lấy làm sợ cái loạn ấy nên chế tác ra các âm thanh của “Nhã” và “Tụng” để khiến âm thanh đủ vui mà không sa đoạ, khiến văn đủ để bàn luận không ngừng nghỉ, khiến các tiết tấu có đủ âm sắc nhạc khí (1) đủ để cảm động lòng thiện của người ta mà thôi, không để khiến cho (người ta) tiếp cận với tà khí phóng túng. Đó là ý nghĩa chế tác Nhạc của tiên vương vậy.

Chú thích:

(1)- Theo chú thích cổ thư **Khúc** là âm thanh nhu hòa như của tiếng tơ; **Trực** là âm thanh cương như của tiếng kim; **Phồn** là âm thanh tạp như tiếng **Sênh** (một loại nhạc khí cổ); **Tích** là âm thanh dồn dập như của tiếng **Khánh**; **Liêm** là âm thanh trong như của tiếng **Vũ**; **Nhục** là âm thanh đục như của tiếng **Cung**.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI

TẠP KÝ

Chương này chia ra làm hai phần thượng và hạ. Chương *Tạp ký* (thượng) chủ yếu ghi chép về các lễ tang tế, nhưng *Tạp Ký* (hạ) lại có nhiều đoạn cuối chép những chuyện khác chẳng có quan hệ gì đến tang tế cả. Vì lễ tiết về tang tế đã có dịch rải rác ở nhiều chương khác nên chúng tôi lược bỏ phần lớn hai chương này, chỉ dịch vài đoạn tiêu biểu ở chương *Tạp ký* (hạ).

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI MỐT

TẠP KÝ (HẠ)

Nguyên văn:

杂记下

曾申问于曾子曰：“哭父母有常声乎？”
曰：“中路婴儿失其母焉，何常声之有？”

Phiên âm:

1. Tăng Thân vấn ư Tăng tử viết: "Khốc phụ mẫu hữu thường thanh hồ?" Viết: "Trung lộ anh nhi thất kỳ mẫu yên, hà thường thanh chi hữu?"

Dịch nghĩa:

1. Tăng Thân hỏi Tăng tử :

- Cha mẹ mình mất, có nên khóc như khóc những chuyện buồn thường chăng?

Đáp:

- Trẻ con đi giữa đường đột nhiên lạc mất mẹ có khóc như những chuyện buồn thường chăng?

Nguyên văn:

君子有三患：未之闻，患弗得闻也；既闻之，患弗得学也；既学之，患弗能行也。君子有五耻：居其位，无其言，君子耻之；有其言，无其行，君子耻之；既得之而又失之，君子耻之；地有余而民不足，君子耻之；众寡均而倍焉，君子耻之。

Phiên âm:

2. Quân tử hữu tam hoạn: Vị chi văn, hoạn phát đắc văn dã. Ký văn chi, hoạn phát đắc học dã. Ký học chi, hoạn phát năng hành dã. Quân tử hữu ngũ sỉ: Cư kỳ vị vô kỳ ngôn, quân tử sỉ chi. Hữu kỳ ngôn vô kỳ hành, quân tử sỉ chi. Ký đắc chi nhi hựu thất chi, quân tử sỉ chi. Địa hữu dư nhi dân bất túc, quân tử sỉ chi. Chúng quả quân nhi bội yển, quân tử sỉ chi.

Dịch nghĩa:

2. Bậc quân tử có ba cái lo: lo rằng mình không nghe biết nhiều. Lo rằng mình đã biết nhiều nhưng không học được (những điều biết ấy). Lo rằng mình đã học được nhưng không thực hành được (những điều đã học). Quân tử có năm điều lấy làm tự sỉ nhục: ở vị trí ấy mà

không dám nói những lời xứng đáng với vị trí (của mình), quân tử lấy làm nhục. Nói được mà không thực hành được, quân tử lấy làm nhục. Làm được nhưng rồi lại để hỏng mất, quân tử lấy làm nhục. Đất đai rộng rãi mà để dân không đủ (ăn), quân tử lấy làm nhục. Mọi người đều được chia ít mà riêng mình được nhiều, quân tử lấy làm nhục. (1)

Chú thích:

(1)- Ba điều lo là của bậc quân tử đang còn theo học. Năm điều nhục là của bậc quân tử khi đã ra nhận nhiệm vụ (tức làm quan).

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI HAI

TANG ĐẠI KÝ

Chương này chủ yếu ghi chép về thứ tự tang lễ của vua chúa, đại phu, sĩ như các nghi thức mới chết, đại liệm, tiểu liệm, liệm, táng v.v...vì vậy mới được đặt tên là *đại ký*. Theo Trịnh Huyền chương này phần tạp, vì không có liên hệ gì nhiều đến sinh hoạt ngày nay, chúng tôi chỉ dịch một đoạn tiêu biểu.

Nguyên văn:

喪大記

始卒，主人啼，兄弟哭，婦人哭踊。

既正尸，子坐于東方，卿、大夫、父兄、子姓立于東方。有司庶士哭于堂下，北面。夫人坐于西方。內命婦姑姊妹子姓立于西方。外命婦率外宗哭于堂上，北面。

Phiên âm:

Thủy tốt, chủ nhân đề, huynh đệ khốc, phụ nhân khốc dũng.

Ký chính thì, tử tọa ư đông phương, khanh đại phu phụ huynh tử tính lập ư đông phương, hữu tư thứ sĩ khốc ư đường hạ bắc diện, phụ

nhân tọa ư tây phương, nội mệnh phụ cô tử muội tử tính lập ư tây phương, ngoại mệnh phụ suất ngoại tông khốc ư đường thượng bắc diện.

Dịch nghĩa:

Khi mới chết, chủ nhà khốc không thành tiếng, anh em khốc lớn, vợ khốc nhảy lên (1).

Khi đã đặt thi thể nghiêm chỉnh rồi, con (của người chết) ngồi ở phương đông, các khanh đại phu đứng ở phương đông, các tì thuộc và bậc sĩ ở dưới khốc ở dưới nhà phía bắc, vợ chính ngồi ở phía tây sai các chị em, thế phụ đứng ở phía tây, vợ của các khanh đại phu cùng các con cháu họ ngoại khốc ở trên nhà phía bắc (2).

Chú thích:

(1)- Lễ tang ngày xưa hết sức nhiều chi tiết phức tạp. *Đế*: là tiếng đau thương đến cực độ nên khốc không thành lời nữa, như trẻ con lạc mất mẹ vậy. Tình anh em có nhe hơn nên khốc thành lời. Còn vợ thì phải vừa khốc vừa nhảy.

(2)- Đây là tang lễ của vua một nước. Thi thể (của vua ấy) phải được đặt phía nam. *Tử tính*: là con ruột, gọi chung các con cháu. *Nội mệnh phụ*: là gồm các vợ lớn vợ nhỏ trong nhà. *Cô tử muội*: là các chị em của vua ấy. *Ngoại mệnh phụ*: là các vợ của khanh đại phu. *Ngoại tông*: là con cái của các chị em vua.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA

TẾ PHÁP

Chương này ghi chép các phép tắc tế thần xã tắc, tổ tông từ thời Ngu đến các thiên tử thời Chu. Chúng tôi chỉ dịch một đoạn tiêu biểu.

Nguyên văn:

祭法

大凡生于天地之间者皆曰命。其万物死皆曰折，人死曰鬼。此五代之所不变也。七代之所更立者，禘郊宗祖，其余不变也。

天下有王，分地建国，置都立邑，设庙祧坛埤而祭之，乃为亲疏多少之数。

Phiên âm:

Đại phạm sinh ư thiên địa chi gian giả giai viết Mệnh. Kỳ vạn vật tử giai viết Chiết, nhân tử viết Quỷ. Thủ ngũ đại chi sở bất biến dã.

Thất đại chi sở cánh lập giả, để giao tổ tông, kỳ dư bất biến dã.

Thiên hạ hữu vương, phân địa kiến quốc, trí đô lập ấp, thiết miếu đào đàn thiện nhi tế chi, nãi vi thân sơ đa thiếu chi cố.

Dịch nghĩa:

Đại phạm là người sinh ra giữa trời đất đều có Mệnh. Mọi vạn vật chết đều gọi là Chiết (gãy), người ta chết gọi là Quỷ. Điều ấy từ thời Ngũ đại (1) đã không thay đổi. Đến Thất đại (2) mới thêm vào sự tế tự thờ phụng tổ tông, ngoài ra cũng không thay đổi gì.

Trong thiên hạ có vua, chia đất lập nước, đặt kinh đô lập làng ấp và xây đàn miếu để tế lễ, phân biệt thân sơ nhiều ít.

Chú thích:

(1)- *Ngũ đại*: năm đời vua, có nhiều thuyết, một thuyết phổ biến gồm năm vua: Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Cốc, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn – một thuyết phổ biến hơn gồm năm vua: Đường, Ngu, Hạ, Thương, Chu.

(2)- *Thất đại*: gồm năm đời vua kể trên cộng thêm Hoàng Đế, Chuyên Húc nữa là bảy. Tóm lại, ngũ đại hay thất đại chỉ là ý niệm thời gian các triều đại thời tối cổ, đến nay không thể tra cứu chính xác được.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN

TẾ NGHĨA

Chương này triển khai thêm ý nghĩa của tế lễ ở chương trước. Ngoài ra còn luận thuật thêm về ý nghĩa của Lễ Nhạc đối với sự tu dưỡng nhân tâm và những lễ tiết cần thiết trong sự hiếu với cha mẹ, kính với người lớn tuổi. Chương này còn dùng tinh thần của con người để giải thích những tế lễ sùng bái quỷ thần, từ đó lấy sự sùng bái quỷ thần ở thời nguyên thủy chuyển thành một thứ nguyên tắc văn hóa, từ đó cho chúng ta cái nhìn chính xác về tinh thần lý tính của nhà Nho ngày xưa.

Nguyên văn:

祭义

文王之祭也，事死者如事生，思死者如不欲生，忌日必哀，称讳如见亲。祀之忠也，如见亲之所爱，如欲色然，其文王与！《诗》云：“明发不寐，有怀二人。”文王之诗也。祭之明日，“明发不寐”，飧而致之，又从而思之。祭之日，乐与哀半，飧之必乐，已至必哀。

Phiên âm:

1. Văn vương chí tế dã, sự tử giả như sự sinh, kỳ nhật tất ai, xương hủ như kiến thân. Tư chi trung dã, như kiến thân tự sở ái, như dục sắc nhiên, kỳ Văn vương dư ! “Thi” vân: “Minh phát bất mị, hữu hoài nhị nhân” Văn vương chi thi dã. Tế chi minh nhật, “Minh phát bất tẩm”, Hưởng nhi chí chi, hựu tòng nhi tư chi. Tế chi nhật, lạc dữ ai bán, hưởng dĩ tất lạc, dĩ chí tất ai.

Dịch nghĩa:

1. Khi Văn vương tế (thì) thờ người chết như lúc người ấy còn sống, (vua) nhớ người đã chết (tha thiết) đến độ không muốn sống nữa. Ngày kỵ lễ tất phải bi thương và tôn trọng những tên húy như có thân nhân ở trước mặt. Giữ lòng trung trong khi tế lễ như thấy tình yêu của cha mẹ khi còn sống. “Kinh Thi” viết: “Suốt đêm không ngủ, vì nhớ hai người (cha và mẹ)” (1) Văn vương cũng giống như câu thơ trong Kinh Thi ấy vậy. Sáng hôm sau là ngày tế nên “suốt đêm không ngủ”, khi hưởng thụ (những đồ vật tế lễ) phải tận tình hưởng thụ và do đó càng nhớ đến (người chết). Ngày tế lễ, vui và buồn đều có. Hưởng thụ vật tế lễ là vui mà hết tế lễ là buồn.

Chú thích:

(1)- *Nhớ hai người*: câu Kinh Thi này vốn nói về việc Tuyên vương tế lễ và nhớ công tích của hai vua Văn vương và Võ vương. Ở đây mượn ý để nói Văn vương nhớ cha mẹ.

Nguyên văn:

先王之所以治天下者五：贵有德，贵贵，

贵老，敬长，慈幼。此五者，先王之所以定天下也。贵有德，何为也？为其近于道也。贵贵，为其近于君也。贵老，为其近于亲也。敬长，为其近于兄也。慈幼，为其近于子也。是故至孝近乎王，至悌近乎霸。至孝近乎王，虽天子必有父。至悌近乎霸，虽诸侯必有兄。先王之教，因而弗改，所以领天下国家也。

Phiên âm:

2. Tiên vương chỉ sở dĩ trị thiên hạ giả ngũ: quý hữu đức, quý quý, quý lão, kính trưởng, từ ấu. Thử ngũ giả, tiên vương chỉ sở dĩ định thiên hạ dã. Quý hữu đức, hà vị dã? Vị kỳ cận ư đạo dã. Quý quý, vị kỳ cận ư quân dã. Quý lão, vị kỳ cận ư thân dã. Kính trưởng, vị kỳ cận ư huynh dã. Từ ấu, vị kỳ cận ư tử dã. Thị cố chí hiếu cận hồ vương, chí để cận hồ bá. Chí hiếu cận hồ vương, tuy thiên tử tất hữu phụ. Chí để cận hồ bá, tuy chư hầu tất hữu huynh. Tiên vương chỉ giáo, nhân nhi phát cải, sở dĩ lãnh thiên hạ quốc gia dã.

Dịch nghĩa:

2. Sở dĩ các tiên vương trị được thiên hạ vì có năm đức tính sau : Quý (người) có đức, quý (người) tôn quý, quý (người) già lão, kính (người) lớn tuổi, ái yêu trẻ nhỏ. Có năm đức tính ấy cho nên tiên vương định yên được thiên hạ. Quý (người) có đức vì sao? Vì

(người) có đức gần với đạo. Quý (người) tôn quý, vì (người như vậy) gần với bậc quân tử. Quý (người) già lão, vì gần với song thân (của mình). Kính (người) lớn tuổi, vì gần với bậc huynh trưởng (của mình). Tử ái yêu trẻ nhỏ, vì gần với con (của mình). Cho nên người chí hiếu gần với bậc vương, người chí để gần với bậc bá (tức chư hầu). Người chí hiếu gần với bậc vương, vì tuy là thiên tử vẫn có (cha mẹ). Người chí để gần với bậc bá, vì tuy là chư hầu vẫn có huynh trưởng. Sự dạy dỗ của tiên vương, vì đó mà không thay đổi, sở dĩ như vậy mới lãnh đạo được thiên hạ quốc gia.

Nguyên văn:

子曰：“立爱自亲始，教民睦也。立敬自长始，教民顺也。教以慈睦，而民贵有亲。教以敬长，而民贵用命。孝以事亲，顺以听命，错诸天下，无所不行。”

Phiên âm:

3. Tử viết: "Lập ái tự thân thủy, giáo dân mục dã. Lập kính tự trưởng thủy, giáo dân thuận dã. Giáo dĩ từ mục, nhi dân quý hữu thân. Giáo dĩ kính trưởng, nhi dân quý dụng mệnh. Hiếu dĩ sự thân, thuận dĩ thính mệnh, thác giả thiên hạ, vô sở bất hành.

Dịch nghĩa:**3. Khổng Tử nói:**

- Lòng nhân ái có được bắt đầu từ chỗ yêu người thân như cha mẹ, như vậy mới dạy dân hiếu mục được. Muốn dạy dỗ người khác, phải bắt đầu từ người lớn trước mới dạy dân thuận theo được. (Trong sự nghiệp) dạy dỗ dùng tình nhân ái hòa mục thì dân quý và coi mình như người thân. Dạy biết kính bậc tôn trưởng nên dân quý mà nghe theo. Lấy lòng hiếu ra thờ cha mẹ, thuận theo mệnh lệnh thì đức giáo sẽ rộng ra khắp thiên hạ, không ai là không theo (1).

Chú thích:

(1)- Đoạn này chủ yếu nói về Ai và Kính là gốc của tể gia trị quốc bình thiên hạ. Vua có yêu cha mẹ chính mình thì dân mới hòa mục và yêu cha mẹ. Vua có kính với bậc tôn trưởng thì mới dạy dân nghe theo mình được.

Nguyên văn:

曾子曰：“孝有三。大孝尊亲，其次弗辱，其下能养。”公明仪问于曾子曰：“夫子可以为孝乎？”曾子曰：“是何言与？是何言与！君子之所为孝者，先意承志，谕父母于道。参直养者也，安能为孝乎？”

曾子曰：“身也者，父母之遗体也。行父母之遗体，敢不敬乎？居处不庄，非孝也。事君不忠，非孝也。莅官不敬，非孝也。朋友不信，非孝也。战陈无勇，非孝也。五者不遂，戕及于亲，敢不敬乎？”

Phiên âm:

4. Tăng tử viết: "Hiếu hữu tam: Đại hiếu tôn thân, kỳ thứ phát nhục, kỳ hạ năng dưỡng". Công Minh Nghi (1) vấn ư Tăng tử viết: "Phụ tử khả dĩ vi hiếu hồ?" Tăng tử viết: "Thị hà ngôn dư? Quân chi sở vị hiếu giả, tiên ý thừa chí, dụ phụ mẫu ư đạo. Sâm trực dưỡng giả dã, an năng vi hiếu hồ?"

Tăng tử viết: "Thân dã giả, phụ mẫu chi di thể dã. Hành phụ mẫu chi di thể, cảm bất kính hồ? Cư xử bất trang, phi hiếu dã. Sự quân bất trung, phi hiếu dã.莅 quan bất kính, phi hiếu dã. Chiến trận vô dũng, phi hiếu dã. Ngũ giả bất toại, triệt cập ư thân, cảm bất kính hồ?"

Dịch nghĩa:

4. Tăng tử cho rằng:

- Có ba điều hiếu: đại hiếu là tôn trọng cha mẹ, thứ đến là không làm nhục (cha mẹ), thấp nhất là nuôi được (cha mẹ).

Công Minh Nghi hỏi Tăng tử:

Thế thầy có thể gọi là hiếu được không?

Tăng tử đáp:

- Vì sao hỏi thế? Vì sao hỏi thế? Người mà ta gọi rằng hiếu đó, trước tiên là phải nối tiếp được chí (của cha mẹ) và khuyên nhủ cha mẹ theo đạo. Như Tăng Sâm chỉ nuôi được cha mẹ, đâu đáng gọi là hiếu?

Tăng tử lại nói:

- Thân thể của ta đây là do cha mẹ để lại. Làm di thể của cha mẹ, dám không kính sao? Cư xử không trang nghiêm, không phải là hiếu. Thờ vua không trung thành, không phải là hiếu. Làm quan không kính, không phải là hiếu. Bằng hữu mà thiếu tin tưởng lẫn nhau, không phải là hiếu. Lâm chiến mà không dũng cảm, không phải là hiếu. Cả năm điều ấy đều không làm được là để liên lụy tới cha mẹ. Ta há không dám kính cẩn sao?

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI LĂM

TẾ THỐNG

Chương này khai triển thêm tôn chỉ của chương trên, căn cứ vào nhân luân hiện thực để xiển minh hàm nghĩa sâu xa của tế tự. Chữ “Thống” ở đây có nghĩa căn bản là: các tiết mục của tế tự tuy rất nhiều nhưng cơ bản đều có một mối chính là lòng người (nhân tâm). Người xưa rất trọng chữ hiếu đối với tổ tiên cha mẹ, nhà Nho lại càng coi đây là tình cảm quan trọng nên rất đề cao việc tế lễ. Chương này nhận định rằng tế tự không phải là hình thức bên ngoài, mà nó phát xuất từ nội tâm biểu hiện ra bằng những nghi thức tế lễ.

Nguyên văn:

祭统

凡治人之道，莫急于礼。礼有五经，莫重于祭。夫祭者，非物自外至者也；自中出于心也。心怵而奉之以礼，是故唯贤者能尽祭之义。

贤者之祭也，必受其福，非世所谓福也。福者备也，备者百顺之名也。无所不顺者谓之备，言内尽于己，而外顺于道也。忠臣以事其君，孝子以事其亲，其本一也。上则顺于鬼神，外则顺于君长，内则以孝于亲，如此之谓备。唯贤者能备，能备然后能祭。是故贤者之祭也，致其诚信，与其忠敬，奉之以物，道之以礼，安之以乐，参之以时，明荐之而已矣。不求其为，此孝子之心也。

祭者，所以追养继孝也。孝者畜也。顺于道，不逆于伦，是之谓畜。是故孝子之事亲也有三道焉：生则养，没则丧，丧毕则祭。养则观其顺也，丧则观其哀也，祭则观其敬而时也。尽此三道者，孝子之行也。

Phiên âm:

1. Phàm trị nhân chi đạo, mạc cấp ư lễ. Lễ hữu ngũ kinh, mạc trọng ư tế. Phù tế giả, phi vật tự ngoại chi giả dã, tự trung xuất sinh ư tâm giả dã. Tâm thuật nhi phụng chi dĩ lễ, thị cố duy hiền giả năng tận tế chi nghĩa.

Hiền giả chi tế dã, tất phụ kỳ phúc, phi thể sở vị phúc dã. Phúc dã, bị dã, bị giả, bách thuận chi danh dã. Vô sở bất thuận giả chi vị bị, ngôn nội tận ư kỷ, phi ngoại thuận ư đạo dã. Trung thần dĩ sự kỳ quân, hiếu tử dĩ sự kỳ thân, như thử chi vị bị. Duy hiền giả năng bị, năng bị nhiên hậu năng tế. Thị cố hiền giả chi tế dã, chi kỳ thành tín, dĩ kỳ trung kính, phụng chi dĩ vật, đạo chi dĩ lễ, an chi dĩ nhạc, tham chi dĩ thời, minh tiến chi nhi dĩ hĩ. Bất cầu kỳ vị, thử hiếu tử chi tâm dã.

Tế giả, sở dĩ truy dương kế hiếu dã. Hiếu giả súc dã. Thuận ư đạo, bất nghịch ư luân, thị chi vị súc. Thị cố hiếu tử chi sự thân dã, hữu tam đạo yên: Sinh tắc dương, một tắc tang, tang tất tắc tế. Dương tắc quan kỳ thuận dã, tang tắc quan kỳ ai dã, tế tắc quan kỳ kính nhi thời dã. Phàm thử tam đạo giả, hiếu tử chi hạnh dã.

Dịch nghĩa:

1. Phàm đạo để trị người, không gì cần bằng lễ. Lễ có năm điều (1), không gì quan trọng bằng tế. Người đứng tế không phải là do vật tế ở ngoài mà là do (lòng thành) xuất tự tấm lòng. Lòng sợ hãi kính cần mà thờ phụng bằng lễ. Vì vậy chỉ có bậc hiền giả mới thực hiện đầy đủ ý nghĩa của lễ tế.

Bậc hiền giả khi tế lễ tất được hưởng phúc, phúc ấy không phải là phúc người đời vẫn gọi đâu. Phúc đây là hoàn bị, hoàn bị, là tên gọi của trăm điều thuận vậy. Không điều nào không thuận gọi là

hoàn bị, đó là bên trong thì tận hết sức mình, ngoài thì thuận với đạo vậy. Thần trung thì thờ vua, con hiếu thì thờ cha mẹ, căn bản vốn là một vậy. Trên thì thuận với quý thần, ngoài thì thuận với bậc tôn trưởng, trong thì hiếu với cha mẹ, như thế gọi là hoàn bị. Duy chỉ có bậc hiền giả mới có thể hoàn bị, có thể hoàn bị rồi mới có thể đứng ra làm lễ tế. Vì vậy việc tế của bậc hiền giả đến độ cực thành tín, lấy lòng trung kính mà dâng vật thờ cúng, lấy lễ làm đạo, lấy nhạc làm an, lấy thời tham dự, dâng phụng rõ ràng sáng sủa mà thôi vậy. Không có tâm cầu phúc, đó là tấm lòng hiếu tử vậy. Người đứng tế, do đó coi sự nuôi nấng là kế theo lòng hiếu. Người hiếu là nuôi nấng. Thuận với đạo, không làm trái ngược nhân luân nên gọi là nuôi nấng. Cho nên con hiếu thờ cha mẹ có ba đạo: (cha mẹ) còn sống tất phải nuôi dưỡng, (cha mẹ) chết đi tất phải lo tang ma, tang ma hoàn tất ắt phải tế lễ. (Khi) nuôi dưỡng quan trọng nhất là phải vâng thuận, (khi) tang ma quan trọng nhất là phải bi ai, (khi) tế lễ quan trọng nhất là phải kính mà luôn luôn. Làm hết ba đạo ấy là đức hạnh của người con hiếu vậy.

Chú thích:

(1)- *Năm điều (ngũ kinh)*: là *cát* (lễ khi gặp việc tốt lành may mắn), *hung* (lễ tế khi gặp điều xui xẻo tai nạn), *quân* (lễ tế khi gặp việc quân sự can qua), *tân* (lễ khi có bạn bè tân khách đến thăm) và *gia* (lễ khi có việc vui mừng). Trong năm thứ lễ ấy không có lễ nào quan trọng bằng lễ tế cha mẹ.

Nguyên văn:

夫祭有十伦焉：见事鬼神之道焉，见君

臣之义焉，见父子之伦焉，见贵贱之等焉，见新疏之杀焉，见爵赏之施焉，见夫妇之别焉，见政事之均焉，见长幼之序焉，见上下之际焉。此之谓十伦。

Phiên âm:

2. *Phù tế hữu thập luân yên: hiện (1) sự quý thần chi đạo yên, hiện quân thần chi nghĩa yên, hiện phụ tử chi luân yên, hiện quý tiện chi đẳng yên, hiện thân sơ chi sát yên, hiện tước thưởng chi thi yên, hiện phu phụ chi biệt yên, hiện chính sự chi quân yên, hiện trường đấu chi tự yên, hiện thượng hạ chi tế yên. Thử chi vị thập luân.*

Dịch nghĩa:

2. Việc tế lễ có mười trật tự luân lý: 1) thực hiện đạo thờ quý thần, 2) thực hiện nghĩa vua tôi, 3) thực hiện luân thường cha con, 4) thực hiện thứ lớp quý tiện, 5) thực hiện bỏ bớt thân sơ, 6) thực hiện ban bố tước thưởng, 7) thực hiện sự phân biệt vợ chồng, 8) thực hiện sự quân bình chính trị, 9) thực hiện thứ tự lớn nhỏ, 10) thực hiện phân chia trên dưới. Mười điều thực hiện ấy gọi là “thập luân”.

Chú thích:

(1)- Đây viết là chữ *kiến* nhưng có nghĩa dùng thay cho chữ *hiện*.

Nguyên văn:

夫祭有昭穆。昭穆者，所以别父子、远近、长幼、亲疏之序而无乱也。是故有事于大庙，则群昭群穆咸在而不失其伦。此之谓亲疏之杀也。

Phiên âm:

3. Phù tế hữu chiêu mục. Chiêu mục giả, sở dĩ biệt phụ tử, viễn cận, trưởng ấu, thân sơ chi tự nhi vô loạn dã. Thị cố hữu sự ư đại miếu, tắc quần chiêu quần mục hàm tại bất thất kỳ luân. Thử chi vị thân sơ chi sát dã.

Dịch nghĩa:

3. Tế lễ có bên trái và bên phải. Bên trái và bên phải là để có thứ tự không hỗn loạn giữa cha con, xa gần, lớn nhỏ, thân sơ đó vậy. Vì vậy thờ cúng trong đại miếu thì bên trái bên phải vẫn thờ chung mà không đánh mất luân thường. Đó gọi là giảm bớt sự thân sơ vậy.

Nguyên văn:

凡祭有四时，春祭曰𡊓，夏祭曰禘，秋

祭曰尝，冬祭曰烝。禘、杓，阳义也。尝、烝，阴义也，禘者阳之盛也，尝者阴之盛也。故曰“莫重于禘、尝”。古者于禘也发爵赐服，顺阳义也；于尝也，出田邑，发秋政，顺阴义也。故《记》曰：“尝之日，发公室，示赏也。”草艾则墨，未发秋政，则民弗敢草也。故曰：禘、尝之义大矣，治国之本也，不可不知也。明其义者君也，能其事者臣也。不明其义，君人不全；不能其事，为臣不全。

夫义者，所济志也，诸德之发也。是故其德盛者其志厚，其志厚者其义章，其义章者其祭也敬；祭敬，则境内之子孙莫敢不敬矣。是故君子之祭也，必身亲莅之，有故则使人可也。虽使人也，君不失其义者，君明其义故也。其德薄者其志轻，疑于其义而求祭，使之必敬也弗可得已；祭而不敬，何以为民父母矣？

Phiên âm:

4. Phàm tế hữu tứ thời, xuân tế viết dục, hạ tế viết đề, thu tế viết thường, đông tế viết chung. Dục, đề, dương nghĩa dã; thường, chung, âm nghĩa dã. Đề giả, dương chi thịnh dã; thường giả, âm chi thịnh dã. Cổ viết: "Mạc trọng ư đề thường" Cổ giả ư đề dã, phát tước tứ phục, thuận dương nghĩa dã; ư thường dã, xuất điền ấp, phát thu chính, thuận âm nghĩa dã. Cổ "Ký" viết: "Thường chi nhật, phát công thất, thị thường dã." Thảo ngại tắc mặc, vị phát thu chính, tắc dân bất cảm thảo dã.

Cổ viết: "Đề thường chi nghĩa đại hĩ, trị quốc chi bản dã, bất khả bất tri dã. Minh kỳ nghĩa giả quân dã, năng kỳ sự giả thần dã. Bất minh kỳ nghĩa, quân nhân bất toàn; bất năng kỳ sự, vị thần bất toàn. Phù nghĩa giả, sở dĩ tế chí dã, chư đức chi phát dã. Thị cổ kỳ đức thịnh giả kỳ chí hậu, kỳ chí hậu giả kỳ nghĩa chương, kỳ nghĩa chương giả kỳ tế dã kính; tế kính, tắc cánh nội chi tử chi tế dã, tất thân thân lý chi, hữu cố, tắc sử nhân khả dã. Tuy sử nhân dã, quân bất thất kỳ nghĩa giả, quân minh kỳ nghĩa cố dã. Kỳ đức bạc giả kỳ chí khinh, nghi ư kỳ nghĩa nhi cầu tế, sử chi tất kính dã phát khả đắc dĩ. Tế nhi ất kính, hà dĩ vi dân phụ mẫu hĩ?

Dịch nghĩa:

4. Phàm lễ tế có bốn mùa: tế mùa xuân gọi là Dục, tế mùa hạ gọi là Đề, tế mùa thu gọi là Thường, tế mùa đông gọi là Chung. Ngày xưa làm lễ tế đề thì phát tước ban phẩm phục là thuận với nghĩa dương; còn lễ tế thường định ra đất đai ruộng đất, ngày lễ thường (mùa thu) ra khỏi cung thất, vì mùa thu vật đã kết thành nên ban thưởng là thuận với nghĩa âm. Cho nên sách "Lễ Ký" viết: "Ngày lễ thường ra khỏi cung thất, để biểu thị ý thưởng phạt" Mùa

thu mùa đông là mùa thi hành hình phạt, chưa đến lễ thường mùa thu, thi chưa dám mang dân ra trừng phạt.

Cho nên bảo: lễ tế để và lễ tế thường có nghĩa rất lớn và là căn bản để trị quốc, không thể không biết (nghĩa ấy). Làm sáng nghĩa ấy là (nhiệm vụ) của vua, thi hành nghĩa ấy là (nhiệm vụ) của bề tôi. Không làm sáng được nghĩa ấy là sự thiếu sót của vua; không thi hành được việc là thiếu sót của bề tôi. Nghĩa là dùng để nâng chí và để các đức phát ra. Cho nên người có đức thịnh thì chí cũng đầy, người có chí đầy thì nghĩa phải rực rỡ, người có nghĩa rực rỡ thì trong việc tế lễ ắt thành kính. Tế lễ thành kính thì bên trong con cháu cũng không ai dám không thành kính. Cho nên bậc quân tử khi làm việc tế lễ thì tự thân phải làm, đã có nền nếp đâu vào đấy rồi mới có thể nhờ người được. Tuy nhờ người nhưng quân tử vẫn không để mất cái nghĩa ban đầu. Quân tử hiểu rõ nghĩa căn bản ấy. Kẻ đức mỏng thì chí ít, chỉ nghi ngờ ở nghĩa mà cầu tìm ở việc tế lễ, như vậy không thể đủ lòng thành kính được. Tế mà không thành kính, sao đáng làm cha mẹ của dân?

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI SÁU

KINH GIẢI

Chương này có tên là “**Kinh giải**” nghĩa là giải thích khái quát lược **kinh** của Nho gia. Theo học giả Tôn Hy Đán thì sau khi Khổng Tử san định sáu sách “**Thi**”, “**Thư**”, “**Lễ**”, “**Dịch**”, “**Nhạc**”, “**Xuân thu**” rồi, ông chưa hề dùng chữ “**Kinh**” để gọi sáu sách ấy. Vì vậy có lẽ do các đệ tử của ông sau này đem sáu sách ra gọi là “**Kinh**” và viết phê bình thẩm định thành chương này.

Chương này có thể chia làm ba phần lớn, phần đầu bình luận giá trị về giáo dục của sáu kinh, phần sau luận về các đức tính của bậc thiên tử và cuối cùng luận về ý nghĩa của Lễ đối với quốc gia.

Nguyên văn:

经解

孔子曰：“入其国，其教可知也。其为人也，温柔敦厚，《诗》教也；疏通知远，《书》教也；广博易良，《乐》教也；洁静精微，《易》教也；恭俭庄敬，《礼》教也；属

辞比事，《春秋》教也。故《诗》之失愚，《书》之失诬，《乐》之失奢，《易》之失贼，《礼》之失烦，《春秋》之失乱。其为人也，温柔敦厚而不愚，则深于《诗》者也；疏通知远而不诬，则深于《书》者也；广博易良而不奢，则深于《乐》者也；洁静精微而不贼，则深于《易》者也；恭俭庄敬而不烦，则深于《礼》者也；属辞比事而不乱，则深于《春秋》者也。”

Phiên âm :

1. Khổng Tử viết : "Nhập kỳ quốc, kỳ giáo khả tri dã. Kỳ vi nhân dã, ôn nhu đôn hậu, "Thi" giáo dã; sơ thông tri viễn, "thư" giáo dã; khiết tĩnh tĩnh vi, "Dịch" giáo dã; cung kiệm trang kính, "Lễ" giáo dã; thuộc từ tĩ sự, "Xuân thu" giáo dã. Cổ "Thi" chỉ thất ngu, "Thư" chỉ thất vu, "Nhạc" chỉ thất xa, "Dịch" chỉ thất tặc, "Lễ" chỉ thất phiến, "Xuân thu" chỉ thất loạn. Kỳ vi nhân dã, ôn nhu đôn hậu nhi bất ngu, tặc thâm ư "Thi" giả dã; sơ thông tri viễn nhi bất vu, tặc thâm ư "Thư" giả dã; quảng bác dịch lương nhi bất xa, tặc thâm ư "Nhạc" giả dã; khiết tĩnh tĩnh vi nhi bất tặc, tặc thâm ư "Dịch" giả dã; cung kiệm trang kính nhi bất phiến, tặc thâm ư "Lễ" giả dã; thuộc từ tĩ sự nhi bất loạn, tặc thâm ư "Xuân thu" giả dã.

Dịch nghĩa :**1. Khổng Tử nói :**

- Vào một nước, xét nền giáo dục (của nước ấy) là có thể biết được. Làm người ôn nhu đôn hậu, là điều mà “Thi” muốn dạy; uyên thâm biết nhiều, là điều mà “Thư” muốn dạy; học rộng để thành lương thiện, là điều mà “Nhạc” muốn dạy; thanh khiết tinh vi, là điều mà “Dịch” muốn dạy; cung kính cẩn kiệm; là điều mà “Lễ” muốn dạy; biết ăn nói biết sự lý, là điều mà “Xuân thu” muốn dạy. Vì vậy cho nên, học “Thi” thì hết ngu; học “Thư” thì hết vu khoát; học “Nhạc” thì hết xa xỉ; học “Dịch” thì không làm đạo tặc; học “Lễ” thì hết (làm những việc) phiến toái; học “Xuân thu” thì chấm dứt (những điều) hỗn loạn. Làm người, ôn nhu đôn hậu mà không ngu độn, ắt là đã học hiểu sâu sắc về “Thi” rồi; uyên thâm biết nhiều mà không vu khoát, ắt là đã học hiểu sâu sắc về “Thư” rồi; học nhiều lương thiện mà không xa xỉ, ắt là đã học hiểu sâu sắc về “Nhạc” rồi; thanh khiết tinh vi mà không làm giặc cướp, ắt là đã học hiểu sâu sắc về “Dịch” rồi; cung kính cẩn kiệm mà không phiến tạp, ắt là đã học hiểu sâu sắc về “Lễ” rồi; biết ăn nói biết sự lý mà không hỗn loạn, ắt là đã học hiểu sâu sắc về “Xuân thu” rồi.

Nguyên văn :

天子者，与天地参，故德配天地，兼利万物，与日月并明，明照四海而不遗微小。其在朝廷，则道仁圣礼义之序；燕处，则听《雅》《颂》之音；行步，则有环佩之声；升车，则有鸾和之音。居处有礼，进退有度，百

官得其宜，万事得其序。《诗》云：“淑人君子，其仪不忒。其仪不忒，正是四国。”此之谓也。

发号出令而民说，谓之和；上下相亲，谓之仁；民不求其所欲而得之，谓之信；除去天地之害，谓之义。义与信，和与仁，霸王之器也。有治民之意，而无其器则不成。

Phiên âm :

2. Thiên tử giả, dữ thiên địa tham, cố đức phối thiên địa, kiêm lợi vạn vật, dữ nhật nguyệt tính minh, minh chiếu tứ hải nhi bất di vi tiểu. Kỳ tại triều đình, tắc đạo nhân thánh lễ nghĩa chi tự; yên xử, tắc thánh “Nhã”, “Tụng” chi âm; hành bộ, tắc hữu hoàn bội chi thanh; thăng xa, tắc hữu loan hòa chi âm. Cư xử hữu lễ, tiến thoái hữu độ, bách quan đắc kỳ nghi, vạn sự đắc kỳ tự. “Thi” vân : “Thục nhân quân tử, kỳ nghi bất thắc, chính thi tứ quốc”. Thử chi vị dã.

Phát hiệu xuất lệnh nhi dân duyệt, vị chi hòa; thượng hạ tương thân, vị chi nhân; dân bất cầu kỳ sở dục nhi đắc chi, vị chi tín; trừ khử thiên địa chi hại, vị chi nghĩa. Nghĩa dữ tín, hòa dữ nhân, bá vương chi khí dã. Hữu trị dân chi ý nhi vô kỳ khí, tắc bất thành.

Dịch nghĩa :

2. Bậc thiên tử cùng tham dự với trời đất, cho nên đức phối hợp với trời đất, lợi kiêm tới vạn vật, (bậc thiên tử) cùng sáng với mặt trăng

mặt trời, chiếu sáng bốn bể mà không sót (một vật gì) nhỏ bé. Khi ở triều đình ắt lấy đạo nhân thánh và lễ nghĩa làm trật tự; khi nhân cư, ắt nghe âm thanh của các chương “Nhã” và “Tụng” (trong “Kinh Thi”); khi đi ra ngoài, ắt có tiếng của ngọc vàng (đeo bên mình); khi lên xe, ắt có tiếng loạn tiếng họa (treo trên xe). Cư xử (lúc nào) cũng điều độ, trăm quan lấy đó làm nghi biểu, vạn vật lấy đó làm thứ tự.

(Bậc thiên tử) khi ban ra hiệu lệnh thì dân vui, gọi là Hòa; trên dưới coi nhau như người thân, gọi là Nhân; dân không cần mà (điều gì) cũng đạt được, gọi là Tín; trừ khử (những điều) họa hại của trời đất, gọi là Nghĩa. Nghĩa và Tín, Hòa và Nhân, là khí cụ (trị dân) của bậc bá vương vậy. Có ý muốn trị dân mà không có khí cụ (tức giống như phương tiện) ắt không thể được.

Nguyên văn :

故朝覲之礼，所以明君臣之义也；聘问之礼，所以使诸侯相尊敬也；丧祭之礼，所以明臣子之恩也；乡饮酒之礼，所以明长幼之序也；婚姻之礼，所以明男女之别也。夫礼，禁乱之所由生，犹坊止水之所自来也，故以旧坊为无所用而坏之者，必有水败；以旧礼为无所用而去之者，必有乱患。

故婚姻之礼废，则夫妇之道苦，而淫辟之罪多矣；乡饮酒之礼废，则长幼之序失，而争斗之狱繁矣；丧祭之礼废，则臣子之恩薄，而倍死忘生者众矣；聘、觐之礼废，则君臣之位失，诸侯之行恶，而倍畔侵陵之败起矣。故礼之教化也微，其止邪也于未形，使人日徙善远罪而不自知也，是以先王隆之也。《易》曰：“君子慎始。差若毫厘，缪以千里。”此之谓也。

Phiên âm :

3. Cố triều cận chi lễ, sở dĩ minh quân thân chi nghĩa dã; sinh vấn chi lễ, sở dĩ sử chư hầu tương tôn kính dã; tang tế chi lễ, sở dĩ minh thân tử chi ân dã; hương ẩm tửu chi lễ, sở dĩ minh trưởng ấu chi tự dã; hôn nhân chi lễ, sở dĩ minh nam nữ chi biệt dã. Phù lễ, cấm loạn chi sở do sinh, do phương chỉ thủy chi sở tự lai dã. Cố dĩ cữ phương vì vô sở dụng nhi hoại chi giả, tất hữu thủy bại; dĩ cữ lễ vì vô sở dụng nhi khứ chi giả, tất hữu loạn hoạn.

Cố hôn nhân chi lễ phế, tắc phu phụ chi đạo khổ, nhi dân tịch chi tội đa hĩ; hương ẩm tửu chi lễ phế, tắc trưởng ấu chi tự thất, nhi tranh đấu chi ngục phồn hĩ; tang tế chi lễ phế, tắc thân tử chi ân bạc, nhi

bội tử vong sinh giả chúng hĩ; sinh, cần chi lễ phế, tác quân thần chi vị u. , chư hầu chi hành ác, nhi bội bạn xâm lăng chi bại khởi hĩ. Cố lễ chi giáo hóa dã vi, kỳ chính tà dã ư vị hình, sử nhân nhật tĩ thiện viễn tội nhi bất tự tri dã, thị dĩ tiên vương long chi dã. "Dịch" viết : "Quân tử thận thủy. Sai nhược hào ly, mậu dĩ thiên lý." Thử chi vị dã.

Dịch nghĩa :

3. Cho nên có lễ triều cần là để làm sáng nghĩa vua tôi, có lễ sinh lễ hỏi là để tôn kính các chư hầu; có lễ tang lễ tế, là để làm rõ ân đức của kẻ tôi thần; có lễ hương ẩm, là để làm rõ trật tự lớn nhỏ; có lễ hôn nhân, là để làm rõ sự khác biệt của nam nữ. Lễ, phát sinh là để ngăn cấm sự hỗn loạn như đắp đê ngăn nước trước vậy. Chỉ vì lớp đê cũ không dùng được nữa mà nước tràn vào; như những lễ cũ đã hết chỗ dùng (mà vẫn dùng) tất nhiên xảy ra mối lo loạn lạc. (1)

Vì vậy nếu phế bỏ lễ hôn nhân ắt đạo vợ chồng không thuận mà tội lỗi thêm nhiều; nếu phế bỏ lễ hương ẩm ắt không còn trật tự lớn nhỏ mà sự tranh giành thêm phức tạp; nếu phế bỏ lễ tang tế ắt ân nghĩa của kẻ tôi thần không còn mà những kẻ liều lĩnh càng đông; nếu phế bỏ những lễ sinh, lễ triều cần ắt mất hết vị trí đâu là vua đâu là tôi, các chư hầu sẽ làm điều ác mà những chuyện xâm lấn phản nghịch nổi lên. Cho nên sự giáo hóa của lễ rất vi tế nhỏ nhặt, (nó) chặn điều tà ác từ lúc chưa thành hình, khiến cho người ta mỗi ngày lại đến gần điều thiện, xa dần tội lỗi mà không tự biết, do đó tiên vương nhờ vậy mà hưng thịnh lên. "Kinh Dịch" viết : "Quân tử cần thận ngay từ đầu, sai như tơ hào đã là lắm ngàn dặm rồi ". (2) Ý là như vậy.

Chú thích :

(1)- Dẫn giải về đoạn này, chú thích trong sách cổ viết : Sở dĩ vua tôi hỗn

loạn là do vô nghĩa, nên phải dùng lễ triều cống mà ngăn cấm; sở dĩ chư hầu hỗn loạn là do bất hòa, nên phải lấy lễ sinh lễ vấn mà ngăn cấm; sở dĩ kẻ tội thần hỗn loạn, là do vô ân, nên phải lấy lễ tang lễ tế mà ngăn cấm; còn như dùng lễ hương ẩm thi hành để phân biệt lớn nhỏ, dùng lễ hôn lễ nhân thi hành để định rõ nam nữ cũng đều có nghĩa như thế cả.

(2)- Câu này cùng ý với câu tục ngữ Việt Nam : "Sai một ly đi một dặm".

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BẢY

AI CÔNG VẤN

Nội dung chương này ghi chép những câu hỏi của Lỗ Ai công và những câu trả lời của Khổng Tử về năm vấn đề lễ, chính sự, tu thân, hôn lễ, thiên đạo. Vì vậy, chương này ở sách “Đại Đái Lễ Ký” có tên là “Ai công vấn ngũ nghĩa” (năm ý nghĩa do Ai công hỏi Khổng Tử).

Nguyên văn :

哀公問

哀公問于孔子曰：“大禮何如？君子之言禮，何其尊也？”孔子曰：“丘也小人，不足以知禮。”君曰：“否。吾子言之也！”孔子曰：“丘聞之：民之所由生，禮為大，非禮無以節事天地之神也，非禮無以辨君臣、上下、長幼之位也，非禮無以別男女、父子、兄弟之親，婚姻疏數之交也。君子以此之為尊敬然。然後以其所能教百姓，不廢其會節。有成事，

然后治其雕镂、文章、黼黻以嗣。其顺之，然后言其丧算，备其鼎俎，设其豕腊，修其宗庙，岁时以敬祭祀，以序宗族，即安其居，节丑其衣服，卑其宫室，车不雕几，器不刻镂，

食不贰味，以与民同利。昔之君子之行礼者如此。”

公曰：“今之君子胡莫行之也？”孔子曰：“今之君子好实无厌，淫德不倦，荒怠傲慢，固民是尽，午其众以伐有道，求得当欲不以其所。昔之用民者由前，今之用民者由后，今之君子莫为礼也。”

Phiên âm :

1. Ai công vấn ư Khổng Tử viết : "Đại lễ hà như ? Quân tử chi ngôn lễ, hà kỳ tôn dã ?" Khổng Tử viết : "Khâu dã tiểu nhân, bất túc dĩ tri lễ." Quân viết : "Phủ. Ngô tử ngôn chi dã." Khổng Tử viết : "Khâu

văn chi, dân chi sở do sinh, lễ vi đại, phi lễ vô dĩ tiết sự thiên địa chi thần dã, phi lễ vô dĩ biện quân thân, thượng hạ, trường ấu chi vị dã, phi lễ vô dĩ biệt nam nữ, phụ tử, huynh đệ chi thân, hôn nhân, sơ số chi giao dã. Quân tử dĩ thủ vi tôn kính nhiên. Nhiên hậu dĩ kỳ sở năng giáo bách tính, bất phế kỳ hội tiết. Hữu thành sự, nhiên hậu trị kỳ điều lữ, văn chương, phủ phát chi tự. Kỳ thuận chi, nhiên hậu ngôn kỳ tang toán, bị kỳ đỉnh trở thiết kỳ thi lập, tu kỳ tông miếu, tề thời dĩ kính tế tự, dĩ tự tông tộc, tức an kỳ cư, tiết xú kỳ y phục, ty kỳ cung thất, xa bất điều kỳ, khí bất khắc lữ, thực bất nhị vị, dĩ dư dân đồng lợi. Tích chi quân tử chi hành lễ giả như thử”.

Công viết :”Kim chi quân tử hồ mạc chi hành dã ?” Khổng Tử viết:”Kim chi quân tử hiếu thực vô yếm, dâm đức bất quyện, hoang dã ngạo mạn, cố dân thị tận, ngộ kỳ chúng dĩ phạt hữu đạo, cầu đắc đương dục, bất dĩ kỳ sở. Tích chi dụng dân giả do tiền, kim chi dụng dân giả do hậu, kim chi quân tử mạc vi lễ dã.”

Dịch nghĩa :

1. Ai công (1) hỏi Khổng Tử :

- Đại lễ là thế nào ? Tại sao các bậc quân tử khi nói tới Lễ, đều có ý tôn trọng vậy ?

Khổng Tử đáp :

- Khâu này chỉ là người bé nhỏ đâu đủ để hiểu biết về Lễ ?

Vua nói :

- Thôi đi, đừng khiêm nhượng, hãy nói cho ta nghe.

Khổng Tử nói :

- Khâu này được nghe rằng, dân chúng do Lễ mà sinh sống vì vậy Lễ rất lớn, không có Lễ thì không có tiết độ ý nghĩa để thờ trời đất thần linh, không có Lễ thì không phân biệt đâu là tình trai gái, cha con, anh em, hoặc như những giao tình xa gần, hôn nhân. Bậc quân tử vì thế mà phải tôn kính Lễ; sau đó mới dùng tài năng mình dạy dỗ trăm họ để đừng bỏ mất tiết lễ.

Được như vậy rồi sau đó mới bổ sung, trau chuốt thêm. Đến khi trăm họ đã thuận tòng rồi mới giảng giải thêm về lễ tang, dọn bày đồ cúng lễ. Thịt heo giỗ chạp, sửa sang nhà tông miếu, kính tế hằng năm cho có thứ tự trong dòng họ, nhờ vậy mới hướng dẫn nhân dân và quân vương an cư, tiết kiệm y phục, bớt xa hoa (về chuyện) cung thất, xe cộ không chạm khắc đẹp quá, khí cụ không xa xỉ quá, ăn không quá mức, cùng lợi cùng khổ với dân. Xưa kia, bậc quân vương thi hành Lễ như thế đấy.

Vua lại hỏi :

- Thế tại sao ngày nay các quân vương không làm như vậy?

Khổng Tử đáp :

- Các quân vương ngày nay tham tiền tài không biết chán, phóng dăng không biết mệt, hoang đản ngạo mạn, bóc lột hết sức dân, phản bội lại dân chúng, xúc phạm tới đạo lý, muốn gì là làm nấy không bao giờ thỏa mãn. Xưa kia quân vương đối xử với dân như đoạn trước đã nói, hiện nay quân vương đối xử với dân như đoạn sau vừa nói. Các quân vương ngày nay không ai chịu thi hành lễ vậy. (2)

Chú thích :

(1)- *Ai công* : vua nước Lỗ, tên là Tương.

(2)- Ở đoạn này có những chữ như *hiếu thực*, *dâm đức* được các nhà chú giải giảng là ham tiền tài và phóng dăng. Chữ *Ngạo* ở đây có nghĩa như chữ *Ngổ* nghĩa là làm trái ngược lại lòng người.

Nguyên văn :

公曰：“敢问何谓为政？”孔子对曰：“政

者正也。君为正，则百姓从政矣。君之所为，百姓之所从也。君所不为，百姓何从？”公曰：“敢问为政如之何？”孔子对曰：“夫妇别，父子亲，君臣严，三者正，则庶物从之矣。”公曰：“寡人虽无似也，愿离所以行三言之道，可得闻乎？”孔子对曰：“古之为政，爱人为大。所以治爱人，礼为大。所以治礼，敬为大。敬之至矣，大婚为大。大婚至矣！大婚既至，冕而亲迎，亲之也。亲之也者，亲之也。是故君子兴敬为亲，舍敬是遗亲也。弗爱不亲，弗敬不正。爱与敬，其政之本与！”

公曰：“寡人愿有言然。冕而亲迎，不已重乎？”孔子愀然作色而对曰：“合二姓之好，以继先圣之后，以为天地宗庙社稷之主，君何谓已重乎？”公曰：“寡人固。不固，焉得闻此言也？寡人欲问，不得其辞，请少进。”

孔子曰：“天地不合，万物不生。大婚，万世之嗣也，君何谓已重焉！”

孔子遂言曰：“内以治宗庙之礼，足以配天地之神明。出以治直言之礼，足以立上下之敬。物耻足以振之，国耻足以兴之。为政先礼，礼其政之本与！”

Phiên âm :

2. Công viết : "Cầm vố hà vị vi chính ?" Khổng Tử đối viết "Chính giả, chính dã. Quân vi chính, tắc bách tính tòng chính hĩ. Quân chi sở vi, bách tính chi sở tòng dã. Quân sở bất vi, bách tính hà tòng ?" Công viết : "Cầm vấn vi chính như chi hà ?" Khổng Tử đối viết : "Phụ phụ biệt, phụ tử thân, quân thần nghiêm, tam giả chính, tắc thứ vật tòng nhi hĩ" Công viết : "Quả nhân tuy vô tợ dã, nguyên văn sở dĩ hành tam ngôn chi đạo, khả đắc văn hồ ?" Khổng Tử đối viết : "Cổ chi vi chính, ái nhân vi đại. Sở dĩ trị ái nhân, lễ vi đại. Sở dĩ tri lễ, kính vi đại. Kính chi chí hĩ, đại hôn vi đại. Đại hôn chi hĩ ! Đại hôn ký chí, miện nhi thân nghinh, thân chi dã. Thân chi dã giả, thân chi dã. Thị cố quân tử hưng kính vi thân, xả kính thi dĩ thân dã. Phát ái bất thân, phát kính bất chính. Ai dữ kính, kỳ chính chi bản dư!"

Công viết : "Quả nhân nguyên hữu ngôn yên. Miện nhi thân nghinh, bất dĩ trọng hồ ?" Khổng Tử sậu nhiên tác sắc, nhi đối viết : "Hợp nhị tính chi hảo, dĩ kế tiên thánh chi hậu, dĩ vi thiên địa, tông miếu, xã tắc chi chủ, quân hà vị dĩ trọng hồ ?" Công viết : "Quả

nhân cố. Bất cố, yên đắc vấn thủ ngôn dã ? Quả nhân dục vấn, bất đắc kỳ từ, thỉnh thiếu tiến.” Khổng Tử viết :”Thiên địa bất hợp, vạn vật bất sinh. Đại hôn, vạn thế chi tự dã, quân hà vị dĩ trọng yên ?” Khổng Tử toại ngôn viết :”Nội dĩ trị tông miếu chi lễ, túc dĩ phối thiên địa chi thần minh. Xuất dĩ trị trực ngôn chi lễ, túc dĩ lập thượng hạ chi kính. Vật sử túc dĩ chấn chi, quốc sử túc dĩ hưng chi, vi chính tiên lễ, lễ kỳ chính chi bản dư !”

Dịch nghĩa :

2. Ai công hỏi :

- Dám hỏi thế nào là chính trị ?

Khổng Tử đáp :

- Chính trị, là phải tự chính đính mình. Vua mà chính đính, ắt trăm họ theo chính trị của mình. Vua mà làm chính đính thì trăm họ làm theo. Vua mà không làm chính đính thì trăm họ việc gì phải theo?

Ai công lại hỏi :

- Dám hỏi làm chính trị như thế nào ?

Khổng Tử đáp :

- Phân biệt vợ chồng, thân thiết cha con, nghiêm khắc vua tôi (1), ba điều ấy chính đính được thì mọi việc đều được.

Công nói :

- Quả nhân tuy không hoàn toàn được như vậy nhưng cũng xin nguyện được nghe về cách thi hành ba điều ấy, quả nhân có thể nghe được chăng ?

Khổng Tử đáp :

- Đời xưa làm chính trị lấy lòng yêu người làm lớn. Sở dĩ yêu người được vì coi Lễ là lớn (quan trọng). Sở dĩ sửa trị Lễ được, vì có lòng kính cẩn lớn. Lòng kính đến cực điểm thì sẽ coi Hôn lễ là quan trọng. Hôn lễ quan trọng thay ! Thi hành toàn vẹn được hôn lễ thì (dù là thiên tử hay chư hầu) cũng phải đội mũ miện thân ra đón lễ,

nghĩa của thân là thân thiết tự thân ấy vậy. Cho nên quân tử làm hưng khởi lòng kính làm tình thân, bỏ kính tức là cũng bỏ thân vậy. Không có lòng yêu thì không thân, không có lòng kính thì không chính đính. Thân và Kính là căn bản của chính trị vậy ! (2)

Công nói :

- Quả nhân xin có ý kiến. Đội mũ miện thân ra đón chẳng là quá trọng đại ư ?

Khổng Tử bồng đôi sắc mặt đáp :

- Phối hợp sự đẹp đẽ của hai họ (tức hôn lễ) để kế thừa đời sau của tiên thánh, coi đó là đạo trời đất và là chủ yếu của tông miếu, xã tắc, sao vua lại nói là quá trọng đại ?

Công nói :

- Quả nhân cố chấp quá. Nếu quả nhân không cố chấp, có thể được nghe tiếp chẳng ? Quả nhân muốn hỏi lắm nhưng không chọn lựa được câu (hỏi), xin ông cứ nói tiếp.

Khổng Tử nói tiếp :

- Trời đất mà không hòa hợp thì vạn vật không sinh sản. Hôn lễ là nối tiếp vạn đời, sao vua lại nói là quá trọng đại ?

Khổng Tử lại nói tiếp :

- Trong thì phải có lễ để trị an tông miếu để lấy đó phối hợp với với thần minh của trời đất. Khi ra ngoài phải có lễ sửa sang thần thần, để giữ sự tôn kính của trên dưới thứ tự, vạn vật không phẫn chấn được thì lấy làm sĩ nhục, quốc gia không hưng khởi được thì lấy làm sĩ nhục, làm chính trị trước tiên là phải có lễ, lễ chính là căn bản của chính trị vậy.

Chú thích :

(1)- Nguyên văn là *phu phụ (vợ chồng), phụ tử (cha con)* , *quân thần (vua tôi)* gọi chung là *tam cương (ba riêng mỗi)*.

(2)- Đoạn này sách cổ giảng nghĩa: "Vợ chồng có vị trí trong và ngoài nên phải phân biệt; cha con có ân nghĩa từ hiếu nên phải thân thiết; vua tôi

có phân cách trên dưới nên phải nghiêm”. Kinh Dịch lại viết: “Có vợ chồng, sau đó mới có cha con; có cha con, sau đó mới có vua tôi” cho nên thứ tự trước sau là như thế.

Nguyên văn :

孔子遂言曰：“昔三代明王之政，必敬其妻子也，有道。妻也者，亲之主也，敢不敬与？子也者，亲之后也，敢不敬与？君子无不敬也，敬身为大。身也者，亲之枝也，敢不敬与？不能敬其身，是伤其亲。伤其亲，是伤其本。伤其本，枝从而亡。三者，百姓之象也。身以及身，子以及子，妃以及妃，君行此三者，则忤乎天下矣，大王之道也。如此，则国家顺矣。”

Phiên âm :

3. Khổng Tử toại ngôn viết : “Tích tam đại minh vương chi chính, tất kính kỳ thê tử dã, hữu đạo. Thê dã giả, thân chi chủ dã, cảm bất kính dư? Tử dã giả, thân chi hậu dã, kính thân vi đại. Thân dã giả, thân chi chi dã, cảm bất kính dư? Bất năng kính kỳ thân, thị thương kỳ thân. Thương kỳ thân, thị thương kỳ bản. Thương kỳ bản, chi tông

nhi vong. Tam giả, bách tính chi tượng dã. Thân dĩ cập thân, tử dĩ cập tử, phi dĩ cập phi, quân hành thử tam giả, tắc khí hồ thiên hạ lữ, đại vương chi đạo dã. Như thử, tắc quốc gia thuận hĩ.

Dịch nghĩa :

3. Khổng Tử lại nói :

- Xưa kia đời tam đại (Hạ, Thương, Chu) thi hành chính sự ắt kính yêu vợ con (của mình). Đạo là như thế. Vợ mình làm chủ bên trong, dám không kính yêu ư ? Con mình, là hậu nhân nối dõi dòng tộc mình, dám không kính yêu ư ? Kính yêu, nhưng kính bản thân mình là lớn nhất. Thân thể là cành nhánh. Bậc quân vương không gì là không kính yêu, nhưng kính yêu bản thân mình là điều lớn nhất. Thân thể giống như cành nhánh của một gốc cây, dám không kính yêu ư ? Không thể kính yêu bản thân mình thì đã là tổn thương đến dòng họ cha mẹ mình vậy. Tổn thương dòng họ cha mẹ mình là làm thương tổn đến gốc rễ. Thương tổn gốc rễ thì cành nhánh sẽ theo đó mà chết. Ba điều kể trên (kính yêu vợ, kính yêu con, kính yêu bản thân) làm tượng trưng cho trăm họ. Thân phải ra thân, con phải ra con, vợ phải ra vợ, bậc quân vương giữ gìn ba điều đó ắt đạt được thiên hạ vậy. Đạo của bậc minh vương được như thế thì tất quốc gia an thuận vậy.

Nguyên văn :

公曰：“敢问何谓敬身？”孔子对曰：“君子过言则民作辞，过动则民作则。君子言不

过辞，动不过则，百姓不命而敬恭。如是则能敬其身；能敬其身，则能成其亲矣。”

Phiên âm :

4. Công viết : "Cảm vấn hà vị kính thân ?" Khổng Tử đối viết :
"Quân tử quá ngôn tắc dân tác tử, quá động tắc dân tác tắc. Quân tử ngôn bất quá từ, động bất quá tắc, bách tính bất mệnh nhi kính cung, như thị tắc năng kính kỳ thân. Năng kính kỳ thân, tắc năng thành kỳ thân hĩ."

Dịch nghĩa :

4. (Ai) công hỏi :

- Dám hỏi thế nào gọi là kính yêu thân mình ?

Khổng Tử đáp :

- Bậc quân vương có nói gì quá lời thì dân cứ coi đó như điển hình của ngôn từ (1), bậc quân vương có hành động gì quá đáng thì dân vẫn cứ coi đó là chuẩn tắc. Vì vậy quân vương không nên nói quá lời, không nên có hành động quá chuẩn tắc thì không cần ra mệnh lệnh trăm họ cũng cung kính tuân theo, như vậy đó là đã biết kính yêu thân mình. Biết kính yêu thân mình là đã hoàn thành được (bốn phận của mình) với mẹ cha dòng tộc rồi vậy.

Chú thích :

(1)- *Từ* có nghĩa là lời nói được ghi chép lại thành văn (tức là để đời sau noi theo).

CHƯƠNG THỨ HAI MUỐI TÁM

TRỌNG NI YẾN CƯ

Chương này cũng như chương sau (Khổng Tử nhân cư) cũng cùng ý như nhau (*Khổng Tử* và *Trọng Ni* là một người; *yến cư* và *nhân cư* cùng một nghĩa là lúc nhân nhả rảnh rồi) đều ghi chép những lời đối đáp về Lễ giữa Khổng Tử và các học trò. Vì ý có trùng lặp nên chúng tôi chỉ dịch đoạn nào xét ra cần thiết.

Nguyên văn :

仲尼燕居

仲尼燕居，子张、子贡、言游侍，纵言至于礼。子曰：“居，女三人者！吾语女礼，使女以礼周流，无不遍也。”

子贡越席而对曰：“敢问何如？”子曰：“敬而不中礼谓之野，恭而不中礼谓之给，勇而不中礼谓之逆。”子曰：“给夺慈仁。”

子曰：“师，尔过，而商也不及。子产犹众人之母也，能食之，不能教也。”子贡越席而对曰：“敢问将何以为此中者也？”子曰：“礼乎礼！夫礼所以制中也。”

Phiên âm :

1. Trọng Ni yển cư, Tử Trương, Tử Cống, Ngôn Du thị, tưng ngôn chi ư Lễ. Tử viết : "Cư, nhữ (1) tam nhân giả ! ngô nhữ nhữ lễ, sử nhữ lễ chu lưu vô bất biến dã." Tử Cống viết tịch nhi đối viết : "Cảm vấn hà như ?" Tử viết : "Kính nhi bất trúng lễ vị chi dã, cung nhi bất trúng lễ vị chi cấp, dũng nhi bất trúng lễ vị chi nghịch." Tử viết : "Cấp đoạt từ nhân."

Tử viết : "Sư ! Nhĩ quá, nhi Thương dã bất cập Tử Sản do chúng nhân chi mẫu dã, năng thực chi, bất năng giáo dã." Tử Cống viết tịch nhi đối viết : "Cảm vấn tương hà dĩ vị thử trung giả dã ?" Tử viết : "Lễ hồ lễ. Phù lễ sở dĩ chế trung dã."

Dịch nghĩa :

1. Trọng Ni rảnh rồi, ba học trò là Tử Trương, Tử Cống, Ngôn Du đứng hầu, họ bàn về mọi chuyện rồi nói đến Lễ. Khổng Tử nói :

- Ngồi xuống đây, ba chúng con! Ta sẽ nói cho các con biết về Lễ để các con đem Lễ ra phổ biến ra khắp.

Tử Cống rời chiếu thưa :

- Xin hỏi là thế nào ?

Thầy đáp :

- Kính mà không trúng lễ gọi là quê mùa, cung cần mà không trúng lễ là nịnh nọt (2), dũng mãnh mà không trúng lễ là thô bạo.

Thầy lại nói thêm :

- Nịnh nọt thì mất lòng từ ái nhân đạo.

Thầy bảo :

- Sư này! (3) Con làm có phần quá đáng, còn Thương (4) lại không đủ giống như Tử Sản là mẹ của dân chúng (nước Trịnh) vậy, chỉ cho ăn no mà không dạy dỗ.

Tử Cống vội rời chiếu hỏi :

- Xin hỏi phải làm sao mới là vừa mức ?

Thầy bảo :

- Phải nắm vững Lễ. Chỉ có Lễ mới làm vừa mức được thôi!

Chú thích :

(1)- *Nữ* : ở đây và ở dưới đều phải đọc là *Nhữ* (ngôi thứ hai, anh, con, mày...)

(2)- *Cáp*: được giải thích là có dáng vẻ nịnh bợ.

(3)- *Sư* : tên Tử Cống.

(4)- *Thương*: tên Tử Hạ.

Nguyên văn :

子贡退，言游进曰：“敢问礼也者，领恶而全好者与？”子曰：“然。”“然则何如？”子曰：“郊社之义，所以仁鬼神也。尝禘之礼，所以仁昭穆也。馈奠之礼，所以仁死丧也。射乡之礼，所以仁乡党也。食飧之礼，所以仁宾客也。”子曰：“明乎郊社之义、尝禘之礼，治国其如指诸掌而已乎！是故以之居处有礼，故长幼辩也；以之闺门之内有礼，故三族和

也；以之朝廷有礼，故官爵序也；以之田猎有礼，故戎事闲也；以之军旅有礼，故武功成也。

Phiên âm :

2. Tử Cống thối, Ngôn Du tiến viết : "Cảm vấn lễ dã giả, lãnh ố nhi toàn hảo giả dư ?" Tử viết : "Nhiên" "nhiên tác hà như ?" Tử viết : "Giao xã chi nghĩa, sở dĩ nhân quý thân dã. Thường đề chi lễ, sở dĩ nhân chiêu mục dã. Quý điện chi lễ, sở dĩ nhân tử tang dã. Xạ hương chi lễ, sở dĩ nhân hương đẳng dã. Thực hưởng chi lễ, sở dĩ nhân tân khách dã."

Tử viết : "Minh hồ giao xã chi nghĩa, thường đề chi lễ, trị quốc kỳ như chỉ chư chương nhi dĩ hồ ! Thự cố dĩ chi lễ cư xử hữu lễ, cố trường ấu biện dã; dĩ chi khuê môn chi nội hữu lễ, cố tam tộc hòa dã; dĩ tri triều đình hữu lễ, cố quan tước tự dã; dĩ chi điện lập hữu lễ, cố nhưng sự nhàn dã; dĩ chi quân lữ hữu lễ, cố võ công thành dã."

Dịch nghĩa :

2. Tử Cống lui ra, Ngôn Du tiến lên hỏi :

- Xin hỏi về người làm lễ, có thể là người hoàn toàn tốt hay hoàn toàn xấu được chăng ?

Thầy đáp :

- Được.

- Được như thế nào ?

Thầy đáp :

- Nghĩa của tế giao tế xã là để chứng tỏ lòng nhân đối với quý

thần, lễ thường lễ đề (lễ vào hai mùa xuân hạ) là để chứng tỏ lòng nhân với quần thần đứng bên phải bên trái; lễ thờ bài vị là để chứng tỏ lòng nhân trong việc tang, lễ Xạ hương (1) là để chứng tỏ lòng nhân với quê làng. Lễ thực hưởng ăn uống là để chứng tỏ lòng nhân đối với khách khứa vậy.

Thầy lại nói :

- Làm sáng nghĩa tế giao tế xã, làm sáng lễ tế thường tế đề (thì) trị nước dễ dàng thôi vậy! Vì vậy cư xử có lễ nên phân biệt lớn nhỏ, trong khuê môn có lễ nên ba họ ôn hòa; triều đình có lễ nên quan tước trật tự; săn bắn cấy cấy có lễ, nên chiến sự an nhân, quân đội có lễ nên vô công thành.

Chú thích :

(1)- Đoạn này sách cũ giảng nghĩa: làm sáng nghĩa tế giao tế xã thì thờ trời cũng như thờ cha mẹ, làm sáng nghĩa lễ tế thường tế đề thì thờ cha mẹ cũng như thờ tời. Người có lòng nhân con có lòng hiếu mà sáng được các lễ ấy là có lòng bao dung hết dân và vạn vật, như vậy chẳng khó gì cai trị được quốc gia thiên hạ.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI CHÍN

KHỔNG TỬ NHÀN CƯ

Chương này ngoài những đoạn luận thuật về Lễ, lại còn bàn về cả *Kinh Thi* trong ấy có nhiều câu dẫn chứng từ Kinh Thi khác hẳn bản Kinh Thi còn lại đến ngày nay. Riêng về những đoạn bàn về Lễ ở đây nhuộm nhiều màu sắc thần bí huyền diệu nhưng có phần nhỏ vẫn thể hiện được tinh thần thực tiễn nhân ái của nhà Nho.

Nguyên văn :

孔子闲居

孔子闲居，子夏侍。子夏曰：“敢问《诗》云‘凯悌君子，民之父母’，何如斯可谓‘民之父母’矣？”孔子曰：“夫‘民之父母’乎，必达于礼乐之原，以致‘五至’而行‘三无’，以横于天下，四方有败，必先知之。此之谓‘民之父母’矣。”

子夏曰：“‘民之父母’既得而闻之矣，敢问何谓‘五至’？”孔子曰：“志之所至，

《诗》亦至焉。《诗》之所至，礼亦至焉。礼之所至，乐亦至焉。乐之所至，哀亦至焉。哀乐相生，是故正明目而视之，不可得而见也；倾耳而听之，不可得而闻也；志气塞乎天地。此之谓 ‘五至’。”

Phiên âm :

1. Khổng Tử nhân cư, Tử Hạ thị. Tử Hạ viết : "Cảm vấn 'Thi' vân 'Khải để quân tử, dân chi phụ mẫu', hà như ư khả vị dân chi phụ mẫu hĩ ?" Khổng Tử viết : "Phù dân chi phụ mẫu hồ ! Tất đạt ư lễ Nhạc chi nguyên, dĩ chí ngũ chí, nhi hành tam vô, dĩ hoàn ư thiên hạ. Tứ phương hữu bại, tất tiên tri chi. Thử chi vị dân chi phụ mẫu, hĩ."

Tử Hạ viết : "Dân chi phụ mẫu kỳ đắc nhi văn cì hĩ, cảm vấn hà vị ngũ chí ?" Khổng Tử viết : "Chí chi sở chí, 'Thi' diệc chí yên; 'Thi' chi sở chí, lễ diệc chí yên; Lễ chi sở chí, lạc diệc chí yên; Lạc chi sở chí, ai diệc chí yên. Ai lạc tương sinh. Thị cố chính mình mục nhi thị chi, bất khả đắc nhi kiến dã; khuynh nhi nhi thích chi, bất khả đắc nhi văn dã. Chí khí tắc hồ thiên địa. Thử chi vị ngũ chí."

Dịch nghĩa :

1. Khổng Tử nhân rồi, Tử Hạ đứng hầu. Tử Hạ hỏi :

- Xin hỏi, trong Kinh Thi (1) có viết : "Khải để quân tử dân chi phụ mẫu", thế nào mới gọi là cha mẹ của dân?

Khổng Tử đáp :

- Cha mẹ dân ấy ư! Chắc phải đạt tới nguồn gốc Lễ Nhạc và đạt tới năm điều cực thịnh để thực hành ba điều không khắp trong thiên hạ. Chắc phải biết trước những tai họa ở bốn phương. Như vậy mới gọi được là cha mẹ của dân.

Tử Hạ hỏi :

- Con đã được nghe về bậc làm cha mẹ của dân rồi, dám xin hỏi thế nào là năm điều cực thịnh?

Khổng Tử đáp :

- Chí lên chỗ cực thịnh thì lời cũng đến chỗ ấy (2); Lời lên đến chỗ cực thịnh thì Lễ cũng sẽ đến; Lễ lên đến chỗ cực thịnh thì niềm vui cũng sẽ đến; Vui đến chỗ cực thịnh thì buồn cũng sẽ đến. Vui buồn cùng sinh ra (với nhau). Cho nên mở mắt ra nhìn mà không thấy; nghiêng tai nghe mà không thấy, chí khí đã bít ở giữa trời đất. Cái ấy gọi là năm điều cực thịnh đấy (1).

Chú thích :

(1)- Chương này rất tối nghĩa, mỗi sách giải nghĩa một khác rất phân tán. Chúng tôi xin lược dịch theo chú giải của Trần Hạo đời Nguyên: “Chí” là cực thịnh không thể thêm vào được nữa, còn “Vô” là nói những gì rất nhỏ bé. Khi ở trong tâm gọi là “Chí”, mà khi nói ra lời gọi là “Thi”, Chí thịnh thì Lời cũng thịnh. “Thi” có lời phúng thích phê bình nên có thể làm hưng khởi những điều thiện ác, hưng ở Thi ắt lập ở Lễ. Lễ quý ở thứ tự, Nhạc quý ở hài hòa, có thứ tự ắt có hài hòa, không có trật tự thì không có hài hòa. Nhạc tức là vui với sự sống của dân, buồn vì nỗi chết của dân nên nói: “Vui đến cực thịnh; buồn cũng sẽ đến”, nếu bậc quân vương như thế thì dân sẽ vui vì sự sống của vua, buồn vì nỗi chết của vua nên gọi là buồn vui cùng sinh ra. Vui với niềm vui của dân thì dân cũng vui với niềm vui ấy; buồn với nỗi buồn của dân thì dân cũng buồn với nỗi buồn ấy. Đó là chỗ đoạn sau đây gọi là “Nhạc không có tiếng” và “Tang lễ không tang phục” vậy.

Như đã nói, chương này rất khó hiểu, các nhà chú giải Trung quốc gọi là

“huyền chi cứu huyền” (đã huyền diệu lại huyền diệu-dẫn câu Đạo Đức Kinh) nên chúng tôi chỉ dám nhận là đoán ý và tạm dịch.

Nguyên văn :

子夏曰：“‘五至’既得而闻之矣，敢问何谓‘三无’？”孔子曰：“无声之乐，无体之礼，无服之丧，此之谓‘三无’。”

子夏曰：“‘三无’既得略而闻之矣，敢问何诗近之？”孔子曰：“夙夜其命宥密”，无声之乐也；‘威仪逮逮，不可选也’，无体之礼也；‘凡民有丧，匍匐救之’，无服之丧也。”

Phiên âm :

2. Tử Hạ viết : “Ngũ kỳ chí đắc chi văn chi hĩ, cảm vấn hà vị tam vô ?” Khổng Tử viết : “Vô thanh chi Nhạc, vô thể chi Lễ, vô phục chi Tang, thử chi vị tam vô.” Tử Hạ viết : “Tam vô kỳ đắc lược nhi văn chi hĩ, cảm vấn hà thi cận chi ?” Khổng Tử viết : “Túc dạ kỳ mệnh hựu mật”, vô thanh chi Nhạc; ‘uy nghi dãi dãi, bất khả tuyển dã’, vô thể chi Lễ; ‘phàm dân hữu tang, bỗ bặc cứu chi’, vô phục chi Tang dã.”

Dịch nghĩa :

2. Tử Hạ hỏi :

- Con đã được nghe về năm điều cực thịnh, xin hỏi thế nào là ba không ?

Khổng Tử đáp :

- Nhạc không tiếng; Lễ không thể; Tang không tang phục, đấy gọi là ba không.

Tử Hạ lại hỏi :

- Con đã nghe được sơ lược về ba không ấy, xin hỏi thấy cho câu thí dụ nào gần nghĩa hơn được chăng?

Khổng Tử đáp :

- Văn vương, Võ vương suốt đêm lo lắng về thiên mệnh khoan hậu tĩnh lặng để trấn an nhân dân, đó là tiếng Nhạc không tiếng; uy nghi như lượng độ vẫn thường có, không cần chọn lựa, đó là Lễ không thể; khi dân có tai họa chết người, vội vàng đến cứu, không nệ vào tang phục, đó là Tang không tang phục (1).

Chú thích :

(1)- Chương này cũng rất khó hiểu khó dịch, xin giãi thêm ý của Trần Hạo: Văn vương Võ vương suốt đêm ưu tư lo lắng mở nền thiên mệnh chỉ mong thực hành an tĩnh để thiên hạ an dân, đức Khổng Tử lấy đó thí dụ về Nhạc không tiếng; hai chữ *đãi đãi* nghĩa là vẻ rực rỡ, người đã có đức uy nghi thịnh rỡ thì ự nhiên giữ độ lượng thường hằng, không cần gì chọn lựa, đó là thí dụ về Lễ không có thể; lấy tay chống đi gọi là *bổ*, nằm sát đất gọi là *bặc*, phạm người ta bị tai nạn chết chóc, ắt ta phải mau mau cấp cứu không cần kể gì đến thân thuộc hay tang phục, chỉ lo đến việc cứu người nên lấy làm thí dụ Tang không có tang phục vậy.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI

PHÒNG KÝ

Chữ **Phòng** ở chương này có nghĩa là đề phòng, chương này luận thuật về lễ chế của quốc gia có thể dùng để đề phòng hỗn loạn do dân chúng gây ra nên có tên là **Phòng Ký** (ghi chép về việc đề phòng). Chương này đầu tiên khái quát về tác dụng của Lễ còn có thể phòng phạm các hành vi của nhân dân, sau đó luận thuật cụ thể về cái lợi của những điều Lễ như kính hiếu tôn trưởng, phòng đâm loạn v.v...

坊记

子言之：“君子之道，辟则坊与！坊民之所不足者也。大为之坊，民犹逾之，故君子礼以坊德，刑以坊淫，命以坊欲。”

子云：“小人贫斯约，富斯骄；约斯盗，骄斯乱。礼者，因人之情而为之节文，以为民坊者也。故圣人之制富贵也，使民富不足以骄，贫不至于约，贵不慊于上，故乱益亡。”

子云：““贫而好乐，富而好礼，众而以宁者，天下其几矣。《诗》云：‘民之贪乱，宁为荼毒。’故制国不过千乘，都城不过百雉，家富不过百乘。以此坊民，诸侯犹有畔者。”

Phiên âm :

1. Tử ngôn chi: "Quân tử chi đạo, tịch tắc phòng dư? Phòng dân chi sở bất túc giả dã. Đại vi chi phòng, dân do du chi, cố quân tử lễ dĩ phòng đức, hình dĩ phòng dân, mệnh dĩ phòng dục"

Tử vân: "Tiểu nhân bản tư ước, phú tư kiêu. Ước tư đạo, kiêu tư loạn. Lễ giả, nhân nhân chi tình nhi vi chi chế phú quý dã, sử dân phú bất túc dĩ kiêu, bản bất chi ư ước, quý bất hiểm ư thượng, cố loạn ích vong".

Tử vân: "Bản nhi hiếu lạc, phú nhi hiếu loạn, chúng nhi dĩ ninh giả, thiên hạ kỷ hĩ. "Thi" vân: "Dân chi tham loạn, ninh vi đồ độc". Cố chế quốc bất quá thiên thừa, đô thành bất quá bách trī (1), gia phú bất quá bách thừa. Dĩ thử phòng dân, chư hầu do hữu hấn giả."

Dịch nghĩa :

1. Khổng Tử nói:

- Đạo của người quân tử, chẳng lẽ không biết phòng ngừa từ trước ư? Để phòng dân có chỗ không đầy đủ. Việc để phòng lớn là làm sao cho dân không vượt qua giới hạn của mình, cho nên bậc quân tử phòng ngừa (bằng cách) lấy lễ nuôi dưỡng đức, lấy hình

luật để phòng sự dâm loạn, dùng mệnh lệnh phòng ngừa sự ham muốn.

Khổng Tử nói:

- Kẻ tiểu nhân khi nghèo thì quá thúc ước thất buộc, khi giàu thì lại kiêu ngạo. Thúc ước thất buộc quá thì (dễ) sinh ra trộm cắp, kiêu ngạo quá thì (dễ) xảy ra làm loạn. Lẽ là vì cái tình của người mà áp dụng tiết chế phòng ngừa cho dân. Vì vậy, thánh nhân tiết chế sự quá giàu quý, khiến cho dân giàu nhưng không đủ kiêu ngạo, nghèo nhưng không đến nỗi quá tiết kiệm thất buộc, quý nhưng không phạm tới bậc trên, nhờ vậy loạn lạc tự hết.

Khổng Tử nói:

- Nghèo thì thích vui, giàu thì thích lễ, gia tộc đông đảo thì không dám gây họa loạn, đó là điều thường có trong thiên hạ. “Thi” viết: “Dân mà thích loạn, đâu phải chỉ vì nghèo khổ”. Cho nên phải ước chế một nước không được giàu quá ngàn cỗ xe, đô thành không được cao rộng quá trăm “trĩ” (1), một nhà không được giàu quá trăm cỗ xe. Lấy đó mà phòng ngừa dân chúng và chư hầu thì họ không gây loạn được.

Chú thích :

(1)- Trĩ: đơn vị đo lường, cao một trượng, dài ba trượng.

Nguyên văn :

子云：“天无二日，土无二王，家无二主，尊无二上，示民有君臣之别也。《春秋》不称楚越之王丧。礼，君不称天，大夫不称君，恐

民之惑也。《诗》云：‘相彼盍旦，尚犹患之。’”

子云：“君不与同姓同车，与异姓同车不同服，示民不嫌也。以此坊民，民犹得同姓以弑其君。”

子云：“君子辞贵不辞贱，辞富不辞贫，则乱益亡。故君子与其使食浮于人也，宁使人浮于食。”

Phiên âm :

2. Tử vân: "Thiên vô nhị nhật, thổ vô nhị vương, gia vô nhị chủ, tôn vô nhị thượng, thị dân hữu quân thần chi biệt dã. "Xuân thu" bất xưng Sở, Việt chi vương tang (l) lễ, quân bất xưng thiên, đại phu bất xưng quân, khùng dân chi hoặc dã. "Thi" vân: "Tương bỉ cái đán, thượng do hoạn chi". Tử vân: "Quân bất dữ đồng tính đồng xa, dữ dị tính đồng xa bất đồng phục, thị dân bất hiềm dã. Dĩ thủ phòng dân, dân do đắc đồng tính dĩ thí kỳ quân."

Tử vân: "Quân tử từ quý bất từ tiện, từ phú bất từ bần, tắc loạn dĩ vong. Cố quân tử dữ kỳ sử thực phù ư nhân dã, ninh sử nhân phù ư thực."

Dịch nghĩa :

2. Khổng Tử nói :

- Trời không thể có hai mặt trời, đất không thể có hai vua,

nhà không thể có hai chủ, ngôi tôn quý không thể có hai, đó là ý nghĩa để phân biệt vua tôi. Kinh “Xuân thu” không gọi là “tang” khi hai vua nước Sở nước Việt chết (1). Vua không nhận mình là trời mà tránh nhận mình là “thiên tử” (con trời), đại phu không gọi là “quân” (vua) mà chỉ gọi là “chúa”. Kinh “Thi” bảo: “Đem cái nọ che lấp ánh sáng thì họa hoạn sẽ đến” Thây bảo: “Vua không ngồi cùng xe với những người cùng họ (vì sợ xảy ra tai họa) nhưng không hiểm ngồi cùng xe với người khác họ. Đó là để phòng ngừa (những người) cùng họ ám sát vua.”

Khổng Tử nói:

- Bậc quân tử từ chối quý hiển mà không từ chối bản tiện, từ chối kẻ giàu mà không từ chối người nghèo, thì không gây ra loạn được. Cho nên quân tử sợ mình tài đức mỏng mà được lộc trên cả dân chúng, thà chịu coi dân cao hơn lộc tước.

Chú thích :

(1)- Vua nước Sở nước Việt chỉ là chư hầu nên khi chết chỉ được dùng chữ *Tối* chứ không được dùng chữ *Táng*.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI MỐT

TRUNG DUNG

Trung là không thiên không lệch, *Dung* là bình thường không thay đổi, tức có ý nghĩa là vĩnh hằng. Theo Chu Hy (đời Tống), chương này là tâm pháp được các đệ tử của Khổng truyền thụ từ đời này qua đời kia và là trung tâm tư tưởng của Nho gia do cháu của Khổng tử là Tử Tư lo sợ bị thất truyền nên ghi chép lại. Chương này có ý nghĩa quan trọng bậc nhất trong toàn bộ hệ thống tư tưởng của Nho gia nên chúng tôi dịch toàn văn (có bổ sung tham khảo bản dẫn giải của Chu Hy). Phân đoạn là do chúng tôi chia để rõ nghĩa.

Nguyên văn :

中庸

天命之谓性，率性之谓道，修道之谓教。
道也者，不可须臾离也，可离非道也。是故
君子戒慎乎其所不睹，恐惧乎其所不闻。莫

见乎隐，莫显乎微，故君子慎其独也。喜怒
 哀乐之未发，谓之中；发而皆中节，谓之和。
 中也者，天下之大本也；和也者，天下之达
 道也。致中和。天地位焉，万物育焉。

Phiên âm :

*1. Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu thân chi vị giáo.
 Đạo dã giả, bất khả tu du ly dã, khả ly phi đạo dã. Thị cố quân tử
 giới thận hồ kỳ sở bất đồ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. Mạc kiến hồ
 ẩn, mạc hiển hồ vi, cố quân tử thận kỳ độc dã. Hĩ nộ ai lạc chi vị
 phát, vị chi Trung; phát nhi giai trúng tiết, vị chi Hòa. Trung dã giả,
 thiên hạ chi đại bản dã; Hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã, chi
 trung Hòa. Thiên địa vị yên, vạn vật dục yên.*

Dịch nghĩa :

1. Mệnh trời gọi là Tính, làm theo Tính ấy gọi là Đạo, tự tu sửa
 mình gọi là Giáo (dạy dỗ). Đạo ấy, không thể rời xa một khoảnh
 khắc nào, khi đã có thể rời xa được thì không phải là Đạo (thật) nữa
 rồi. Cho nên bậc quân tử phải tự răn giới mình, và cẩn thận cả đến
 những điều mình không trông thấy và lo sợ cả đến những điều mình
 không nghe không biết. Những sự vật càng kín đáo lại càng dễ rõ
 ràng, càng nhỏ bé lại càng (dễ) sáng suốt, cho nên quân tử cần phải

cần thận giữ gìn khi có một mình. Những tình cảm vui mừng, giận dữ, buồn thương, vui vẻ chưa phát ra ngoài gọi là Trung, lúc phát ra mà đúng tiết độ chừng mực gọi là Hòa. Trung là gốc lớn của thiên hạ; Hòa là con đường đạt đạo của thiên hạ. Đạt được tới Trung Hòa thì trời đất yên vị, vạn vật sinh sôi nảy nở.

Nguyên văn :

仲尼曰：“君子中庸，小人反中庸。君子之中庸也，君子而时中；小人之中庸也，小人而无忌惮也。”

子曰：“中庸其至矣乎！民鲜能久矣！”

子曰：“道之不行也，我知之矣：知者过之，愚者不及也。道之不明也，我知之矣：贤者过之，不肖者不及也。人莫不饮食也，鲜能知味也。”

子曰：“道其不行矣夫！”

子曰：“舜其大知也与！舜好问而好察迩言，隐恶而扬善，执其两端，用其中于民，其斯以为舜乎！”

子曰：“人皆曰‘予知’，驱而纳诸罟獲陷阱之中，而莫之知辟也。人皆曰‘予知’，择乎中庸，而不能期月守也。”

子曰：“回之为人也，择乎中庸，得一善则拳拳服膺而弗失之矣。”

子曰：“天下国家可均也，爵禄可辞也，白刃可蹈也，中庸不可能也。”

Phiên âm :

2. Trọng Ni viết: "Quân tử Trung Dung, tiểu nhân phản Trung Dung. Quân tử chi Trung Dung dã, quân tử nhi thời trung; tiểu nhân chi Trung Dung dã, tiểu nhân nhi vô kỳ đạo dã." Tử viết: "Trung Dung kỳ chí hĩ hồ ! Dân tiến năng cửu hĩ !" Tử viết: "Đạo chi bất hành dã, ngã tri chi hĩ: Tri giả quá chi, ngu giả bất cập dã. Đạo chi bất minh dã, ngã tri chi hĩ: hiền giả quá chi, bất tiêu giả bất cập dã. Nhân mạc bất ảm thực dã, tiến năng tri vị dã." Tử viết: "Đạo kỳ bất hành hĩ phủ !" Tử viết: "Thuần kỳ đại tri dã dư ! Thuần hiếu vấn nhi hiếu sát nhĩ ngôn, ần ác chi dương thiện, chấp kỳ lưỡng đoan, dụng kỳ trung ư dân, kỳ tư dĩ vi Thuần hồ !" Tử viết: "Nhân giai viết 'Dư tri', khu nhi nạp chư cổ hoạch hàm tỉnh chi trung, nhi mạc chi tri tịch dã. Nhân giai viết: 'Dư tri', trạch hồ Trung Dung, nhi bất năng kỳ nguyệt thử dã." Tử viết: "Hồi chi vi nhân dã, trạch hồ Trung Dung, đắc nhất thiện tắc quyền quyền phục ưng nhi phát thất chi hĩ." Tử viết: "Thiên hạ quốc gia khả quân dã, tước lộc khả từ dã, bạch nhận khả đạo dã, Trung Dung bất khả năng dã."

Dịch nghĩa:**2. Trọng Ni nói:**

- Quân tử giữ đạo Trung Dung, tiểu nhân phản lại đạo Trung Dung. Sở dĩ quân tử giữ được đạo Trung Dung (vì) quân tử theo thời mà Trung; còn tiểu nhân giữ đạo Trung Dung lại không biết sợ kỵ là gì.”

Khổng Tử nói:

- Trung Dung là đạo lớn thay, nhưng đã lâu ít người giữ được đạo ấy.

Khổng Tử nói:

- Đạo (Trung Dung) không thực hành được, ta biết lý do: người trí thì thái quá còn kẻ ngu lại bất cập. Đạo không sáng tỏ được, ta biết lý do: người hiền thì thái quá còn kẻ vô dụng lại bất cập. Người ta không ai không ăn uống nhưng rất ít người biết (thường thức) mùi vị.”

Khổng Tử nói:

- Đạo (Trung Dung) không còn thực hành được nữa chẳng !”

Khổng Tử nói:

- Vua Thuấn là bậc đại trí vậy thay! Thuấn thích học hỏi, lại thích xét đến cả những lời nói tầm thường, Thuấn biết dấu những điều ác và tuyên dương những điều thiện (của kẻ khác). Thuấn biết nắm hai đầu mối so sánh rồi thì hành đúng đạo Trung với dân. Đó thực là (trí tuệ) của Thuấn vậy!

Khổng Tử nói:

- Người ta đều bảo:”Ta khôn”, thế mà khi bị đẩy vào lưới bẫy hầm hố chẳng ai biết tránh cả. Người ta đều bảo:”Ta khôn”, thế mà chọn đạo Trung Dung lại không giữ được đến một tháng.

Khổng Tử nói:

- Hối (tức Nhan Uyên hay Nhan Hối, đệ tử của Khổng tử) n

là người nắm được (đạo) Trung Dung, mỗi lần (học được) một điều thiện, Hồi nhất định giữ khư khư trong lòng quyết không bỏ mất.

Khổng Tử nói:

- Thiên hạ quốc gia có thể trị yên được, tước lộc có thể từ chối được, đao nhọn có thể đâm lên được, nhưng thể mà không (thi hành) đạo Trung Dung được.

Nguyên văn :

子路问强。子曰：“南方之强与？北方之强与？抑而强与？宽柔以教，不报无道，南方之强也，君子居之。衽金革，死而不厌，北方之强也，而强者居之。故君子和而不流，强哉矫！中立而不倚，强哉矫！国有道，不变塞焉，强哉矫！国无道，至死不变，强哉矫！”

Phiên âm:

3. Tử Lộ vấn cường. Tử viết: "Nam phương chi cường dư? Ưc nhi cường dư? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo, nam phương chi cường dã, quân tử cư chi. Nhâm kim cách, tử nhi bất yếm, bắc phương chi cường dã, nhi cường dã cư chi. Cố quân tử hòa nhi bất lưu, cường tai kiếu! Trung lập nhi bất ỷ, cường tai kiếu! Quốc hữu đạo, bất biến tắc yên, cường tai kiếu! Quốc vô đạo, chí tử bất biến, cường tai kiếu!.

Dịch nghĩa:

3. Tử Lộ (học trò Khổng Tử) hỏi về việc cường mạnh. Khổng Tử nói:

- Con muốn hỏi về cái mạnh của phương nam ư? Hay hỏi về cái mạnh của phương bắc ư? Hoặc hỏi về cái mạnh của chính con? Dùng khoan nhu mà dạy dỗ người, không báo thù (những kẻ) vô đạo, đó là cái mạnh của phương nam, bậc quân tử nên theo cái mạnh ấy. Xông pha gươm đao, chết mà không chán sợ, đó là cái mạnh của phương bắc, kẻ mạnh mê thích cái mạnh ấy. Cho nên quân tử giữ ôn hòa không bị lời cuốn (vào điều xấu). Mạnh như vậy mới là mạnh chứ! (Quân tử) giữ đạo Trung không dựa (vào ai), mạnh như vậy mới là mạnh chứ! Gặp nước có đạo, không thay đổi chí hướng, như thế mới là mạnh chứ! Gặp nước vô đạo, dù có chết cũng không đổi chí hướng, như thế mới là mạnh chứ!

Nguyên văn:

子曰：“素隱行怪，后世有述焉，吾弗为之矣。君子遵道而行，半途而废，吾弗能已矣。君子依乎中庸，遁世不见知而不悔，唯圣者能之。君子之道费而隐。夫妇之愚，可以与知焉；及其至也，虽圣人亦有所不知焉。夫妇之不肖，可以能行焉；及其至也，虽圣

人亦有所不能焉。天地之大也，人犹有所憾。故君子语大，天下莫能载焉；语小，天下莫能破焉。《诗》云：‘鸢飞戾天，鱼跃于渊。’言其上下察也。君子之道，造端乎夫妇；及其至也，察乎天地。”

Phiên âm:

4. Tử viết: "Tổ ẩn hành quái, hậu thế hữu thuật yên, ngô phát vi chi hĩ. Quân tử tôn đạo nhi hành, bán đồ nhi phế, ngô phát năng dĩ hĩ. Quân tử y hồ Trung Dung, độn thế bất kiến tri nhi bất hối, duy thành giả năng chi. Quân tử chi đạo phi nhi ẩn. Phu phụ chi ngu, khả dĩ dữ tri yên; cập kỳ chí dã, tuy thánh nhân diệc hữu sở bất tri yên; phu phụ chi bất triêu, khả dĩ năng hành yên; cập kỳ chí dã, tuy thánh nhân diệc hữu sở bất năng yên. Thiên địa chi đại dã, nhân do hữu sở hám. Cố quân tử ngữ đại, thiên hạ mạc năng tải yên; ngữ tiểu, thiên hạ mạc năng phá yên. "Thi" vân: 'Diên phi lệ thiên, ngư được vũ uyên'. Ngôn kỳ thượng hạ sát dã. Quân tử chi đạo, tạo doan hồ phu phụ; cập kỳ chí dã, sát hồ thiên địa."

Dịch nghĩa:

4. Khổng Tử nói:

- Tìm tòi những điều bí ẩn và làm những việc quái dị để đời sau bắt chước theo mình là điều ta không làm. Bậc quân tử thực

hành theo đạo, còn như nửa đường rồi bỏ, ta không thể như thế. Bậc quân tử dựa vào (đạo) Trung Dung, dù đời không biết tới mình cũng chẳng có gì đáng ân hận, chỉ có bậc thánh nhân mới được như thế. Đạo của bậc quân tử là rộng rãi mà kín đáo, đến nỗi hạng đàn ông đàn bà ngu si vẫn có thể hiểu được; nhưng xét đến chỗ cao tốt cùng thì đến thánh nhân vẫn có điểm chưa biết (hết). Đàn ông đàn bà tầm thường cũng có thể làm (theo đạo ấy) được, nhưng đến chỗ tốt cùng, đến thánh nhân cũng có điểm không làm được. Trời đất lớn rộng vậy thay mà người ta còn có điểm oán trách. Vì vậy đạo quân tử nếu nói lớn rộng ra thì thiên hạ không có gì chuyên chở nổi, nếu nói nhỏ lại thì thiên hạ không có gì khám phá hết được. Kinh “Thi” viết: “Chim diều bay tận trời cao, cá nháy tận vực thẳm” là lời nói quán triệt trên dưới vậy.

Đạo của bậc quân tử là dựng đầu mối từ chỗ vợ chồng; đến như chỗ cực lớn thì bao trùm hết cả trời đất.

Nguyên văn:

子曰：“道不远人。人之为道而远人，不可以为道。《诗》云：‘伐柯伐柯，其则不远。’执柯以伐柯，睨而视之，犹以为远。故君子以人治人，改而止。忠恕违道不远，施诸己而不愿，亦勿施于人。君子之道四，丘未能一焉：所求乎子，以事父，未能也；所求乎臣，以事君，未能也；所求乎弟，以事兄，未

能也；所求乎朋友，先施之，未能也，庸德之行，庸言之谨；有所不足，不敢不勉，有余不敢尽；言顾行，行顾言，君子胡不慥慥尔！君子素其位而行，不愿乎其外。素富贵，行乎富贵；素贫贱，行乎贫贱；素夷狄，行乎夷狄；素患难，行乎患难：君子无入而不自得焉。在上位不陵下，在下位不援上，正己而不求于人，则无怨。上不怨天，下不尤人。故君子居易以俟命，小人行险以侥幸。”

Phiên âm:

5. Tử viết: "Đạo bất viễn nhân. Nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo. "Thi" vân: 'Phạt kha phạt kha, kỳ tắc bất viễn'. Chấp kha dĩ phạt kha, nghệ nhi thị chi, do vĩ vi viễn. Cố quân tử dĩ nhân trị nhân, cải nhi chí. Trung thứ vi đạo bất viễn, thi chư kỳ nhi bất nguyện, diệc vật thi ư nhân. Quân tử chi đạo tử, Khâu vị năng nhất yên: sở cầu hồ tử, dĩ sự phụ, vị năng dã; sở cầu hồ thân, dĩ sự quân, vị năng dã; sở cầu hồ đệ, dĩ sự huynh, vị năng dã; sở cầu hồ bằng hữu, tiên chi thi, vị năng dã, dung đức chi hành, dung ngôn chi cẩn; hữu sở bất túc, bất cảm bất miễn, hữu dư bất cảm tận; ngôn cố hành, hành cố ngôn, quân tử hồ bất thảo thảo nhĩ! Quân tử cố kỳ vị nhi hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại. Tổ phú quý, hành hồ phú quý; tổ bản tiện, hành hồ bản tiện; tổ di địch, hành hồ di địch; tổ hoạn nạn, hành hồ hoạn nạn; quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên. Tại thượng vị

lãng hạ, tại hạ vi bất viện thượng, chính kỷ nhi bất cầu ư nhân, tắc vô oán. Thượng bất oán thiên, hạ bất viur nhân. Cố quân tử cư dị dĩ sĩ mệnh, tiểu nhân hành hiểm dĩ kiêu hạnh.”

Dịch nghĩa:

5. Đức Khổng Tử nói:

- Đạo vốn không xa người. Người làm cho đạo xa người là không biết đạo. Kinh “Thi” viết: ‘Đến cán búa, đẽo cán búa, kiểu mẫu ở bên ta’ Cầm búa đẽo cán, khi xong ngó lại còn thấy khác xa. Cho nên bậc quân tử dùng người trị người đến khi nào sửa trị được mới thôi. Trung và thư không khác xa đạo, những gì mình không thích làm thì đừng làm với người (khác). Đạo bậc quân tử có bốn (điều) mà Khâu chưa làm được một: đạo con thờ cha, (ta) chưa làm được; đạo tôi thờ vua, (ta) chưa làm được; đạo em thờ anh, (ta) chưa làm được; đạo bằng hữu với nhau, (ta) chưa làm được.

Còn những việc làm và lời nói tầm thường hoặc những điều thiếu sót, ta không dám miễn cưỡng làm, có chỗ thừa dư, ta cũng không dám dùng hết; (ta) nói là nhờ tới việc làm, làm việc là nhờ tới lời nói; bậc quân tử lẽ nào chẳng cẩn thận sao! Quân tử theo vị trí mình mà sống không cầu ở bên ngoài. Nếu được phú quý thì sống theo phú quý; nếu bị nghèo hèn thì sống theo nghèo hèn; nếu gặp di địch thì sống theo di địch. Ở địa vị trên không lấn hiếp kẻ dưới; ở địa vị dưới không nịnh hót trên, làm cho mình chính đính mà không cầu nơi người, như vậy ắt không có gì oán than. Trên không oán trời, dưới không trách người. Cho nên bậc quân tử ở chỗ giản dị mà đợi Mệnh, còn tiểu nhân xông pha vào chỗ hiểm nguy để cầu may mắn.

Nguyên văn:

子曰：“射有似乎君子；失诸正鹄，反求诸其身。君子之道，辟如行远必自迩，辟如登高必自卑。《诗》曰：‘妻子好合，如鼓瑟琴。兄弟既翕，和乐且耽。宜尔室家，乐尔妻帑。’”子曰：“父母其顺矣乎！”

子曰：“鬼神之为德，其盛矣乎！视之而弗见，听之而弗闻，体物而不可遗。使天下之人齐明盛服，以承祭祀，洋洋乎如在其上，如在其左右。《诗》曰：‘神之格思，不可度思！矧可射思！’夫微之显，诚之不可掩如此夫。”

Phiên âm:

6. Tử viết: "Xạ hữu tựa hồ quân tử, thất chư chính hộc, phản cầu chư kỳ thân. Quân tử chi do, thí như hành viễn tất tự nhĩ, thí như đăng cao tất tự ty. "Thi" viết: "Thê tử hảo hợp như cổ sắt cầm. Ích nhĩ đệ ký hấp, hòa lạc thả đam. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa'." Khổng Tử viết: "Phụ mẫu kỳ thuận hĩ hồ!"

Tử viết: "Quỷ thần chi vi đức, kỳ thịnh hĩ hồ! Thệ chi nhi phát

kiến, thịnh chi nhi phát vãn, thể vật nhi bất khả di. Sử thiên hạ chi nhân tể mình thịnh phục, dĩ thừa tể tự, dương dương hồ như tại kỳ thượng, như tại tả hữu. “Thi” viết: “Thần chi cách tư, bất khả độ tư! Thần khả xạ tư!” Phù vi chi hiển, thành chi bất khả yếm như thử phù !”

Dịch nghĩa:

6. Khổng Tử nói:

- (Nghệ thuật) bắn (cung) cũng giống (đạo) của bậc quân tử, khi bắn không trúng thì hãy xét lại (bản lĩnh) của mình. Đạo của bậc quân tử, ví như đi xa phải (bắt đầu) từ chỗ gần, ví như muốn lên cao phải (bắt đầu) từ chỗ thấp.

Kinh Thi viết : “Vợ con hòa hợp, như gậy đàn sắt đàn cầm. Anh em vui vầy, thân thiết biết bao. Nên cửa nên nhà, vui vẻ vợ con ta.” Khổng Tử khen: “Như vậy thì cha mẹ cũng vui thay!”

Khổng Tử nói:

- Đức quý thần đó, thịnh lớn lắm thay! (Người ta) nhìn mà không thấy, nghe mà không được, nhưng chỗ nào cũng có. Khiến người trong thiên hạ đều khâm phục vì vẫn quan sát được, để lấy đó tể tự, dường như (quý thần) vẫn rõ ràng như ở bên trên, như ở bên trái bên phải. Kinh Thi viết: “Quý thần soi xét, biết đâu mà lường! Chớ khá xem thường!” Ôi, nhỏ nhặt mà mình hiểu, lòng thành (của ta) không thể che dấu được là vậy.

Nguyên văn:

子曰：“舜其大孝也与！德为圣人，尊为

天子，富有四海之内。宗庙飨之，子孙保之。

故大德必得其位，必得其禄，必得其名，必得其寿。故天之生物，必因其材而笃焉。故栽者培之，倾者覆之。《诗》曰：‘嘉乐君子，宪宪令德。宜民宜人，受禄于天。保佑命之，自天申之。’故大德者必受命。”

子曰：“无忧者，其惟文王乎！以王季为父，以武王为子，父作之，子述之。武王纘大王、王季、文王之绪，壹戎衣而有天下，身不失天下之显名。尊为天子，富有四海之内。宗庙飨之，子孙保之。武王末受命。周公成文、武之德，追王大王、王季，上祀先公以天子之礼。斯礼也，达乎诸侯大夫，及士庶人。父为大夫，子为士，葬以大夫，祭以士。父为士，子为大夫，葬以士，祭以大夫。期之丧，达乎大夫。三年之丧，达乎天子。父母之丧，无贵贱，一也。”

Phiên âm:

7. Tử viết: "Thuần kỳ đại hiếu dã dư ! Đức vi thánh nhân, tôn vi thiên tử, phú hữu tử hải chi nội. Tông miếu hưởng chi, tử tôn bảo chi. Cố đại đức tất đắc kỳ vị, tất đắc kỳ lộc, tất đắc kỳ danh, tất đắc kỳ thọ. Cố thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đắc yên. Cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi. "Thi" viết: 'Gia lạc quân tử, hiển hiển lệnh đức. Nghi dân nghi nhân, thụ lộc ư thiên. Bảo hựu mệnh chi, tự thiên thân chi'. Cố đại đức giả tất thụ mệnh."

Tử viết: "Vô ưu giả, kỳ duy Văn vương hồ ! Dĩ Vương Quý vi phụ, dĩ Võ vương vi tử, phụ tác chi, tử thuật chi. Võ vương toàn Thái vương, Vương Quý, Văn vương chi tự, nhất nhưng y nhi hữu thiên hạ, thân bất thất thiên hạ chi hiển danh. Tôn vi thiên tử, phú hữu tử hải chi nội. Tông miếu hưởng chi, tử tôn bảo chi. Võ vương mạt thụ mệnh. Chu công thành Văn, Võ chi đức, truy vương Thái vương, Vương Quý, thượng tự tiên công dĩ thiên tử chi lễ, Tư lễ dã, đạt hồ chư hầu đại phu, cập sĩ thứ nhân. Phụ vi đại phu, tử vi sĩ, táng dĩ đại phu, tế dĩ sĩ. Phụ vi sĩ, tử vi đại phu, táng dĩ sĩ, tế dĩ đại phu. Triều chi táng, đạt hồ đại phu. Tam niên chi tang, đạt hồ thiên tử-Phụ mẫu chi tang, vô quý tiện, nhất dã."

Dịch nghĩa:**7. Khổng Tử nói:**

- Thuần là bậc đại hiếu vậy thay! Lấy Đức làm thánh nhân, lấy tôn quý làm thiên tử, giàu có khắp trong bốn biển. Tông miếu được hưởng thụ (tế lễ) con cháu được bảo tồn. Vì vậy (hễ có) Đức lớn thì được địa vị ấy, được lộc ấy, được danh tiếng ấy, được thọ ấy. Cho nên trời sinh ra vạn vật thì nhân tư chất (mỗi vật) mà phát triển thêm, vì vậy (vật gì) tốt đẹp thì tài bồi thêm, (vật gì) nghiêng ngả thì lấp bỏ đi. Kinh Thi viết: 'Quân tử vui thay, rõ ràng lệnh và đức

hợp dân hợp người, nhận lộc nơi trời. Mệnh ấy lành thay, do trời ban xuống.' Cho nên bậc có đức lớn (đều) chịu Mệnh Trời.

Khổng Tử nói:

- Chỉ có vua Văn vương là người không buồn lo! Có Vương Quý là cha, có Võ vương là con, cha làm gì, con theo đó. Võ vương noi theo sự nghiệp Thái vương, Vương Quý, Văn vương nối tiếp mối nhà, một mảnh nhưng y mà đoạt cả thiên hạ, tiếng tăm rõ ràng trong thiên hạ. Giữ ngôi thiên tử tôn quý, giàu có khắp trong bốn biển. Tông miếu được hưởng tế lễ, con cháu được bảo tồn. Cuối cùng Võ vương nhận Mệnh trời. Chu công hoàn thành (sự nghiệp) Văn vương, Võ vương, truy tặng tước vương cho Thái vương, Vương Quý, trên thì dùng lễ thiên tử thờ cúng các tiên công. Theo lễ ấy, đặt thứ tự cho các chư hầu đại phu và các thứ nhân. Cha là đại phu thì con được làm sĩ, táng theo lễ đại phu nhưng tế thì theo chức sĩ. Nếu cha là sĩ, con là đại phu (thì) táng theo địa vị sĩ, tế theo địa vị đại phu. Thời hạn chịu tang đều là ba năm, dù là thiên tử. Tang cha mẹ không phân quý tiện, đều giống như nhau.

Nguyên văn:

子曰：“武王、周公，其达孝乎！夫孝者，善继人之志，善述人之事者也。春秋修其祖庙，陈其宗器，设其裳衣，荐其时食。宗庙之礼，所以序昭穆也。序爵，所以辨贵贱也。

序事，所以辨賢也，旅酬下為上，所以逮賤也。燕毛，所以序齒也。踐其位，行其禮，奏其樂，敬其所尊，愛其所親，事死如事生，事亡如事存，孝之至也。郊社之禮，所以事上帝也。宗廟之禮，所以祀乎其先也。明乎郊社之禮、禘嘗之义，治國其如示諸掌乎！”

Phiên âm:

8. Tử viết: "Vô vương, Chu công, kỳ đạt hiếu hồ ! Phù hiếu giả, thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã. Xuân thu tu kỳ tổ miếu, trần kỳ tông khí, thiết kỳ thường y, tiến kỳ thời thực. Tông miếu chi lễ, sở dĩ tự chiêu mục dã. Tự tước, sở dĩ biện quý, tiện dã. Tự sự, sở dĩ biện hiền dã, lữ thù hạ vi thượng, sở dĩ đãi tiện dã. Yên mao, sở dĩ tự sĩ dã. Tiến kỳ vị, hành kỳ lễ, tấu kỳ nhạc, kính kỳ sở tôn, ái kỳ sở thân, sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí dã. Giao xã chi lễ, sở dĩ sự thượng đế dã. Tông miếu chi lễ, sở dĩ tự hồ kỳ tiên dã. Minh hồ giao xã chi lễ, để thường chi nghĩa, trị quốc kỳ như thị chư chương hồ !"

Dịch nghĩa:

8. Khổng Tử nói:

- Vô vương và Chu công là những người đạt hiếu vậy thay! người hiếu là (người) giỏi nối tiếp chí của người (cha), giỏi làm

theo những việc của người (cha đã làm). Mùa xuân mùa thu (thì) tu sửa miếu tổ tiên, bày khí cụ thờ tự, trần thiết áo xiêm (cũ) của tổ tiên, dâng những món ăn đúng mùa. Lễ ở tông miếu là để phân thứ tự chiêu mục (trái phải). Lại có thứ tự vật cúng tế là để phân biệt người quý kẻ tiện. Bày tỏ, là để phân biệt người hiền, tế xong rót rượu kẻ dưới mời người trên là để vui cùng kẻ dưới. Trong lễ phải có thứ tự theo tuổi tác. Theo từng địa vị, tiến hành từng lễ, tấu từng điệu nhạc, kính những người đáng tôn trọng, yêu những người thân, thờ (người) chết như thờ (người) sống, thờ (người) mấ như thờ (người) còn là hiếu đến nơi đến chốn vậy. Lễ Giao và lễ Xã là để thờ thượng đế vậy. Lễ ở tông miếu là để thờ tổ tiên vậy. Hiểu rõ được lễ Giao lễ Xã, hiểu rõ được nghĩa lễ Đễ lễ Thường, việc trị nước sẽ dễ như trở bàn tay vậy thôi!.

Nguyên văn:

哀公问政。子曰：“文、武之政，布在方策。其人存，则其政举；其人亡，则其政息。人道敏政，地道敏树。夫政也者，蒲卢也。故为政在人，取人以身，修身以道，修道以仁。仁者人也，亲亲为大；义者宜也，尊贤为大。亲亲之杀，尊贤之等，礼所生也。在下位不获乎上，民不可得而治矣！故君子不可以不

修身；思修身，不可以不事亲；思事亲，不可以不知人；思知人，不可以不知天。”

“天下之达道五，所以行之者三。曰：君臣也，父子也，夫妇也，昆弟也，朋友之交也，五者天下之达道也。知，仁，勇，三者天下之达德也，所以行之者一也。或生而知之，或学而知之，或困而知之；及其知之，一也。或安而行之，或利而行之，或勉强而行之；及其成功，一也。”子曰：“好学近乎知，力行近乎仁，知耻近乎勇。知斯三者，则知所以修身；知所以修身，则知所以治人；知所以治人，则知所以治天下国家矣。”

“凡为天下国家有九经，曰：修身也，尊贤也，亲亲也，敬大臣也，体群臣也，子庶民也，来百工也，柔远人也，怀诸侯也。修身则道立，尊贤则不惑，亲亲则诸父昆弟不怨，敬大臣则不眩，体群臣则士之报礼重，子庶民则百姓劝，来百工则财用足，柔远人则

四方归之，怀诸侯则天下畏之。齐明盛服，非礼不动，所以修身也；去谗远色，贱货而贵德，所以劝贤也；尊其位，重其禄，同其好恶，所以劝亲亲也；官盛任使，所以劝大臣也；忠信重禄，所以劝士也，时使薄敛，所以劝百姓也；日省月试，既廩称事，所以劝百工也；送往迎来，嘉善而矜不能，所以柔远人也；继绝世，举废国，治乱持危，朝聘以时，厚往而薄来，所以怀诸侯也。”

“凡为天下国家有九经，所以行之者一也。凡事豫则立，不豫则废。言前身定则不殆，事前定则不困，行前定则不疚，道前定则不穷。

“在下位不获乎上，民不可得而治矣；获乎上有道：不信乎朋友，不获乎上矣；信乎朋友有道：不顺乎亲，不信乎朋友矣；顺乎亲有道：反诸身不诚，不顺乎亲矣；诚身有道：不明乎善，不诚乎身矣。诚者，天之道也；诚之者，人之道也。诚者不勉而中，不思而得，从容中道，圣人也。诚之者，择善而固执之者也。

“博学之，审问之，慎思之，明辨之，笃行之。有弗学，学之弗能，弗措也；有弗问，问之弗知，弗措也；有弗思，思之弗得，弗措也；有弗辨，辨之弗明，弗措也；有弗行，行之弗笃，弗措也。人一能之己百之，人十能之己千之。果能此道矣，虽愚必明，虽柔必强。

Phiên âm:

9. Ai công vấn chính. Tử viết: "Văn, Võ chi chính, bố tại phương sách. Kỳ nhân tồn, tắc kỳ chính cử; kỳ nhân vong, tắc kỳ chính tức.

Nhân đạo mẫn chính, địa đạo mẫn thọ. Phù chính dã giả, bồ lục dã. Cố vi chính tại nhân, thủ nhân dĩ thân, tu thân dĩ đạo, tu đạo dĩ nhân. Nhân giả nhân dã, thân thân vi đại; nghĩa giả nghi dã, tôn hiền vi đại. Thân thân chi sát, tôn hiền chi đẳng, lễ sở sinh dã. Tại hạ vi bất hoạch hồ thượng, dân bất khả đắc nhi trị hĩ ! Cố quân tử bất khả dĩ bất tu thân; tư tu thân, bất khả dĩ bất sự thân; tư sự thân, bất khả dĩ bất tri nhân; tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri thiên."

"Thiên hạ chi đại đạo ngũ, sở dĩ hành chi giả tam. Viết: quân thân dã, phụ tử dã, phu phụ dã, côn đệ dã, bằng hữu chi giao dã, ngũ giả thiên hạ chi đại đạo dã. Trí, nhân, dũng, tam giả thiên hạ chi đại đức dã, sở dĩ hành chi giả nhất dã. Hoặc sinh nhi tri chi, hoặc học nhi tri chi, hoặc khốn nhi tri chi; cập kỳ tri chi, nhất dã. Hoặc an nhi hành chi, hoặc lợi nhi hành chi, hoặc miễn cưỡng nhi hành chi; cập kỳ thành công, nhất dã." Tử viết: "Hiếu học cận hồ trí, lực hành cận hồ nhân, tri sở cận hồ dũng. Trí tư tam giả, tắc tri sở dĩ tu thân; tri sở dĩ tu thân, tắc tri sở dĩ trị nhân; tri sở dĩ trị nhân, tắc tri sở dĩ trị thiên hạ quốc gia hĩ."

"Phàm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh, viết: Tu thân dã, tôn hiền dã, thân thân dã, kính đại thần dã, thể quần thân dã, tử thủ dân dã, lai bách công dã, nhu viễn nhân dã, hoài chư hầu dã. Tu thân tắc đạo lập, tôn hiền tắc bất hoặc, thân thân tắc chư phụ côn đệ bất oán, kính đại thần tắc bất huyển, thể quần thân tắc sĩ chi báo lễ trọng, tử thủ dân tắc bách tính khuyển, lai bách công tắc tài dụng túc, nhu viễn nhân tắc tứ phương quy chi, hoài chư hầu tắc thiên hạ úy chi. Trai minh thịnh phục, phi lễ bất động, sở dĩ tu thân dã; khứ sâm viễn sắc, tiện hóa nhi quý đức, sở dĩ khuyến hiền dã; tôn kỳ vị, trọng kỳ lộc, đồng kỳ hảo ố, sở dĩ khuyến thân thân dã; quan thịnh nhiệm sử, sở dĩ khuyến sĩ dã, thời sử bạc liêm, sở dĩ khuyến bách tính dã; nhật tinh nguyệt thí, ký bĩ xưng sự, sở dĩ khuyến bách cộng dã; tống vãng nghinh lai, gia thiện nhi khâm bất năng, sở dĩ nhu
viễn
nhân

dã; kế tuyệt thế, cử phế quốc, trị loạn trị nguy, triều sinh dĩ thời, hậu vãng nhi bạc lui, sở dĩ hoài chư hầu dã.”

“Phàm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh, sở dĩ hành chi giả nhất dã. Phàm sự dự tắc lập, bất dự tắc phế. Ngôn tiền thân định tắc bất kháp, sự tiền định tắc bất khôn, hành tiền định tắc bất cứu, đạo tiền định tắc bất cùng.”

“Tại hạ vị bất hoạch hồ thượng, dân bất khả đắc nhi trị hĩ; hoạch hồ thượng hữu đạo: bất tín hồ bằng hữu, bất hoạch hồ thượng hĩ; tín hồ bằng hữu hữu đạo: bất thuận hồ thân, bất tín hồ bằng hữu hĩ; thuận hồ thân hữu đạo: phản chư thân bất thành, bất thuận hồ thân hĩ; thành tân hữu đạo: bất minh hồ thiện, bất thành hồ thân hĩ. Thành giả, thiên chi đạo dã; thành chi giả, nhân chi đạo dã. Thành giả bất miễn nhi trúng, bất tư nhi đắc, thung dung trúng đạo, thánh nhân dã. Thành chi giả, trạch thiện nhi cố chấp chi giả dã.”

“Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi. Hữu phát học, học chi phát năng, phát thố dã; hữu phát vấn, vấn chi phát tri, phát thố dã; hữu phát tư, tư chi phát đắc, phát thố dã; hữu phát biện, biện chi phát minh, phát thố dã; hữu phát hành, hành chi phát đốc, phát thố dã. Nhân nhất năng chi kỷ bách chi, nhân thập năng chi kỷ thiên chi. Quả năng thử đạo hĩ, tuy ngu tất minh, tuy nhu tất cường.”

Dịch nghĩa:

9. Ai công (vua nước Lỗ) hỏi về chính trị. Khổng Tử đáp:

- Việc chính trị của vua Văn vương, vua Võ vương còn ghi trong sách vở. Nếu người còn thì chính trị được thực hành; nếu người mất đi thì chính trị cũng chấm dứt. Đạo của người là phải thực hành chính trị linh động như đạo của đất là phải thích hợp với cây trồng. Chính trị ấy vậy giống như cỏ bồ cỏ lau vậy. Nên đạo

làm chính trị là do người, được lòng người, muốn được lòng người phải biết đạo tu sửa thân mình, tu thân bằng lòng nhân. Lòng nhân là hợp với người, coi người thân là quan trọng, nghĩa là thích nghi, tôn trọng người hiền là quan trọng.

Thân với người thân, tôn trọng người hiền, từ đó sinh ra Lễ. Ở địa vị dưới không được lòng người trên thì không thể nào an trị được dân chúng! Vì vậy quân tử không thể không tu thân; muốn tu thân, không thể không tôn thờ cha mẹ; muốn thờ cha mẹ, không thể không hiếu người; muốn hiếu người, không thể không hiếu trời.

Đạt đạo trong thiên hạ có năm đường mà dễ dàng làm được chỉ có ba. Năm đường đó là: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bằng hữu. Năm điều ấy (mà hoàn toàn) lằngười đạt đạo rồi vậy. Trí, Nhân, Dũng là ba đức tính trong thiên hạ, ba đức này thực hành như một. Hoặc là sinh ra đã hiểu rồi, hoặc là do học mà hiểu, hoặc là khó khăn tìm cầu mới biết; nhưng nếu đã tới chỗ biết tức là là một vậy. Hoặc thực hành vì an ổn, hoặc thực hành vì lợi ích, hoặc thực hành một cách miễn cưỡng; nhưng đã thực hành thành công thì cũng là một. Khổng Tử lại nói:

- Chỉ cần (đức tính) ham học hỏi là đã gần với Trí rồi, chỉ cần cố làm hết sức mình là đã gần với Nhân rồi, chỉ cần biết hổ thẹn là đã gần với Dũng rồi. Biết ba điều như vậy là đã biết cách tu thân: biết làm sao tu thân là biết làm sao để trị người; biết làm sao để trị người là biết làm sao để trị thiên hạ quốc gia rồi vậy.

Phàm trị thiên hạ quốc gia có chín điều cần là: tu thân, tôn trọng người hiền, thân cận người thân, kính bậc đại thần, thể tất sự khó nhọc của các tôi thần, coi dân chúng như con, giúp đỡ các công nghệ, hòa thiện với các nước xa xôi, thương yêu các chư hầu. Tu thân thì đạo lập, tôn trọng người hiền thì không ai ngờ hoặc, thân cận người thân thì cha con anh em không than oán, kính bậc đại thần thì không bị che đậy lừa dối, thể tất cho百姓 thì kẻ sĩ sẽ báo

đáp lại bằng lễ trọng hậu, coi dân chúng như con thì trăm họ mới tuân lệnh, giúp đỡ các công nghệ thì mới đủ tiền tài chi dụng, hòa thiện với các nước xa xôi thì bốn phương quy phục, thương yêu các chư hầu thì thiên hạ sợ. Tu sửa mình nghiêm túc, cái gì không phải lễ không làm, như thế là tu thân vậy; bỏ những lời sàm tấu, xa nữ sắc, coi nhẹ tiền tài mà quý đức hạnh, do đó mà khuyến khích được (nhiều) người hiền vậy; tôn họ lên vị trí cao, ban lộc trọng hậu cho họ, biết từng cái tốt cái xấu (của họ). Khuyến khích sự thân cận người thân là biết chỗ tốt chỗ xấu của họ. Khuyến khích bậc đại thần là biết sử dụng cất nhắc thăng quan lớn cho họ. Khuyến khích kẻ sĩ là dùng trung tín và thưởng bổng lộc lớn cho họ. Khuyến khích dân chúng là biết dùng họ làm việc đúng mùa màng và thuế khóa nhẹ nhàng. Khuyến khích công nghệ là xem xét thường ngày trả công tương xứng cho họ. Khuyến khích hòa nhã với các nước xa xôi là biết đưa đón, khen thưởng tài năng họ, an ủi những chỗ họ chưa làm được. Thương yêu chư hầu là biết giữ cho ngôi vua họ được nối tiếp, giúp cứu loạn phò nguy.

Phàm trị thiên hạ quốc gia có chín điều ấy, nhưng khi thực hành cũng là một thôi vậy. Phàm làm việc nên dự định trước mới an định được, không dự định trước thì dễ hỏng việc. Lời nói có suy nghĩ trước ắt không vấp vấp, việc định trước ắt không khó khăn, làm có dự định trước không sai sót, Đạo mà được định trước ắt sinh sôi vô cùng.

Ở địa vị dưới mà không hòa hợp với người trên thì không trị được dân chúng, muốn hòa hợp với người trên mà không giữ được chữ tín với bề bạn thì không thể hòa hợp với người trên. Muốn giữ chữ tín với bề bạn mà không hòa thuận với người thân thì không thể giữ chữ tín với bề bạn. Muốn hòa thuận với người thân mà chính mình không thành thật thì không thể hòa thuận với người thân được. Thành thật với mình có đạo lý này: không sáng suốt làm việc thiện không thể thành thật được. Thành thật là đạo của trời vậy; người thi

hành thành thật là đạt tới đạo của người vậy. Người thành thật thì không cố gắng miễn cưỡng mà vẫn trũng, không suy nghĩ mà đạt được, thung dung giữ Trung đạo chính là thánh nhân vậy. Người chân thành chọn việc thiện rồi cứ theo đó mà thực hành vậy.

Học cho rộng, hỏi cho kỹ, suy nghĩ cẩn thận, biện biệt một cách sáng suốt, làm cho tận lực. Có thể không học nhưng học mà chưa tinh thì chưa dừng; có thể không hỏi nhưng hỏi mà chưa hiểu thì chưa thôi; có thể không suy nghĩ nhưng suy nghĩ mà chưa đạt tới thì chưa nghỉ; có thể không biện biệt nhưng biện biệt mà chưa rõ chưa chịu bỏ; có thể không làm nhưng làm mà chưa tận lực thì chưa ngừng nghỉ. Người ta cố một, mình cần cố trăm, người ta cố mười, mình cố ngàn. Nếu quả như theo được đạo ấy (thì) dù có ngu cũng sẽ sáng sủa, dù có yếu cũng thành mạnh.

Nguyên văn:

“自誠明，谓之性。自明誠，谓之教。诚则明矣，明则诚矣。唯天下至诚，为能尽其性；能尽其性；则能尽人之性；能尽人之性，则能尽物之性；能尽物之性，则可以赞天地之化育；可以赞天地之化育，则可以与天地参矣。

“其次致曲。曲能有诚，诚则形，形则著，著则明，明则动，动则变，变则化。唯天下至诚为能化。

“至诚之道，可以前知。国家将兴，必有祲祥。国家将亡，必有妖孽。见乎蓍龟，动乎四体，祸福将至：善，必先知之；不善，必先知之。故至诚如神。

“诚者，自成也；而道，自道也。诚者，物之终始，不诚无物。是故君子诚之为贵。诚者，非自成己而已也，所以成物也。成己，仁也；成物，知也。性之德也，合外内之道也，故时措之宜也。

“故至诚无息。不息则久，久则徵，徵则悠远，悠远则博厚，博厚则高明。博厚，所以载物也；高明，所以覆物也；悠久，所以成物也。博厚配地，高明配天，悠久无疆。如此者，不见而章，不动而变，无为而成。天

地之道，可壹言而尽也。其为物不貳，则其生物不测。天地之道，博也，厚也，高也，明也，悠也，久也。

“今夫天，斯昭昭之多，及其无穷也，日月星辰系焉，万物覆焉。今夫地，一撮土之多，及其广厚，载华岳而不重，振河海而不泄，万物载焉。今夫山，一卷石之多，及其广大，草木生之，禽兽居之，宝藏兴焉。今夫水，一勺之多，及其不测，鼋鼉、蛟龙、鱼鳖生焉，货财殖焉。《诗》曰：‘惟天之命，于穆不已！’盖曰天之所以为天也。‘于乎不显，文王之德之纯！’盖曰文王之所以为文也，纯亦不已。

“大哉圣人之道！洋洋乎发育万物，峻极于天。优优大哉！礼仪三百，威仪三千，待其人然后行。故曰：苟不至德，至道不凝焉。故君子尊德性而道问学，致广大而尽精微，极高明而道中庸；温故而知新，敦厚以崇礼。是

故居上不骄，为下不倍；国有道，其言足以兴；国无道，其默足以容。《诗》曰：‘既明且哲，以保其身。’其此之谓与！”

Phiên âm:

10. Tự thành minh, vị chi tính. Tự minh thành, vị chi giáo. Thành tắc minh hĩ, minh tắc thành hĩ. Duy thiên hạ chí thành, vị năng tận kỳ tính; năng tận kỳ tính; tắc năng tận nhân chi tính; năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính; năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục; khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hĩ.

“Kỳ thứ chí khúc, khúc năng hữu thành, thành tắc hình, hình tắc trứ, trứ tắc minh, minh tắc động, động tắc biến, biến tắc hóa. Duy thiên hạ chí thành vị năng hóa.

“Chí hành chi đạo, khả dĩ tiên tri. Quốc gia tương hưng, tất hữu trình tường, quốc gia tương vong, tất hữu yêu nghịệt. Kiến hồ thi quy, động hồ tứ thế, họa phúc tương chí: thiện, tất tiên tri chi; bất thiện, tất tiên tri chi. Cố chí thành như thần.

“Thành giả, tự thành dã; nhi đạo, tự đạo dã. Thành giả, vật chi chung thủy, bất thành vô vật. Thị cố quân tử thành chi vi quý. Thành giả, phi tự thành kỳ nhi dĩ dã; thành vật, tri dã. Tính chi đức, dã, hợp ngoại nội chi đạo dã, cố thời thế chi nghi dã.

“Cố chí thành vô tức. Bất tức tắc cửu, cửu tắc trung, trung tắc du viễn, du viễn tắc bác hậu, bác hậu tắc cao minh. Bác hậu, sở dĩ tài vật dã; cao minh, sở dĩ phúc vật dã; du dửu, sở dĩ thành vật dã. Bác

hậu phối địa, cao minh phối thiên, du cửu vô cương. Như thủ giả, bất kiến kỳ chương, bất động nhi biến, vô vi nhi thành. Thiên địa chi đạo, khả nhất ngôn nhi tận dã. Kỳ vi vật bất nhị, tác kỳ sinh vật bất trắc. Thiên địa chi đạo, bác dã, hậu dã, cao dã, minh dã, du dã, cửu dã.

Kim phù thiên, tư chiêu chiêu chi đa, cập kỳ vô cùng dã, nhật nguyệt tinh thần hệ yên, vạn vật phúc yên. Kim phù địa, nhất toát thổ chi đa, cập kỳ quảng hậu, tải Hoa Nhạc nhi bất trọng, chấn hà hải nhi bất tiết, vạn vật tải yên. Kim phù sơn, nhất quyển thạch chi đa, cập kỳ quảng đại, thảo mộc sinh chi, cầm thú cư chi, bảo tàng hưng yên. Kim phù thủy, nhất thược chi đa, cập kỳ bất trắc, nguyên dã, giao long, ngư biếc sinh yên, hóa tài thực yên. "Thi" viết: "Duy thiên chi mệnh, vu mục bất dĩ !" Cái viết thiên chi sở dĩ vi thiên dã. "Vu hồ bất hiển, Văn vương chi đức chi thuần !" Cái viết Văn vương chi sở dĩ vi văn dã, thuần diệc bất dĩ.

"Đại tai thánh nhân chi đạo ! Dương dương hồ phát dục vạn vật, tuần cực ư thiên, Ưu ưu đại tai ! Lễ nghi tam bách, uy nghi tam thiên, dĩ kỳ nhân nhiên hậu hành. Cổ viết: "Cửu bất chí đức, chi đạo bất ngưng yên. Cổ quân tử tôn đức tính nhi đạo vấn học, chi quảng đại nhi tận tinh vi, cực cao minh nhi đạo Trung Dung; ôn cố nhi tri tân, đôn hậu nhi sùng lễ. thị cố cư thượng bất kiêu, vi hạ bất bối; quốc hữu đạo, kỳ ngôn túc dĩ hưng; quốc vô đạo, kỳ mặc túc dĩ dung. "Thi" viết: "Ký minh thả triết, dĩ bảo kỳ thân". Kỳ thử chi vị dư !"

Dịch nghĩa:

10. Từ lòng thành thật mà sáng tỏ, gọi là tính. Từ sáng tỏ mà có lòng thành thật, gọi là giáo. Có thành thật mới sáng tỏ, có sáng tỏ mới thành thật. Trong thiên hạ, duy chỉ có người chí thành mới hiểu hết (thiên) tính; hiểu hết (thiên) tính mới hiểu hết (nhân) tính; hiểu hết nhân tính mới hiểu hết vật tính; hiểu hết vật tính mới giúp được

sự sinh hóa nuôi dưỡng của trời đất; có thể giúp được sự sinh hóa nuôi dưỡng của trời đất mới có thể tham dự vào (công việc) của trời đất vậy!

Dưới đó là những kẻ thiên lệch, dù thiên lệch vẫn có thể làm cho họ thành thật được. Thành thật bên trong sẽ hiện hình ra bên ngoài, hiện hình ra bên ngoài thì rõ rệt, rõ rệt thì sáng sủa, sáng sủa thì chuyển động, chuyển động thì biến đổi, biến đổi thì sinh hóa. Duy chỉ có người chí thành trong thiên hạ là có thể sinh hóa.

Đạo của (bậc) chí thành là có thể biết trước (mọi việc). Như quốc gia sắp hưng thịnh ắt sẽ có điềm lành. Như quốc gia sắp suy diệt ắt có quái dị. Những điềm ấy hiện ra ở cỏ thì mai rùa (hai cách xem bói ngày xưa) hoặc thân thể rung động. Họa phúc sắp đến ắt biết trước: điều thiện biết trước, mà điều không thiện cũng biết trước. Vì vậy (bậc) chí thành giống như thần linh vậy.

“Thành thật là tự thành; mà đạo cũng tự là đạo vậy. Thành là đầu cuối của vật, không thành (thì) không có vật gì cả. Cho nên (bậc) quân tử cho thành là quý. Thành thật không phải chỉ mình tự thành cho mình mà thôi mà còn phải làm cho vật khác nữa. Thành cho mình mới là Nhân; thành vì vật là Trí. Nhân và trí là đức của tính, là đạo hòa hợp trong ngoài vậy, cho nên thực hiện là phải đúng thời nghi vậy.

Vì vậy (người) chí thành không ngừng nghỉ. Không ngừng nghỉ tất dài lâu, dài lâu tất công hiệu, công hiệu tất bền vững, bền vững tất uyên bác dày rộng, uyên bác dày rộng tất cao minh. Uyên bác dày rộng nên có thể chuyên chở vạn vật; bền vững thì có thể làm cho vạn vật hoàn thành vậy. Uyên bác dày rộng để phối hợp với đất, cao minh để phối hợp với trời, bền vững không cương giới. Được như thế, đạo không hiển hiện mà sáng tỏ, không động mà vẫn biến, không làm gì mà vẫn thành. Đạo trời đất có thể nói tóm một câu. Sinh ra vạn vật không hai mà sinh ra vạn vật nhiều không xiết. Đạo trời đất, rộng khắp vậy, cao cả vậy, sáng sủa vậy, xa xôi vậy,

lâu dài vậy.

Trời kia, chỉ là một khoảng sang sáng, thế mà rộng đến vô cùng, treo cả mặt trăng, mặt trời, muôn sao, che cho vạn vật. Đất kia, chỉ là một khối đất, thế mà lớn rộng, mang núi non mà không nặng, chứa sông biển mà không tràn, nâng đỡ cho vạn vật. Núi kia, chỉ là một khối đá, thế mà rộng lớn, cây cỏ sinh ở đó, cầm thú sống ở đó, cất chứa biết bao của cải quý báu đó vậy. Nước kia, chỉ là một vốc nước, thế mà đo lường không được, cá sấu cá ngao, rắn rết giao long rồng rắn cá tôm sống ở đó, sản sinh biết bao của cải. Kinh “Thi” viết: ‘Duy có mệnh trời là sâu xa vậy thay!’ Cái gọi là trời vì vậy mới là trời đấy!. ‘Đức không hiển hiện là đức thuần khiết của Văn vương vậy’ Cái gọi là văn làm cho Văn vương thuần khiết vô cùng vậy.

Lớn lao thay đạo của thánh nhân! Lồng lộng thay nuôi nấng vạn vật, cao thăm thăm tới trời. Tốt đẹp lớn lao thay! Gồm cả ba trăm lễ nghi, gồm cả uy nghi ba ngàn, phải đợi bậc ấy (thánh nhân) ra đời đạo mới thì hành được. Nên nói: nếu không có người chỉ đức thì chí đạo không ngừng kết vậy. Vì vậy quân tử tôn trọng đức tính chuyên tâm học hỏi đến mức rộng lớn hết sức tinh vi cực cao mình để thực hiện đạo Trung Dung; ôn lại những điều cũ để biết mới, lấy đôn hậu tôn sùng lễ. Cho nên ở vị trí trên mà không kiêu, ở địa vị dưới không phản bội; nếu là (ở) nước có đạo thì dùng lời nói cũng đủ làm hưng thịnh, nếu là (ở) nước vô đạo thì im lặng để yên thân. Kinh “Thi” viết: ‘Bạc sáng suốt lại hiền triết giữ gìn thân mình’ Ý nghĩa là như thế!”

Nguyên văn:

子曰：“愚而好自用，贱而好自专；生乎今之世，反古之道。如此者，裁及其身者也。”

非天子，不议礼，不制度，不考文。今天下车同轨，书同文，行同伦。虽有其位，苟无其德，不敢作礼乐焉；虽有其德，苟无其位，亦不敢作礼乐焉。

子曰：“吾说夏礼，杞不足征也。吾学殷礼，有宋存焉。吾学周礼，今用之，吾从周。

“王天下有三重焉，其寡过矣乎！上焉者虽善无征，无征不信，不信民弗从；下焉者虽善不尊，不尊不信，不信民弗从。故君子之道，本诸身，征诸庶民，考诸三王而不缪，建诸天地而不悖，质诸鬼神而无疑，百世以俟圣人而不惑。质诸鬼神而无疑，知天也；百世以俟圣人而不惑，知人也。是故君子动而世为天下道，行而世为天下法，言而世为天下则。远之则有望，近之则不厌。《诗》曰：

‘在彼无恶，在此无射，庶几夙夜，以永终誉！’君子未有不如此而早有誉于天下者也。”

仲尼祖述尧、舜，宪章文、武；上律天时，下袭水土。辟如天地之无不持载，无不覆畴；辟如四时之错行，如日月之代明。万物并育而不相害，道并行而不相悖。小德川流，大德敦化。此天地之所以为大也。

唯天下至圣为能聪明睿知，足以有临也；宽裕温柔，足以有容也；发强刚毅，足以有执也；齐庄中正，足以有敬也；文理密察，足以有别也。溥博渊泉，而时出之。溥博如天，渊泉如渊。见而民莫不敬，言而民莫不信，行而民莫不说。是以声名洋溢乎中国，施及蛮貊。舟车所至，人力所通；天之所覆，地之所载；日月所照，霜露所队。凡有血气者，莫不尊亲，故曰配天。

唯天下至誠，為能經綸天下之大經，立天下之大本，知天地之化育。夫焉有所倚？肫肫其仁！淵淵其淵！浩浩其天！苟不固聰明聖知達天德者，其孰能知之？

Phiên âm:

II. Tử viết: "Ngu nhi hiếu tự dụng, tiện nhi hiếu tự chuyên; sinh hồ kim chi thể, phản cổ chi đạo. Như thử giả, tại cập kỳ thân giả dã." Phi thiên tử, bất nghị lễ, bất chế độ, bất khảo vấn. Kim thiên hạ xa đồng quý, thư đồng văn, hành đồng luân (1). Tuy hữu kỳ vị, cầu vô kỳ đức, bất cảm tác lễ nhạc yên; tuy hữu kỳ đức, cầu vô kỳ vị, diệc bất cảm tác lễ nhạc yên.

Tử viết: "Ngô thuyết Hạ lễ, kỷ bất túc trưng dã. Ngô học An lễ, hữu Tống tồn yên. Ngô học Chu lễ, kim dụng chi, ngô tông Chu.

"Vương thiên hạ hữu tam trọng yên, kỳ quả quá hĩ hồ ! Thượng yên giả tuy thiện vô trưng, vô trưng bất tín, bất tín dân phát tông; hạ yên giả tuy thiện bất tôn, bất tôn bất tín, bất tín dân phát tông. Cố quân tử chi đạo, bản chư thân, trưng chư thử dân, khảo chư tam vương nhi bất mậu, kiến chư thiên địa nhi bất bột, chất chư quý thần nhi vô nghi, bách thể dĩ sĩ thánh nhân nhi bất hoặc. Chất chư quý thần nhi vô nghi, tri thiên dã; bách thể dĩ sĩ thánh nhân nhi bất hoặc, tri nhân dã. Thị cố quân tử động nhi thể vi thiên hạ đạo, hành nhi thể vi thiên hạ pháp, ngôn nhi thể vi thiên hạ tắc. Viễn chi tắc hữu vọng, cận chi tắc bất yếm. "Thi" viết: "Tại bỉ vô ố, tại thử vô xạ, thử kỳ túc dạ, dĩ vĩnh chung dự !" Quân tử vị hữu bất như thử nhi tảo hữu dự ư thiên hạ giả dã."

Trọng Ni tổ thuật Nghiêu, Thuấn, hiến chương Văn, Võ; thượng luật thiên thời, hạ lập thủy thổ. Thi như thiên địa chi vô bất tri tể, vô bất phúc đảo, thi như tứ thời chi thổ hành, như nhật nguyệt chi đại minh. Vạn vật tính dục nhi bất tương hại, đạo tính hành nhi bất tương bột. Tiểu đức xuyên lưu, đại đức đôn hóa. Thử thiên địa chi sở dĩ vi đại dã.

Duy thiên hạ chí thánh vì năng thông minh duệ trí, túc dĩ hữu lâm dã; khoan dụ ôn nhu, túc dĩ hữu dung dã; phát cường cương nghị, túc dĩ hữu chấp dã; tề trang trung chính, túc dĩ hữu kính dã; văn lý mật sát, túc dĩ hữu biệt dã. Phổ bác uyên truyền, nhi thời xuất chi. Phổ bác như thiên, uyên truyền như uyên. Kiến nhi dân mạc bất kính, ngôn nhi dân mạc bất tín, hành nhi dân mạc bất duyệt. Thị dĩ thanh danh dương ích hồ trung quốc, thi cập man mạch. Chu xa sở chí, nhân lực sở thông; thiên chi sở phúc, địa chi sở tể; nhật nguyệt sở chiếu, sương lộ sở toại. Phàm hữu huyết khí giả, mạc bất tôn thân, cổ viết phối thiên.

Duy thiên hạ chí thành, vì năng kinh luân thiên hạ chi đại kinh, lập thiên hạ chi đại bản, tri thiên địa chi hóa dục. Phù yên hữu sở ý? Đồn đồn kỳ nhân! Uyên uyên kỳ ngôn! Hạo hạo kỳ thiên! Cầu bất cổ thông minh thánh trí đạt thiên đức giả, kỳ chấp năng tri chi? (2)

Dịch nghĩa:

11. Khổng Tử nói:

- Kẻ ngu thích tự ý làm, kẻ thấp kém thích tự chuyên quyền; sống ở đời nay mà làm ngược với đạo thời xưa. Như thế là chuốc họa vào thân ấy vậy. Không phải là bậc thiên tử (thì) không bàn về việc lễ, không định ra chế độ, không khảo sát văn tự sách vở. Nay trong thiên hạ xe đã cùng một cỗ, sách đã cùng một (thứ) chữ, (người) làm cùng một luân thường. Tuy có địa vị nhưng không có đức (cũng) không dám làm ra lễ nhạc vậy.

Khổng Tử nói:

- Ta thích lễ của triều nhà Hạ, nhưng nước Kỳ không đủ minh chứng. ta học lễ của triều nhà Ân thì ở nước Tống vẫn còn. Ta học lễ của triều nhà Chu, nay có chỗ dùng được (thì) ta theo (lễ) của Chu.

(Muốn làm) vua thiên hạ có ba điều quan trọng để làm bớt lỗi lầm! Đời trước tuy có hay đấy nhưng thiếu minh chứng, thiếu minh chứng không đáng tin, không đáng tin thì dân không (nghe) theo! Đời sau tuy có hay đấy nhưng không tôn quý, không tôn quý (thì) không đáng tin, không đáng tin dân không (nghe) theo. Cho nên đạo quân tử phải lấy gốc ở mình, minh chứng cho thứ dân, khảo sát đời tam vương (3) để không sai lầm, phải kiến lập những điều không ngược với trời đất, đối chất với quý thần để không nghi ngờ, đó là biết trời; đời trăm đời sau chờ bậc thánh nhân để không còn ngờ vực, đó là biết người. Cho nên quân tử động ở đời vì đạo của thiên hạ, thi hành ở đời vì pháp độ của thiên hạ, nói lời ở đời vì nguyên tắc của thiên hạ. Kẻ ở xa hy vọng nơi mình, kẻ ở gần không chán ghét mình như kinh "Thi" viết: "Kẻ kia không ghét, kẻ này không chán, ngày qua đêm tới, mãi mãi tiếng thơm!" Quân tử mà không được như thế sao được sớm có tiếng tốt trong thiên hạ.

Trọng Ni (tức Khổng Tử) nói đạo vua Nghiêu, vua Thuấn, làm sáng rõ vua Văn, vua Võ; trên thì theo thiên thời, dưới thì hợp thủy thổ. (Đức của Trọng Ni) ví như trời đất không gì là không chuyên chở, không gì là không hun đúc, ví như bốn mùa vận hành, như mặt trăng mặt trời thay nhau chiếu sáng. Vạn vật sinh sản mà không cái nào hại cái nào, đạo thi hành mà không gì ngược với nhau. Đức nhỏ như sông ngòi chảy khắp nơi, đức lớn thì ôn hậu sinh hóa. Trời đất sở dĩ lớn là vậy.

Trong thiên hạ duy có bậc chí thánh mới có đủ thông minh sáng suốt đủ để soi xét khắp cả; đủ khoan hậu ôn nhu để dung chứa hết cả; đức tính (của chí thánh) phát ra cương mạnh cương nghị đủ

gìn giữ những điều tốt, (chí thánh) tề chỉnh trang nghiêm đủ để người đời kính trọng; (chí thánh) xem xét văn chương điều lý cần mật đủ để phân biệt (điều hay lẽ phải). Mênh mông sâu thẳm thay, đúng thời phát ra. Mênh mông như trời, sâu thẳm như vực. Dân thấy không ai không kính, lời nói, dân không ai không tin, hành động, dân không ai không vui vẻ. Nhờ đó tiếng tăm lừng lẫy trong nước, lan tới cả dân man di. Ở chỗ nào mà xe thuyền tới được thì sức người đến được; trời che đất chở, mặt trời mặt trăng chiếu soi, sương móc chan hòa. Phàm người có huyết khí, không ai không tôn kính thân cận, cho nên (bạc chí thánh) được gọi là phối thiên (hợp cùng với trời).

Chỉ có bạc chí thành trong thiên hạ mới chỉnh đốn được nghĩa “đại kinh” (giềng mối) của thiên hạ và ổn lập được gốc lớn của trời đất, biết được sự hóa dục của trời đất. (Bạc chí thành ấy) dựa vào cái gì? Vào lòng nhân khẩn thiết sâu xa! Thăm thẳm như vực sâu! Rộng rãi như trời! Nếu không có bạc thánh trí đạt tới đức của trời thì ai là người biết đây?

Chú thích:

(1)- *Đồng quỹ, đồng vắn, đồng luân*: xe cùng một cỗ, sách cùng một chữ, luân lý cùng một. tức là có ý nói quốc gia chế độ thống nhất.

(2)- Trong đoạn này, cổ văn dùng lẫn lộn thay thế những chữ *duyet* và *thuyết, tri* và *trí*, nên chúng tôi tùy chỗ phiên âm cho thích hợp.

(3)- *Tam vương*: ba vua ba đời Hạ, Thương, Chu.

Nguyên văn:

《诗》曰：“衣锦尚絅，恶其文之著也。故

君子之道，暗然而日章；小人之道，的然而日亡。君子之道：淡而不厌，简而文，温而理，知远之近，知风之自，知微之显，可与入德矣。《诗》云：“潜虽伏矣，亦孔之昭！”故君子内省不疚，无恶于志。君子所不可及者，其唯人之所不见乎！《诗》云：“相在尔室，尚不愧于屋漏。”故君子不动而敬，不言而信。《诗》曰：“奏假无言，时靡有争。”是故君子不赏而民劝，不怒而民威于钺铍。《诗》曰：“不显惟德，百辟其刑之。”是故君子笃恭而天下平。《诗》曰：“予怀明德，不大声以色。”子曰：“声色之于以化民，末也。”《诗》曰：“德輶如毛，毛犹有伦；“上天之载，无声无臭”，至矣！

Phiên âm:

12.. “Thi” viết: “Y cảm thương quýnh, ố kỳ văn chi trứ dã. Cố quân tử chi đạo, ám nhiên nhi nhật chương; tiểu nhân chi đạo, dích nhiên nhi nhật vong. Quân tử chi đạo: đạm nhi bất yếm, giản nhi văn, ôn nhi lý, tri viễn chi cận, tri phong chi tự, tri vi chi hiển, khả dĩ nhập đức hĩ. “Thi” vân: “Tiềm ty phục hĩ, diệc khổng chi chiêu!” Cố quân tử nội tỉnh bất疚, vô ác ư chí. Quân tử sở bất khả cập giả,

kỳ duy nhân chi sở bất kiến hồ ! “Thi” vân: “Tuong tại nhĩ thất, thượng bất quý ư ốc lậu.” Cố quân tử bất động nhi kính, bất ngôn nhi tính. “Thi” viết: “Tấu giả vô ngôn, thời my hữu tranh.” Thi cố quân tử bất thượng nhi dân khuyến, bất nô nhi dân uy ư phu việt. “Thi” viết: “Bất hiển duy đức, bách tịch kỳ hình chi.” Thi cố quân tử đốc cung nhi thiên hạ bình. “Thi” viết: “Đức du như mao, mao do hữu luân; thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú”, chí hĩ !

Dịch nghĩa:

12. Kinh Thi viết: “Mặc áo gấm lại phủ áo đơn, vì không muốn phô trương lờn loẹt.” Cho nên đạo người quân tử, dấu kín mà càng tỏ rõ; đạo kẻ tiểu nhân, khoe khoang lại càng mất đi. Đạo người quân tử là: nhạt nhưng không chán, giản dị nhưng có văn vẻ, ôn hòa mà hữu lý, biết gần gũi những chỗ xa xôi, biết gốc nguồn phong hóa, biết những cái rõ rệt của những chỗ nhỏ nhặt, như thế mới có thể nhập vào cõi của đức vậy. Kinh Thi viết: “Tuy tiềm phục sâu kín người ta cũng thấy rõ!” Cho nên quân tử tự xét mình luôn luôn để tránh lỗi lầm, không nghĩ đến điều ác. Những chỗ mà (người) quân tử không thể biết thì ai mà biết nữa! Kinh Thi viết: “Ở tại nhà người, không làm gì hổ thẹn.” Cho nên quân tử không hành động mà (người khác) kính trọng, không nói mà (người khác) tin. Kinh thi viết: “Mượn lời không tiếng tấu lên thì ai mà tranh dành cho được.” Cho nên quân tử không khen thưởng mà dân vẫn được khuyến khích, không giận dữ mà dân vẫn sợ uy như sợ búa rìu. Kinh Thi viết: “Không hiển lộ đức ra mà trăm họ vẫn sợ hình phạt.” Cho nên quân tử cung kính hết lòng mà thiên hạ thái bình, Kinh Thi viết: “Ta nhờ đức sáng (nên) không cạy vào thanh và sắc.” Khổng Tử bảo: “Phải lấy thanh và sắc ra giáo hóa dân thì đó là cùng rồi vậy!” Kinh Thi viết: “Đức nhẹ như sợi lông, sợi lông còn có lớn nhỏ.” Chỉ có đức che chở của trời là không có tiếng có mùi gì cả vậy. Lớn vậy thay!

Chú thích:

(1)- Đây là đoạn cuối của chương Trung Dung tán thán Đức lớn rộng của thánh nhân. Theo chú giải của Chu Hy thì vì những chương trước đã bàn về đạo trời đất “cực chí” (lớn rất mực) nên chương này quay về bàn lại cái gốc. Vì đây là những cương yếu quan trọng của Nho gia nên chương Trung Dung thường lập đi lập lại một ý để kẻ học nhớ mãi mà thực hành.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI HAI

BIỂU KÝ

Chương này ghi chép về những lời Khổng Tử bàn thuật về lòng Nhân. Sở dĩ có tên chương là **Biểu Ký** vì chủ yếu nội dung là:

- 1) Căn bản tu thân của quân tử : trang nghiêm, cung tín.
- 2) Đạo Nhân, Nghĩa. Yếu tố nội hàm của Nhân, Nghĩa và liên hệ tương quan của hai đức tính ấy.
- 3) Chính trị giáo dục ba đời Hạ, Thương, Chu, xiển dương ý nghĩa của người quân tử bao dung.
- 4) Đạo thờ vua.
- 5) Những điều quan yếu của lời nói và việc làm.
- 6) tầm quan trọng của “bốc phê” (bối toán).

Chương này là mặt khác của chương **Phòng Ký** (nói về đạo trị người), còn chương này nói về đạo tu thân. Vì có những đoạn bối toán nhuộm màu mê tín và nhiều đoạn không còn thích nghi với ngày nay nên chúng tôi chỉ lược dịch những đoạn cần thiết.

Nguyên văn:

表记

子曰：“以德报德，则民有所劝。以怨报怨，则民有所惩。《诗》曰：‘无言不讎，无德不报。’《大甲》曰：‘民非后，无能胥以宁。后非民，无以辟四方。’”子曰：“以德报怨，则宽身之仁也；以怨报德，则刑戮之民也。”

子曰：“夏道尊命，事鬼敬神而远之，近人而忠焉，先禄而后威，先赏而后罚，亲而不尊；其民之敝，蠢而愚，乔而野，朴而不文。殷人尊神，率民以事神，先鬼而后礼，先罚而后赏，尊而不亲；其民之敝，荡而不静，胜而无耻。周人尊礼尚施，事鬼敬神而远之，近人而忠焉，其赏罚用爵列，亲而不尊；其民之敝，利而巧，文而不惭，贼而蔽。”

Phiên âm:

1. Tử viết: "Dĩ đức báo đức, tặc dân hữu sở khuyến. Dĩ oán báo oán, tặc dân hữu sở trừng. "Thi" viết: "Vô ngôn bất cầu, vô đức bất báo". "Thái Giáp" viết: "Dân phi hậu, vô năng tư dĩ ninh. Hậu phi dân, vô dĩ tịch tứ phương". Tử viết: "Dĩ đức báo oán, tặc khoan thân chi nhân dã; dĩ oán báo đức, tặc hình lục chi dân dã."

Tử viết: "Hạ đạo tôn mệnh, sự quỷ kính thần nhi viễn chi, cận nhân nhi trung yên, tiên lộc nhi hậu uy, tiên thưởng nhi hậu phạt, thân nhi bất kính. kỳ dân chi tệ, xuẩn nhi ngu, kiêu nhi dã, phác nhi

bất văn. Ân nhân tôn thần, suất dân dĩ sự thần, tiên quý nhi hậu lễ, tiên phạt nhi hậu thưởng, tôn nhi bất thân. Kỳ dân chi tề, dăng nhi bất tề, thắng nhi vô sĩ. Chu nhân tôn lễ thượng thi, sự quý kính thần nhi viễn chi, cận nhân nhi trung yên, kỳ thưởng phạt dụng tước liệt, thân nhi bất tôn; kỳ dân chi tề, lợi nhi xảo, văn nhi bất tầm, tặc nhi tể."

Dịch nghĩa:

1. Khổng Tử nói:

- Lấy đức báo đức thì dân được khích lệ. Lấy oán báo oán, thì dân có khi bị trừng phạt. Kinh "Thi" viết: 'Không nói (thì) không cừ thù, không đức (thì) không (có gì) báo.' Sách "Thái Giáp" (1) viết: 'Dân không vua (thì) không lấy gì để sống yên. Vua không dân (thì) không lấy gì trị bốn phương.'

Khổng Tử nói:

- Lấy đức báo oán (thì) lòng nhân của mình rộng rãi vậy thay; lấy oán báo đức (thì) hình phạt tru diệt hết cả dân vậy.

Khổng Tử nói:

- Đạo của đời Hạ là tôn trọng Mệnh (trời), thờ quý kính thần nhưng đứng xa, gần với người mà giữ lòng trung, ban lộc trước mới ra uy sau, ban thưởng trước mới trừng phạt sau, dân thân đó nhưng chưa chắc đã tôn trọng (2). cái tệ của dân là xuẩn và ngu, kiêu ngạo và dã man, phác thật không văn vẻ. Còn người đời Ân tôn trọng thần, hối thúc dân chúng thờ phụng thần, nhưng lại lo việc quý trước việc lễ, trách phạt trước rồi mới ban thưởng sau (nên) dân chúng tôn kính mà không thân cận. Cái tệ của dân (đời Ân) là phóng đảng không an tĩnh, thích chiến thắng chẳng cần đến sĩ nhục. Còn người đời Chu thì tôn trọng lễ, coi việc thi hành (lễ) là hơn cả, họ thờ quý kính thần mà xa, (những thứ đó) gần với người mà giữ lòng

trung,

trong việc thưởng phạt áp dụng lộc tước có thứ tự, thân cận với (tầng lớp cai trị) nhưng không tôn kính. Cái tệ của (dân ấy) là chỉ vì lợi (của mình) mà đâm ra khéo léo, nhiều văn hoa mà không tự thẹn, làm chuyện xấu nhưng biết che giấu.

Chú thích:

(1)- *Thái Giáp*: có lẽ là một thư tịch thời cổ, vì trước thời Tần vua còn tự xưng là *Hậu* như ở sách này chép.

(2)- Giảng nghĩa đoạn này, Trần Hạo chú: ban lộc tước ra uy sau, thường trước phạt sau đều có ý cảm động người ta, cho nên dân thân cận bậc trên nhưng chưa chắc đã có ý tôn trọng.

Nguyên văn :

子曰：“事君欲諫不欲陈。《诗》云：‘心乎爱矣，遐不谓矣。中心藏之，何日忘之！’”

子曰：“唯天子受命于天，士受命于君。故君命顺，则臣有顺命；君命逆，则臣有逆命。《诗》曰：‘鵲之姜姜，鹑之赧赧。人之无良，我以为君。’”

子曰：“君子不以色亲人。情疏而貌亲，在小人则穿窬之盗也与？子曰：“情欲信，辞欲巧。”

子曰：“君子

敬则用祭器，是以不废日月，不违龟筮，以敬事其君长。是以上不渎于民，下不亵于上。”

Phiên âm:

2. Tử viết: "Sự quân dục gián bất dục trần." Thi vân: "Tâm hồ dĩ hĩ, hà bất vị hĩ. Trung tâm tàng chi, hà nhật vong chi !". Tử viết: "Duy thiên tử thụ mệnh ư thiên, sĩ thụ mệnh ư quân. Cố quân mệnh thuận, tắc thần hữu thuận mệnh; quân mệnh nghịch, tắc thần hữu nghịch mệnh. "Thi" viết: "Thuốc chi khương khương, thuận chi bốn bốn. Nhân chi vô lương, ngã dĩ vi quân'." Tử viết: "Quân tử bất dĩ sắc thân nhân. Tình sơ nhi mạo thân, tại tiểu nhân tắc xuyên du chi ích dã dư?" Tử viết: "Tình dục tín, tử dục xảo." Tử viết: "Quân tử kính đắc dụng tế khí, thị dĩ bất phế nhật nguyệt, bất vi quy phệ, dĩ kích sự kỳ quân trưởng. Thị dĩ thượng bất độc, hạ bất tiết ư thượng."

Dịch nghĩa:

2. Khổng Tử nói: "Thờ vua chỉ nên can gián, không nên phô bày lỗi của vua. Kinh Thi viết: 'Lòng mà yêu vậy, xa xôi cũng gần, chôn dấu vào lòng, ngày nào quên được!'. - Khổng Tử nói: "Chỉ có bậc thiên tử là chịu mệnh ở nơi trời, còn kẻ sĩ chịu mệnh ở nơi vua. Cho nên mệnh của vua thuận thì thần cũng thuận theo mệnh, mệnh của vua trái thì thần cũng làm trái theo. Kinh Thi viết: 'Chim thuốc thành bầy, chim thuận hợp bay, người không lương thiện, ta đâu coi là vua?'. - Khổng Tử nói: "Quân tử không lấy sắc bên ngoài để thân cận với người. Tình (trong lòng) sơ giao mà dùng dụng mạo (đẹp dễ hòa nhã để thân cận) khác nào kẻ tiểu nhân khoét tường lén trộm cắp của người đấy ư?" - Khổng Tử nói: "Tình

phải tin nhau, lời phải khéo léo” (1). - Khổng Tử nói: “Quân tử kính thì dùng khí cụ tế tự, như vậy mới không phế bỏ ngày tháng, không làm trái lại quẻ mai rùa bốc phê (trái lại với những lời linh ứng của quẻ thần), lấy lòng kính để thờ vua, như vậy trên mới không xâm phạm tới dân, dưới không khinh nhờn trên.”

Chú thích:

(1)- Học giả xưa chú giải: lấy dung mạo bên ngoài để thân cận người, dùng lời hay (ảo ngôn) vẻ đẹp (lệnh sắc) để mua lòng người là thiếu lòng chân thật. Tình sơ mà sắc mặt thân cận là chủ vì có lợi cho mình và khinh người. Ở sách *Luận ngữ*, Khổng Tử có nói: “*Ảo ngôn lệnh sắc tiền hĩ nhân*” (lời nói khéo léo và vẻ mặt đẹp để là người thiếu lòng nhân) nên câu này ở đây có lẽ không phải là lời của Khổng Tử. Chắc chắn đời sau đã chép lầm.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BA

TRI Y

Chương này xuất phát từ chỗ tốt xấu của người ta, luận thuật tới các việc vua giáo hóa dân, tôn thần thờ vua, trị quốc an bang và đạo lập thân tu dưỡng. Xét về mặt văn nghĩa, chương này gần như nối tiếp chương **Tang Ký**. Sở dĩ lấy hai chữ **Tri Y** làm tên chương vì ở đoạn thứ hai có nhắc đến chương **Tri Y** trong **Kinh Thi** phần **Trịnh Phong** chữ chẳng có ý nghĩa gì khác. Chúng tôi chỉ lược dịch chương này.

Nguyên văn:

緇衣

子曰：“好贤如《緇衣》，恶恶如《巷伯》。则爵不渎而民作愿，刑不试而民咸服。《大雅》曰：‘仪刑文王，万国作孚。’”

子曰：“夫民教之以德，齐之以礼，则民有格心；教之以政，齐之以刑，则民有遁心。故君民者，子以爱之，则民亲之；信以结之，则民不倍；恭以莅之，则民有孙心。《甫刑》曰：‘苗民匪用命，制以刑。惟作五虐之刑曰法。’是以民有恶德，而遂绝其世也。”

子曰：“下之事上也，不从其所令，从其所行。上好是物，下必有甚者矣。故上之所好恶，不可不慎也，是民之表也。”

子曰：“禹立三年，百姓以仁遂焉，岂必尽仁？《诗》云：‘赫赫师尹，民具尔瞻。’《甫刑》曰：‘一人有庆，兆民赖之。’《大雅》曰：‘成王之孚，下土之式。’”

子曰：“上好仁，则下之为仁争先人。故长民者章志、贞教、尊仁，以子爱百姓；民致行己，以说其上矣。《诗》云：‘有棣德行，四国顺之。’”

子曰：“王言如丝，其出如纶。王言如纶，其出如綍。故大人不倡游言。可言也，不可行，君子弗言也。可行也，不可言，君子弗行也。则民言不危行，而行不危言矣。《诗》云：‘淑慎尔止，不愆于仪。’”

Phiên âm:

1. Từ viết: "Hiếu hiền như 'Tri y' (1), ố ác như 'Hạng bá' (2), tặc tước bất độc nhi dân tác nguyện, hình bất thí nhi dân hàm phục. "Đại nhã" viết: 'Nghĩ hình Văn vương, vạn quốc tác phu'." (3)

Từ viết: "Phù dân giáo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, tặc dân hữu cách tâm. Giáo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, tặc dân hữu dộn tâm. Cổ quân dân giả, tử dĩ ái chi, tặc dân thân chi; tín dĩ kết chi, tặc dân bất bội; cung dĩ li chi, tặc dân hữu tôn tâm. "Phủ hình" viết: 'Miêu dân phủ dụng mệnh, chế dĩ hình. Duy tác ngũ ngược chi hình viết pháp'. Thi dĩ dân hữu ố đức, nhi toại tuyệt kỳ thế dã."

Từ viết: "Hạ chi sự thượng dã, bất tòng kỳ sở lệnh, tòng kỳ sở hành. Thượng hiếu thị vật, hạ tất hữu thậm giả hĩ. Cổ thượng chi hiếu ác, bất khả bất thận dã, thị dân chi biểu dã."

Từ viết: "Vô lập tam niên, bách tính dĩ nhân toại yên, khởi tất tận nhân? "Thi" vân: 'Hách hách Sự Doãn, dân cụ nhĩ chiêm'. "Phủ hình" viết: 'Nhất nhân hữu khánh, triệu dân lại chi'. "Đại nhã" viết: 'Thành vương chi phu, hạ thổ chi thúc'."

Từ viết: "Thượng hiếu nhân, tặc hạ chi vi nhân tranh tiên nhân. Cổ trưởng dân giả, chương chí, trình giáo, tôn nhận, dĩ tử ái bách tính. Dân chí hành dĩ, dĩ duyệt kỳ thượng hĩ. Thi" vân: 'Hậu cốc đức hành, tứ quốc thượng chi'."

Từ viết: "Vương ngôn như ty, kỳ xuất như luân. vương ngôn như luận, kỳ xuất như bột. Cổ đại nhân bất xướng du ngôn. Khả ngôn dã bất khả hành, quân tử phát ngôn dã. Khả hành dã bất khả ngôn, quân tử phát hành dã. Tặc dân ngôn bất nguy hành, nghị hành bất nguy ngôn hĩ. "thi" vân: 'Thục thận nhĩ chí, bất khả ư nghị'."

Dịch nghĩa:

1. Khổng Tử nói: “(Nên) thích người hiền như bài thơ “Tri y” (1), (nên) ghét người ác như bài thơ “Hạng bá” (2), ắt dân sẽ (bắt chước theo) thành người hiền chứ không cần phải khuyến khích bằng cách ban tước lộc, không cần thi hành hình phạt mà dân kính phục. Chương “Đại nhã” trong Kinh Thi viết: ‘Hãy bắt chước phép tắc của Văn vương, muôn nước hưng khởi lên mà tin theo’.” (3)

Khổng Tử nói: “Giáo hóa dân nên dùng đức, chính đốn dân nên dùng lễ ắt dân sẽ có lòng ngay thẳng. Dùng chính pháp dạy dân, dùng hình luật chính đốn dân thì dân (tìm cách) tránh né. Vì vậy bậc làm vua dân, yêu (dân) như con thì dân thân cận; tin dân như giao kết thì dân không phản bội; cung kính mà trị dân thì dân khiêm tốn. Sách “Phủ hình” (4) viết: ‘Dân man không nghe lệnh thì dùng hình phạt kèm chế. Kẻ nào phạm vào’ ngũ hình năm điều bậc ngược (5) thì lấy pháp luật làm hình phạt’. Do vậy dù dân không yêu đức độ đi nữa cũng không đến nỗi phản loạn.”

Khổng Tử nói: “Bề dưới phụng sự bề trên là theo vào việc làm (của mình). Nếu bề trên tốt thì bề dưới làm theo tốt. Cho nên bề trên tốt hay xấu không thể không thận trọng. Đó là tượng trưng cho dân vậy.”

Khổng Tử nói: “Vua Võ lên ngôi ba năm, trăm họ đều theo lòng nhân, đâu có ai không hết lòng nhân? “Kinh Thi viết: ‘Thái sư họ Doãn hiền hách, dân đều theo ngài’ (6). Sách “Phủ hình” viết: ‘Một người thành công, triệu dân dựa theo’. Chương “Đại nhã” (Kinh Thi) viết: ‘Vua Thành vương tạo thành niềm tin, làm phép tắc thế gian’.”

Khổng Tử nói: “Bề trên có lòng nhân ắt thiên hạ sẽ tranh nhau làm nhân. Cho nên bậc trưởng giả phải làm sáng tỏ chí mình, làm gương chính trực, tôn dương lòng nhân, yêu trăm họ như con. Dân sẽ tận sức làm thiện để vui lòng người trên. Kinh Thi viết :

‘Hiếu biết đức hạnh, bốn phương thuận theo’.”

Khổng Tử nói: “Lời của vua uyển chuyển mềm mại như tơ nhưng thi hành ra như dây trời buộc. Lời của vua như dây trời buộc thì hành như xiết chặt. Cho nên kẻ lớn không chủ trương nói đùa giỡn. Lời có thể nói mà không thể thực hành được thì không nói. Thực hành được mà không thể nói (dẫn chứng) được thì quân tử không làm. Cho nên lời (nói với) dân không cao hơn việc làm, mà làm cũng không cao (vượt) hơn lời nói. Kinh Thi viết: ‘Hãy cẩn thận biết chỗ dừng, chớ phạm phép tắc’.”

Chú thích:

(1)- *Tri y*: nghĩa là áo đen, màu áo của các quan đại phu mặc ở chỗ làm việc riêng của mình (khi lâm triều mặc chính phục, khi lui chầu mặc áo đen). Đây là bài trong Kinh Thi do dân chúng làm ra để ca ngợi Trịnh Võ công:

Tri y chi nghi hề
Tệ dư hựu cái vi hề
Thích tử chi quán hề
Hoàn dư thụ tử chi xán hề
(Áo đen mặc hợp thay
Nếu rách chúng tôi thay (áo khác)
Ngài đến nơi quán xá
Đợi về, chúng tôi xin dâng ngài cơm)

(2)- *Hạng bá*: tên một bài trong Kinh Thi đã kích sự u tối của U vương:

Thê hề phi hề
Thành thị bối cấm
Bỉ trảm nhân quả
Diệc dĩ thái thậm
(Hình dạng có vằn
Có thể làm thành gấm hoa
Kẻ xiêm nịnh kia
Đã quá tội đồ)

(3)- Đây là chương “Đại nhã” trong Kinh Thi ca tụng đức độ của Văn vương:

Thượng thiên chi tải
 Vô thanh vô xu
 Nghi hình Văn vương
 Thiên bang (quốc) tác phụ
 (Trời cao che chở
 Không tiếng không mùi
 Làm theo Văn vương
 Mọi nước tin theo)

(4)- *Phủ hình*: có lẽ là một loại sách hình luật thời cổ.

(5)- Tức là phạm vào *ngũ hình* bị trừng phạt là: *mặc* (thích chữ vào mặt), *dĩ* (cắt mũi), *phỉ* (chặt chân), *cung* (thiến dương vật), *đại tích* (chém).

(6)- *Doãn*: tức *Y Doãn*, một tôi thần phò giúp vua lúc ấy.

(7)- Đây là chương “Tiểu nhã” trong Kinh Thi ca tụng đức độ Võ vương:

Thành vương chi phụ
 Hạ thổ chi thức
 Vĩnh môn hiếu tư
 Hiếu tư duy tắc
 (Thành đạt Võ vương
 Làm phép tắc dưới đất
 Mãi mãi theo hiếu
 Hiếu là phép tắc)

Nguyên văn:

子曰：“君子道人以言，而禁人以行，故言必虑其所终，而行必稽其所敝，则民谨于言而慎于行。《诗》云：‘慎尔出话，敬尔威’

仪。’《大雅》曰：“穆穆文王，于缉熙敬止！”

子曰：“上人疑则百姓惑，下难知则君长劳。故君民者，章好以示民俗，慎恶以御民之淫，则民不惑矣。臣仪行，不重辞，不援其所不及，不烦其所不知，则君不劳矣。《诗》云：‘上帝板板，下民卒瘁。’《小雅》曰：‘匪其止共，惟王之邛。’”

Phiên âm:

2. Tử viết: “Quân tử đạo nhân dĩ ngôn, nhi cấm nhân dĩ hành, cố ngôn tất lự kỳ sở chung, nhi hành tất kê kỳ sở tề, tắc dân cần ư ngôn nhi thận ư hành. “Thi” vân: ‘Thận nhĩ xuất thoại, kính nhĩ uy nghi’. “Đại nhã” viết: ‘Mục mục Văn vương, ư tấp lự kính chỉ !’.”

Tử viết: “Thượng nhân nghi, tắc bách tính hoặc; hạ man tri, tắc quân trường lao. Cố quân dân giả, chương hảo dĩ thị dân tục, thận ác dĩ ngự dân chi dâm, tắc dân bất hoặc hồ. Thần nghi hành, bất tàng từ, bất thụ kỳ sở bất cập. bất phiền kỳ sở bất tri, tắc dân bất lao hi. “Thi” vân: ‘Thượng đế bản bản, hạ dân tốt dân’. “Tiểu nhã” viết: ‘Phi kỳ chỉ cộng, duy vương chi cung’.”

Dịch nghĩa:

2. Khổng Tử nói: “Quân tử lấy ngôn ngữ mà giáo hóa người và lấy hành động (của mình làm gương) để ngăn cấm người. Vì vậy ngôn

ngữ (của quân tử) phải suy nghĩ kỹ trước sau, hành động (của người quân tử) phải xét kỹ những chỗ sai sót, (như vậy) ắt dân sẽ cẩn trọng ở ngôn ngữ và nghiêm túc ở hành động. Kinh Thi viết: 'Mày nói cẩn thận đó, mày kính trọng đáng vẻ đó'. Chương "Tiểu nhã" (của Kinh Thi) lại viết: 'Sâu sắc thay Văn vương, ôi chẳng làm gì là không kính cẩn'." (1)

Chú thích:

(1)- Đây là chương Văn vương trong phần Đại nhã, Kinh Thi ca ngợi đức độ của Văn vương. Chu từ giải nghĩa hai chữ *Mục mục* có ý là thâm viễn sâu sắc, còn chữ *Ư* ở đây chỉ là một tán mỹ từ ca ngợi. hai lần dẫn Kinh Thi để chứng minh sự quan trọng của cẩn thận lời nói ngôn ngữ.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BỐN

BÔN TANG

Chương này chủ yếu ghi chép về trường hợp khi vua đang lưu vong ở nước khác mà nghe tin cha mẹ mình qua đời phải làm lễ **bôn tang** (chạy tang). Nội dung cụ thể có chạy tang cha, chạy tang mẹ và những nghi thức khác. Văn từ chương này phiền tạp hỗn loạn nhiều câu không rõ nghĩa, có thể là do vì người xưa xếp đặt thiếu mạch lạc. Chúng tôi chỉ dịch một đoạn ngắn mở đầu làm tiêu biểu.

Nguyên văn: **奔喪** 奔喪之礼:

始闻亲丧，以哭答使者，尽哀；问故，又哭尽哀。

遂行，日行百里，不以夜行；唯父母之丧，见星而行，见星而舍。若未得行，则成服而后行。

过国至境哭，尽哀而止。哭辟市朝，望其国境哭。

Phiên âm:

Bôn tang chi lễ: Thủy văn thân tang, dĩ khóc đáp sứ giả tận ai. Văn cố, hựu khóc tận ai. Toại hành, nhật hành bách lý, bất dĩ dạ hành. Duy phụ mẫu chi tang, kiến tinh nhi hành, kiến tinh nhi xá.

Nhược vị đắc hành, tắc thành phục nhi hậu hành. Quá quốc chí cảnh, khốc tận ai nhi chí. Khốc tị thị triều, vọng kỳ quốc cảnh khốc.

Dịch nghĩa:

Lễ bốn tang là: thoát đầu nghe tin tang của người thân, hãy khóc để đáp lại sứ giả đem tin tới. Rồi hỏi nguyên do, lại khóc bi ai. Rồi lên đường (về nước), một ngày đi trăm dặm đường nhưng không nên đi ban đêm (1). Duy có tang cha mẹ thì ban đêm nhưng nên cẩn thận. Nếu (ví lý do gì) chưa lên đường (về nước) được phải mặc tang phục rồi sẽ lên đường sau. Khi đi qua biên cảnh nước nào, hãy khóc bi ai. Tránh đi qua chợ (2), hãy nhìn về hướng nước mình mà khóc.

Chú thích:

- (1)- Không nên đi ban đêm là có ý tránh bị cướp bóc.
- (2)- Tránh đi qua chợ vì sợ làm kinh động người khác.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI LĂM

VẤN TANG

Chương này tên là Vấn tang, sự thật chỉ là chương luận thuật về lễ cư tang. Thông qua những câu vấn đáp giả thiết để giải thích những lễ tang phức tạp ngày xưa và nêu rõ ý nghĩa tang lễ chủ về bi ai. Chúng tôi cũng chỉ dịch vài đoạn tiêu biểu.

Nguyên văn:

问丧

亲始死，鸡斯徒跣，扱上衽，交手哭。恻怛之心，痛疾之意，伤肾、干肝、焦肺，水浆不入口三日。不举火，故邻里为之糜粥以饮食之。夫悲哀在中，故形变于外也；痛疾在心，故口不甘味、身不安美也。

三日而敛，在床曰尸，在棺曰柩，动尸举柩，哭踊无数。恻怛之心，痛疾之意，悲哀志懣气盛，故袒而踊之，所以动体安心下

气也。妇人不宜袒，故发胸、击心、爵踊，殷殷田田，如坏墙然，悲哀痛疾之至也！故曰：辟踊哭泣，哀以送之，送形而往，迎精而反也。

Phiên Âm:

1. Thân thủy tử, kê tư đồ dục, cực thương nhâm, giao thủ khóc. Trắc đất nhi tâm, thống tât chí ý, thương kiên, càn can, tiêu phế, thủy tương bất nhập khẩu. Tam nhập bất cử hỏa, cổ lân lý vì chí mi chúc dĩ ẩm thực chi. Phù bi ai tại trung, cổ hình biến ư ngoại dã. Thống tât tại tâm, cổ khẩu bất cam vị, thân bất an mỹ dã.

Tam nhật nhi liêm, tại sàng viết thi, tại quan viết cữu. Động thi cử cữu, khóc dưng vô số. Trắc đất nhi tâm, thống tât chí ý, bi ai chí muộn khí thịnh, cổ dân nhi dưng chi, sở dĩ động thể an tâm hạ khí dã.

Phụ nhân bất nghi dẫn, cổ phát hung, kích tâm, tước dưng, ân ân diên diên, như hoại tường nhiên, bi ai thống tât, chí chí dã ! Cổ viết: Tị dưng khóc khắp, ai dĩ tống chi, tống hình nhi vạng, nghênh tình nhi phân dã.

Dịch nghĩa:

1. Khi người thân mới chết, (người con hiếu) phải bỏ mũ gõ trâm, chân đi đất, vạt áo vén lên, hai tay đan chéo khóc lóc thảm thiết. Lòng phải đau đớn, ý phải khổ sở như bị thương tổn trong gan dạ, không uống nước. Ba ngày không đốt lửa (nấu ăn). chỉ ăn chút cháo

do hàng xóm đem qua, Ôi! Trong lòng bi ai nên hiện ra ở ngoài. Đau khổ trong lòng nên miệng không biết ngon ngọt, thân thể không yên ổn vậy.

Ngày thứ ba nhập liệm, lúc xác còn nằm trên giường gọi là Thi, lúc cho vào áo quan rồi gọi là Cữu. Lúc động tới Thi hoặc tới Cữu phải khóc lóc nhiều. Tấm lòng thương xót, ý đau khổ vùng vẫy khóc lóc, cho nên có vùng vẫy khóc mới giảm bớt đau đớn trong lòng vậy.

Đàn bà không thể cởi bỏ áo (trong lúc khóc lóc vùng vẫy) nên chỉ để lộ áo ngoài, đâm vào ngực dấy dựa thiết tha đau đớn, như bức tường đổ, như vậy mới là bi ai đau khổ cực điểm! Cho nên nói: Vùng vẫy khóc lóc lấy bi ai mà đưa tiễn (người chết). Đưa tiễn là đưa tiễn cái hình thể, còn tinh thần vẫn có thể về như lúc nào cũng ở bên cạnh vậy.

Nguyên văn:

其往送也，望望然，汲汲然，如有追而弗及也，其反哭也，皇皇然，若有求而弗得也。故其往送也如慕，其反也如疑。求而无所之也，入门而弗见也，上堂又弗见也，入室又弗见也，亡矣丧矣，不可复见已矣！故哭泣辟踊，尽哀而止矣，心悵焉怆焉，惚焉

恸焉，心绝志悲而已矣！祭之宗庙，以鬼飧之，侥幸复反也。成圻而归，不敢入处室，居于倚庐，哀亲之在外也；寝苦枕块，哀亲之在土也。故哭泣无时，服勤三年，思慕之心，孝子之志也，人情之实也。

Phiên âm:

2. Kỳ vãng tống dã, vọng vọng nhiên, cấp cấp nhiên, như hữu truy nhi phát cập dã. Kỳ phản khốc dã, hoàng hoàng nhiên, nhưc hữu cầu nhi phát đắc dã, Cổ kỳ vãng tống dã như mộ, kỳ phản dã như nghi. Cầu nhi vô sở đắc chi dã, nhập môn nhi phát kiến dã, thượng đường nhi phát kiến dã, nhập thất nhi phát kiến dã, vong hĩ, tang hĩ, bất khả phục kiến dĩ hĩ. Cổ khốc khắp tịch dưng, tận ai nhi chỉ hĩ.

Tâm trường yên thương yên, hốt yên khí yên, tâm huyết chí bi nhi dĩ hĩ. Tế chi tông miếu, dĩ quỹ hưởng chi, nhiều hạnh phúc phần dã. Thành khuếch nhi quy, bất cảm nhập xử thất, cư ư ý lư, ai thân chi tại ngoại dã; Cổ khắp khốc vô thời, phục cần tam niên, tư mộ chi tâm, hiếu tử chi chí dã, nhân tình chi thực dã.

Dịch nghĩa:

2. Khi đưa tang nhìn theo quan cữu đi trước, buồn rầu đau đớn như muốn đuổi theo (mà) không kịp. Khi trở về khóc lóc bâng

hoàng như tìm (cái gì) mà không được. Cho nên khi đưa tang (thì) như thương tiếc (mà) khi trở về (thì) như còn ngờ vực (chưa biết người thân đã thực chết hay chưa). Tìm cầu mà không được, vào cửa mà không trông thấy (người thân), bước lên thềm cũng không trông thấy, vào nhà cũng không trông thấy, (mới biết thực) đã mất, đã chết rồi vậy, không thể trông thấy được nữa vậy. Cho nên khóc lóc dậm chân hết sức đau đớn.

Lòng hoảng hốt đau thương, bàng hoàng giận dữ, lòng đã đến chỗ buồn thảm cùng cực vậy. Tế ở miếu họ cho quỷ thần hưởng mong cầu may mắn (hồn cha mẹ) quay trở về, ngủ trên gối đệm lại buồn rầu vì người thân (đang) ở dưới đất. Nên lúc nào cũng than khóc, phục tang ba năm để hết lòng nhớ thương, đó là lòng chí của người con hiếu và là tình người vậy.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI SÁU

PHỤC VẤN

Chương này bàn luận thuật ý nghĩa của chế độ để tang nên có tên là “Phục vấn”. Trong chương có nhiều đoạn giống như ở hai sách “Tiểu Ký” và “Đại truyện”, có lẽ là do sự chép lẫn lộn lẫn với nhau chăng? Vì chương này hỗn tạp nhiều sách khác, không có giá trị chân thực nên chúng tôi lược bỏ không dịch.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BẢY

GIÁN TRUYỆN

Sở dĩ chương này có tên là **Gián truyện** vì theo **Trịnh Huyền** nhận định rằng nó ghi chép những điều cần thiết quan trọng hay không. Nhưng **Ngô Trừng** lại cho rằng chương này không phải là chương chính truyện nên mới đặt tên như thế. Chương này ghi chép về dung mạo, thanh âm, ẩm thực, cư xử, y phục trong lúc cư tang và đề cao đạo lý của tang lễ và ẩn chứa ý nghĩa **phân biệt lễ** theo **thân sơ**. Chúng tôi dịch một đoạn tiêu biểu.

Nguyên văn:

间传

父母之丧，既虞、卒

哭，疏食水饮，不食菜果；期而小祥，食菜果；又期而大祥，有醯酱。中月而禭，禭而饮醴酒。始饮酒者，先饮醴酒。始食肉者，先食干肉。

父母之丧，居倚庐，寝苦枕块，不脱絰带；齐衰之丧，居垩室，芻翦不纳；大功之

喪，寢有席；小功、緦麻，床可也。此哀之发于居处者也。

Phiên âm:

Phụ mẫu chi tang, ký ngu tốt khóc, sơ thực thủy ẩm, bất thực thái quả. Kỳ nhi tiểu tường, thực thái quả. Hựu kỳ nhi đại tường, hữu hi tương. Trung nguyệt nhi đàm, đàm nhi ẩm lễ tửu. Thủy ẩm tửu giả, tiên ẩm lễ tửu. Thủy thực nhục giả, tiên ẩm lễ tửu. Thủy thực nhục giả, tiên thực can nhục.

Phụ mẫu chi tang, cư ý lư, tắm triêm chắm khối, bất thoát diệt đới. Tề thời chi tang cư thất, hạ tiễn bất nạp. Đại công chi tang, tắm hữu tịch. Tiểu công tư ma, sàng khả dã. Thử ai chi phát ư cư xử giả dã.

Dịch nghĩa:

Tang của cha mẹ, con phải lo khóc lóc, ăn uống phải sơ sài, không ăn đồ ăn tươi. Đến kỳ “tiểu tường” mới được ăn đồ ăn tươi. Đến kỳ “đại tường”, nếu có làm lễ thì phải có thức ăn ngon. Khi nào hết hạn tang mới được uống rượu. Tục uống rượu thì đầu tiên (từ khi hết tang) hãy uống rượu ngọt. Tục ăn thịt thì đầu tiên (từ khi hết tang) hãy ăn thịt khô.

Tang cha mẹ, nên ở nhà tranh, ngủ kê đầu bằng gối cỏ, không nên cởi áo tang. Tang “Tề thời” thì ở nhà gỗ tạp, chiếu bện bằng cỏ bồ. Tang “Đại công” ngủ có thể trải chiếu. Tang “Tiểu công” thì có thể nằm giường (1). Nỗi bi ai lộ ra trong cách cư xử là vậy.

Chú thích:

(1)- Các loại tang “tề thời”, “đại công”, “tiểu công” là chia ra từng loại thân hay sơ, nặng hay nhẹ để phân biệt.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI TÁM

TAM NIÊN VẤN

Chương này thông qua hình thức hỏi đáp để xiển minh ý nghĩa của thời gian để tang. Trong đó, chủ yếu nói về thời gian để tang ba năm nên đặt tên chương là Tam niên vấn (hỏi về ba năm).

Nguyên văn:

三年问

三年之丧，何也？曰：称情而立文，因以饰群，别亲疏贵贱之节，而弗可损益也。故曰：无易之道也。创巨者其日久，痛甚者其愈迟。三年者，称情而立文，所以为至痛极也。斩衰苴杖，居倚庐，食粥，寝苦枕块，所以为至痛饰也。三年之丧，二十五月而毕，哀痛未尽，思慕未忘，然而服以是断之者，岂

不送死有已、复生有节也哉？

Âm âm:

1. Tam niên chi tang, hà dã? Viết: "Xưng tình nhi lập văn, nhân dĩ súc quần, biệt thân sơ quý tiện chi tiết, nhi phát khả tổn ích dã. Cố viết vô dịch chi đạo dã. Sáng cự giả kỳ nhật cửu, thống thậm giả kỳ dĩ trì. Tam niên giả, xưng tình nhi lập văn, sở dĩ vi chính thống cực dã. Trảm thời, thư trượng, cư ý lư, thực chúc, tẩm triêm, chăm khởi, sở dĩ vi chí thống súc dã. Tam niên chi tang, nhị thập ngũ nguyệt nhi tất, ai thống vị tận, tư mộ vị vong, nhiên nhi phục dĩ thị đoạn chi giả, khởi bất tống tử hữu dĩ, phục sinh hữu tiết dã tai?"

Dịch nghĩa:

1. Để tang ba năm là sao? Đáp: Đó là để tình cảm nhiều hay ít cho xứng với nghi lễ. Có nghi lễ ấy mới thể hiện sự giao thiệp trong xã hội, phân biệt thân hay sơ, xa hay gần, sang hay hèn. Cho nên đó là đạo không thể thay đổi. Một người đau nặng lâu ngày thì sự đau đớn càng kéo lâu. Thời gian để tang ba năm là tương xứng với tình thương tiếc đã thành nghi lễ, đó là giới hạn cao nhất cho lòng đau đớn nhất. Cũng có thể bày tỏ lòng tiếc thương hơn bằng cách như mặc áo tang bằng vải đay, cầm gậy trúc thô, ở trong lều tranh, ăn cháo, ngủ trên cỏ, gối đầu trên đất.

Để tang ba năm, nhưng mới hai mươi lăm tháng đã coi như xong, lòng bi ai đau khổ chưa hết, nhớ nhung chưa nguôi, nhưng sự quy định về tang phục đã hết. Quy định như thế phải chăng là biểu lộ tình cảm của ta đưa tiễn người thân đến đó là đủ và đó cũng là sự khôi phục cuộc sống bình thường của người sống chăng?

Nguyên văn:

凡生天地之间者，有血气之属，必有知。有知之属，莫不知爱其类。今是大鸟兽，则失丧其群匹，越月逾时焉，则必反巡，过其故乡，翔回焉，鸣号焉，踯躅焉，踟蹰焉，然后乃能去之。小者至于燕雀，犹有啁噍之顷焉，然后乃能去之。故有血气之属者，莫知于人；故人于其亲也，至死不穷。将由夫患邪淫之人与？则彼朝死而夕忘之，然而从之，则是曾鸟兽之不若也，夫焉能相与群居而不乱乎？将由夫修饰之君子与？则三年之丧，二十五月而毕，若驷之过隙，然而遂之，则是无穷也。故先王焉为之立中制节，壹使足以成文理，则释之矣。

Phiên âm:

2. Phàm sinh thiên địa chi gian giả, hữu huyết khí chi tuộc tất hữu tri, hữu tri chi thuộc mạc bất tri ái kỳ loại. Kim thị đại điều thú, tắc thất tang kỳ quần thất, việt nguyệt thấu thời yên, tắc tất phản tuần. Quá kỳ cố hương, tường hồi yên, minh hiệu yên, thích vô yên, tri trừ yên, nhiên hậu nãi năng khứ chi. Tiểu giả chí ư yến tước, do hữu điều tiêu chi khuynh yên, nhiên hậu nãi năng khứ chi. Cố hữu huyết khí chi thuộc giả mạc tri ư nhân, cố nhân ư kỳ thân dã, chí tử bất cùng. Tương do phu hoạn tà dâm chi nhân dư? Tắc bĩ triệu tử nhi tịch vang chi, nhiên nhi tông chi, tắc thị điều thú chi bất nhược dã, phu yên năng tương dữ quân cư nhi bất loạn hồ? Tương do phu tư sức chi quân tử dư? Tắc tam niên chi tang, nhị thập ngũ nguyệt nhi tất, nhược tứ chi quá khích, nhiên nhi toại chi, tắc thị vô cùng dã. Cố tiên vương yên vi chi lập trung chế tiết, nhất sử túc dĩ thành văn lý, tắc thích chi hĩ.

Dịch nghĩa:

2. Phàm sinh ra giữa trời đất, hễ loại động vật nào có huyết khí thì tất có tri giác. Tri giác không gì hơn bằng lòng yêu đồng loại. Như loại điều thú lớn nếu bị lạc mất bầy, thì tháng sau hoặc mùa sau, nó sẽ quay lại tìm ở chỗ ở cũ. Còn như nếu nó đi qua chỗ đã đẻ ra nó thì loài chim sẽ lượn vòng hoặc kêu vài tiếng trù trù như không muốn bỏ đi. Thế nhưng, trong các loài vật có huyết khí ấy, không loài nào hơn người ta, vì vậy người ta khi mất, người ta đau khổ đến chết chưa thôi. Những người tà dâm xấu xa cũng như vậy ư? Đối với loại người này, sáng (người thân) họ mới chết, đến chiều họ đã quên. Nếu bắt chước họ thì kém cả loài cầm thú. Oi, có thể sống hỗn độn mà không loạn ư? Hay là làm theo các bậc quân tử? Họ cho rằng tang ba năm chỉ cần giữ hai mươi lăm tháng là đủ vì thời gian như bóng ngựa vụt qua cửa mà đau khổ thì vô cùng. Cho nên, các tiên vương xưa lập ra chế tiết để đủ thành văn lý, vấn đề đã được giải quyết tự nhiên vậy.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI CHÍN

THÂM Y

Chương này chủ yếu giảng giải về ý nghĩa các loại chế độ của “áo đen” (thâm y). Khổng Dĩnh Đạt cho rằng “thâm y” là loại y phục của chức hầu, đại phu và bậc sĩ khi có tang. Nhưng lại có người bảo “thâm y” là loại áo mặc khi rảnh rỗi không bận việc quan. Chương này dùng tượng số để giảng giải chế “thâm y” đây ảnh hưởng của bọn âm dương gia mê tín nên chúng tôi không dịch.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI

ĐẦU HỒ

Chương này ghi chép về quy cách và lễ tiết khi chơi “đầu hồ”. Đầu hồ là một loại bài bạc đùa chơi của bọn đại phu và sĩ thời cổ đại mỗi khi yến ẩm cùng nhau. Chương này vừa chép sai lạc nhiều vừa vô ích với thời nay nên chúng tôi cũng loại bỏ.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯỜI MỐT

NHO HẠNH

Chương này gồm những câu đàm thoại giữa Khổng Tử và Lỗ Ai công thuật lại những đức hạnh cần thiết của nhà Nho nên gọi là Nho hạnh. Chương này quy định đủ các loại về phẩm đức, hành vi, mục đích nêu lên những đặc điểm về dung mạo, hành xử thiết yếu.

Nguyên văn:

儒行

鲁哀公问于孔子曰：“夫子之服，其儒服与？”孔子对曰：“丘少居鲁，衣逢掖之衣。长居宋，冠章甫之冠。丘闻之也：君子之学也博，其服也乡。丘不知儒服。”

哀公曰：“敢问儒行。”孔子对曰：“遽数之，不能终其物。悉数之，乃留，更仆未可终也。”

哀公命席。孔子待曰：“儒有席上之珍以待聘，夙夜强学以待问，怀忠信以待举，力行以待取。其自立有如此者。”

Phiên âm:

1. Lỗ Ai công vấn ư Khổng Tử viết: "Phu tử chi phục, kỳ nho phục dư?" Khổng Tử đối viết: "Khâu thiếu cư Lỗ, y phùng dịch chi y. Trường cư Tống, quan chương phủ chi quan. Khâu văn chi dã: quân tử chi học dã bác, kỳ phục dã hương. Khâu bất tri nho phục."

Ai công viết: "Cảm vấn nho hạnh" Khổng Tử đối viết: "Cử sở chi, bất năng chung kỳ vật. tất sở chi, nãi lâu, cánh bộc vị khả chung dã." Ai công mệnh tịch, Khổng Tử thị, viết: "Nho hữu tịch thượng chi trần dĩ đãi sinh, túc dạ, cường học dĩ đãi vấn, hoài trung tín dĩ đãi cử, lực hành dĩ đãi thủ. Kỳ tự lập hữu như thử giả."

Dịch nghĩa:

1. Lỗ Ai công hỏi Khổng Tử:

- Quần áo mà thấy mặc trên người đó có phải là y phục của nhà Nho chăng?

Khổng Tử đáp:

- Thuở bé, Khâu tôi ở nước Lỗ đã mặc loại áo lớn. Lớn lên, tôi ở nước Tống, tôi lại đội loại mũ Chương quan của Tống. Khâu tôi nghe rằng: cái học của người quân tử uyên bác rộng rãi mà y phục nên như mọi người. Khâu tôi không biết nhà Nho cần có gì đặc biệt cả.

Ai công lại hỏi:

- Dám xin hỏi về đức hạnh của nhà Nho.

Khổng Tử đáp:

- Điều này không thể nói trong vài câu. Muốn rõ, ngài hãy ở lại đây vì e rằng các nô bộc đổi phiên cho nhau rồi, tôi vẫn chưa nói xong đâu.

Ai công sai trái chiếu (tỏ ý thành thật muốn nghe), Khổng Tử hầu một bên, nói:

- Nhà Nho có loại như vật báu chờ đợi dâng tặng, loại này học tập đêm ngày để chờ người hỏi tới, trong lòng họ đủ trung tín mong được đề cử, họ cố hết sức mình đợi được sử dụng. Đó là loại nhà Nho tự lập thế đấy.

Nguyên văn:

“儒有衣冠中，動作慎；其大让如慢，小让如伪，大则如威，小则如愧；其难进而易退也。粥粥若无能也。其容貌有如此者。

Phiên âm:

2. Nho hữu y quan giả, động tác thận. Kỳ đại nhượng như mạn, tiểu nhượng như ngụy, đại tắc như uy, tiểu tắc như quý. Kỳ nan tiến nhi dị thoái dã, chúc chúc nhược vô năng dã. Kỳ dung mạo hữu như thử giả.

Dịch nghĩa:

2. Có loại nhà Nho chú ý vào áo quần, động tác của họ cẩn thận. Nếu bị vi phạm tới phẩm cách, họ cự tuyệt thẳng thắn, thái độ như là ngạo mạn, nhưng nếu là chuyện nhỏ nhặt, họ cũng khiêm nhượng. Chuyện lớn thì họ ra uy, chuyện nhỏ thì họ lấy làm thẹn. Dáng vẻ họ bước lên như khó mà lui lại thì dễ (1), mềm yếu giống như không đủ năng lực. Dung mạo họ là như vậy đấy.

Chú thích:

(1)- Nhà Nho giữ lễ khi bước lên phải vái ba lần, nên gọi là khó tiến, nhưng nếu từ chối thì chỉ một câu là đi ngay, nên gọi là dễ lui.

Nguyên văn:

“儒有居处齐难，其坐起恭敬，言必先信，行必中正，道途不争险易之利，冬夏不争阴阳之和；爱其死以有待也，养其身以有为也。其备豫有如此者。

Phiên âm:

3. Nho hữu cư xử tế nan, kỳ tọa khởi cung kính, ngôn tất tiên tín, hành tất trung chính, đạo đồ bất tranh hiểm dịch chi lợi, đông hạ bất tranh âm dương chi hòa. Ai kỳ tử dĩ hữu dài dã, dưỡng kỳ thân dĩ hữu vi dã. kỳ bị dự hữu như thử giả.

Dịch nghĩa:

3. Có loại nhà Nho chú ý vào cách cư xử, lúc ngồi hay lúc đứng đều cung kính. Lời nói của họ lấy chữ tín làm đầu, việc làm của họ nhất định trung chính. Họ đi trên đường không tranh chỗ lợi dành chỗ nguy hiểm cho người, mùa hạ hay mùa đông họ không dành lấy sự điều hòa của âm dương. Họ không tranh chấp với người khác như tiếc rẻ mạng sống của mình nhưng họ không sợ chết mà vui vẻ đợi nó đến. Họ nuôi dưỡng thân mình để đợi lúc hành động. Họ cần thận lo đầy đủ như thế đấy.

Nguyên văn:

“儒有不宝金玉，而忠信以为宝；不祈土地，立义以为土地；不祈多积，多文以为富；难得而易禄也，易禄而难畜也。非时不见，不亦难得乎？非义不合，不亦难畜乎？先劳而

后禄，不亦易禄乎？其近人有如此者。

Phiên âm:

4. Nho hữu bất bảo kim ngọc, nhi trung tín dĩ vi bảo; bất kỳ thổ địa, lập nghĩa dĩ vi thổ địa; bất kỳ đa tích, đa văn dĩ vi phú. Nan đắc nhi dị lộc dã, dị lộc nhi nan súc dã. Phi thời bất kiến, bất diệc nan đắc hồ? Phi nghĩa bất hợp, bất diệc nan súc hồ? Tiên lao nhi hậu lộc, bất diệc dị lộc hồ? Kỳ cận nhân hữu như thử giả.

Dịch nghĩa:

4. Có loại nhà Nho không cho rằng vàng ngọc là quý giá mà chỉ cho trung tín mới quý giá; họ không tích chứa đất đai mà lấy việc Nghĩa làm đất đai; họ không tích chứa của cải mà lấy Văn chương làm sự giàu có. Khó được họ giúp nhưng lại dễ nếu có tước lộc đúng với Lễ nghĩa (mà mời họ). Khó dùng tước lộc dụ hoặc họ nhưng dễ nếu để họ có thời gian hàm dưỡng uẩn súc. Nếu không phải thời họ không gặp, không phải là khó được đấy ư? Nếu không phải Nghĩa họ không hợp tác, không phải là khó hàm dưỡng uẩn súc đấy ư? Trước tiên khó nhọc, sau mới chịu lộc, không phải dễ có lộc đấy ư? Nhà Nho gần người là như thế đấy.

Nguyên văn:

“儒有委之以货财，淹之以乐好，见利不亏其义；劫之以众，沮之以兵，见死不更其

守；鸷虫攫搏，不程勇者；引重鼎，不程其力；往者不悔，来者不豫；过言不再，流言不极；不断其威，不习其谋。其特立有如此者。

Phiên âm:

5. Nho hữu ủy chi dĩ hóa tài, yêm chi dĩ lạc hảo, kiến lợi bất khuy kỳ nghĩa. Kiếp chi dĩ chúng thư chi dĩ binh, kiến tử bất cánh kỳ thủ. Chí trùng quốc bác bất trình dũng giả, dẫn rọng đỉnh bất trình kỳ lực, vãng giả bất hối, lai giả bất dự. Quá ngôn bất tái, lưu ngôn bất cực. Bất đoạn kỳ uy, bất tập kỳ mưu. Kỳ đặc lập như thử giả.

Dịch nghĩa:

5. Có loại nhà Nho không thể dùng tiền tài mua chuộc (được họ). Không thể dùng an vui sung sướng bao vây họ, họ thấy lợi không làm tổn hại đến Nghĩa. Nếu lấy đông người để uy hiếp họ, lấy binh khí đe dọa họ thì họ thà chết vẫn giữ vững chí mình. Có lúc vì biểu dương chính nghĩa mà họ liều chết đấu tranh với những thế lực độc ác của xã hội, vì đại nghĩa mà họ hăng hái dũng cảm đấu tranh đến cùng, không cần suy nghĩ lực lượng của bản thân có đủ hay không. Họ lấy sự an nguy của thiên hạ làm trách nhiệm bản thân, thấy việc đúng là làm không ân hận vì đã làm việc Nghĩa, cũng không cần suy xét sức mình ra sao. Tất cả chỉ vì nghĩa nên việc đã làm rồi họ không ân hận. Họ không lo lắng về thành bại sau này, chỉ cần việc

đúng phải làm là làm. Còn nếu họ sai sẽ cố gắng sửa chữa để không tái phạm, còn với chuyện vu vơ họ không truy xét tới cùng. Họ không dùng uy thế của mình ra để quyết đoán công việc, cũng không học theo những mưu mô. Loại nhà Nho ấy có những đặc điểm khác người như vậy đấy.

Nguyên văn:

“儒有可亲而不可劫也，可近而不可迫也，可杀而不可辱也。其居处不淫，其饮食不溇，其过失可微辨而不可面数也。其刚毅有如此者。

Phiên âm:

6. Nho hữu khả tân nhi bất khả kiếp dã, khả cận nhi bất khả bức dã, khả sát nhi bất khả nhục dã. Kỳ cư xử bất dâm, kỳ ẩm thực bất nhục, kỳ quá thất khả vi biện nhi bất khả diện số dã. Kỳ cương nghị hữu như thử giả.

Dịch nghĩa:

6. Có loại nhà Nho chỉ có thể thân cận mà không thể uy hiếp, có thể gần gũi mà không thể ép buộc, có thể giết (họ) mà không thể làm nhục (họ được). Họ cư xử không dâm muốn nhiều, họ ăn uống không cần ngon quá, những lỗi lầm của họ có thể từ tốn nhẹ nhàng

mà nói chứ không thể nói bừa bãi trước mặt họ. Họ cương nghị như thế đấy.

Nguyên văn:

“儒有忠信以为甲冑，礼义以为干櫓；戴仁而行，抱义而处；虽有暴政，不更其所。其自立有如此者。

Phiên âm:

7. Nho hữu trung tín dĩ vi giáp trụ, lễ nghĩa dĩ vi can lổ. Đái nhân nhi hành, bào nghĩa nhi xử, tuy hữu bạo chính, bất canh kỳ sở. Kỳ tự lập hữu như thử giả.

Dịch nghĩa:

7. Có loại nhà Nho dùng lòng trung tín làm giáp trụ, dùng lễ nghĩa làm khiên mộc chống đỡ. Họ hành động theo lòng Nhân, cư xử theo Đạo Nghĩa. Tuy có chính quyền bạo ngược tàn ác, cũng không làm họ thay đổi được. Sự tự lập của họ là như vậy đấy.

Nguyên văn:

“儒有一亩之宫，环堵之至，竿门圭甬，

蓬户瓮牖；易衣而出，并日而食；上答之，不敢以疑；上不答，不敢以谄。其仕有如此者。

Phiên âm:

8. Nho hữu nhất mẫu chi cung, hoàn đồ chi thất, tất môn khúc du, bổng hộ ung dữ. Dịch y nhi xuất, tính nhật nhi thực. Thượng đáp chi bất cảm dĩ nghi, thượng bất đáp bất cảm dĩ siểm. Kỳ sĩ hữu như thử dã.

Dịch nghĩa:

8. Có loại nhà Nho nhà ở chỉ có khoảng một mẫu, tường vây làm nhà, cửa vào kết bằng gai, đục tường làm cửa sổ, cửa sổ tròn nhỏ như miệng chén. Chỉ có một bộ quần áo thay đổi khi đi ra ngoài, ngày chỉ ăn một bữa. Người trên có dùng tới thì không dám ngờ vực, người trên không dùng tới cũng không cần siểm nịnh. Kẻ sĩ có loại như thế đấy.

Nguyên văn:

“儒有今人与居，古人与稽；今世行之，后世以为楷；适弗逢世，上弗援，下弗推，谗谄之民有比党而危之者；身可危也，而志不

可夺也；虽危，起居竟信其志，犹将不忘百姓之病也，其忧思有如此者。

Phiên âm:

9. Nho hữu kim nhân dữ cư, cổ nhân dữ kê. Kim thế hành chi, hậu thế dĩ vi khải. Thích phát phùng thế, thượng phát viên, hạ phát thối, diễm dụ chi dân hữu tĩ đẳng nhi nguy chi giả, thân khả nguy dã, nhi khí bất khả đoạt dã. Tuy nguy khởi cư, canh tín kỳ chí, do tương bất vong bách tính chi bệnh dã. Kỳ ưu tư như thử giả.

Dịch nghĩa:

9. Có loại nhà Nho tuy sống với người hiện tại nhưng luôn luôn kê cứu học tập người xưa. Tuy làm việc ở đời nay nhưng lại luôn luôn làm gương cho đời sau. Nếu không gặp thời thế, người trên không giúp họ, kẻ dưới không tôn sùng họ, bọn du nhĩng đẩy họ vào chỗ nguy nan có thể làm nguy cho thân họ nhưng không thể cướp đoạt chí khí của họ. Tuy họ sống trong thế nguy nhưng chí họ vẫn tin tưởng và không quên sự đau khổ của trăm họ. Loại nhà Nho ấy ưu tư lo lắng (cho đời) như vậy đấy.

Nguyên văn:

“儒有博学而不穷，笃行而不倦，幽居而不淫，上通而不困；礼之以和为贵，忠信之

美，优游之法；举贤而容众，毁方而瓦合。其宽裕有如此者。

Phiên âm:

10. Nho hữu bác học nhi bất cùng, đốc hành nhi bất quyên, u cư nhi bất dâm, thượng thông nhi bất khốn. Lễ xhi dĩ hòa vi quý, trung tín chi mỹ, ưu du chi pháp. Mộ hiễn nhi dung chúng, hỷ phương nhi ngõa hợp. Kỳ khoan dụ hữu như thử giả.

Dịch nghĩa:

10. Có loại nhà Nho học rộng mà không có hạn định nào là cùng tận, làm việc chăm chỉ không mệt mỏi, ở vào cảnh cùng khốn cũng không làm điều bất nghĩa. Gặp lúc thông không cho làm khó khăn (cho ai), gặp lúc đạt cũng không rời xa đạo. Họ coi lễ là nghiêm mật nhưng dùng sự hòa hợp làm quý. Trung tín là bản chất của lễ nên họ coi trung tín là đẹp đẽ và phong cách của họ là hòa hoãn. Họ hâm mộ người hiễn nhưng vẫn sẵn sàng dung nạp tất cả và không có ý phân biệt với ai. Nhà Nho khoan dung rộng rãi như thế đấy.

Nguyên văn:

“儒有内称不辟亲，外举不辟怨；程功积事，推贤而进达之，不望其报；君得其志，苟

利国家，不求富贵。其举贤援能有如此者，

Phiên âm:

11. Nho hữu nội xứng bất tịch thân, ngoại cử bất tịch oán. Trình công tích sự, thôi hiền nhi tiến đạt chí. Bất vọng kỳ báo. Quân đắc kỳ chí. Cầu lợi quốc gia, bất cầu phú quý. Kỳ cử hiền viện năng hữu như thử giả.

Dịch nghĩa:

11. Có loại nhà Nho trong thì đề cử những người xứng đáng chứ không vì (đó là) người thân hay không, ngoài thì đề cử những người không kể gì là ân hay oán. Sau sự kiểm tra năng lực, nhà Nho như thế đề cử người hiền mà không mong được ai báo ân. Bậc quân vương có dùng chí của họ để làm lợi cho nước nhà, họ cũng không cầu mong phú quý. Loại nhà Nho đề cử người hiền như thế đấy.

Nguyên văn:

“儒有闻善以相告也，见善以相示也，爵位相先也，患难相死也，久相待也，远相致也。其任举有如此者。

Phiên âm:

12. Nho hữu văn thiện dĩ tương cáo dã, kiến thiện dĩ tương thị dã, ước vị tương tiên dã, hoạn nạn tương tử dã, cứu tương đãi dã, viễn tương chí dã. Kỳ nhiệm cử hữu như thử dã.

Dịch nghĩa:

12. Có loại nhà Nho nghe được điều gì hay liền nói cho nhau cùng biết, gặp điều gì thì chỉ cho nhau cùng thấy. Gặp cơ hội thắng thưởng tước vị, họ nhường cho nhau được trước, gặp hoạn nạn họ cùng chết với nhau. Họ đối đãi với nhau như vậy lâu dài, dù bạn ở xa họ cũng chờ đợi tới với nhau cùng làm việc. Họ nhường nhau giữ trách nhiệm là như thế đấy.

Nguyên văn:

“儒有澡身而浴德，陈言而伏，静而正之，上弗知也；粗而翘之，又不急为也；不临深而为高，不加少而为多；世治不轻，世乱不沮；同弗与，异弗非也。其特立独行有如此者。

Phiên âm:

13. Nho hữu thao thân nhi dục đức, trần ngôn nhi phục, tĩnh nhi chính chí, thượng phát tri dã. Thô nhi kiêu chí, hựu bất cập vi dã. Bất lâm thâm nhi vi cao, bất gia thiếu nhi vi đa. Thế trị bất khinh, thế loạn bất thục. Đồng phát dĩ, dị phát phi dã. Lý đặc lập độc hành hữu như thử giả.

Dịch nghĩa:

13. Có loại nhà Nho giữ gìn phẩm chất trong sạch, tầm gọi trong đạo đức không dấy vào việc nơh bần. Làm việc với người trên, họ chỉ mong ý kiến của mình được tiếp nhận, không mong được khen tặng. Họ xuống sâu không tự cho là cao, họ có ít không tự cho là có nhiều. Gặp đời trị họ không khinh thường, gặp thời loạn họ không thay chí. Nếu cùng ở được với chỗ có người giống mình, họ không vì vậy mà tán dương, nếu như có người không giống mình, họ cũng không vì vậy mà công kích. Loại nhà Nho hành sự độc lập khác người như vậy đấy.

Nguyên văn:

儒有上不臣天子，下不事诸侯；慎静而尚宽，强毅以与人，博学以知服；近文章，砥

厉廉隅；虽分国，如锱铢；不臣，不仕。其规为有如此者。

Phiên âm:

14. Nho hữu thượng bất thần thiên tử, hạ bất sự chư hầu, thận tĩnh nhi thượng khoan, cương nghị dĩ dĩ nhân, bác học dĩ tri phục. Cận văn chương để lệ liêm ngưng. Tuy phân quốc như tri thù, bất thần bất sĩ. Kỳ quy vi hữu như thử giả.

Dịch nghĩa:

14. Có loại nhà Nho (không phải việc gì) cũng nghe lệnh thiên tử, (không phải hoàn cảnh nào) cũng thờ chư hầu, hết sức cẩn thận nghiêm túc nhưng lại khoan dung, cứng rắn kiên nghị với người, lấy sự học rộng để người phải phục. Thành thực văn chương nhưng vẫn rèn luyện những hành vi bình thường. Tuy chia cho họ một quốc gia đi nữa, họ vẫn không tùy tiện làm thần tôi hầu kẻ sĩ. Tự giữ quy củ cho bản thân là loại nhà Nho thế đấy.

Nguyên văn:

“儒有合志同方，营道同术；并立则乐，相下不厌；久不相见，闻流言不信；其行本

方立义；同而进，不同而退。其交友有如此者。

Phiên âm:

15. Nho hữu hợp chí đồng phương, doanh đạo đồng thuật. Tính lập tắc lạc, tương hạ bất yếm. Cửu bất tương kiến, văn lưu ngôn bất tín. Kỳ hành bản lập nghĩa, đồng nhi tiến, bất đồng nhi thoái. Kỳ giao hữu hữu như thủ giả.

Dịch nghĩa:

15. Có loại nhà Nho giao thiệp với bạn phải chọn những người cùng chí hướng, cùng tu đạo thuật. Ngang cùng nhau (về mặt đạo đức) mới vui hòa mà dù dưới mình cũng không chán ghét. Tuy cách xa nhau nhưng không tin vào những lời bừa bãi. Hành vi của họ vốn cùng Nghĩa nên cùng tiến với nhau chứ không thể lùi. Loại nhà nho giao thiệp với bạn như thế đấy.

Nguyên văn:

“温良者，仁之本也。敬慎者，仁之地也。宽裕者，仁之作也。孙接者，仁之能也。礼节者，仁之貌也。言谈者，仁之文也。歌乐

者，仁之和也。分散者，仁之施也。儒皆兼此而有之，犹且不敢言仁也。其尊让有如此者。

Phiên âm:

*16. Ôn lương giả, nhân chi bản dã. Kính thận giả, nhân chi địa dã. Khoan dụ giả, nhân chi tác dã. Tôn tiếp giả, nhân chi năng dã. Lễ tiết giả, nhân chi mao dã. Ngôn đàm giả, nhân chi văn dã. Ca nhạc giả, nhân chi hòa dã. Phân tán giả, nhân chi thi dã. Nho giai kiêm thủ nhi hữu chi, do thả bất cảm ngôn nhân dã. Kỳ tôn nhượng hữu như thử giả. **

Dịch nghĩa:

16. Loại nhà Nho có tính cách ôn hòa lương thiện, vì họ coi lòng “Nhân” là căn bản. Loại nhà Nho kính cẩn thận trọng, vì họ coi lòng “Nhân” là đất đứng. Loại nhà Nho có tấm lòng khoan dung rộng rãi, vì họ coi lòng “Nhân” là rộng lớn. Loại nhà Nho khiêm tốn, vì họ coi lòng “Nhân” là tài năng. Loại nhà Nho giữ lễ tiết, vì họ coi lòng “Nhân” thể hiện ra dung mạo. Trong lúc nói năng bàn luận, họ coi “Nhân” là văn. Loại nhà Nho thích âm nhạc, vì họ coi lòng “Nhân” là hòa điệu. Loại nhà Nho đem phân tán lòng “Nhân” cho người khác, vì đó là cách họ thi hành “Nhân” vậy. Nhà Nho có thể kiêm hết được những hình thức của Nhân ấy nhưng họ không dám tự nhận là mình Nhân. Họ khiêm nhường như vậy đấy.

Nguyên văn:

“儒有不陨获于贫贱，不充诎于富贵，不
恩君王，不累长上，不闵有司，故曰儒。今
众人之命儒也妄常，以儒相诟病。”

孔子至舍，哀公馆之，闻此言也，言加
信，行加义：“终没吾世，不敢以儒为戏。”

Phiên âm:

17. “Nho hữu bất vãn hoạch ư bần tiện, bất sung khuất ư phú quý,
bất hốn quân vương, bất lụy trưởng thượng, bất mẫn hữu ty, cố viết
Nho. Kim chúng nhân chi mệnh Nho dã vong, thường dĩ Nho tượng
cấu bệnh”. Khổng tử chí xá. Ai công quán chi, vãn thử ngôn dã,
ngôn gia tín, hành gia nghĩa: “Chung một ngô thế, bất cảm dĩ Nho vi
hí”.

Dịch nghĩa:

17. “Nhà Nho tuy ở trong hoàn cảnh nghèo khó mà không suy
sụp (về tinh thần), tuy ở trong giàu sang mà không kiêu căng (về
vật chất), không làm khốn đốn tới quân vương, không làm tổn hại
tới bậc trưởng thượng, không vì sự kềm chế của quan chức mà chán

nản, vì vậy mới gọi là nhà Nho. Hiện nay, có nhiều người nhận là nhà Nho một cách bừa bãi, nên thường chỉ trích là chỉ trích những nhà Nho giả đó”. Khổng Tử đến nhà (ở nước Lỗ), Ai công đến đón mới được nghe những lời (bàn về hành vi đức hạnh của nhà Nho như trên) ấy. Vua càng tin và nói thêm:

- Suốt đời ta, ta không dám đem nhà Nho ra mà đùa giỡn nữa!.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI HAI

ĐẠI HỌC

"Đại học" phương pháp học tập căn bản dưới thời cổ đại. Nó luận thuật về nguyên tắc và mục đích của việc học. Chương này tương truyền là do Tăng tử chép lại. Đạo của Đại học bao gồm đoạn đầu là quan trọng nhất, đó là "Minh minh đức" (làm sáng cái đức sáng), "Thân dân", "Chí thiện".

Sau đây là toàn chương.

Nguyên văn:

大学

大学之道，在明明德，在亲民，在止于至善。知止而后有定，定而后能静，静而后能安，安而后能虑，虑而后能得。物有本末，事有终始。知所先后，则近道矣。

Phiên âm:

1. Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân (1), tại chí u chí thiện. Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc. vật hữu bản末, sự hữu chung thủy. tri sở tiên hậu tắc cận đạo hĩ.

Dịch nghĩa:

1. Đạo của đại học là ở chỗ làm sáng tỏ đức sáng của mình, làm mới đức sáng của dân và đứng vững ở chỗ chí thiện. Biết chỗ đứng vững rồi sau mới có thể định, định rồi sau mới tĩnh, tĩnh rồi sau mới an, an rồi sau mới có thể suy nghĩ, suy nghĩ rồi sau mới đạt được. Vạn vật đều có gốc có ngọn, sự việc đều có đầu có cuối, biết được cái gì trước cái gì sau là gần với đạo vậy.

Chú thích:

(1)- *Thân dân*: theo Trình tử phải là *tân dân* (làm cho dân mới).

Nguyên văn:

古之欲明明德于天下者，先治其国。欲治其国者，先齐其家。欲齐其家者，先修其身。欲修其身者，先正其心。欲正其心者，先诚其意。欲诚其意者，先致其知。致知在格物。物格而后知至，知至而后意诚，意诚而后心正，心正而后身修，身修而后家齐，家

齐而后国治，国治而后天下平。自天子以至于庶人，壹是皆以修身为本，其本乱而末治者否矣。其所厚者薄，而其所薄者厚，未之有也。此谓知本，此谓知之至也。

Phiên âm:

2. Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc. Dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia. Dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân. Dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm. Dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý. Dục thành kỳ ý giả, tiến tử kỳ tri, tri tri tại cách vật. vật cách nhi hậu tri chí, tri chí nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chính, tâm chính nhi hậu thân tu, thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị, quốc trị nhi hậu thiên hạ bình. Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản, kỳ bản loạn nhi末 trị giả phủ hĩ. kỳ sở hậu giả bạc, nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hữu dã. Thử vị tri bản, thử vị chí dĩ dã.

Dịch nghĩa:

2. Người xưa muốn làm sáng tỏ đức sáng trong thiên hạ (thì) trước tiên phải trị (an được) nước mình. Muốn trị (an được) nước mình, trước tiên phải làm chỉnh tề được nhà mình. Muốn làm chỉnh tề được nhà mình, trước tiên phải tu sửa thân mình. Muốn tu sửa

thân mình, trước tiên phải thành thực ý mình. Muốn thành thực ý mình, trước tiên phải thấu triệt sự hiểu biết của mình. Thấu triệt sự hiểu biết là nhờ nghiên cực tận cái lý của sự vật. Thấu triệt sự vật rồi sau sự hiểu biết mới tới, biết tới nơi rồi ý mới thành thực. Ý thành thực rồi lòng mới ngay thẳng. Lòng ngay thẳng rồi mới tu sửa được thân mình. Tu sửa thân mình rồi nhà mới chính tề được. Nhà chính tề rồi nước mới an thịnh. Nước an thịnh rồi thiên hạ mới thái bình. Từ bậc thiên tử cho tới mọi dân thường, ai ai cũng coi sự tu sửa thân mình là gốc. Gốc rối loạn mà mong ngọn an thịnh (thì) sao được. Bạc bẽo với chỗ phải nông hậu mà mong chỗ bạc bẽo ấy được nông hậu là điều không thể có, như vậy gọi là gốc đấy, như vậy gọi là biết đến nơi đấy.

Nguyên văn:

所谓诚其意者，毋自欺也。如恶恶臭，如好好色，此之谓自谦。故君子必慎其独也。小人闲居为不善，无所不至，见君子而后厌然，掩其不善而著其善。人之视己，如见其肺肝然，则何益矣！此谓诚于中，形于外，故君子必慎其独也。曾子曰：“十目所视，十手所

指，其严乎！”富润屋，德润身，心广体胖，故君子必诚其意。

Phiên âm:

3. Sở vị thành kỳ ý giả, vô tự khi dã. Khư ố ố xú, như hiếu hiếu sắc, thử chi vị tự khiêm. Cố quân tử tất thận kỳ độc dã. Tiểu nhân cư vi bất thiện, vô sở bất chí, kiến quân tử nhi hậu yếm nhiên, yếm kỳ bất thiện nhi tứ kỳ thiện. Nhân chi thị kỷ, như kiến kỳ phế can nhiên, tắc hà ích hĩ! Thử vị thành ư trung, hình ư ngoại, cố quân tử tất thận cơ độc dã. Tăng tử viết: "Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ, kỳ nghiêm hồ!" Phú nhuận ốc, đức nhuận thân, tâm quảng thể bạn, cố quân tử tất thành kỳ ý.

Dịch nghĩa:

3. Gọi là thành ý là không tự lừa dối mình ví như ghét mùi hôi, thích sắc đẹp. Đó gọi là tự lòng mình thỏa mãn thành thực, cho nên người quân tử phải thận trọng khi chỉ có một mình. Kẻ tiểu nhân nhàn rỗi thì làm việc bất thiện, không gì không làm. Khi nhìn thấy người quân tử thì (chúng tiểu nhân) bẽn lẽn che đậy, giấu cái ác mà phô diễn thiện ra nhưng vẫn bị nhìn thấu rõ cả gan ruột, đâu có ích lợi gì! Cho nên nói: việc gì thực có ở bên trong thì sẽ hiện ra ngoài hình dáng, cho nên người quân tử cần phải cẩn trọng khi chỉ có một mình. Tăng tử (1) nói: "Mười mắt cùng trông, mười tay cùng chỉ, nghiêm khắc sao!" Giàu có làm đẹp nhà, đức làm đẹp thân, lòng rộng rãi thì thân thể thư thái, cho nên người quân tử phải giữ cái ý cho thành thực.

Chú thích:

(1)- *Tăng tử*: tên Sâm, họ Tăng, tự Tử Du, học trò của Khổng Tử.

Nguyên văn:

所谓修身在正其心者：身有所忿懣，则不得其正；有所恐惧，则不得其正；有所好乐，则不得其正；有所忧患，则不得其正。心不在焉，视而不见，听而不闻，食而不知其味。此谓修身在正其心。

Phiên âm:

4. Sở vị tu thân tại chính kỳ tâm giả: thân hữu sở phẫn si, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở khủng cu, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở hiếu lạc, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở ưu hoạn, tắc bất đắc kỳ chính. Tâm bất tại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị. Thử vị tu thân tại chính kỳ tâm.

Dịch nghĩa:

4. Gọi là muốn tu sửa thân cần phải làm cho mình ngay thẳng là: thân có uất giận thì không ngay thẳng được; có sự sợ hãi thì không ngay thẳng được; có sự lo lắng thì không ngay thẳng được. Tâm

không để vào việc thì nhìn cũng không thấy, nghe cũng không rõ, ăn cũng không biết mùi vị. Như vậy gọi là muốn tu sửa thân cần phải làm cho mình ngay thẳng vậy.

Nguyên văn:

所谓齐其家在修其身者：人之其所亲爱而辟焉，之其所贱恶而辟焉，之其所畏敬而辟焉，之其所哀矜而辟焉，之其所敖惰而辟焉。故好而知其恶，恶而知其美者，天下鲜矣。故谚有之曰：“人莫知其子之恶，莫知其苗之硕。”此谓身不修不可以齐其家。

Phiên âm:

5. Sở vị tề kỳ gia tại tu kỳ thân giả: nhân chi kỳ sở thân ái chi tích yên, chi kỳ sở tiện ố nhi tích yên, chi kỳ sở úy kính nhi tích yên, chi kỳ sở ai khâm nhi tích yên, chi kỳ sở ngạo nọa nhi tích yên. Cố hiếu nhi tri kỳ ố, ác nhi tri kỳ mỹ giả, thiên hạ tiển hĩ. Cố ngạn hữu chi viết: "nhân mạc tri kỳ tử chi ác, mạc tri kỳ miếu chi thạc." Thử vị thân bất tu bất khả dĩ tề kỳ gia.

Dịch nghĩa:

5. Gọi là muốn tề chỉnh nhà phải tu sửa thân là: người ta thường

hay vì lòng yêu mà thiên lệch; vì khinh ghét mà thiên lệch; vì kính sợ mà thiên lệch; vì thương sót mà thiên lệch; vì kiên cố lười biếng mà thiên lệch. Cho nên yêu mà vẫn biết chỗ xấu, ghét mà vẫn biết chỗ tốt (của người khác) rất ít có trong thiên hạ. Cho nên ngàn năm có câu: "Không ai biết con mình xấu, không ai biết ruộng mình tốt". đó gọi là muốn tu sửa thân không thể không chỉnh tề nhà mình vậy.

Nguyên văn:

所谓治国必先齐其家者，其家不可教而能教人者，无之，故君子不出家而成教于国。孝者，所以事君也；悌者，所以事长也；慈者，所以使众也。《康诰》曰：“如保赤子。”心诚求之，虽不中不远矣。未有学养子而后嫁者也。一家仁，一国兴仁；一家让，一国兴让；一人贪戾，一国作乱。其机如此，此

Phiên âm:

6. Sở vị trị quốc tất tiên tề kỳ gia giả, kỳ gia bất khả giáo nhi năng giáo nhân giả, vô chi, cố quân tử bất xuất gia nhi thành giáo ư quốc. Hiếu giả, sở dĩ sự quân dã; để giả, sở dĩ sự trưởng dã; từ giả, sở dĩ sử chúng dã. “Khang cáo” viết: “Như bảo xích tử”. Tâm thành cầu chi, tuy bất trúng bất viễn hĩ, vị hữu hạp dưỡng tử nhi hậu giá giả dã. Nhất gia nhân, nhất quốc hưng nhân; nhất gia nhượng, nhất quốc hưng nhượng; nhất nhân tham lệ, nhất quốc tác loạn. Kỳ cơ như thủ, thủ vị nhất ngôn phần sự, nhất nhân dịch quốc.

Dịch nghĩa:

6. Gọi là muốn yên trị nước, trước tiên phải chỉnh tề nhà mình (vì) không dạy được nhà mình mà lại có thể dạy được người (khác) là việc không có. Cho nên người quân tử không ra khỏi nhà mà vẫn dạy được cả nước. Người có lòng “hiếu” có thể thờ vua, người có lòng “để” có thể thờ bậc trưởng thượng; người có lòng “từ” có thể sai sử nhiều người được. Thiên “Khang cáo” viết: “Như giữ gìn con đỏ” Lấy tâm thành mà tìm cầu, tuy không đúng cũng không (đến nỗi) sai xa quá. Chưa có ai học nuôi con sau mới lấy chồng vậy. Một nhà có lòng nhân thì cả nước hưng khởi làm điều nhân; một nhà có lòng khiêm nhượng thì cả nước hưng khởi điều khiêm nhượng. Một người tham bạo thì cả nước làm loạn. cái máy phát động như thế đấy, cho nên mới nói, một người làm hỏng việc, còn một người (khác) ổn định được nước.

Chú thích:

(1)- *Khang cáo*: tên một thiên trong Kinh Thi.

Nguyên văn:

尧、舜率天下以仁，而民从之。桀、纣率天下以暴，而民从之。其所令反其所好，而民不从。是故君子有诸己而后求诸人，无诸己而后非诸人。所藏乎身不恕，而能喻诸人者，未之有也。故治国在齐其家。《诗》云：“桃之夭夭，其叶蓁蓁。之子于归，宜其家人。”宜其家人，而后可以教国人。《诗》云：“宜兄宜弟。”宜兄宜弟，而后可以教国人。《诗》云：“其仪不忒，正是四国。”其为父子兄弟足法，而后民法之也。此谓治国在齐其家。

Phiên âm:

7. Nghiêu, Thuấn suất thiên hạ dĩ nhân, nhi dân tòng chi. Kiệt, Trụ suất thiên hạ dĩ bạo, nhi dân tòng chi. Kỳ sở lệnh phản kỳ sở hiếu, nhi dân bất tòng. Thệ cố quân tử hữu chư kỷ nhi hậu cầu chư nhân, vô chư kỷ nhi hậu phi chư nhân. Sở tàng hổ thân bất thứ, nhi

năng dụ chư nhân giả, vị chi hữu dã. Cố trị quốc tại tể kỳ gia. “thi” vân: “Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trần trần. Chi tử vu quy, nghi kỳ gia nhân.” Nghi kỳ gia nhân, nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân. “Thi” vân: “Nghi huynh nghi đệ”. Nghi huynh nghi đệ, nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân. “Thi” vân: “Kỳ nghi bất thắc, chính thị tứ quốc”. Kỳ vị phụ tử huynh đệ túc pháp, nhi hậu dân pháp chi dã. Thử vị trị quốc tại tể kỳ gia.

Dịch nghĩa:

7. Vua Nghiêu, vua Thuấn xướng xuất thiên hạ làm điều nhân, nên dân theo. Vua Kiệt, vua Trụ xướng xuất thiên hạ làm điều bạo ngược, nên dân theo. Ra ngược mà ngược với lòng mình thích thì dân không theo. Cho nên người quân tử thấy điều gì mình có sau đó mới tìm ở người (khác) điều gì không có ở mình rồi sau đó mới bắt lỗi người. Không suy xét nơi mình mà đòi khuyến dụ người là điều chưa hề có. Cho nên muốn trị an nước phải tể chỉnh nhà mình đã. Kinh Thi viết: “Cành đào tươi tốt, lá xanh ngời ngời. Con gái về nhà chồng, hòa thuận nhà người”. Hòa thuận với nhà người (chồng) sau đó mới dạy được người trong nước (1). Kinh Thi lại viết: “Nên anh nên em”. Nên anh nên em sau đó mới dạy được người trong nước (1). Kinh Thi viết: “Dung nghi không lắm, chấn chỉnh bốn phương”. Cha, con, anh, em đủ làm khuôn phép, sau đó mới làm khuôn phép được cho dân. Đó gọi là muốn trị an nước phải tể chỉnh được nhà mình vậy.

Chú thích:

(1)- Những câu trích trong Kinh Thi này đều có ý nói: trước tiên phải tể gia được rồi sau đó mới trị quốc.

Nguyên văn:

所谓平天下在治其国者，上老老而民兴孝，上长长而民兴悌，上恤孤而民不倍，是以君子有絜矩之道也。所恶于上，毋以使下；所恶于下，毋以事上；所恶于前，毋以先后；所恶于后，毋以从前；所恶于右，毋以交于左；所恶于左，毋以交于右。此之谓絜矩之道。《诗》云：“乐只君子，民之父母。”民之所好好之，民之所恶恶之，此之谓民之父母。《诗》云：“节彼南山，维石岩岩。赫赫师尹，民具尔瞻。”有国者不可以不慎，辟则为天下僂矣。《诗》云：“殷之未丧师，克配上帝。仪监于殷，峻命不易。”道得众则得国，失众则失国。

Phiên âm:

8. Sở vị bình thiên hạ tại trị kỳ quốc giả, thượng lão lão nhi dân hưng hiếu, thượng trường trường nhi dân hưng đễ, thượng tuất cô nhi

dân bất bội, thị dĩ quân tử hữu hiệt củ chi đạo dã. sở ố ư thượng, vô dĩ sử hạ; sở ố ư hạ, vô dĩ tiên hậu; sở ố ư hậu, vô dĩ tông tiền; sở ố ư hữu, vô dĩ giao ư tả; sở ố ư tả, vô dĩ giao ư hữu. Thử chi vị hiệt củ chi đạo. "Thi" vân: "Lạc chỉ quân tử, dân chi phụ mẫu". Dân chi sở hiếu hiếu chi, dân chi sở ố ố chi, thử chi vị dân chi phụ mẫu. "Thi" vân: "Tiết bĩ Nam sơn, duy thạch nham nham, hách hách Sư Doãn, dân cụ nhĩ chiêm". Hữu bất giả bất khả dĩ bất thân, tích tắc vi thiên hạ lục hĩ. "Thi" vân: "Ân chi vị táng sư, khắc tối thượng đế. Nghi giám ư Ân, tuần mệnh bất dị". Đạo đắc chúng tắc đắc quốc, thất chúng tắc thất quốc.

Dịch nghĩa:

8. Gọi là muốn bình thiên hạ phải trị an nước mình là, người trên phải có hiếu (với cha mẹ mình) thì dân hưng khởi lòng hiếu, người trên phải có kính tôn bậc trưởng thượng thì dân hưng khởi lòng lễ, người trên thương xót những người cô độc thì dân không làm phản. Cho nên người quân tử phải có đạo chừng mực (1). Điều gì không muốn người trên làm cho mình thì không nên đem cho người dưới; điều gì không muốn kẻ dưới đối với mình thì không nên lấy đó thờ người trên; điều gì không muốn người trước xử với mình thì không nên thi hành với người sau; điều gì không muốn người sau xử với mình thì không làm với người trước; điều gì không muốn người bên trái xử với mình thì không nên đem xử với người bên phải; điều gì không muốn người bên phải xử với mình thì không nên đem xử với người bên trái. Đó gọi là đạo chừng mực (1) đấy. Kinh Thi viết: "Vui thay quân tử, là cha mẹ dân". Dân thích gì mình thích theo cái ấy. Dân ghét gì mình ghét theo cái ấy, đó gọi là cha mẹ dân. Kinh Thi viết: "Chót vót núi Nam, có đá nham nham, hách hách Sư Doãn (2), đủ dân chiêm ngưỡng". Người có nước không thể không thận trọng,

nếu nghiêng lệch sẽ bị dân giết vậy. Kinh Thi viết: "Nhà Ân lúc chưa mất dân, đức phối với thượng đế. Noi gương Ân đấy, mệnh lớn không dễ". Đạo mà được dân thì được nước, mất dân thì mất nước.

Chú thích:

(1)- Nguyên văn *Hiệt củ* là cái thước vuông ngày xưa dùng để đo. Ở đây tạm dịch là chừng mực.

(2)- *Sư Doãn*: quan thái sư họ Doãn thời Chu.

Nguyên văn:

是故君子先慎乎德。有德此有人，有人此有土，有土此有财，有财此有用。德者本也，财者末也。外本内末，争民施夺。是故财聚则民散，财散则民聚。是故言悖而出者，亦悖而入；货悖而入者，亦悖而出。《康诰》

曰：“惟命不于常。”道善则得之，不善则失之矣。《楚书》曰：“楚国无以为宝，惟善以为宝。”舅犯曰：“亡人无以为宝，仁亲以为宝。”

Phiên âm:

9. *Thị cố quân tử tiên thận hồ đức. Hữu đức thử hữu nhân, hữu nhân thử hữu thổ, hữu thổ thử hữu tài, hữu tài thử hữu dụng. Đức giả bản dã, tài giả mạt dã. Ngoại bản nội mạt, tranh dân thi đoạt. Thị cố tài tụ tắc dân tán, tài tán tắc dân tụ. Thị cố ngôn bột nhi xuất giả, diệc bột nhi nhập; hóa bột nhi nhập giả, diệc bột nhi xuất. “Khang cáo” viết: “Duy mệnh bất vu thường”. đạo thiên tắc đắc chi, bất thiện tắc thất chi hĩ. “Sở thư” viết: “Sở quốc vô dĩ vi bảo, duy thiện dĩ vi bảo” Cửu Phạm viết: “Vong nhân vô dĩ vi bảo, nhân thân dĩ vi bảo”.*

Dịch nghĩa:

9. Cho nên người quân tử trước tiên phải thận trọng về đức. Có đức là có người, có người là có đất, có đất là có của cải, có của là có sử dụng. đức là gốc, của (cải) là ngọn. Ngoài gốc trong ngọn là tranh giành với dân mà chỉ cho dân biết cướp đoạt. Cho nên của (cải) tụ lại là dân ly tán, của (cải) ly tán là dân tụ lại. Cho nên lời nói ra trái ngược thì đời lại cũng trái ngược. Của (cải) vào một cách trái ngược thì ra cũng trái ngược. Thiên “Khang cáo” viết: “Mệnh trời không thường ở một nơi” là có nghĩa có đạo thiện thì được, không thiện thì mất đó vậy. Sách “Sở thư” viết: “Nước Sở không có gì là quý, chỉ có điều thiện là quý”. Cửu Phạm (1) nói rằng: “Kể mất nước không có gì là quý, chỉ lấy lòng yêu người thân làm quý”.

Chú thích:

(1)- *Cửu Phạm*: tên Hồ Yển, cậu của Tấn Văn công. Chữ “Vong nhân” (kể đào vong vì mất nước) ở đây chỉ Văn công bị đào vong ở nước khác khi còn là công tử.

Nguyễn văn:

《秦誓》曰：“若有一个臣，断断兮无他技，其心休休焉，其如有容焉。人之有技，若己有之；人之彦圣，其心好之，不啻若自其口出。实能容之，以能保我子孙黎民，尚亦有利哉！人之有技，媚疾以恶之；人之彦圣，而违之俾不通。实不能容，以不能保我子孙黎民，亦曰殆哉！”唯仁人放流之，迸诸四夷，不与同中国。此谓唯仁人为能爱人，能恶人。见贤而不能举，举而不能先，命也；见不善而不能退，退而不能远，过也。好人之所恶，恶人之所好，是谓拂人之性，灾必逮夫身。是故君子有大道，必忠信以得之，骄泰以失之。

Phiên âm:

10. "Tần thệ" viết: "Nhuộc hữu nhất cá thần, đoán đoán hề vô tha kỹ, kỳ tâm hưu hưu yên, kỳ như hữu dung yên. Nhân chi hữu kỹ, nhuộc kỹ hữu chi, bất thi nhuộc tự kỳ khẩu xuất. Thực năng dung chi, dĩ năng bảo ngã tử tôn lê dân, thượng diệc hữu lợi tại ! Nhân chi hữu kỹ, mạo tặc dĩ ố chi; nhân chi ngạn thánh, nhi vi chi tĩ bất thông. Thực bất năng dung, dĩ bất năng bảo ngã tử tôn lê dân, diệc viết dĩ tại !" Duy nhân nhân phóng lưu chi, bình chư tử di, bất dữ đồng trung quốc, thử vị duy nhân nhân vi năng ái nhân, năng ố nhân. Kiến hiển nhi bất năng cử, cử nhi bất năng tiên, mệnh dã; kiến bất thiện nhi bất năng thối, thối nhi bất năng viễn, quá dã. Hiếu nhân chi sở ố, ố nhân chi sở hiếu, thị vị phất nhân chi tính, họa tất dĩ phu thân. Thi cố quân tử hữu đại đạo, tất trung tín dĩ đắc chi, kiêu thái dĩ thất chi.

Dịch nghĩa:

10. Thiên "Tần thệ" viết: "Nếu như có một người tôi thần thật thà mà chẳng có tài năng gì khác nhưng lòng rộng rãi bao dung. Coi tài năng của người cũng như tài năng của mình; thấy người có tài hơn mình thì lấy làm yêu thích, chẳng những hiện ra lời nói mà còn hiện ra ngoài nét mặt; dùng tài năng ấy mà giữ gìn muôn dân ta, há chẳng có lợi ích lắm ư! Thấy người có tài năng rồi sinh ra đố kỵ ghét bỏ, thấy người hơn mình thì tìm cách hạ thấp không thể bao dung, dùng những thứ không có tài năng chặn dắt muôn dân ta thì há chẳng nguy hại lắm ư!" Chỉ người có lòng nhân là biết phóng xuất, lưu đầy họ, đuổi họ ra bốn phương, không cho ở chung tại trung quốc, Cho nên nói chỉ có người nhân mới biết yêu người, biết ghét người. Gặp người hiền mà không thể cất nhắc lên được hay cất

nhắc được mà không kính cần là khinh mạn; gặp người không thiện mà không thể đuổi đi được (hay) đuổi đi mà không đuổi xa là lầm lỗi. Thích những điều mà người ghét; ghét những điều mà người thích, gọi là trái ngược hẳn với tính người, tai họa ắt đến với mình. Cho nên người quân tử có đạo lớn ắt trung tín để được đó, còn kiêu ngạo thì mất đó.

Nguyên văn:

生财有大道。生之者众，食之者寡，为之者疾，用之者舒，则财恒足矣。仁者以财发身，不仁者以身发财。未有上好仁而下不好义者也，未有好义其事不终者也，未有府

库财非其财者也。孟献子曰：“畜马乘，不察于鸡豚；伐冰之家，不畜牛羊；百乘之家，不畜聚敛之臣。与其有聚敛之臣，宁有盗臣。”此谓国不以利为利，以义为利也。长国家而

务财用者，必自小人矣。彼为善之，小人之使为国家，灾害并至；虽有善者，亦无如之何矣！此谓国不以利为利，以义为利也。

Phiên âm:

11. Sinh tài hữu đại đạo. Sinh chi giả chúng, thực hci giả quđ, vì chi giả tật, dụng chi giả thư, tắc tài hằng túc hĩ. Nhân giả dĩ tài phát thân, bất nhân giả dĩ thân phát tài. Vị hữu thượng hiếu nhân hui hạ bất hiếu nghĩa giả dã, vị hữu hiếu nghĩa kỳ sự bất chung giả dã, vị hữu phủ khổ tài phi kỳ tài giả dã. Mạnh Hiến tử (1) viết: "Súc mã thặng, bất sát ư kê đồn; phạt bằng chi gia, bất súc ngưư dương; bách thặng chi gia, bất súc tỵ liễm chi thân. Dĩ kỳ hữu tỵ liễm chi thân, ninh hữu đạo thân". Thử vị quốc bất dĩ lợi vì lợi, dĩ nghĩa vì lợi dã. Tưởng quốc gia nhi vụ tài dụng giả, tất tỵ tiểu nhân hĩ. Bĩ vị thiện chi, tiểu nhân chi sử vì quốc gia, tai hại tính chí; tuy hữu thiện giả, diệc vô như chi hà hĩ ! Thử vị quốc bất dĩ lợi vì lợi, dĩ nghĩa vì lợi dã.

Dịch nghĩa :

11. Sinh tài có đạo lớn. Sinh ra nhiều lắm, ăn tiêu ít; làm ra mau chóng, tiêu dụng từ từ, ắt tài thường đầy đủ. Người nhân dùng tiền của làm thân phát đạt thêm, người bất nhân dùng thân mong phát tài. Chưa có việc người trên thích điều nhân mà kẻ dưới không có

nghĩa, chưa có việc thích nghĩa mà mọi sự lại không trọn vẹn, chưa có việc tiền của ở trong kho chứa lại không phải là tiền của. Mạnh Hiên tử (1) nói rằng:

- Người nuôi được ngựa kéo xe chẳng nên nuôi gà lợn; nhà đã đào được bằng giá chẳng nên nuôi trâu dê; nhà có trăm cỗ xe chẳng nên nuôi tôi thần vợ vét. Nếu có tôi thần vợ vét thà là có tôi thần trộm đạo.

Đó gọi là nước không lấy lợi làm lợi mà là lấy nghĩa làm lợi. bậc trưởng thượng trong nước mà chỉ vụ vào tiền tài tất là tự coi mình như tiểu nhân vậy. kẻ kia (tiểu nhân) coi vậy là thiện nhưng để cho tiểu nhân sai khiến nước nhà thì tai họa sẽ đến ngay thôi; (lúc ấy) dù có người tài giỏi cũng không biết làm sao nữa! Cho nên đó gọi là nước không nên lấy lợi làm lợi mà nên lấy nghĩa làm lợi.

Chú thích:

(1)- *Mạnh Hiên tử*: tức Trọng Tôn Miệt, một người hiền làm quan đại phu nước Lỗ.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI BA

QUAN NGHĨA

Quan lễ là nghi thức đội mũ ngày xưa khi người con trai được 20 tuổi, coi như lễ này ghi dấu ngày thành người của người được cử hành lễ. Chương này và những chương dưới đây đều giảng giải hàm nghĩa của các lễ Quan (đội mũ), Hôn (lễ cưới), xạ (nghi lễ học bắn), hương (nghi lễ trong làng thôn), yến (nghi lễ yến hội), sinh (sinh lễ). Đây là sáu lễ thông thường dưới thời cổ đại.

Nguyên văn:

冠义

凡人之所以为人者，礼义也。礼义之始，在于正容体，齐颜色，顺辞令。容体正，颜色齐，辞令顺，而后礼义备，以正君臣、亲父子、和长幼。君臣正，父子亲，长幼和，而后礼义立。故冠而后服备，服备而后容体正、颜色齐、辞令顺。故曰：冠者礼之始也。是故古者圣王重冠。

Phiên âm:

1. Phàm nhân chi sở dĩ chi nhân giả, lễ nghĩa dã. Lễ nghĩa chi thủy, tại ư chính dung thể, tề nhan sắc, thuận từ lệnh. Dung thể chính, nhan sắc tề, từ lệnh thuận, nhi hậu lễ gnhĩa bị, dĩ chính quân thân, thân phụ tử, hòa trưởng ấu. Quân thân chính, phụ tử thân, trưởng ấu hòa, nhi hậu lễ nghĩa lập. Cổ quan nhi hậu phục bị, phục bị nhi hậu dung thể chính, nhan sắc tề, từ lệnh thuận. Cổ viết quan giả lễ chi thủy dã. Thị cổ cổ giả thánh vương trọng quan.

Dịch nghĩa:

1. Sở dĩ con người là người được là nhờ có Lễ Nghĩa vậy. Đầu tiên của Lễ nghĩa là phải chính đính dung mạo, hình thể, chỉnh tề nhan sắc, thuận theo lệnh người trên. Dung mạo hình thể chính đính, nhan sắc chỉnh tề, mệnh lệnh thuận rồi sau đó, Lễ Nghĩa mới hoàn bị, dùng đó để làm chính đạo vua tôi, làm thân tình cha con, làm hòa hợp lớn nhỏ. Vua tôi đã chính được, cha con đã thân được, lớn nhỏ đã hòa hợp được, sau đó Lễ Nghĩa mới lập nên được. Cho nên (lễ) Quan rồi sau đó mọi tiết lễ mới hoàn bị, mọi tiết lễ hoàn bị rồi dung mạo mới chính đính, nhan sắc mới tề chỉnh, mệnh lệnh mới thuận tòng. Cho nên nói (lễ) Quan là đầu mối của Lễ. Cho nên thánh vương đời xưa rất coi trọng (lễ) Quan.

Nguyên văn:

古者冠礼：筮日、筮宾，所以敬冠事；敬冠事所以重礼，重礼所以为国本也。故冠于阼，以著代也；醺于客位，三加弥尊，加有

成也；已冠而字之，成人之道也；见于母，母拜之，见于兄弟，兄弟拜之，成人而与为礼也；玄冠玄端，奠挚于君，遂以挚见于乡大夫、乡先生，以成人见也。

Phiên âm:

2. Cổ giả Quan lễ: phệ nhật phệ tân, sở dĩ kính quan sự. Kính quan sự sở dĩ trọng Lễ, trọng lễ sở dĩ vi quốc bản dã. Cố quan ư tộ, dĩ trú đại dã. Tiểu ư khách vị, tam gia nhĩ tôn, gia hữu thành dã. dĩ quan nhĩ tự chi, thành nhân chi đạo dã. Kiến ư mẫu, mẫu bái chi; kiến ư huynh đệ, huynh đệ bái chi, thành nhân chi dũ vi Lễ dã. Huyền quan huyền đoan, diện chi ư quân, toại dĩ chí kiến ư hương đại phu, hương tiên sinh, dĩ thành nhân kiến dã.

Dịch nghĩa:

2. Người xưa làm lễ Quan đều phải: bói (chọn) ngày, bói (chọn) khách, coi đó là việc tôn trọng lễ Quan. tôn trọng lễ Quan do đó tôn trọng Lễ. Có tôn trọng Lễ do đó mới coi nước là gốc. Cho nên lễ quan ở nơi quan trọng tượng trưng người chịu lễ sau này có thể thay thế (cha mẹ). Để đứng nơi khách vị, ba lần chúc tụng coi như lễ đã thành. Lễ Quan rồi đặt tên tự, đó là đạo thành nhân vậy. Lễ xong vào gặp mẹ, mẹ cũng bái, vào gặp anh em, anh em bái (để chứng tỏ

người ấy đã thành nhân). Kẻ thành nhân coi đó là lễ vậy. Sau đó, ăn mặc chỉnh tề, đầu đội mũ, mang lễ vật đi bái kiến vua, rồi bái kiến đại phu, tiên sinh trong làng kèm theo lễ vật. Lấy lễ thành nhân mà bái kiến.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI BỐN

HÔN NGHĨA

Chương này giải thích ý nghĩa nghi thức của lễ Hôn nhân. Đại ý của chương có thể chia làm bốn đoạn trọng yếu, bàn từ việc con gái phải thờ cha mẹ chồng đến sự giáo dục phụ nữ mà thời xưa gọi chung là phụ đạo (đạo của người đàn bà).

Nguyên văn:

婚义

婚礼者，将合二姓之好，上以事宗庙，而下以继后世也，故君子重之。是以婚礼纳采、问名、纳吉、纳征、请期，皆主人筵几于庙，而拜迎于门外，入，揖让而升，听命于庙，所以敬慎重正婚礼也。

父亲醮子而命之迎，男先于女也。子承命以迎，主人筵几于庙而拜迎于门外。婿执

雁入，揖让升堂，再拜奠雁，盖亲受之于父母也。降出，御妇车，而婿授绥，御轮三周，先俟于门外。妇至，婿揖妇以入。共牢而食，合卺而酹，所以合体，同尊卑，以亲之也。敬慎重正，而后亲之，礼之大体，而所以成男女之别，而立夫妇之义也。男女有别，而后夫妇有义；夫妇有义，而后父子有亲；父子有亲，而后君臣有正。故曰：婚礼者，礼之本也。

Phiên âm:

1. Hôn lễ giả, tương hợp nhị tính chi hảo, thượng dĩ sự tông miếu, nhi hạ dĩ kế hậu thế dã, cố quân tử trọng chi. Thị dĩ hôn lễ nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp trưng, thỉnh kỳ, giai chủ nhân diên kỳ ư miếu, nhi báỉ nghinh ư môn ngoai, nhập, tấp nhượng nhi thăng, thỉnh mệnh ư miếu, sở dĩ kính thận trọng chính hôn lễ dã. Phụ thân tiêu tử nhi mệnh chi nghinh, nam tiên ư nữ dã. Tử thừa mệnh dĩ nghinh, chủ nhân diên kỳ ư miếu, nhi báỉ nghinh ư môn ngoai. tế chấp nhận nhập, tấp nhượng thăng đường, tái báỉ diện nhận, cái thân thụ chi ư phụ mẫu dã. Giáng, xuất ngự phụ xa, nhi tế thụ tuy. Ngự luân tam chu,

tiên hậu ư môn ngoại. Phụ chí, tế tấp phụ dĩ nhập. Cộng lao nhi thực, hợp cần nhi dận, sở dĩ hợp thể, đồng tôn ti dĩ thân chi dã.

Kính thận trọng chính nhi hậu thân chi, lễ chi đại thể, nhi sở dĩ thành nam nữ chi biệt, nhi hậu phu phụ hữu nghĩa; phu phụ hữu nghĩa, nhi hậu phụ tử hữu thân; phụ tử hữu thân, nhi hậu quân thân hữu chính. Cố viết hôn lễ giả, lễ chi bản dã. Phù lễ thủy ư quan, bản ư hôn, trọng ư tang tế, tôn ư triều sính, hòa ư hương xạ, thủ lễ chi đại thể dã.

Dịch nghĩa:

1. Hôn lễ là sự kết hợp tốt đẹp hai họ với nhau, để trên thì thờ tông miếu, dưới thì nối truyền cho đời sau, cho nên người quân tử rất coi trọng nó. Hôn lễ có nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp trưng, thỉnh kỳ (1). Trong các bước tuần tự ấy, đằng trai cử sứ giả đến nhà đằng gái, trong khi đó họ đằng gái đã chuẩn bị tiệc rượu tại miếu và ra nghênh đón đằng trai từ ngoài cổng lớn. Sau đó cùng vào nhà để nghe ý định của đằng trai. Những việc ấy đều là những việc chuẩn bị đầu tiên của hôn lễ, đều phải tiến hành thận trọng với tình thần kính cẩn để cho hôn lễ được chính đính.

Cha (của chú rể) đưa cho con rượu lệnh cho đi đón dâu, chủ nhân bày tiệc ở miếu rồi bái đón vào. Chú rể mang những lễ vật dành riêng cho hôn lễ bước vào cùng nhà gái, bái chào đại diện nhà gái hai bái rồi đặt lễ vật xuống chuẩn bị đón dâu. Chú rể dắt cô dâu ra lễ đường, đích thân đánh xe ngựa đưa cô dâu về. Họ nhà trai đón ở cửa. Cô dâu tới, bái chào đón vào. Cùng nhau ăn uống rồi làm lễ “hợp cần”, từ đó mà hợp làm một với nhau, phân thấp cao mà thân thiết.

Kính trọng cẩn thận rồi sau mới thân đó là thể nghĩa lớn của Lễ vậy, mà có đó mới phân biệt nam và nữ và xác lập được nghĩa

của vợ chồng. Có phân biệt nam nữ thì sau đó mới có nghĩa vợ chồng; có nghĩa vợ chồng thì sau đó mới có tình thân cha con; có tình thân cha con thì sau đó mới chính đáng được vua tôi. Cho nên hôn lễ lấy Lễ làm gốc. Lễ bắt đầu bằng lễ đội mũ (tức lễ Quan ở trên) nhưng gốc vẫn ở lễ Hôn này. Coi trọng lễ tang tế, tôn sùng lễ triều chính, điều hòa lễ hương xạ, các lễ ấy là cái đại thể lớn lao vậy.

Chú thích:

(1)- Đây là những nghi thức trước hôn lễ chính thức: *nạp thái*: nạp lễ vật để chọn lựa hôn lễ; *vấn danh*: hỏi tên tuổi ngày sinh tháng đẻ của cô gái; *nạp cát*: bói toán chọn ngày giờ tốt trình với nhà gái; *nạp trưng*: nạp tiền tượng trưng cho hôn nhân; *thỉnh kỳ*: xin ấn định ngày giờ chắc chắn cử hành hôn lễ.

Nguyên văn:

“夙兴，妇沐浴以俟见。质明，赞见妇于舅姑，妇执筭枣、栗、段、脩以见。赞醴妇。妇祭脯醢，祭醴。”成妇礼也。舅姑入室，妇以特豚饗，明妇顺也。“厥明，舅姑共飨妇以一献之礼，奠酬。舅姑先降自西阶，妇降自阼阶。”以著代也。成妇礼，明妇顺，又申之

以著代，所以重责妇顺焉也。妇顺者，顺于舅姑，和于室人，而后当于夫，以成丝麻布帛之事，以审守委积盖藏。是故妇顺备，而后内和理；内和理，而后家可长久也。故圣王重之。

Phiên âm:

2. Túc hương, phu mộc dục dĩ sĩ kiến. Chấc minh, tán kiến phụ ư cữu cô, phụ chấp phiên tảo lật đoạn tu dĩ kiến. Tán lễ phụ. Phụ tế phủ hạp, tế lễ, thành tựu lễ dã. Cữu cô nhập thất, phụ dĩ đặc đồn quĩ, minh phụ thuận dã. Quyết minh, cữu cô cộng hưởng phụ, dĩ nhất hiến chi lễ diện tũ.

Cữu cô tiên giáng tự tây giai, phụ giáng tự tộ giai, dĩ trứ đại dã.

Minh phụ thuận, hựu thân chi dĩ trứ đại, sở dĩ trọng trách phụ thuận yên dã. Phụ thuận giả, thuận ư cữu cô, hòa ư thất nhân nhi hậu đương ư phu, dĩ thành ti ma bố bạch chi sự, dĩ thẩm thủ ủy tích cái tàng. Thị cố phụ thuận bị nhi hậu nội hòa lý, nội hòa lý nhi hậu gia khả trường cửu dã. Cổ thánh vương trọng chi.

Dịch nghĩa:

2. Hôn lễ hoàn tất, sáng sớm hôm sau cô dâu tắm rửa sạch sẽ,

trang điểm cẩn thận đợi bái kiến các bậc tôn trưởng. Trời sáng, một phụ nữ (giúp) cô dâu làm lễ bái kiến cha mẹ chồng, cô dâu cầm táo, hạt dẻ, ném làm lễ vật bái kiến. Cô dâu được ban rượu ngọt. Cô dâu nhận rượu và lại làm lễ bái tạ. Lễ bái đã xong. Cha mẹ chồng vào phòng, cô dâu xuống làm cơm để làm rõ đạo phụ nữ thuận tòng. Sáng hôm sau, cha mẹ làm cơm đãi con dâu thù đáp lại tình của con. Cha mẹ ăn xong đi xuống bậc phía tây trước, cô dâu xuống bậc phía đông sau là có ý từ nay cô dâu là người thay mặt (mẹ chồng) lo việc nhà.

Nghi lễ chấp nhận con dâu đã xong là đã rõ ý nghĩa con dâu phải thuận tòng và (con dâu) đã có tư cách thay thế (mẹ chồng). Do vậy trách nhiệm quan trọng của người phụ nữ là thuận tòng vậy. Phụ nữ thuận tòng là hiếu thuận với cha mẹ chồng, ôn hòa với người nhà, sau đó mới đảm đương nhà chồng, hoàn thành việc quay tơ dệt vải để coi sóc việc tích chứa (của cải) trong nhà. Cho nên phụ nữ có thuận tòng thì sau trong nhà mới hòa hợp, nhà có hòa hợp thì sau mới lâu dài. Cho nên bậc thánh vương coi trọng điều ấy lắm vậy.

Nguyên văn:

是以古者妇人先嫁三月，祖庙未毁，教于公宫；祖庙既毁，教于宗室。教以妇德、妇言、妇容、妇功。教成祭之，牲用鱼，芼之以蘋、藻，所以成妇顺也。

Phiên âm:

3. *Thị dĩ cổ giả phụ nhân tiên giá tam nguyệt, tổ miếu vị hủy, giáo ư công cung. Tổ miếu ký hủy, giáo ư tông thất. Giáo dĩ phụ đức, phụ ngôn, phụ dung, phụ công. giáo thành tế chi, sanh dụng ngư, mao chi dĩ tần tảo, sở dĩ thành phụ thuận dã.*

Dịch nghĩa:

3. Cho nên ngày xưa trước khi phụ nữ lấy chồng ba tháng thì tổ miếu (của họ) vẫn được lưu giữ để dạy dỗ họ ở đó. Khi nào tổ miếu hết được lưu giữ nữa thì dạy họ ở nhà thờ họ (bên chồng). Dạy họ về các đức của người phụ nữ như về ngôn từ, trang điểm dung mạo, nghề nữ công. Dạy xong, mỗi khi tế lễ chỉ tế bằng thịt cá hay các loài tảo biển (1), do đó mới thành người phụ nữ thuận tòng vậy.

Chú thích:

(1)- Thịt cá hay tảo biển đều là những loại thức ăn ở dưới nước thuộc thủy cớ tính âm (tượng trưng cho đàn bà).

Nguyên văn:

古者天子后立六宫、三夫人、九嫔、二十七世妇、八十一御妻，以听天下之内治，以明章妇顺，故天下内和而家理。天子立六官、三公、九卿、二十七大夫、八十一元士，以

听天下之外治，以明章天下之男教，故外和而国治。故曰：天子听男教，后听女顺；天子理阳道，后治阴德；天子听外治，后听内职。教顺成俗，外内和顺，国家理治，此之谓盛德。

Phiên âm:

4. Cổ giả thiên tử hậu lập lục cung, tam phu nhân, cửu tần, nhị thập thất thế phụ, bát thập nhất ngự thể, dĩ thính thiên hạ chi nội trị, dĩ minh chương phụ thuận, cổ thiên hạ nội hòa nhi gia lý. Thiên tử lập lục cung, tam công, cửu khanh, nhị thập thất đại phu, bát thập thất nguyên sĩ, dĩ thính thiên hạ chi ngoại trị, dĩ minh chương thiên hạ chi nam giáo, cổ ngoại hòa nhi quốc trị. Cổ viết thiên tử thính nam giáo, hậu thính nữ thuận; thiên tử lý dương đạo, hậu trị âm đức; thiên tử thính ngoại trị, hậu thính nội chức. giáo thuận thành tục, ngoại nội hòa thuận, quốc gia lý trị, thử chi vị thịnh đức.

Dịch nghĩa:

4. Hoàng hậu của các thiên tử đời xưa có sáu cung (1), ba phu nhân, chín tần, hai mươi bảy thế phụ, tám mươi một ngự thể để giữ việc “Nội trị” (trị lý bên trong) cho thiên hạ, để làm sáng cái đức thuận tòng của phụ nữ, cho nên thiên hạ được hòa bình bên trong mà nhà yên ổn. Thiên tử lập ra sáu cung (1) có ba công, chín khanh, hai mươi bảy đại phu, tám mươi một nguyên sĩ để giữ việc “Ngoại

trị” (trị lý bên ngoài) cho thiên hạ, để làm sáng cái đức nghe lời huấn dạy của đàn ông, vì vậy bên ngoài hòa bình mà nước được an trị. Cho nên nói thiên tử nghe theo lời huấn dạy của đàn ông, còn hoàng hậu nghe theo sự thuận tòng của phụ nữ; Thiên tử quản lý đạo thuộc dương, hậu sửa trị đức thuộc âm; thiên tử tuân theo sự trị lý bên ngoài, hoàng hậu tuân theo chức phận bên trong. Dạy dỗ thuận tòng trở thành phong tục, trong ngoài hòa thuận, nước nhà được an trị, như vậy gọi là đức lớn.

Chú thích:

(1)- *Sáu cung*: là lấy ý nghĩa cung của trời, đất và bốn mùa.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI LĂM

HƯƠNG ẨM TỬU

Chương này giải thích hàm nghĩa của lễ hương ẩm tửu. Lễ này thời xưa người ở trong thôn xóm theo thời tiết tụ tập uống rượu yến ẩm. Chương này có bốn đoạn mà đoạn ba dẫn lời Khổng Tử thuyết minh tác dụng của lễ nghi hương ẩm tửu là quan trọng nhất, chúng tôi dịch đoạn này và lược bỏ những đoạn bị ảnh hưởng của phái âm dương ngũ hành.

Nguyên văn:

乡饮酒

孔子曰：“吾观于乡，而知王道之易易也。”

主人亲速宾及介，而众宾自从之；至于门外，主人拜宾及介，而众宾自入。贵贱之义别矣。

三揖至于阶，三让以宾升，拜至、献酬，辞让之节繁。及介，省矣。至于众宾，升受，坐祭，立饮，不酢而降。隆杀之义辨矣。

贵贱明，隆杀辨，和乐而不流，弟长而

无遗，安燕而不乱，此五行者，足以正身安国矣。彼国安而天下安，故曰：“吾观于乡，而知王道之易易也。”

Phiên âm:

Khổng Tử viết: "ngô quan ư hương, nhi tri vương đạo chi dị dịch dã". Chủ nhân thân tốc tân cập giới, nhi chúng tân tự tòng chi, chí ư môn ngoại, chủ nhân bái tân cập giới, nhi chúng tân tự nhập. quý tiệp chi nghĩa biệt hĩ. Tam tập chí ư giai, tam nhượng dĩ tân thăng, bái chí hiến thụ từ nhượng chi tiết phồn, cập giới tỉnh hĩ. Chí ư chúng tân thăng thụ tọa tế lập ẩm, bất tạc nhi giáng. Long sái chí nghĩa biện hĩ.

Quý tiệp mình, long sái biện, hòa lạc nhi bất lưu, dễ trường nhi vô di, an yên nhi bất loạn, thủ ngũ hạng giả, túc dĩ chính thân an quốc hĩ. Bì quốc an nhi thiên hạ an, cổ viết: "Ngô quan ư hương, nhi tri vương đạo chi dị dịch dã".

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: "Ta chỉ nhìn vào quan sát phong tục làng quê là đã biết có thể dễ dàng thay đổi được nó." Chủ nhân mời khách mới đến, các người khách theo sau đến ngoài cửa, chủ nhân lại bái dưới thêm rồi mời khách mới vào. Các khách theo nghĩa cao quý hay thấp kém phân biệt. Ba lần vái ở thêm, ba lần nhượng khách mới bước lên, chủ bái rồi rót rượu mời, những lời nói từ nhượng những nhượng trao đổi theo lễ tiết cho đến bậc thêm mới bớt. Đến khi khách lên ngồi tế uống rồi, chủ không đợi họ mời lại đã xuống thêm, sự hưng long và sự sa sút do đó mà có thể biện biệt được.

Làm rõ sự cao quý và thấp kém, biện biệt rõ sự hưng long và sự sa sút, vui vầy nhưng không bị đồng hóa, kính lễ với bậc trưởng thượng mà không sai sót, cùng yến ẩm mà không hỗn loạn, đó là năm loại người đủ để chính đính thân mình và tị an nước nhà vậy. Nước kia có an thì thiên hạ mới an, cho nên bảo: "Ta chỉ nhìn vào quan sát phong tục làng quê là đã biết có thể dễ dàng thay đổi được nó".

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI SÁU

XẠ NGHĨA

Chương này giải thích năm lễ nghi về Xạ (phép bắn cung) thời cổ là: đại xạ, tân xạ, yên xạ, hương xạ, trạch cung xạ. đại xạ là lễ bắn cung của vua tôi. Còn các lễ khác có nhiều chỗ khác nhau, đều là phẩm luận về ý nghĩa của lễ Xạ.

Nguyên văn:

射义

古者诸侯之射也，必先行燕礼。卿、大夫、士之射也，必先行乡饮酒之礼。故燕礼者，所以明君臣之义也；乡饮酒之礼者，所以明长幼之序也。

故射者，进退周还必中礼。内志正，外体直，然后持弓矢审固；持弓矢审固，然后可以言中。此可以观德行矣。

Phiên âm:

1. Cổ giả chư hầu chi xạ dã, tất tiên hành yên lễ. Khanh, đại phu, sĩ chi xạ dã, tất tiên hành hương ẩm tửu chi lễ. Cổ yên lễ giả, sở dĩ minh quân thần chi nghĩa dã. Hương ẩm tửu chi lễ giả, sở dĩ minh trường ấu chi tự dã.

Cổ xạ giả tiến thối chu hoàn tất trúng lễ. Nội chí chính, ngoại thể trực, nhiên hậu trì cung thí thắm cổ; trì cung thí thắm cổ, nhiên hậu khả dĩ ngôn trúng. Thủ khả dĩ quan đức hạnh hi.

Dịch nghĩa:

1. Thời xưa các chư hầu khi bắn cung, trước tiên phải làm lễ “Yên”. Còn khanh, đại phu và sĩ trước khi bắn cung phải làm lễ “Hương ẩm tửu”. Nền lễ Yên do đó làm rõ nghĩa vua tôi. Lễ Hương ẩm tửu do đó để phân biệt trật tự lớn nhỏ vậy.

Cho nên người bắn cung tiến lên hay lui xuống phải trúng với lễ. Bên trong chí phải nghiêm chính, bên ngoài thân thể phải thẳng thắn. Sau đó cầm cung tên vững chắc; mới mong bắn trúng được. Từ đó để thấy được đức hạnh (của người bắn cung) vậy.

Nguyên văn:

是故古者天子以射选诸侯、卿、大夫、士。
射者，男子之事也，因而饰之以礼乐也。故
事之尽礼乐而可数为以立德行者，莫若射，故
圣王务焉。

Phiên âm:

2. Thị cố cổ giả thiên tử dĩ xạ tuyển chư hầu, khanh, đại phu, sĩ. Xạ giả, nam tử chi sự dã, nhân chi sức chi dĩ lễ nhạc dã. Cố sự chi tận lễ nhạc nhi khả sở dĩ lập đức hạnh giả mạc nhược xạ, cố thánh vương vụ yên.

Dịch nghĩa:

2. Cho nên thời xưa bậc thiên tử lấy bắn cung để tuyển chọn chư hầu, khanh, đại phu và sĩ. Bắn cung là việc của người nam nên phải trang sức bằng lễ nhạc vậy. Cho nên muốn cho lễ nhạc hết ý nghĩa và lập đức hạnh thì không gì bằng bắn cung, vì vậy các thánh vương coi trọng nó vậy.

Nguyên văn:

孔子射于矍相之圃，盖观者如堵墙。射至于司马，使子路执弓矢出延射，曰：“贲军之将，亡国之大夫，与为人后者，不入。其余皆入。”盖去者半，入者半。又使公罔之裘、序点扬觶而语。公罔之裘扬觶而语曰：“幼壮

孝悌、耆耄好礼、不从流俗、修身以俟死者不？在此位也！”盖去者半，处者半。序点又扬觶而语曰：“好学不倦、好礼不变、旄期称道不乱者不？在此位也！”盖廌有存者。

Phiên âm:

3. Khổng Tử xạ ư Quốc Tương chi phố, cái quan giả như đồ tường. Xạ chí ư Tư Mã, sử tử Lộ chấp cung thì xuất diên xạ viết: "Bốn quân chi tướng, vong quốc chi đại phu, dữ vi nhân hậu giả bất nhập, kỳ dư giai nhập". Cái khứ giả bán, nhập giả bán.

Hựu sử Công Vông Chi Cầu, Tự Điểm dương thiện nhi ngữ. Công Vông Chi Cầu dương thiện nhi ngữ viết: "Ấu tráng hiếu lễ, mạo diệt hiếu lễ, bất tòng lưu tục, tu thân dĩ sĩ tử giả, bất? Tại thử vị dã". cái khứ giả bán, xử giả bán. Tự điểm hựu dương thiện nhi ngữ viết: "Hiếu học bất quyện, hiếu lễ bất biến, mạo kỳ xứng đạo bất loạn giả, bất? Tại thử vị dã". Cái cần hữu tồn giả.

Dịch nghĩa:

3. Khổng Tử chủ trì một buổi lễ bắn cung ở chợ Quốc Tương (tên đất, hiện nay không biết ở đâu), người ta vây lại xem đông chật như tường thành. Cuộc lễ bắn cung đến lúc chuyển cho quan Tư Mã, Khổng Tử sai Tử Lộ điều khiển cuộc lễ bắn cung. Tử Lộ cầm cung tên trong tay bước ra trước đám đông, nói lớn:

- Những ai đã là tướng thua trận, những ai đã là đại phu của những nước đã bị mất, những ai nhận mình là con cháu của những người khác đều không được vào, ngoài những hạng người đó thì được vào.

Sau câu nói ấy, một nửa đám đông bỏ đi, chỉ còn một nửa vào (trường bắn).

Khổng Tử lại sai Công Võng Chi Cầu và Tự Điểm mời rượu rồi nói về quy tắc xem bắn cung. Công Võng Chi Cầu nâng cao ly rượu nói:

- Ai là người lớn nhỏ mà hiếu dễ, có ai là người già lão mà thích Lễ không theo tục thường, lấy việc tu thân đến chết không? nếu được như thế, hãy đứng lại đây.

Đám đông lại bỏ đi một nửa, chỉ còn một nửa ở lại. Tự Điểm lại dơ cao ly rượu nói:

- Có ai hiếu học không mệt mỏi, có ai thích lễ không thay đổi lòng dạ, có ai tám chín chục tuổi mà vẫn theo đạo không làm cần làm bận hay không? Nếu được như thế, hãy đứng lại đây.

Sau câu nói ấy, người còn ở lại không được mấy người.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI BẢY

YẾN NGHĨA

Chương này giải thích về nghi lễ của loại gọi là Yến lễ. Thời cổ đại, nghi lễ về ăn uống có ba loại là: lễ Hưởng, lễ Thực, lễ Yến. Hai lễ đầu có nghi thức long trọng nghiêm túc, chỉ có lễ sau cùng chỉ được coi là lễ nhỏ dung hợp sự vui vẻ giữa chủ và khách. Lễ Yến lại có nhiều trường hợp như: lễ gặp chư hầu, lễ khi chư hầu vào triều kiến thiên tử, lễ của tôi thần triều sủng, lễ của vua ban cho tôi thần, lễ trong tông tộc, lễ lão v.v...

Nguyên văn:

燕义

古者周天子之官，有庶子官。庶子官职诸侯、卿、大夫、士之庶子之卒，掌其戒令与其教治，别其等，正其位。国有大事，则率国子而致于天子，唯所用之。若有甲兵之事，则授之以车甲，合其卒伍，置其有司，以

军法治之；司马弗正。凡国之政事，国子存游卒，使之修德学道，春合诸学，秋合诸射，以考其艺而进退之。

Phiên âm:

Cổ giả Chu thiên tử chi quan, hữu thứ tử quan. Thứ tử quan chức chư hầu, khanh, đại phu, sĩ chi thứ tử chi tốt, chương kỳ giới lệnh, dữ kỳ giáo trị, biệt kỳ đẳng, chính kỳ vị. Quốc hữu đại sự, tắc suất quốc tử nhi trí ư thái tử, duy sở dụng chi. nhược hữu giáp binh chi sự, tắc thụ chi dĩ xa giáp, hợp kỳ tốt ngũ, trí kỳ hữu ty, dĩ quân pháp trị chi. Tư Mã phát chính. Phàm quốc chi chính sự, quốc tử tồn du tốt, sử chi tu đức học đạo, xuân hợp chư học, thu hợp chư xạ, dĩ khảo kỳ nghệ nhi tiến thối chi.

Dịch nghĩa:

Ngày xưa, quan chức của thiên tử nhà Chu có loại quan thứ tử. Quan thứ tử có quân lính ở các chư hầu, khanh, đại phu, sĩ và nắm quyền ra lệnh để dạy dỗ, sửa trị, để phân biệt đẳng cấp, để làm chính đáng vị trí. Nước có việc lớn sẽ sai các con em trong nước đến phò giúp thái tử để nghe mệnh lệnh và dùng quân pháp sửa trị. Quan Tư Mã lúc ấy không nắm quyền nữa. Phàm người cầm quyền chính trong nước phải để cho các con em chưa đến tuổi làm quan được học hành, được tu sửa đức hạnh thành tài. Cho nên mùa xuân phải tụ tập họ ở nhà đại học, mùa thu tụ tập họ ở nhà “Xạ cung” (nhà học tập bắn cung), khảo xét tài nghệ họ để tính toán việc tiến hay thối (có tiến cử họ ra làm quan hay không).

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI TÁM

SÍNH NGHĨA

Chương này giải thích ý nghĩa của lễ Sính. Lễ Sính là lễ của thiên tử và chư hầu thời cổ đại giao thiệp qua lại với nhau, giống như các nghi thức ngoại giao ngày nay. Ngày xưa, lễ vật quan trọng nhất được coi là dùng ngọc chế tác thành những dụng cụ nghi lễ nên có nói về những đức tốt đẹp và đáng quý của ngọc.

Nguyên văn:

聘义

三让而后传命。三让而后入庙门，三揖而后至阶，三让而后升，所以致尊让也。

君使士迎于境，大夫郊劳。君亲拜迎于大门之内而庙受，北面拜颺。拜君命之辱，所以致敬也。

敬让也者，君子之所以相接也。故诸侯相接以敬让，则不相侵陵。

Phiên âm:

1. Tam nhượng nhi hậu truyền mệnh, tam nhượng nhi hậu nhập miếu môn, tam tập nhi hậu trí giai, tam nhượng nhi hậu thăng, sở dĩ trí tôn nhượng dã.

Quân sử sĩ nghinh ư cảnh, đại phu giao lao. Quân thân bái nghinh ư đại môn chi nội nhi miếu thụ, bắc diện bái chúc. Bái quân mệnh chi nhục, sở dĩ trí kính dã. Kính nhượng dã giả, quân tử chi sở dĩ tương tiếp dã. Cố chư hầu tương tiếp dĩ kính nhượng, tắc bất tương xâm lăng.

Dịch nghĩa:

1. Ba lần nhường sau mới truyền lệnh, ba lần nhường sau mới vào cửa miếu, ba lần vái sau mới tới thềm, ba lần nhường sau mới bước lên, do đó là rất tôn kính nhường nhịn vậy.

Vua sai quân sĩ ra tới biên cảnh (đón sứ giả nước khác), quan đại phu sắp đặt sẵn ở ngoài cửa thành. Vua thân ra đón tiếp ở ngoài cửa lớn mời vào miếu đường, mặt hướng về phương bắc bái chúc. Bái lệnh vua không cho là nhục mà là tỏ lòng rất kính trọng. Lòng kính trọng nhường nhịn ấy, các người quân tử dùng để giao tiếp với nhau. Cho nên nếu chư hầu mà lấy kính nhường để giao tiếp với nhau thì không có việc xâm lăng nhau nữa.

Nguyên văn:

子贡问于孔子曰：“敢问君子贵玉而贱者何也？为玉之寡而珉之多与？”

孔子曰：“非为珉之多，故贱之也；玉之寡，故贵之也。夫昔者君子比德于玉焉：温润而泽，仁也；缜密以栗，知也；廉而不刿，义也；垂之如队，礼也；叩之，其声清越以长，其终诐然，乐也；瑕不掩瑜，瑜不掩瑕，忠也；孚尹旁达，信也；气如白虹，天也；精神见于山川，地也；圭璋特达，德也；天下莫不贵者，道也。《诗》云：‘言念君子，温其如玉。’故君子贵之也。”

Phiên âm:

2. Tử Cống vấn ư Khổng Tử: "Cầm vấn quân tử quý ngọc nhi tiện dân giả hà dã? Vị ngọc chi quả nhi dân chi đa dư? Khổng Tử viết: "Phi vi dân chi đa cố tiện chi dã. Phù tích giả quân tử tử đức ư ngọc yên: ôn nhuận nhi trạch, nhân dã; diễm mật dĩ lật, trí dã; liêm nhi bất uế, nghĩa dã; thủy nhi nhu toại, lễ dã; khẩu chi kỳ thanh thanh việ dĩ trường, kỳ chung khuất nhiên, nhạc dã; hà bất yếm du, du bất yếm hà, trung dã; phu doãn bàng đạt, tín dã; khí như bạch hồng, thiên dã; tinh thần hiện ư sơn xuyên, địa dã; khuê chương đặc đạt, đức dã; thiên hạ mạc bất quý dã, đạo dã. "Thi" vân: 'Ngôn niệm quân tử, ôn kỳ như ngọc'. Cố quân tử quý chi dã".

Dịch nghĩa:**2. Tử Cống hỏi Khổng Tử:**

- Xin hỏi vì sao người quân tử lại quý ngọc mà coi khinh các loại đá khác? (1) Vì ngọc thì hiếm mà đá thì nhiều chăng?

Khổng Tử đáp:

- Không phải vì đá nhiều mà khinh, ngọc hiếm mà quý đâu. Bạc quân tử thời xưa tự so sánh đức độ của mình với ngọc: (ngọc) ôn nhuận mà trơn tru, đó là Nhân; (ngọc) phẳng mà cứng, đó là Trí; (ngọc) cứng mà khó làm nứt mẻ, đó là Nghĩa; (ngọc) rủ xuống mềm mại, đó là Lễ; (ngọc) gõ vào có tiếng trong kéo dài cuối cùng mới dừng, đó là Nhạc; (ngọc) có vết mà không che ánh sáng, ánh sáng cũng không che vết, đó là Trung; (ngọc) dùng làm vật tin nhau, đó là Tín; khí (của ngọc) như ráng trời nắng, đó là Trời; tinh thần (của ngọc) như núi non sông đầm, đó là Đất. dùng ngọc khuê sáng dâng lên, đó là Đức; trong thiên hạ không có gì quý bằng, đó là Đạo. Kinh Thi viết: 'Nhớ mãi người quân tử (có tính cách) ôn nhuận như ngọc vậy.' Cho nên quân tử quý ngọc là vậy.

Chú thích:

(1)- Nguyên văn chữ *dân* là một loại đá hơi giống ngọc.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI CHÍN

TANG PHỤC TỬ CHẾ

Chương này luận thuật về chế độ để tang phối hợp với bốn đức tính Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí nghĩa là chịu ảnh hưởng của học thuyết âm dương ngũ hành. Bốn âm dương gia đem học thuyết “Ngũ hành” (Mộc, Kim, Hỏa, Thủy, Thổ) phối hợp với “Ngũ thường” (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín) của nhà Nho. Nhưng sở dĩ chương này chỉ phối hợp với bốn đức tính Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí mà không có đức tính Tín vì căn cứ theo học thuyết ngũ hành, hành Thổ ở trung ương gồm đủ cả bốn hành kia như cái gọi là “Thổ vượng tứ quý” (bốn mùa Thổ đều hưng vượng), cũng như vậy bốn đức Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí đều lấy căn bản từ Tín, do đó chương này không luận tới Tín mà chỉ luận về Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Chúng tôi chỉ dịch đoạn tổng luận đầu tiên.

Nguyên văn: 丧服四制第四十九

凡礼之大体，体天地，法四时，则阴阳，顺人情，故谓之礼。訾之者，是不知礼之所由生也。

夫礼，吉凶异道，不得相干，取之阴阳也。丧有四制，变而从宜，取之四时也。有恩有理，有节有权，取之人情也。恩者仁也，理者义也，节者礼也，权者知也。仁、义、礼、

知，人道具矣。

其恩厚者其服重，故为父斩衰三年，以恩制者也。

门内之治，恩掩义；门外之治，义断恩。资于事父以事君，而敬同。贵贵尊尊，义之大者也。故为君亦斩衰三年，以义制者也。

三日而食，三月而沐，期而练，毁不灭性，不以死伤生也。丧不过三年，苴衰不补，坟墓不培；祥之日，鼓素琴，告民有终也，以节制者也。

Phiên âm:

Phàm lễ chi đại thể, thể thiên địa, pháp tứ thời, tác âm dương, thuận nhân tình, cố vị chi lễ. Tử chi giả, thì bất tri lễ chi sở do sinh dã. Phù lễ cát hung dị đạo, bất đắc tương can, thủ chi âm dương dã. Tang hữu tứ chế, biến nhi tòng nghi, thủ chi tứ thời dã. Hữu ân, hữu lý, hữu tiết, hữu quyền, thủ chi nhân tình dã. Ân giả nhân dã, lý giả nghĩa dã, tiết giả lễ dã, quyền giả trí dã. Nhân nghĩa lễ trí, nhân đạo câu hĩ.

Kỳ ân hậu giả kỳ phục trọng, cố vị phụ trăm thối tam niên, dĩ ân chế giả dã.

Môn nội chi trị ân yếm nghĩa, môn ngoại chitri nghĩa đoạn ân. Tư ư sự phụ dĩ sự quân, nhi kính đồng. Quý quý tôn tôn, nghĩa chi đại giả dã. Cố vị quân diệc trăm thối tam niên, dĩ nghĩa chế giả dã.

Tam nhật nhi thực, tam nguyệt nhi mộ, kỳ nhi luyện, hủ bất diệc tính, bất dĩ tử thương sinh dã. Tang bất quá tam niên, thư thời bất bổ, phần mộ bất bồi, tường chi nhật cổ tổ cấm, cáo dân hữu chung dã, dĩ tiết chế giả dã.

Dịch nghĩa:

Lễ là đại thể lớn, thể (của lễ) là trời đất, (lễ) bắt chước bốn mùa, lấy phép tắc là âm dương, thuận với tình người nên gọi là Lễ. Như người không biết Lễ thì không biết sống làm gì. Lễ dẫn đường cát hung, không cho vật này phạm vào vật nọ vì (Lễ) đã giữ được đạo Âm Dương. Tang lễ có bốn chế độ, thay đổi để thích nghi nên ứng vào bốn mùa, có Ấn, có Lý, có Tiết, có Quyền là ứng vào tình người. Người có Ân là Nhân vậy, người có Lý là Nghĩa vậy, người có Tiết là Lễ vậy, người có Quyền là Trí vậy. Nhân Nghĩa Lễ Trí, đạo người phải có đủ vậy.

Vì ân nặng nên tang phục cũng phải quan trọng, cho nên tang cha phải mặc áo “trảm thôi” (1) ba năm, ấy là chế độ thuộc về Ân đấy.

Bên trong (nhà) thì lấy Ân hơn Nghĩa, bên ngoài (nhà) thì lấy Nghĩa hơn Ân. Cho nên thờ cha cũng như thờ vua, đều phải kính như nhau. Quý trọng tôn kính, ấy là Nghĩa lớn lắm vậy. Cho nên vua chết cũng phải mặc áo “trảm thôi” ba năm, ấy là chế độ thuộc về Nghĩa đấy.

Ba ngày (sau tang) mới ăn, ba tháng (sau tang) mới tắm rửa, đến những ngày lễ phải ghi nhớ, tuy làm cho thân hình tiểu tiện nhưng không được mất hẳn tính chất, không vì tang (chết) mà làm hại đến sự sống. Để tang không quá ba năm, áo tang tuy rách nhưng không rách hoàn toàn, chỉ đắp phần mộ xong không đắp bồi bất cứ chỗ nào khác. Đến ngày đại tường (ngày dứt tang) thì cho gảy đàn báo với mọi người là đến tới ngày chấm dứt (để tang), ấy là chế độ

thuộc về Tiết đẩy.

Chú thích:

(1)- *Trảm thôi*: là một loại áo tang khi có trọng tang.

VÀI LỜI CUỐI BẢN DỊCH

Kinh Lễ là một kinh điển quan trọng của Nho gia, tuy truyền thuyết là do Khổng Tử san định và ghép vào “Ngũ kinh” nhưng theo hầu hết các học giả điều ấy khó có cơ sở thực tế.

Dịch Kinh Lễ là một điều can đảm quá sức của kẻ hậu học này, nhưng vì chút lòng ham học, nhất là vì thấy trên các kệ sách hiện nay có đủ hầu hết bản dịch các kinh điển Nho gia nhưng lại chưa có Kinh Lễ nên chúng tôi liều lĩnh tạm dịch ra bản trên đây, xin được chư vị tiền bối coi như một bản phác thảo, chính vì vậy mà chắc chắn nó sẽ có nhiều sai lạc, mong được chỉ chính.

*Viết ở Ngu Cốc, Gia Định
cuối năm Bính Tý.*

Hậu học

NGUYỄN TÔN NHAN

*

*

*

MỤC LỤC

Thay lời tựa	5
Truy nguyên nguồn gốc Kinh Lễ	7
Thuyết minh về bản dịch	12
Chương 1: Khúc Lễ (Thượng)	13
Chương 2: Khúc Lễ (Hạ)	44
Chương 3: Đàn Cung (Thượng)	46
Chương 4: Đàn Cung (Hạ)	70
Chương 5: Vương Chế	97
Chương 6: Nguyệt lệnh	100
Chương 7: Tăng Tử Vấn	105
Chương 8: Văn Vương Thế Tử	113
Chương 9: Lễ Vận	113
Chương 10: Lễ Khí	121
Chương 11: Giao Đặc Sinh	127
Chương 12: Nội Tắc	128
Chương 13: Ngọc Tảo	140
Chương 14: Minh Đường Vị	141
Chương 15: Tang Phục Tiểu Ký	146

Chương 16: Đại Truyền	148
Chương 17: Thiếu Nghi	150
Chương 18: Học Ký	154
Chương 19: Nhạc Ký	163
Chương 20: Tập Ký	186
Chương 21: Tập Ký (Hạ)	187
Chương 22: Tang Đại Ký	190
Chương 23: Tế Pháp	192
Chương 24: Tế Nghĩa	194
Chương 25: Tế Thống	201
Chương 26: Kinh Giải	210
Chương 27: Ai Công Ký	218
Chương 28: Trọng Ni Yến Cư	229
Chương 29: Khổng Tử Nhân Cư	234
Chương 30: Phòng Ký	239
Chương 31: Trung Dung	244
Chương 32: Biểu Ký	285
Chương 33: Tri Y	291
Chương 34: Bôn Tang	299
Chương 35: Vấn Tang	301
Chương 36: Phục Vấn	306

Chương 37: Gián truyện	307
Chương 38: Tam Niên Vấn	309
Chương 39: Thâm Y	313
Chương 40: Đầu Hồ	314
Chương 41: Nho Hạnh	315
Chương 42: Đại Học	335
Chương 43: Quan Nghĩa	355
Chương 44: Hôn Nghĩa	359
Chương 45: Hương Ẩm Tửu	368
Chương 46: Xạ Nghĩa	371
Chương 47: Yến Nghĩa	376
Chương 48: Sính Nghĩa	378
Chương 49: Tang Phục Tử Chế	382
Vài lời cuối bản dịch	386

*

* *

KINH LỄ

NGUYỄN TÔN NHAN dịch giải

Chịu trách nhiệm xuất bản:

DƯƠNG THU HỒNG

NGUYỄN VĂN LƯU

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NHẬT TUẤN

Biên tập:

DOAN TRẦN

In 1000 ° khổ 14,5 x 20,5 tại Xưởng in Phú Nhuận

Số đăng ký KHXB số: 3/36/CXB cấp ngày 12.1.1998

Số trích ngang 213/VHGP cấp 20.12.1998.

In xong và nộp lưu chiểu quý 2.1999



**CÁC TÁC PHẨM
VIẾT VỀ VĂN HÓA
TRUNG QUỐC
CÙNG MỘT TÁC GIẢ**

Đã in:

- ❖ 100 NHÂN VẬT NỔI TIẾNG NHẤT
VĂN HÓA TRUNG QUỐC
- ❖ 100 TÁC PHẨM NỔI TIẾNG NHẤT
VĂN HÓA TRUNG QUỐC
- ❖ LÃO TỬ, ĐẠO ĐỨC KINH
- ❖ TINH HOA GƯƠNG SÁNG CỔ NHÂN
- ❖ LIỆT TỬ, XUNG HƯ CHÂN KINH
- ❖ KINH LỄ

Đang in:

- ❖ TRANG TỬ, NAM HOA KINH
- ❖ 10 ÂM MƯU LỚN NHẤT
LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Sẽ in:

- ❖ TỪ ĐIỂN VĂN HỌC
CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

